Kinh Pháp Cú (với Tích chuyện & Chú thích) - Dhammapada Sutta {Việt Pali} (Narada dịch Anh; Phạm Kim Khánh dịc

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

KINH PHÁP CÚ DHAMMAPADA

Nguyên tác Pāli, bản dịch Việt ngữ cùng với câu chuyện dẫn tích tóm tắt và chú thích

Tác giả: Nārada Mahāthera Người dịch: Phạm Kim Khánh, 1971

KỲ VIÊN TỰ tái bản, 2003 E-mail: kyvientu@hcm.vnn.vn

Lưu ý: Đọc với phông chữ VU Times (Viet-Pali Unicode)

MỤC LỤC

[01] Yammaka Vagga Song Yếu (001-020)

[02] Appamāda Vagga Chuyên Niệm (021-032)

[03] Citta Vagga Tâm (033-043)

[04] Puppha Vagga Hoa (044-059)

[05] Bāla Vagga Cuồng Dại (060-075)

[06] Paṇṇdita Vagga Bậc Thiện Trí (076-089)

[07] Arahanta Vagga A-La-Hán (090-099)

[08] Sahassa Vagga Ngàn (100-115)

[09] Pāpa Vagga Ác (116-128)

[10] Daṇḍa Vagga Gậy gộc, hay hình phạt (129- 145)

[11] Jarā Vagga Tuổi già (146-156)

[12] Atta Vagga Tự ngã (157-166)

[13] Loka Vagga Thế Gian (167-178)

[14] Buddha Vagga Phật (179-196)

[15] Sukha Vagga Hạnh Phúc (197-208)

[16] Piya Vagga Tham Ái (209-220)

[17] Kodha Vagga Sân Hận (221-234)

[18] Mala Vagga Uế Trược, hay Ô Nhiễm (235- 255)

[19] Dhammattha Vagga Công Bằng, Chánh Hạnh (256- 272)

[20] Magga Vagga Con Đường (273-289)

[21] Pakiṇṇaka Vagga Tạp Lục (290-305)

[22] Niraya Vagga Khổ Cảnh (306-319)

[23] Nāga Vagga Voi (320-333)

[24] Taṇhā Vagga Ái Dục (334-359)

[25] Bhikkhu Vagga Tỳ-khưu (360-382)

[26] Brāhmaṇa Vagga Bà-La-Môn (383-423)

-ooOoo-

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ngài là bậc Ứng Cúng, Đấng Chánh Biến Tri

-ooOoo-

Lời mở đầu

Phật giáo thích hợp cho cả hai hạng người, đại chúng và trí thức. Phật giáo có sữa cho trẻ em mà cũng có thức ăn đầy đủ cho người khỏe mạnh. Phật giáo cung ứng một lối sống cho những Hội viên của Giáo hội Tăng già và một lối sống khác cho người tại gia cư sĩ. Trên tất cả, Phật giáo truyền bá con đường Giác ngộ duy nhứt.

Bao nhiêu những đặc điểm trên được diễn đạt đầy đủ trong quyển Kinh Pháp cú (Dhammapada) một trong ba mươi mốt quyển hợp thành Tam Tạng (Tipitaka) tức là ba cái giỏ chứa đựng tinh hoa của giáo lý nhà Phật.

Mỗi ai đi tìm chơn lý, dầu theo tín ngưỡng nào, đều có thể thấy hứng thú và bổ ích khi đọc quyển sách Trí Tuệ này. Thường xuyên suy niệm về những lời vàng ngọc chứa đựng trong ấy và đem ra thực hành trong đời sống hằng ngày, người nhiệt tâm hướng về đạo pháp có thể thâu hoạch một niềm vui tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những hạnh phúc trên thế gian và có thể đạt đến trạng thái tâm cao thượng để, duyên theo đó, tự thanh lọc thân tâm mình và cố gắng rọi sáng, làm cho người khác trở nên trong sạch, bằng gương lành và lời khuyên dạy thích nghi.

Kinh Pháp cú không phải là sách để đọc thoáng qua như một thiên tiểu thuyết, rồi kính cẩn xếp lại, để qua một bên. Phải đọc đi, đọc lại, và xem nó như người bạn cố tri, luôn luôn ở bên cạnh để đem lại cho ta nguồn cảm hứng, nguồn an ủi, để nâng đỡ, hộ trì, và cải thiện tâm linh ta, mỗi khi cần đến.

Đức Phật không giảng kinh Pháp Cú dưới hình thức ta thấy ngày nay. Ba tháng sau khi Ngài nhập Niết-bàn, chư Thinh Văn A-La-Hán tụ hợp trong kỳ triệu tập đầu tiên để nghe đọc lại những lời giáo huấn của Ngài, rồi kết tập lại thành chương những kim ngôn mỹ từ đầy thi vị mà Ngài đã truyền dạy trong nhiều trường hợp khác nhau, và gọi là Dhammapada, Pháp Cú Kinh.

Phạn ngữ Dhamma, Bắc phạn Dharma, là một danh từ khó phiên dịch ra ngôn ngữ khác, bởi vì có rất nhiều ý nghĩa. Ta phải hiểu theo đoạn văn. Ở đây - trong chữ Dhammapada - Dhamma là Phật ngôn, hay giáo huấn của Đức Phật. Pada bao hàm ý nghĩa tiết mục, đoạn, phần, hay đường lối. Vậy, Dhammapada có thể được hiểu là "những đoạn, hay những phần của Giáo Pháp", "Đường lối của Giáo Pháp". Cũng có vài học giả dịch là "Con đường của chơn lý", "Chánh tịnh đạo", "Con đường đạo hạnh".

Kinh Pháp Cú (Dhammapada) gồm 423 câu Pāli êm dịu mà Đức Phật đã đọc lên trong khoảng 300 trường hợp, trên đường hoằng pháp kéo dài bốn mươi lăm năm, để thích hợp với những tâm tánh khác nhau của người nghe. Bản chú giải đồ sộ của Đại đức Buddhaghosa trình bày đầy đủ các trường hợp nào Đức Phật đã dạy những lời cao quý ấy dưới hình thức câu chuyện dẫn tích, dài hay ngắn, cùng với lối giải thích cổ truyền bản văn Pāli và các danh từ chuyên môn.

Bản chú giải quý báu này được ông E. M.Burlinghame phiên dịch ra Anh ngữ cho loại sách Harward Oriental Series. Cũng nên ghi nhận rằng những câu chuyện dẫn tích ấy giúp người đọc thấu hiểu câu kệ dễ dàng và minh bạch hơn.

Chơn lý cao thượng nằm trong những câu Pháp cú thể hiện rõ ràng giáo huấn có tánh cách luân lý và triết học của Phật giáo.

Ngay hai câu đầu tiên đã vắn tắt trình bày hệ thống luân lý triết học của Phật giáo. Tầm quan trọng của Tâm - lấy tâm làm khuôn vàng thước ngọc để đo lường giá trị luân lý - định luật Nhơn quả (nghiệp báo) trong Phật giáo, vấn đề đau khổ và hạnh phúc, trách nhiệm cá nhân v.v... cùng với hai thí dụ lấy ngay trong đời sống quen thuộc hằng ngày, tất cả bấy nhiêu được diễn đạt trong hai câu song yếu. Tiếp theo là hai tích chuyện thích đáng để làm cho vấn đề thêm sáng tỏ. Ở hàng đầu của hai câu song yếu đầu tiên có vài điểm khó hiểu, đặt biệt là danh từ Dhamma mà bản chú giải đã dài dòng phân tách. Nhờ hai tích chuyện đi liền theo sau người đọc thông hiểu rõ ràng hơn.

Những câu có liên quan đến tâm sân và sự dập tắt lòng sân hận có một ý nghĩa đặc biệt giữa thời đại nguyên tử này. Sức mạnh chắc chắn phải đương đầu với sức mạnh. Bom đạn sẽ gặp bom đạn. Hận thù sẽ đối diện với hận thù. Báo oán, trả thù, không bao giờ đưa đến hòa bình, an tịnh. Lời Đức Phật khuyên dạy hàng tín đồ bất bạo động của Ngài là: "Sân hận không bao giờ dập tắt sân hận, chỉ có tình thương mới diệt tâm sân". Metta, tâm Từ, là giải đáp duy nhứt trước bom đạn của thời hiện đại.

Trình độ luân lý cao thượng mà Đức Phật ước mong những tín đồ lý tưởng của Ngài sẽ đạt đến cũng được mô tả trong vài câu. Hai câu cuối cùng của chương đầu cho thấy rõ thái độ của Đức Phật đối với lối học từ chương và pháp hành thực tiễn. Như vậy, Giáo Pháp được ví như chiếc thuyền để độ chúng sanh vượt qua đại dương của vòng luân hồi. Chỉ riêng câu cuối cùng cũng đủ cho trọn đời một thầy Tỳ-khưu lý tưởng.

Câu chuyện hoàng tử Nanda, người em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, hiển nhiên cho thấy làm cách nào Đức Phật dùng oai lực thần thông để biến đổi một thầy Tỳ-khưu có tinh thần ươn yếu, đang ôm ấp tham dục tai hại, trở thành một cá tánh trong sạch, một tinh thần tráng kiện.

Vì nặng lòng tôn kính Đức Phật, mặc dầu không vui, hoàng tử thọ lễ xuất gia ngay trong ngày lễ cưới của mình. Nhưng Tỳ-khưu Nanda luôn luôn tưởng nhớ vị tân nương của mình và không cố gắng tu hành. Thay vì áp dụng phương pháp răn dạy trực tiếp, Đức Phật sắp đặt một phương kế thực tiễn và hữu hiệu để đưa sự chú tâm của Tỳ-khưu Nanda về một đối tượng tương tợ, thoáng qua hình như đáng ưa thích hơn, và thành công làm cho vị này đắc quả A-La-Hán. Xem câu 13-14.

Hai chương đầu đề cập đến phần luân lý trong Phật giáo và được xem là đồng quan trọng cho cả hai đời sống, xuất gia và tại gia.

Chương hai là câu giải đáp hùng biện những lời chỉ trích Phật giáo là một "bàn tay chết", một tôn giáo thụ động, tiêu cực. Appamāda, một Phạn ngữ bao hàm ý nghĩa chú tâm, cẩn mật, thận trọng, trang nghiêm chuyên cần, giác tỉnh v.v... là tựa của chương 2.

Chính câu đầu tiên của chương này đã đổi hẳn tâm tánh vua A-Dục (Asoka), vị minh quân, trước kia có tên là Asoka con người tội lỗi, vì những hành động tàn bạo và ác độc của ông khi chưa biết Phật Pháp.

Đôi khi chỉ một câu nói giản dị như vừa kể trên, hay một hàng chữ đơn độc như "không nên tìm thỏa thích trong hương vị của thế gian mà phải trau dồi đời sống ẩn dật", hay chỉ vỏn vẹn một chữ có nhiều ý nghĩa như "chuyên cần", cũng đủ cho trọn một kiếp sống.

Câu 24, đề cập đến những nguyên nhân tạo nên tiến bộ vật chất, cho thấy rằng Phật giáo không hoàn toàn xuất thế, không đứng ngoài thế gian vật chất, như có vài lời chỉ trích vội vã có khuynh hướng làm cho người ta nghĩ như vậy.

Chương 3 có một ý nghĩa đặc biệt giúp ta thấu hiểu quan niệm của Phật giáo về tâm và tầm quan trọng của việc kiểm soát tâm.

Những chương Thân Ái, Hạnh Phúc, Khổ Cảnh, Ác, Thế Gian, Hoa, Cuồng Dại, Bậc Thiện Trí, Ái Dục v.v... tỏ ra rất hữu ích cho những ai còn say đắm dục lạc. Bản chất vô thường tạm bợ của khoái lạc vật chất và nếp sống phải có của ta trong một thế gian tương tợ cũng được chỉ dẫn trong chương này.

Những chương Phật, A-La-Hán, Bà-La-Môn sẽ đặc biệt thích hợp với những người có trình độ tinh thần cao. Các chương này mô tả tâm trạng của những nhơn vật thật sự giác ngộ.

Tuy nhiên, khi đã đọc qua những Phật ngôn vàng ngọc này, ta không nên tự mãn, cho đó là đủ. Phải đọc đi, đọc lại, suy niệm, cân nhắc cặn kẽ những câu kệ cũng như tích chuyện và rút tỉa những bài học thích đáng. Những chuyện tích hứng thú và xây dựng ấy mô tả rõ ràng tánh cách vĩ đại của Đức Phật, xem như vị giáo chủ bi, trí, dũng, luôn luôn sẵn sàng tế độ, phục vụ tất cả. Những kim ngôn mỹ từ ấy phải được áp dụng thật sự vào đời sống hằng ngày. Và chỉ đến chừng ấy ta mới có thể, một cách chơn thành và hữu lý, nói lên lời dạy trong kinh Pháp Cú: "Người thấm nhuần Giáo Pháp sống hạnh phúc".

Người đọc sẽ ghi nhận rằng Đức Phật dùng những chuyện ngụ ngôn rất giản dị để cho mọi người, chí đến các em bé, đều hiểu được. Như thí dụ cái bánh xe lăn theo chơn con bò kéo xe, bóng theo người, mái nhà khéo lợp, một làng đang say ngủ, ao hồ sâu thẳm và trong veo, hoa có hương thơm, ong hút mật v.v... Trí tuệ của Đức Phật đã tỏ rạng trong cách trình bày chơn lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà phiền phức.

Không có câu nào trong kinh Pháp Cú mà người cư sĩ không thể hiểu được.

Đức Phật thường áp dụng phương pháp giảng dạy trực tiếp. Đôi khi Ngài cũng dùng oai lực thần thông - không phải phép lạ - để rọi sáng cho những người kém trí tuệ hay cụ thể chứng minh một chơn lý. Xem những câu 146, 147, 148.

Đối với một ngư phủ tên Ariya, có nghĩa cao quý, chỉ bậc thánh nhơn, mà Đức Phật gặp trong khi ông ấy đang đánh cá, Ngài dạy: "Người sát hại sanh linh ắt không phải là bậc Ariya". Ngư phủ Ariya liền nhận thức hành động thấp hèn của mình và về sau trở thành Thánh nhơn, đúng theo ý nghĩa của danh từ Ariya, tên mình. Xem câu 270.

Trong kinh Pháp Cú có nhiều thí dụ cho thấy rằng không phải Đức Phật chỉ thuyết Pháp cho hàng trí thức mà cũng giảng dạy giáo lý cho các em nhỏ và trong trường hợp này, Ngài dùng những lời lẽ của chúng nó. Tất cả mọi người đều hiểu được Ngài. Xem câu 131.

Trong khi soạn thảo bản dịch này tôi có tham khảo - với nhiều lợi ích - những bài viết uyên thâm về kinh Pháp Cú của vị thầy tế độ khả kính của tôi, Đại đức P. Siri Vajiranāna Mahā Nāyaka Thera, bản dịch ra tiếng cổ Tích Lan và hầu hết tất cả các bản dịch ra Anh văn có thể thâu thập được. Tôi đã đặc biệt thận trọng để không tách rời khỏi bản chú giải cổ truyền.

Bản dịch kinh Pháp Cú được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1940 với lời tựa của Bác sĩ Cassius A. Pereira (nay là Đại đức Kassapa Thera). Về sau, hội "Mahabodi Society" ở Ấn có ấn hành hai lần bản duyệt lại. Một bản duyệt lại khác được loại sách "Wisdom of the East Series" phát hành với lời giới thiệu của Tiến sĩ E.J. Thomas vào năm 1954 và tái bản năm 1959. Trong bản in hiện tại đã có nhiều cải tiến, nhiều chú thích được thêm vào để giúp cho những ai chưa quen thuộc với giáo lý căn bản, và nhiều câu chuyện dẫn tích cũng được trình bày vắn tắt hầu làm cho câu Phật ngôn được sáng nghĩa hơn.

Tôi lấy làm cảm tạ ông S.W. Wijayatilaka, nguyên Hiệu trưởng trường Ananda College, Colombo, đã cẩn thận xem lại bản thảo của tôi và đã gợi cho tôi nhiều đề nghị quý giá.

Tôi cũng ghi ơn hai người đệ tử Việt Nam của tôi là cô Lê Thị Sanh (Jhāyīnī) và cô Cao Thị Cúc (Citrā) đã đánh máy bản thảo này.

Tôi cũng có lời tán dương ông Trương Đình Dzu, một luật sư Phật tử Việt Nam lỗi lạc, nguyên là Thống Đốc Đông Nam Á của Hội Rotary đã phát tâm bố thí trong sạch, gánh chịu tất cả tổn phí để ấn hành quyển sách Phật giáo cổ điển này.

Ước mong hành động tạo nhiều phước báu nầy đem lại cho Ông hạnh phúc trường cửu.

NĀRADA Jetavara Vihāra - Kỳ Viên Tự Sài Gòn, 14-7-1963.

-ooOoo-

Tiểu sử Đại-đức NARADA MAHA THERA (14/07/1898 - 02/10/1983)

Phạm Kim Khánh

Đại-đức NARADA MAHA THERA, người Tích-Lan, lúc thiếu thời học trường St Benedicte College. Vào năm 18 tuổi Ngài xuất gia và nhập chúng dưới sự dắt dẫn của vị Cao Tăng Pelene-

Vajiranyna, Đại lão Tăng. Chính ở dưới chân của vị Cao Tăng lỗi lạc này mà Đại-đức NARADA được đào luyện chu đáo và thấm nhuần Giáo Pháp. Kế đó Ngài vào Đại Học đường Tích-Lan và về sau được bổ làm Giảng Sư về môn Đạo Đức Học và Triết Học tại Đại Học này.

Đại-đức NARADA nổi tiếng về kiến thức sâu rộng, và nhứt là Đạo hạnh và Từ-Bi. Ngài là tác giả của nhiều quyển sách Phật Giáo có giá trị. Quyển "The Manual of Abhidhamma" (Vi-Diệu-Pháp Toát-Yếu) là bản dịch ra Anh văn phần uyên thâm nhứt của Giáo-lý nhà Phật.

Quyển "Dhammapada" (Kinh Pháp Cú) cũng được Ngài dịch ra Anh văn có phần chú giải. Còn quyển "The Buddha and His Teachings" (Đức Phật và Phật Pháp) là một tác phẩm xuất sắc của tác giả. Riêng quyển sau cùng này có thể được xem là sách căn bản cho ai muốn tìm hiểu Phật Giáo Nguyên Thủy. Ba quyển này đã được Hội Phật Giáo Nguyên Thủy Việt-Nam nhờ Ông Phạm Kim Khánh phiên dịch ra tiếng Việt.

Đại-đức NARADA đã nhiều lần đi vòng quanh thế giới với mục đích hoằng khai Phật Pháp. Ngài đến Việt-Nam lần đầu tiên năm 1936. Lần đó, Ngài ngụ tại Linh Sơn Tự ở Cầu Muối, Sài Gòn, và có trồng tại chùa này một cây Bồ Đề mà hiện nay vẫn còn sống. Năm 1952, Ngài trở qua Việt-Nam dâng cúng viên Ngọc Xá Lợi Phật đầu tiên tôn thờ tại Việt-Nam. Kể từ đó, hằng năm Hội Phật Giáo Nguyên Thủy Việt-Nam cung thỉnh Ngài sang Việt-Nam hoằng khai Đạo Pháp. Ngài đã tận tụy giảng dạy Giáo Lý của Đức Thế Tôn cho Phật tử Việt-Nam, và đã lần lượt dâng cúng các Ngọc Xá Lợi Phật tôn thờ tại Kỳ Viên Tự, Chùa Xá Lợi tại Sài Gòn, Thích Ca Phật Đài tại Vũng Tàu, Nha Trang, Vĩnh Long, Phật Đường Tự thuộc môn phái Phật Giáo Tứ Ân ở Phú Lâm và sau cùng ở Linh Sơn Tự, Cầu Muối, Sài Gòn. Ngài luôn luôn sát cánh với Phật tử Việt-Nam trong mùa Pháp nạn năm 1963. Nhờ sự tích cực can thiệp của Ngài trên thế giới, một phái đoàn Quốc Tế do Bác-sĩ Malaka Sekera, người Tích-Lan hướng dẫn đã được cử đến Việt-Nam điều tra trong mùa Pháp nạn này. Đại-đức NARADA đã rời Việt-Nam lần cuối cùng vào cuối tháng Ba dương lịch, năm 1975.

Ở khắp thế giới, Ngài nói lên tiếng nói trung thực của Giáo Pháp, tức là lời dạy rõ ràng và minh bạch của Đức Phật. Ngài đã được liệt vào hàng sứ giả tiền phong của Đạo Phật,

mở đường dọn lối cho những sứ giả khác.

Đại-đức NARADA cũng là người sáng lập ra nhiều Trung Tâm và Hiệp Hội Phật Giáo Á-Đông cũng như ở Tây Phương. Ngài là Tăng Trưởng của Chùa VAJIRAMA ở Tích-Lan và là một Pháp Sư nổi tiếng khắp nơi, chí đến trong chốn bình dân.

Ngài viên tịch ngày 02-10-1983 tại Colombo, thủ đô Sri Lanka (Tích-Lan), hưởng thọ 85 tuổi.

(Trích quyển "Kinh Pháp Cú", Phạm Kim Khánh dịch, Paris 1984)

-ooOoo-

1. SONG YẾU - YAMAKA(1) VAGGA

Làm ác gặp dữ

1. Manopubbaṅgamā dhammā 2 - 1. Tâm dẫn đầu các tâm manoseṭṭhā manomayā sở (bất thiện) 3. Tâm là chủ. Tâm tạo tất cả (các Manasā ce paduṭṭhena - bhāsati tâm sở bất thiện). Nếu vā karoti vā nói hay làm với tâm ác, do đó, đau khổ sẽ theo Tato naṁ dukkhamanveti - liền với ta như bánh xe cakkam'vā vahato padaṁ. lăn theo dấu chơn con bò (kéo xe) 1.

Tích chuyện

Một người đứng tuổi có tâm đạo nhiệt thành, tên Cakkhupāla, xuất gia theo Đức Phật và tận lực chuyên cần tu niệm. Nếp sống kiên trì cố gắng sớm đưa vị Tỳ-khưu chơn chánh ấy đến đạo quả A- La-Hán 4, từng thánh cùng tột. Nhưng không may, Ngài bị mù hai mắt.

Ngày kia, khi đi kinh hành, Ngài vô tình làm chết nhiều côn trùng. Vài vị Tỳ-khưu ở nơi khác đến viếng, thấy có dấu máu trên đường kinh hành, mách với Đức Phật rằng Ngài đã phạm giới sát sanh. Đức Phật giải thích rằng Đại đức Cakkhupāla đã đắc quả A-La-Hán, không cố ý mà chỉ vô tình làm chết những côn trùng ấy.

Lúc bấy giờ các vị Tỳ-khưu muốn biết tại sao Đại đức Cakkhupāla lại phải bị mù.

Đức Phật thuật rằng trong một kiếp sống trước kia, làm lương y, chính Đại đức Cakkhupāla có chữa bệnh đau mắt cho một thiếu phụ nghèo. Bà hứa đến lúc khỏi bệnh, bà và con gái bà sẽ về làm công trong nhà ông lương y. Thuốc quả thật công hiệu, nhưng bà không giữ lời hứa, viện lẽ rằng mắt bà còn tệ hơn trước. Vị lương y ác độc liền nảy sanh một ý tưởng tội lỗi. Để trả thù, ông cho thiếu phụ nghèo một thứ thuốc làm mù luôn cả hai mắt. Do nghiệp ác trong quá khứ, tuy vị Tỳ-khưu đã đắc quả A-La-Hán, vẫn phải mang tật mù.

Đây là phương diện nhân quả tương xứng (gieo giống nào thì gặt giống nấy) của định luật Nghiệp báo. Còn một phương diện nữa là quả trổ liên tục (như một nhà bác học, thâu thập kiến thức trong đời sống, đến lúc chết và tái sanh, những kiến thức ấy là nhân sanh quả trong kiếp sống mới).

Một vị A-La-Hán, dầu đã thanh lọc mọi ô nhiễm, vẫn còn phải gặt hái những quả mà chính Ngài đã gieo trong quá khứ xa xôi.

Chư Phật và chư vị A-La-Hán không còn tạo nghiệp mới vì các Ngài đã tận diệt mọi căn cội - vô minh và ái dục - nhưng, cũng như tất cả chúng sanh khác, các Ngài không thể tránh khỏi hậu quả dĩ nhiên của những hành động, tốt và xấu, của chính các Ngài trong quá khứ.

Chú thích

1. Yamaka - có nghĩa là một cặp, một đôi. Chương, hay phẩm (Vagga), này gọi là Yamaka vì gồm mười cặp những câu song song.

2. Dhamma - là một danh từ có rất nhiều ý nghĩa, thường được dịch là Pháp. Trong hai câu Pháp cú đầu tiên này, dhamma có nghĩa là nghiệp (kamma hay karma), tức là tác ý

(cetanā) và những tâm sở khác cùng nằm chung trong một loại tâm nào đó, thiện hay bất thiện. Như trường hợp câu đầu thì dhamma là những tâm sở (cetasika) xấu, bất thiện. Nếu không có tâm hay thức tức nhiên các tâm sở ấy không thể phát sanh. Do đó tâm là cái đến trước, tâm dẫn đầu tất cả những tâm sở thiện và bất thiện. Trong các tâm sở, (cetanā) hay tác ý là quan trọng hơn hết. Chính tác ý (cetanā) tạo nghiệp bởi vì, như Đức Phật dạy: "Như Lai tuyên bố, chính tác ý là Nghiệp".

Tâm dẫn đầu mọi hành động và tác dụng như thành phần chánh yếu trong khi tác hành, cũng như trong khi quyết định hoạt động. Chính tâm điều khiển và tạo tác hành động, bằng Thân, Khẩu, hay Ý.

Trong cặp song yếu này Đức Phật nhấn mạnh vào vai trò rất quan trọng của tâm trong đời sống con người, và từ đó, Đức Phật giải thích bằng cách nào hành động có thể trở nên tốt hay xấu, thiện hay bất thiện, tùy theo trạng thái tâm. Cuối cùng Ngài nhắc đến những hậu quả dĩ nhiên phải có của những hành động tương tợ và nêu lên hai thí dụ điển hình.

3. "Sự vật đi theo tâm" - Bà Rhys Davids.

"Bản chất (tinh thần) là kết quả của những gì ta tư tưởng" - Radhakrishnan.

"Chúng ta như thế nào, tất cả đều là hậu quả của những gì chúng ta tư tưởng". - Irving Babbit.

4. A-La-Hán - Arahat, đúng theo nghĩa uyên nguyên của danh từ, là Ứng Cúng, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường, hay bậc hoàn toàn Trong Sạch, vì đã tận diệt mọi khát vọng. Bậc A-La-Hán không còn tích trữ nghiệp mới vì đã diệt trừ trọn vẹn Tham, Sân, Si. Ngài đã chấm dứt cả sanh lẫn tử. Ngài còn có thể gặt hái quả lành hay dữ của nghiệp đã tạo trong quá khứ cho đến hết kiếp sống cuối cùng.

Hành thiện gặp lành

2. Manopubbaṅgamā dhammā 1 2. Tâm dẫn đầu các tâm manoseṭṭhā manomyā sở (thiện). Tâm là chủ. Tâm tạo tất cả (các tâm Manasā ce pasannena bhāsati vā sở thiện).

Nếu nói hay karoti vā làm với tâm trong sạch, do đó, hạnh phúc sẽ Tato naṁ sukhamanveti - chāyā'va theo liền với ta như anapāyinī. bóng không bao giờ rời (hình) 2 2.

Tích chuyện

Maṭṭakuṇḍali là con trai duy nhứt của một nhà triệu phú keo kiết. Hôm nọ chàng lâm trọng bệnh và sắp chết đến nơi vì ông cha triệu phú của chàng không nỡ tiêu xài món tiền để rước lương y điều trị. Với thiên nhãn, Đức Phật nhận thấy cảnh trạng đau thương của chàng trai đang hấp hối và xuất hiện trước chàng. Người thanh niên lấy làm hoan hỉ được chính mắt chiêm ngưỡng dung nhan Đức Phật và trút hơi trở cuối cùng với tâm trong sạch, đầy niềm tin tưởng nơi Ngài. Chàng tái sanh vào cảnh Trời.

Chú thích

1. Riêng trong câu này danh từ dhamma hàm ý nghĩa nghiệp tốt (hành động thiện).

2. Đức Phật truyền dạy hai câu song yếu này trong hai trường hợp khác nhau để chỉ rõ hậu quả dĩ nhiên phải có của những hành động, tốt cũng như xấu.

Con người gặt hái những gì đã gieo trong quá khứ hay đang gieo trong hiện tại. Cái mà con người đang gieo bây giờ, con người phải gặt hái, hoặc ngay trong hiện tại hoặc một lúc nào trong vị lai, vào một cơ hội thích ứng. Chính con người lãnh lấy trách nhiệm tạo cho mình hạnh phúc hay khốn cùng. Con người tạo cho mình thiên đàng hay địa ngục. Con người xây dựng số phận cho chính mình. Cái mà con người làm ra, hợp lại, con người có thể phá tan, tháo mở ra được.

Phật giáo giảng dạy trách nhiệm của mỗi người đối với chính mình, và tánh cách dĩ nhiên phải có, không thể lẩn tránh, của định luật nhân quả.

Ta gặt hái tương xứng với cái gì mà ta đã gieo. Nhưng không bắt buộc phải gặt hết tất cả hậu quả của những gì đã gieo. Nếu phải gặt hái tất cả ắt không thể có giải thoát.

Trả thù báo oán, không dẫn đến an tịnh

3. Akkocchi mam avadhi 3."Nó lăng mạ tôi, đánh đập maṁ-ajini maṁ ahāsi me tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt của tôi", lòng sân hận không Ye taṁ upanayhanti - veraṁ nguôi trong tâm của người tesaṁ na sammati còn ôm ấp những ý tưởng tương tợ. 3. 4. Akkocchi maṁ avadhi maṁ ajini maṁ ahāsi me 4."Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt Ye taṁ na upanayhanti của tôi", lòng sân sẽ nguôi veraṁ tesūpasammati ngoai trong tâm của người không ôm ấp những ý tưởng tương tợ. 4.

Tích chuyện

Đại đức Tissa ỷ mình là em họ Đức Phật nên không tôn trọng các vị sư cao hạ khác. Khi các vị này chỉ dạy để sửa sai hạnh kiểm lầm lạc ấy thì Đại đức Tissa cảm thấy tự ái bị tổn thương, đến than phiền với Đức Phật. Đức Phật biết rõ mọi chuyện, khuyên nhủ Đại đức Tissa nên sám hối, nhưng Đại đức Tissa không nghe. Lúc bấy giờ Đức Phật thuật một câu chuyện nhắc lại rằng trong tiền kiếp có lần Đại đức Tissa đã hành động tương tợ. Về sau Đại đức Tissa chịu nghe lời dạy của Đức Phật, đến xin sám hối với các

vị sư cao hạ.

Chú thích

Đức Phật hằng khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán mà phải hành pháp nhẫn nại, luôn luôn, trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác, mặc dầu trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Trong quyển Pháp Cú này có nhiều trường hợp cho thấy rằng Đức Phật luôn luôn hành pháp nhẫn nại, dầu lắm khi Ngài cũng bị chỉ trích thậm tệ, bị chưởi mắng và bị tấn công. Nhẫn nại không bao giờ là dấu hiệu của sự ương hèn yếu kém, hay chủ bại, đầu hàng, mà trái lại là sức mạnh bất khuất của con người tự chủ.

Tình thương chinh phục được lòng sân hận

5. Na hi verena verāni - 5. Trên thế gian này, sân sammantī'dha kudācanaṁ hận không bao giờ dập tắt sân hận. Duy có tình thương Averena ca sammanti - esa 1 mới diệt tâm sân. Đó là

dhammo sanantano. định luật trường cửu 2. 5.

Tích chuyện

Người kia có hai vợ. Một có con và một không. Bà không con đem lòng ganh tỵ, trộn thuốc độc vào thức ăn của bà kia, hại bà này hai lần hư thai. Đến lần thứ ba, thuốc độc làm cho bà đang có mang cùng chết với đứa bé trong lòng và với tâm cương quyết báo oán cho cả hai mẹ con. Rồi bà thực hành ý định. Bà nọ, bị trả thù, cũng quyết tâm trả lại thù. Và như thế ấy thù oán trả qua trả lại, hết bà này đến bà kia, qua lại trong hai kiếp sống liên tục. Tuy nhiên, đến kiếp tái sanh thứ ba, cơ hội đưa đẩy hai bà cùng đến gặp Đức Phật và sau đó nhờ Ngài khuyên giải, chấm dứt hận thù.

Chú thích

1. Tình thương - avera, đúng nghĩa của danh từ, là không sân hận. Ở đây, danh từ avera chỉ đức tánh trái nghịch với tâm sân, tức tâm Từ (Mettā).

2. Định luật trường cửu - sanantana, một nguyên tắc thời xưa mà Đức Phật và hàng môn đệ của Ngài cùng theo. (Chú giải).

Tư tưởng chơn chánh chấm dứt những mối bất hòa

6. Pare ca na vijānanti - 6. Người khác 1 nào biết rằng mayamettha yamāmase trong cuộc tranh luận này ta sẽ chết 2 . Những ai nhận định Ye ca tattha vijānanti - được điều ấy sẽ, nhờ đó, làm êm tato sammanti medhagā. dịu cuộc tranh luận của mình. 3 6.

Tích chuyện

Một câu chuyện xích mích thường tình giữa các thầy Tỳ-khưu đưa đến cuộc tranh chấp bất hạnh. Những nhà sư có tánh gây gổ không chịu nghe lời khuyên giải. Cho đến những lời phân xử của Đức Phật cũng không giảng hòa được các thầy. Sau cùng, Đức Phật bỏ vào rừng, nhập hạ luôn trong ấy. Do áp lực của các thiện tín cư sĩ các thầy phải đi tìm Đức Phật, xin sám hối, và thỉnh Ngài về. Lúc bấy giờ Đức Phật tuyên ngôn lời dạy

trên.

Chú thích

1. Người khác - những người có tánh ưa tranh chấp, gây gổ.

2. Yamāmase - do căn yam, có nghĩa chết, hay tự chế.

3. Có thể phiên dịch phần đầu câu như sau:

- Những người khác không biết rằng ở đây ta phải tự chế. - "Thế gian không biết rằng tất cả chúng ta đều phải chấm dứt nơi đây". -- Max Muller. - "Người ta không phân biệt được rằng ở đây chúng ta bị thâu hẹp (giới hạn) trong kiếp sống, trong thời gian". -- Bà Rhys Davids

Người yếu bị sa ngã trước sự cám dỗ người mạnh thì không

7. Subhānupassim viharantam - 7. Người hằng suy indriyesu asamvutam tưởng đến lạc thú 1, lục căn không thu thúc, ẩm Bhojanamhi amattaññum - kusītaṁ thực vô độ, dã dượi, dễ hīnavīriyaṁ duôi, người ấy chắc chắn sẽ bị Ma Vương 2 Taṁ ve pasahati māro - vāto lôi cuốn, không khác rukkham'va dubbalaṁ. nào gió (cuốn) cội cây mềm. 7. 8. Asubhānupassiṁ viharantaṁ indriyesu susaṁvutaṁ 8. Người hằng suy niệm về những "uế Bhojanamhi ca mattaññuṁ - trược 3", thu thúc lục saddhaṁ āraddhavīriyaṁ căn, ẩm thực độ lượng, niềm tin vững chắc 4, Taṁ ve nappasahati māro -vāto se kiên trì tinh tấn, người lamva pabbattaṁ ấy, Ma Vương không hề lôi cuốn, như gió (không thể cuốn) thạch sơn 5. 8.

Tích chuyện

Hai anh em xuất gia theo Đức Phật. Anh nhiệt tâm tu hành, em không tin tưởng. Nhà sư trẻ, kém niềm tin, luôn luôn tưởng nhớ đến dục lạc và sa ngã trước sự khuyến dụ của những bà trước kia là vợ thầy. Trái lại, vị Tỳ-khưu lớn tuổi thì kiên trì cố gắng và đắc quả A-La-Hán. Các bà trước kia là vợ Ngài hết lòng đưa đẩy Ngài vào trong trụy lạc nhưng đều thất bại.

Chú thích

1. - Suy tưởng đến lạc thú - ham muốn những lạc thú.

2. - Ma Vương - Theo Phật giáo, có năm loại Ma Vương là: Uẩn (Khandha), Hành Động thiện và bất thiện (abhisankhāra), Chết (Maccu), Dục Vọng (Kilesa) và Trời Ma Vương (Devaputta). Ở đây danh từ Ma Vương được dùng theo nghĩa dục vọng.

3. - Uế trược - ba mươi hai ô trược của thể xác, như tóc, lông, móng tay, móng chơn, răng, da v.v... Suy niệm về các ô trược của thể xác là đề mục hành thiền thích ứng để chế ngự lòng tham ái.

4. - Niềm tin - saddhā, là niềm tin tưởng nơi Phật (Đạo Sư), Pháp (Giáo huấn) và Tăng (Giáo hội), một niềm tin căn cứ trên sự hiểu biết. Không có đức tin mù quáng trong Phật giáo. Không có sự chấp nhận suông điều gì do đức tin không suy luận.

5. - Hai câu này chỉ để dạy chư vị Tỳ-khưu, những người đã chú nguyện sống đời Phạm hạnh thiêng liêng. Câu đầu, chỉ con đường vật chất, thỏa mãn nhục dục; câu nhì, con đường tinh thần, tự chế, tự kiểm và phạm hạnh. Nên nhận định rằng Phật giáo cung ứng một lối sống cho hàng xuất gia và một lối khác cho người tại gia cư sĩ.

Người trong sạch đáng mặc y vàng (áo cà sa), người ô nhiễm thì không xứng

9. Anikkasāvo kāsāvaṁ - yo 9. Người đắp y vàng 1 mà vatthaṁ paridahessati không hoàn toàn trong sạch, không tự chế, và Apeto damasaccena - na so không chơn thật, thì kāsāvam arahati. không xứng mặc y. 9.

10. Yo ca vantakasāv' assa - 10. Đã thanh lọc mọi sīlesu susamāhito nhiễm ô, giới đức kiên trì, tự chế chặt chẽ và chơn Upeto damasaccena - sa ve thật, người ấy quả xứng kāsāvam arahati. đắp y vàng. 10.

Tích chuyện

Phần đông thiện tín ưng thuận dâng một bộ y quý giá đến Đại đức Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) thay vì dâng đến Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) vị đại đệ tử của Đức Phật. Một vài thiện tín có tâm đạo, thấy Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) đắp y, lưu ý rằng thầy không xứng đáng được danh dự ấy. Nhơn cơ hội, Đức Phật dạy rằng trong một tiền kiếp thầy đã hành động tương tợ và giải thích ai là người xứng đáng khoác lên mình bộ y vàng, tượng trưng cho bậc Thinh văn đệ tử.

Chú thích

1. Y vàng, hay áo cà sa - Kasāva, là những bợn nhơ của dục vọng. Kasāva cũng có nghĩa là bộ y nhuộm vàng, hay áo càsa, một sắc tướng tượng trưng hạnh từ khước, dứt bỏ, xuất gia. Nhuộm y màu vàng để cho bộ y hết đẹp, không còn giá trị vật chất. Ở đây là một lối chơi chữ. Sắc tướng bên ngoài của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh không có nghĩa lý gì nếu không có sự trong sạch bên trong. Trong một trường hợp khác Đức Phật ghi nhận rằng con người trong sạch chính thật là người ẩn dật lý tưởng hay Tỳ-khưu (bhikkhu), dầu bên ngoài, sắc tướng như thế nào đi nữa. (xem câu 142).

Tri kiến chơn chánh dẫn đến chứng ngộ chơn lý

11. Asāre sāramatino - 11. Không chánh yếu, tưởng Sāre cāsāradassino là chánh yếu 1. Chánh yếu, lại thấy không chánh yếu. Ai duy Te sāraṁ nādhigacchanti - trì những ý tưởng sai lạc 2 (tương tợ) không bao giờ Micchāsaṅkappagocarā. nhận thức tinh hoa. 11.

12. Sāran ca sārato ñatvā - 12. Điều chánh yếu, xem là asārañ ca asārato chánh yếu. Không chánh yếu, xem là không chánh yếu. Ai Te sāraṁ adhigacchanti - bảo tồn ý tưởng chơn chánh 3 sammā saṅkappagoccarā. (tương tợ) sẽ nhận thức tinh hoa. 12.

Tích chuyện

Hai vị Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) và Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) bạch với Đức Phật rằng hai Ngài không thể thuyết phục được ông thầy của mình trước kia đến gặp Đức Phật và nghe giáo Pháp vì vị này còn quá luyến ái tín đồ. Nhơn cơ hội, Đức Phật

giải thích sự khác biệt giữa những

người suy luận chơn chánh và những người suy luận sai lầm và hậu quả dĩ nhiên của mỗi lối suy luận.

Chú thích

1. Chánh yếu sāra là cái lõi cây, hay tinh hoa. Asāra là những gì không chánh yếu như nhu cầu của đời sống, tà kiếm v.v... Sāra là những gì chánh yếu như chánh kiến (sammā diṭṭhi), giới (sīla), định (samādhi), tuệ (pannā) v.v... Không thể thành tựu được tinh hoa của đời sống thiêng liêng đạo hạnh bằng cách sai lầm xem cái không chánh yếu là chánh yếu. Cái chánh yếu lại coi không chánh yếu.

Trong kinh Mahā Sāropama Sutta (Majjhima Nikāya, số 29) Đức Phật so sánh lá và cành của cây với lợi lộc và danh vọng, vỏ cây như giới, thân cây bọc ngoài cái lõi như định, trái cây như năm phép thần thông (abhiññā) và lõi cây như đạo quả A-La-Hán.

2. Ý tưởng sai lạc - như tham dục (kāma), sân hận hay ác ý (vyāpāda), và hung bạo (vihiṁsā).

3. Ý tưởng chơn chánh - như xuất gia, từ khước, tức không luyến ái (nekkhamma), thiện ý hay tâm Từ (avyāpāda), và dịu hiền, tức không hung bạo (avihiṁsā).

Những tư tưởng trong sạch này gồm thành chi thứ nhì của Bát Chánh Đạo, chánh tư duy.

Tham dục đâm thủng tâm người không trau giồi, nhưng không thể gây tổn hại đến tâm người thuần thục

13. Yathā'gāraṁ ducchannaṁ - 13. Như nước mưa thấm vuṭṭhi samativijjhati dột vào căn nhà lợp vụng, dường thế ấy, Evaṁ abhāvitaṁ cittaṁ - rāgo tham ái thấm nhuần tâm samativijjhati. kém thuần thục. 13.

14. Yathā'gāraṁ succhannaṁ - 14. Như nước mưa vuṭṭhi na samativijjhati không thấm dột vào căn nhà khéo lợp, dường thế Evaṁ subhāvitaṁ cittaṁ - rāgo ấy, tham ái không thấm na samativijjhati. nhuần tâm phát triển đầy đủ 1. 14.

Tích chuyện

Hoàng tử Nanda, em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, xuất gia theo Đức Phật ngay trong ngày lễ cưới của ông. Thay vì cố gắng hành thiền, Tỳ-khưu Nanda luôn luôn tưởng nhớ đến bà vợ chưa cưới. Đức Phật dùng một phương pháp hữu hiệu giúp thầy lìa bỏ những tư tưởng tham dục trước kia và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật ví tâm trạng tham dục như mái nhà lá lợp không kỹ và trạng thái trong sạch sau này của Ngài Nanda như mái nhà khéo lợp.

Chú thích

1. Tâm phát triển đầy đủ - Bhāvitam, đúng nghĩa uyên nguyên của danh từ, là làm cho trở thành, tức là đào luyện bằng thiền định, phương pháp gom tâm an trụ vào một điểm và trở nên an tịnh. Tâm cũng được rèn luyện bằng phương pháp suy niệm, đưa

đến tri kiến, thông suốt bản chất thật sự của sự vật, hiểu sự vật như thực, chứng ngộ chơn tướng của

sự vật. Mục tiêu cứu cánh của Phật giáo là thành tựu hai từng tâm phát triển ấy. Thể dục đối với thể xác như thế nào thì công trình hành thiền đối với tâm cũng như thế ấy. Một cái tâm đã thuần thục không còn dễ gì bị dục vọng chế ngự.

Người làm ác chịu đau khổ ở đây và sau đây

15. Idha socati pecca socati 15. Ở đây sầu muộn 1. Sau đây sầu muộn 2. Trong cả hai trạng Pāpakārī ubhayattha socati thái người hành ác đều sầu muộn. Sầu muộn, phiền khổ, vì So socati so vihaññati disvā nhận thức tánh cách nhiễm ô kammakiliṭṭham attano. của chính hành động mình. 15.

Tích chuyện

Một người đồ tể, suốt đời sanh sống bằng cách giết heo, phải chịu đau khổ cùng cực trong những ngày cuối cùng của anh. Trước khi lìa trần anh phải lăn lộn trên sàn nhà, kêu la rên siết vô cùng thảm hại, giống như một con heo bị đem ra làm thịt. Chết, anh tái sanh vào khổ hạnh.

Chú thích

1. Trong hiện tại người làm ác đau khổ, về tinh thần, vì ăn năn hối hận những điều xấu xa đã làm.

2. Trong tương lai người làm ác phải gặt hái quả dữ của những hành động xấu.

Người hành thiện có hạnh phúc, ở đây và sau đây

16. Idha modati pecca 16. Ở đây hoan hỉ 1 . Sau đây modati - katapuñño hoan hỉ 2 . Trong cả hai trạng ubhayattha modati thái người hành thiện đều hoan hỉ. Hoan hỉ, vô cùng So modati so pamodati - hoan hỉ, vì nhận thức tính disvā cách trong sạch của chính kammavisuddhamattano. hành động mình. 16.

Tích chuyện

Một người có tâm đạo nhiệt thành và có đời sống đạo hạnh đang hấp hối trên giường chết, thỏa thích nhìn thấy những cảnh trạng hạnh phúc 3. Sau khi trút hơi thở cuối cùng một cách an vui người ấy tái sanh vào nhàn cảnh 4.

Chú thích

1. Ở đây hoan hỉ - khi suy niệm về những hành động tốt của mình.

2. Sau đây hoan hỉ - khi gặt hái những quả lành, đáng được ưa thích, của hành động mình trong quá khứ.

3. Theo Phật giáo, kiếp tái sanh sắp tới được quyết định do tiến trình tư tưởng cuối cùng của người sắp lâm chung.

4. Nhàn cảnh - người Phật tử không tin rằng quả địa cầu này là cảnh giới duy nhứt và loài người là chúng sanh duy nhứt. Có nhiều cảnh giới, còn chúng sanh thì vô số kể. Sau khi chết ta có thể tái sanh làm người hoặc vào một trạng thái cao hơn, cảnh Trời, tùy theo hành động của chính ta. Cái được gọi là chúng sanh, trong kiếp sống kế, không phải hoàn toàn giống như chúng sanh trước (vì đã đổi thay) nhưng cũng không tuyệt đối là khác (vì cả hai đều nằm trong một luồng sống). Phật giáo phủ nhận một chúng sanh trước sau như nhứt, nhưng xác nhận có một tiến trình trước cũng như sau.

Người làm ác than van ở đây và sau đây

17. Idha tappati pecca 17. Ở đây đau khổ. Sau đây đau tappati - pāpakārī khổ. Trong cả hai trạng thái, ubhayattha tappati người hành ác đều chịu khổ, "Ta đã làm điều ác", (nghĩ như Pāpaṁ me katan ti tappati thế) người ấy khổ. Về sau, - bhiyyo tappati duggatiṁ người ấy còn đau khổ vì phải gato. lâm vào khổ cảnh 1. 17.

Tích chuyện

Đại đức Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) âm mưu sát hại Đức Phật, nhưng thất bại. Đến khi già yếu, thầy ăn năn hối hận và mong muốn được yết kiến Đức Phật. Trong khi người ta khiêng thầy đi thì thầy chết một cách vô cùng thảm hại đau thương.

Chú thích

1. Khổ cảnh - Duggati, là một trạng thái đau khổ. Sugati là trạng thái hạnh phúc, nhàn cảnh. Kiếp sống trong những trạng thái này chỉ tạm bợ, nhứt thời. Sống trong một thời gian rồi lại chết và tái sanh nữa.

Người sống chơn chánh được hạnh phúc

18. Idha nandati pecca 18. Ở đây hạnh phúc. Sau đây nandati - katapuñño hạnh phúc. Trong cả hai trạng ubhayattha nandati thái người hành thiện đều được hạnh phúc. "Ta đã làm Puññaṁ me katan ti nandati điều thiện" (nghĩ như thế) - bhiyyo nandati suggatiṁ người ấy có hạnh phúc. Về gato. sau, vào nhàn cảnh, người ấy còn hưởng hạnh phúc. 18.

Tích chuyện

Sumanā là con gái út của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), vị đại thí chủ thời Đức Phật. Trong giờ lâm chung, cô gọi cha là "em" và chết một cách an lành. Ông cha lấy làm buồn nghe con mình - vốn có tâm đạo nhiệt thành - nói những lời không có ý nghĩa trong giờ phút quan trọng như vậy. Khi ông bạch lại với Đức Phật thì Ngài giải thích rằng sở dĩ cô gái út của ông gọi ông bằng (em) là vì cô đã đắc quả Tư-Đà-Hàm (Sakadāgāmi, Nhứt Lai) còn ông thì chỉ đắc quả Tu-Đà-Huờn (Sotāpatti, Nhập Lưu).

Học mà không hành thì vô bổ

19. Bahum pi ce sahitaṁ 19. Dầu thông suốt Kinh bhāsamāno - na takkaro hoti Luật 1 mà không hành đúng naro pamatto (lời dạy), con người dể duôi ấy tựa như mục đồng, Gopo'va gāvo gaṇayaṁ đếm bò của kẻ khác. Người paresaṁ na bhāgavā ấy không hưởng được quả sāmaññassa hoti. vị 2 của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh 3. 19. 20.

Appam pi ce sahitaṁ bhāsamāno dhammassa hoti 20. - Dầu ít thuộc Kinh Luật anudhamma cāri nhưng hành đúng lời giáo huấn, từ bỏ tham, sân, si, Rāgañ ca dosañ ca pahāya hiểu biết chơn chánh, tâm mohaṁ sammappajāno siêu thoát, không bám vào suvimuttacitto điều chi ở đây và sau đây. Con người ấy hưởng quả vị Anupādiyāno idha vā huraṁ vā của đời sống Thiêng Liêng sa bhāgavā sāmaññassa hoti. Đạo Hạnh. 20.

Tích chuyện

Có hai vị Tỳ-khưu. Một, thông suốt giáo Pháp nhưng còn là phàm tăng. Vị kia, tuy không học nhiều nhưng thực hành đầy đủ và đắc quả A-La-Hán. Vị phàm tăng không thực hành những điều đã học. Vị kia trái lại, tuy biết ít nhưng thực hành trọn vẹn giáo Pháp nên đã chứng ngộ Niết-bàn, thọ hưởng quả vị của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Một hôm vị Tỳ-khưu học rộng muốn gây rối cho vị Thánh Tăng trước mặt Đức Phật, đặt ra nhiều câu hỏi gút mắc. Biết rõ ý định thấp hèn ấy, Đức Phật nêu ra vài câu hỏi có liên quan đến sự chứng ngộ giáo Pháp. Theo kinh nghiệm bản thân, vị A-La-Hán trả lời được tất cả nhưng vị phàm tăng thì không, vì không thành tựu được Thánh Đạo nào. Nhơn dịp này, Đức Phật ca ngợi vị A-La-Hán đã thực hành giáo huấn của Ngài, mặc dầu không thông suốt Giáo Pháp bằng vị phàm tăng.

Chú thích

1. Kinh Luật - Sahitam : Saha + Hitaṁ, là cái gì liên quan đến, dính liền, hay kết hợp với điều có lợi ích. Bản chú giải ghi nhận rằng Sahitaṁ đồng nghĩa với Tam Tạng Kinh (Tipiṭaka, ba cái giỏ) mà Đức Phật đã dạy. Ba Tạng là Tạng Luật (Vinaya Piṭaka, giỏ đựng giới Luật), Tạng Kinh (Sutta Piṭaka, giỏ đựng Kinh) và Tạng Luận (Abhidhamma Piṭaka, giỏ đựng giáo lý cao siêu).

2. Quả vị của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh - là bốn từng thánh: Tu-Đà-Huờn (Sotāpatti, Nhập Lưu), Tư-Đà-Hàm (Sakadāgāmi, Nhứt Lai), A-Na-Hàm (Anāgāmi, Bất Lai) và A-La- Hán (Arahanta, Ứng Cúng).

3. Sāmaññassa, đúng nghĩa uyên nguyên, là trạng thái của một vị Tỳ-khưu, hay Sa-môn, tức là đời sống thiêng liêng.

Theo Phật giáo, pháp học sẽ không bổ ích nếu không thật sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật giáo không phải là một triết học suông mà là con đường Giác ngộ (Giác Đạo) duy nhứt.

-ooOoo-

2. CHUYÊN NIỆM - APPAMĀDA VAGGA

Kẻ phóng dật chết, người chuyên niệm không chết

1. Appamādo amatapadaṁ - 1. - Chuyên cần chú niệm 1 là pamādo maccuno padaṁ con đường bất diệt 2. Phóng dật đưa đến diệt vong. Người Appamattā na mīyanti - ye chuyên niệm không chết 3 . pamattā yathā matā. Kẻ phóng dật cũng như chết. 21. 2. Etaṁ visesato ñatvā appamādamhi paṇḍitā 2. - Thông suốt minh bạch điều (khác biệt)

này 4, người Appamāde pamodanti - thiện trí kiên cố nhiếp tâm, ariyānaṁ gocare ratā. hoan hỉ trong tâm niệm vì an lạc trong cảnh giới của bậc 3. Te jhāyino sātatikā - Thánh Nhơn 5. 22. niccam daḷhaparakkamā 3. Người kiên trì hành thiền 6 Phusanti dhīrā nibbānaṁ - người vững vàng tinh tấn, yogakkhemam anuttaraṁ. vượt thoát khỏi trói buộc 7, thành tựu Niết-bàn tối thượng 8. 23.

Tích chuyện

Hoàng Hậu Māgandiyā có tật ganh tỵ, làm cho một người trong sạch, Sāmāvatī, mà bà coi là tình địch, bị thiêu đốt đến chết. Khi vua nghe được câu chuyện đau thương ấy thì bắt Māgandiyā phải chịu một cực hình còn tệ hại hơn nữa, cũng cho đến chết. Các vị sư muốn hiểu trong hai bà, ai thật sự chết và ai thật sự còn sống. Đức Phật dạy rằng người sống không thận trọng, không giữ tâm chuyên niệm như Māgandiyā phải được xem là đã chết và người có tâm chú niệm như Sāmāvatī là sống.

Chú thích

1. - Chuyên cần chú niệm - Appamāda, là không chao động, không lay chuyển, tức luôn luôn giữ tâm niệm, luôn luôn thận trọng hay biết mình đang làm chuyện gì, luôn luôn cố gắng hành thiện, tạo thiện nghiệp.

Tinh hoa của nền luân lý Phật giáo có thể tóm tắt trong danh từ appamāda. Lời dạy cuối cùng của Đức Phật là appamādena sampādetha - kiên trì và liên tục cố gắng.

2. - Con đường bất diệt - Amata, con đường đưa đến trạng thái bất diệt, Nibbāna (Niết-bàn), là mục tiêu tối hậu của người Phật tử. Cũng như danh từ có tánh cách tích cực này chỉ rõ, Niết-bàn không phải là tuyệt diệt hay một trạng thái hư vô như có vài người sẵn sàng tin như vậy. Niết-bàn là trạng thái trường tồn bất diệt, siêu thế, mà ngôn từ phàm tục của người tại thế không thể diễn tả được.

3. - Không nên hiểu rằng những người này không chết. Không có chúng sanh nào bất tử, chí đến chư Phật và chư vị A-La-Hán đi nữa. Ý nghĩa phải hiểu ở đây là người có tâm niệm, người đã chứng ngộ Niết-bàn, sẽ không còn tái sanh lại nữa và như vậy là không chết. Kẻ phóng dật được xem như đã chết vì không có ý muốn làm điều lành, do đó phải chịu sanh tử triền miên.

4. Biết rõ rằng có sự giải thoát cho người chuyên cần chú niệm mà không có cho kẻ phóng dật, dễ duôi.

5. Ở đây danh từ Ariyas có nghĩa là những vị hoàn toàn trong sạch như chư Phật và chư vị A-La-Hán. Cảnh giới của bậc Thánh nhơn (Ariyas) có nghĩa là ba mươi bảy Bồ đề phần (Bhodhipakkhiyadhamma, ba mươi bảy pháp, hay yếu tố dẫn đến sự giác ngộ) và chín trạng thái siêu thế. Xem chú thích câu 44 và câu 115.

6. Ở đây hành thiền bao hàm cả hai nghĩa, định tâm tức chú tâm an trụ vào một điểm (samatha) và suy niệm, tức minh sát (vipassanā).

7. Vượt thoát khỏi trói buộc - Yagakkhema, là thoát ra khỏi bốn trói buộc: ái dục (kāma), luyến ái, đeo níu theo sự sanh tồn (bhava), tà kiến (diṭṭhi), và vô minh (avijjā).

8. Niết-bàn - Nibbāna, đúng văn tự, ni + vāna, là tách rời ra xa ái dục. Niết-bàn, Nibbāna, là trạng thái siêu thế có thể thành tựu được trong chính kiếp sống này. Cũng có thể giải thích Niết-bàn là sự dập tắt dục vọng, nhưng không phải là trạng thái hư vô. Niết-bàn là trạng thái hạnh phúc trường cửu, khi thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau, là kết quả của sự dập tắt hoàn toàn mọi dục vọng.

Đứng về phương diện siêu hình, Niết-bàn là dập tắt đau khổ, phiền não. Về phương diện tâm lý, Niết-bàn là diệt trừ tự ngã. Về phương diện luân lý, Niết-bàn là tận diệt Tham, Sân, Si.

Người tinh tấn được sung túc

4. Uṭṭhānavato satimato - 4. Vinh hạnh của người tinh sucikammassa tấn, có tâm niệm, hành động nisammakārino trong sạch, thận trọng chuyên chú, tự chế, sanh Saññatassa ca dhammajīvino sống chơn chánh, và không appamattassa phóng dật, sẽ tăng trưởng yaso'bhivaḍḍhati. vững vàng. 24.

Tích chuyện

Chàng thanh niên kia giàu có nhưng khiêm tốn, sống như một nông phu lam lũ, về sau được vua nâng lên địa vị cao sang, quý trọng. Khi chàng thanh niên ấy được vua giới thiệu đến Đức Phật thì Đức Phật diễn tả những đặc tánh của người sung túc như trên.

Do cố gắng cá nhơn, bậc thiện trí tạo thiên đàng cho chính mình

5. Uṭṭhānenappamādena - 5. Do kiên trì tinh tấn, nhiệt saññamena damena ca tâm, đạo hạnh, và tự chế, người thiện trí tự tạo cho Dīpaṁ kayirātha medhāvi - mình một hải đảo mà không yaṁ ogho n'ābhikīrati. cơn lụt nào tràn ngập được. 25.

Tích chuyện

Cūlapanthaka là một tăng sĩ trẻ tuổi không thể học thuộc một câu kinh dài bốn hàng, mặc dầu hết sức cố gắng trọn bốn tháng. Người anh, cũng đã xuất gia, khuyên thầy nên hườn tục. Vị sư trẻ tuổi còn muốn sống đời thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật hiểu được tâm tánh thầy, đưa cho một cái khăn lau tay sạch và dạy thầy mỗi sáng cầm khăn, căng ra trước mặt trời. Khi cầm cái khăn đưa lên như thế với bàn tay có ít nhiều bụi và mồ hôi thì không bao lâu cái khăn trở nên dơ. Sự thay đổi trông thấy ấy làm cho thầy Tỳ-khưu trẻ tuổi suy gẫm về tánh cách vô thường của đời sống. Thầy cố gắng hành thiền và đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1. Một hòn đảo nổi cao trên mặt nước không thể bị ngập lụt mặc dầu những bãi đất thấp chung quanh có thể bị. Một hải đảo như thế có thể là nơi an toàn cho tất cả. Cùng thế ấy, bậc thiện trí trau dồi tuệ minh sát phải tự biến mình thành một hải đảo bằng cách thành tựu đạo quả A-La-Hán, và như vậy thì không còn bị lôi cuốn trong dòng của bốn loại ngập lụt là ái dục (kāma), tà kiến (diṭṭhi), đeo níu theo sự sanh tồn(bhava), và vô minh (avijjā).

Hãy chú niệm, không nên phóng dật

6. Pamādamanuyuñjanti - bālā 6. Kẻ si mê, người cuồng dummedhino janā sĩ, dể duôi phóng dật. Bậc thiện trí canh giữ Appamādañ ca medhāvī -dhanaṁ tâm niệm như kho tàng seṭṭhaṁ'va rakkhati. vĩ đại nhứt. 26.

7. Ma pamadamanuyuñjetha -ma 7. Không dể duôi trong kamaratisanthavaṁ phóng dật. Không đeo níu dục lạc. Đúng thật Appamatto hi jhayanto -pappati vậy, người chuyên cần vipulaṁ sukhaṁ hành thiền gặt hái phước báu dồi dào. 27.

Tích chuyện

Ở Ấn Độ, vào một khoảng thời gian nào trong năm, có tập tục cho vài người đùa giỡn, ăn nói với bất luận lời lẽ cộc cằn nào, với bất luận ai, trong bảy ngày. Vào thời kỳ ấy, Đức Phật và các môn đệ Ngài ở lại trong tự viện. Khi thời gian bảy ngày ấy chấm dứt, những vị thiện tín mang vật thực đến chùa lưu ý rằng chắc các Ngài phải trải qua mấy ngày không vui. Đức Phật dạy rằng dầu có hành động cuồng dại như thế nào, bậc thiện trí phải luôn luôn giữ tâm chánh niệm.

Dùng tâm niệm khắc phục phóng dật

8. Pamādaṁ appamādena - 8. Khi dùng tâm niệm đẩy lui yadā nudati paṇḍito phóng dật, người có tri kiến (chơn chánh) thoát khỏi phiền Paññāpāsādamāruyha não, vượt lên tận đền đài trí asoko sokiniṁ pajaṁ tuệ và nhìn xuống đám người đau khổ như người khéo trèo Pabbataṭṭho'va núi, lên đến đỉnh tuyệt cao, bhummaṭṭhe dhīro bāle nhìn trở tại đám vô minh còn avekkhati. ở dưới đất bằng 1. 28.

Tích chuyện

Một lần nọ Đức Ma-Ha Ca-Diếp (Mahā Kassapa) cố gắng vận dụng thiên nhãn để tìm hiểu lý do sanh và tử của chúng sanh. Đức Phật xuất hiện trước mặt Ngài và dạy rằng chỉ có một vị Phật mới thông suốt được toàn thể các kiếp sanh tồn.

Chú thích

1. Chư vị A-La-Hán, đã thoát khỏi mọi phiền não, dùng nhãn quan siêu phàm của các Ngài để từ bi nhìn lại đám đông chúng sanh vô minh còn phải chịu sanh tử triền miên, nghĩa là còn ở trong vòng đau khổ.

Người kiên trì cố gắng thắng kẻ dã dượi không chú tâm

9. Appamatto pamattesu - 9. Chú niệm giữa đám phóng suttesu bahujāgaro dật, tỉnh giữa đám mê, bậc thiện trí tiến nhanh như tuấn Abalassaṁ'va sīghasso - hitvā mã truy phong, bỏ lại phía yāti sumedhaso. sau con ngựa què già yếu. 29.

Tích chuyện

Hai vị Tỳ-khưu rút vào rừng hành thiền. Một vị kiên trì chuyên chú. Vị kia thì không. Đức Phật ca ngợi vị trước.

Chuyên cần dẫn đến quyền tối thượng

10. Appamādena Maghavā - 10. Nhờ đức tánh chuyên devānaṁ seṭṭhataṁ gato cần, Maghavà 1 tiến lên đến bậc Thiên Vương 1.Chuyên Appamādaṁ pasaṁsanti - cần bao giờ cũng được tán pamādo garahito sadā. dương. Để duôi luôn luôn bị khinh rẻ. 30.

Tích chuyện

Nhờ nỗ lực cá nhơn và phục vụ bất cầu lợi một người thường tái sanh làm vua ở một cảnh Trời sau khi chết.

Chú thích

1. Maghavā - là một tên khác của vua Trời Đế-Thích. Túc Sanh Truyện Maghamānavaka ghi rằng trong quá khứ xa xôi có một người giàu tinh thần phục vụ xã hội đã tận dụng trọn đời sống mình trong công tác từ thiện, cùng với một nhóm bạn hữu. Sau khi chết, quả lành của hành động thiện đưa vị ấy tái sanh làm Sakka, vị vua Trời Đế-Thích.

2. Thiên Vương - Deva, đúng văn tự, có nghĩa người sáng lạng, chói ngời, là một hạng chúng sanh có thể xác rất tế nhị, đến đỗi mắt thường không thể trông thấy. Hạng chúng sanh này sống trong các cảnh Trời. Cũng có những vị Trời sống trên quả địa cầu.

Người chuyên cần vững tiến

11. Appamādarato bhikkhu - 11. Vị Tỳ-khưu 1 thích thú pamāde bhayadassi vā trong việc chuyên cần chú niệm và nhìn phóng dật với Saññojanaṁ aṇuṁ thūlaṁ tâm sợ hãi sẽ tiến bộ như dahaṁ aggī'va gacchati. lửa, thiêu đốt mọi thằng thúc 2 lớn nhỏ. 31.

Tích chuyện

Một tăng sĩ vào rừng hành thiền, nhưng thất bại. Thầy đi trở về yết kiến Đức Phật. Trên đường đi, thầy gặp một đám lửa rừng to phừng phừng vồ tới, thiêu đốt tất cả cây cối lớn nhỏ. Cảnh tượng này thức tỉnh thầy, gợi ý rằng chính thầy cũng phải mạnh dạn và vững vàng tiến lên như đám lửa rừng để thiêu đốt tất cả trói buộc lớn nhỏ bằng lửa Bát chánh đạo. Đức Phật đọc tư tưởng thầy và, rải một tia sáng đến, khuyên dạy những lời trên.

Chú thích

1. Tỳ-khưu - Bhikkhu, là người đệ tử của Đức Phật đã thọ lễ xuất gia đầy đủ (Cụ Túc Giới). "Nhà sư khất thực" có thể là danh từ gần nhứt với Phạn ngữ "bhikkhu". Thầy Tỳ-khưu không phải là người trung gian giữa Thượng đế với người. Thầy Tỳ-khưu không bị ràng buộc phải sống suốt đời như vậy, nhưng, ngày nào còn đắp y vàng, thầy phải ghép mình vào nếp sống giới luật mà chính thầy đã tự nguyện nghiêm trì trong sạch. Thầy cũng tự nguyện sống đời nghèo thiếu và độc thân. Đến khi cảm thấy không thể còn giữ tròn giới luật, không thể tiếp tục đời sống thiêng liêng, thầy có thể hườn tục bất luận lúc nào.

2. Thằng thúc - Samyojana, đúng nghĩa là cái gì đưa đẩy, dẫn dắt chúng sanh quanh quẩn trong đại dương của đời sống, những dây trói buộc chúng sanh vào vòng luân hồi. Có mười loại dây trói buộc (Saṁyojana, thằng thúc) là: ảo kiến về tự ngã (sakkāyadiṭṭhi, thân kiến), hoài nghi (vicikicchā), dể duôi trong nghi thức lễ bái (lầm

lạc) (silābba taparāmāsa, giới cấm thủ), tham dục (kāmarāga), sân hận (paṭigha), luyến ái, đeo níu trong sắc giới (rūparāga), luyến ái, đeo níu trong vô sắc giới (arūparāga), ngã mạn (māna), phóng dật (uddhacca) và vô minh (avijjā).

Năm dây trói buộc đầu tiên có liên quan đến bờ bên nầy (oram-bhāgiya) được xem là nhỏ. Năm loại thằng thúc còn lại, liên quan đến bờ bên kia (uddhambhāgiya), là lớn.

Tận diệt ba thằng thúc đầu tiên khi đắc quả Tu-Đà-Hườn (Sotāpaṭṭi, Nhập Lưu), từng thánh đầu tiên.

Hai loại trói buộc kế được giảm bớt khi đắc Tư-Đà-Hàm (Sakādāgāmi, Nhứt Lai), từng thánh thứ nhì.

Hai loại này được tận diệt khi đắc A-Na-Hàm (Anāgāmi, Bất Lai), từng thánh thứ ba.

Khi đắc quả A-La-Hán (Arahatta, Vô Sanh) thì tận diệt năm loại dây cuối cùng.

Người chuyên cần đối diện Niết-bàn

12. Appamādarato bhikkhu - 12. Vị Tỳ-khưu thích thú pamāde bhayadassi vā trong chuyên cần chú niệm và nhìn phóng dật với tâm sợ Abhabbo parihānāya - hãi không còn phải rơi trở nibbānass'eva santike. xuống 1. Vị ấy đã đối diện với Niết-bàn. 32.

Tích chuyện

Có một tăng sĩ độ lượng và tri túc. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vị ấy được như vậy là nhờ trong quá khứ đã có kết hợp chặt chẽ với Ngài và ghi nhận rằng những ai có nếp sống như thầy Tỳ- khưu kia đã đứng trước Niết-bàn.

Chú thích

1. Rơi trở xuống - từ mức độ tinh thần mà Ngài đã đạt đến.

-ooOoo-

3. TÂM - CITTA VAGGA

Hãy giữ vững cái tâm chao động của ta

1.Phandanaṁ capalaṁ 1. Cái tâm, chập chờn, chao cittaṁ durakkhaṁ động 1, khó canh phòng, khó dunnivārayaṁ kiểm soát - người thiện trí giữ vững tâm ngay ngắn giống Ujuṁ karoti medhāvī - như thợ chuốc tên uốn nắn usukāro' va tejanaṁ. cho tên được ngay. 33.

2. Vārijo'va thale khitto - 2. Cá bị vớt lên khỏi nước và okamokata ubbhato vứt trên đất khô như thế nào thì tâm chao động cũng Pariphandati'midaṁ cittaṁ- dường thế ấy. Vậy, phải lánh māradheyyaṁ pahātave. xa cảnh giới của dục vọng 2. 34.

Tích chuyện

Tâm của một vị Tỳ-khưu bị những tư tưởng xấu chế ngự. Đức Phật khuyên dạy thầy nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu.

Chú thích

1. Tâm - Citta, do căn "cit" là suy gẫm. Phạn ngữ citta thường được giải thích là "cái gì hay biết một đối tượng" (cinteti = vijānāti). Đúng ra, quả thật không phải có cái gì suy gẫm về một đối tượng, như danh từ này hàm ý. Về một quan điểm cùng tột, có thể định nghĩa citta là sự hay biết một đối tượng vì Phật giáo phủ nhận có một cái gì chủ quan, như một linh hồn trường cửu, để suy gẫm và hiểu biết. Theo Phật giáo, không có sự phân biệt giữa tâm và thức, cả hai đều có thể dùng như đồng nghĩa với Citta.

2. Pahātave dùng trong nghĩa pahatabba, phải được lánh xa.

Hãy kiểm soát tâm

3. Dunniggahassa lahuno - 3. Cái tâm, khó kiểm soát, yattha kāmanipātino lanh lẹ, phóng đi khắp nơi: nắm được tâm là tốt. Tâm có Cittassa damatho sādhu - kiểm soát dẫn đến hạnh cittaṁ dantaṁ sukhāvahaṁ. phúc. 35.

Tích chuyện

Nhờ sự hướng dẫn của chư Sư, một thiếu phụ có tâm đạo nhiệt thành đắc quả A-Na-Hàm (Anāgāmi, Bất Lai) từng thánh thứ ba, cùng với nhiều phép thần thông như đọc tư tưởng của người khác (tha tâm thông), trước khi các vị sư ấy đắc. Hiểu được rằng chư tăng còn đang thiếu thốn về mặt vật chất nên bà hết lòng hộ trì. Sau đó không bao lâu các Ngài cũng đắc quả A-La- Hán. Một tăng sĩ ở nơi khác nghe tiếng về năng lực tinh thần của bà, đến viếng và lưu lại tại chùa. Bà tận lực hỗ trợ thầy. Vị tăng sĩ lo sợ những tư tưởng xấu có thể phát sanh, đến bạch cùng Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên giữ vững cái tama khó kềm chế của thầy.

Hãy canh chừng tư tưởng

4. Sududdasaṁ sunipuṇaṁ - 4. Rất khó tri giác cái tâm. yatthakāmanipātinaṁ Tâm vô cùng tế nhị. Người thiện trí canh phòng tâm. Cittaṁ rakkhetha medhāvī- Tâm được canh phòng cittaṁ guttaṁ sukhāvahaṁ. nghiêm nhặt dẫn đến hạnh phúc. 36.

Tích chuyện

Một thiện tín có nhiệt tâm tu học, xuất gia theo Đức Phật, nhưng sớm thấy rằng đời sống thiêng liêng đạo hạnh rất là khó khăn, rắc rối, vì giới luật quá nhiều. Đức Phật khuyên thầy không nên lo âu vì luật giới mà chỉ lo canh phòng tư tưởng của mình.

Người đã kiểm soát tâm sống tự do

5. Dūraṅgamaṁ ekacaraṁ - 5. Lao mình vào cuộc hành asarīraṁ guhāsayaṁ - trình xa xôi dịu vợi, đó đây đơn độc 1, không thể xác 2, Ye cittaṁ saññamessati - nằm trong một cái hang 3: Đó mokkhanti mārabandhanā. là tâm. Ai chế ngự được tâm là thoát khỏi mọi ràng buộc của Ma Vương. 37.

Tích chuyện

Hai cậu cháu xuất gia sống đời thiêng liêng. Ngày kia có người dâng đến cháu hai xấp vải. Cháu dâng lại cậu một xấp, nhưng cậu từ chối, không nhận. Người cháu buồn ý và, khi đang quạt cho cậu, nảy sanh ra ý nghĩ rời bỏ đời tăng sĩ. Rồi, theo dòng tư tưởng,

thầy mơ sẽ bán xấp vải, lấy tiền mua một con dê. Thầy sẽ cưới vợ và có con. Thầy sẽ dắt vợ và con đến chùa lễ cậu. Trên đường đến chùa, bỗng nhiên vợ thầy giết con. Thầy nổi giận, đánh vợ. Vừa quạt vừa mơ như thế, thầy quơ cây quạt nhằm cậu. Người cậu đọc được tư tưởng cháu, dẫn dắt cháu trở về thực tế.

Thầy Tỳ-khưu cháu lấy làm hổ thẹn buông cây quạt xuống, bỏ chạy. Cậu chụp cháu lại, đem đến Đức Phật. Nhơn cơ hội, Đức Phật mô tả bản chất vô thường, luôn luôn trôi chảy của tâm như trên.

Chú thích

1. Đơn độc - vì không thể có hai chập tư tưởng phát sanh cùng một lúc, trong một khoảnh khắc nhứt định.

2. Cái tâm vô hình, không có hình thể, không có màu sắc.

3. Guhāsayaṁ, tức là ý căn.

Đức Phật không có chỉ rõ một nơi nào, nhứt quyết đó là ý căn, như trường hợp năm căn kia, mắt là nhãn căn, tai là nhĩ căn v.v... Vào thời bấy giờ người ta tin rằng trái tim là ý căn, và dĩ nhiên, những người Upanishads hỗ trợ sự tin tưởng ấy. Nếu muốn, Đức Phật cũng có thể giảng giải theo chiều hướng đó, nhưng Ngài không làm vậy. Trong kinh Nhân quả tương quan (Paṭṭhāna), Đức Phật đề cập đến ý căn với những danh từ gián tiếp như yam rupām nissāya, tùy thuộc nơi cái vật chất ấy. Nhưng cái vật chất ấy là gì, Ngài không quả quyết. Theo quan điểm của những nhà chú giải như Đại đức Buddhagosa và Anuruddha thì trái tim (hadayavatthu) là ý căn.

Trong khi chính Đức Phật không xác nhận cũng không phủ nhận chủ thuyết được nhiều người theo cho rằng trái tim là ý căn, nếu ta quả quyết rằng quan điểm của Phật giáo về vấn đề này là như thế nào thì liệu có thể chứng minh được không?

Người giác tỉnh không sợ sệt

6. Anavaṭṭhitacittassa - 6. Người mà tâm không saddhammaṁ avijānato vững. Người không biết chánh Pháp. Người mà niềm Pariplavapasādassa - paññā tin giao động. Trí tuệ 1 của na paripūrati. người như thế không bao giờ toàn hảo. 38. 7. Anavassutacittassa ananvāhatacetaso 7. Người không bị (tham ái) thấm nhuần. Người không bị Puññapāpapahīnassa - natthi (sân hận) thâm nhiễm. Người jāgarato bhayaṁ. đã vượt lên khỏi cả hai, thiện và ác 2Ṇgười giác tỉnh 3 như thế không bao giờ sợ sệt. 39.

Tích chuyện

Một nông dân xuất gia sống đời thiêng liêng vì nghĩ rằng đời sống ở chùa sẽ được dễ dàng hơn. Sau đó, sáu lần thầy hườn tục và sáu lần đều xin trở lại. Ngày kia, khi nhìn thấy một thiếu phụ sắp lâm bồn phải chịu vô cùng đau đớn, anh nông dân thật sự nhàm chán thế tục. Trên đường đến chùa, anh hành thiền, đắc quả Tu-Đà-Hườn (Sotāpanna, Nhập Lưu) và xin xuất gia với những vị tăng sĩ không mấy hoan hỉ chấp nhận vào Giáo hội một người đã nhiều lần ra đi và trở lại. Sau cùng, anh được thọ Cụ túc giới và cố gắng chuyên cần, sớm thành đạt đạo quả A-La-Hán. Các vị Tỳ-khưu đồng

môn không tin, bạch với Đức Phật và Đức Phật giải thích trạng thái tâm của thầy, trước và sau khi chứng ngộ Niết-bàn.

Chú thích

1. Trí tuệ - đó là Tuệ minh sát

2. Hành động của một vị A-La-Hán, vị Thánh toàn hảo, không tốt hay xấu. Như vậy không có nghĩa là Ngài thụ động hay tiêu cực. Ngài vẫn tích cực, nhưng hoạt động của Ngài không vị kỷ và hướng về sự nâng đỡ, dìu dắt kẻ khác bước theo dấu chơn Ngài, đi trên con đường mà chính Ngài đã trải qua. Hành động của Ngài - thường được chấp nhận là tốt - không có năng lực tạo nghiệp. Tuy nhiên, Ngài không thể tránh khỏi hậu quả của những nghiệp đã tạo trong quá khứ. Bất luận hành động nào của một vị A-La-Hán cũng được gọi là duy tác (kriya), không phải là nghiệp (kamma), không có năng lực tạo nghiệp. Đã nhận chơn được thực tướng của sự vật, cuối cùng Ngài phá tan xiềng xích của vòng luân hồi.

3. Người giác tỉnh - không nên lầm tưởng rằng các vị A-La-Hán không ngủ. Dầu ngủ hay thức các Ngài được xem là luôn luôn thức tỉnh bởi vì năm phẩm hạnh là niềm tin (saddhā), tinh tấn (viriya), tâm niệm (sati) tâm định (samādhi) và trí tuệ (paññā) của Ngài luôn giác tỉnh.

Hãy kiên cố tâm và không nên luyến ái

8. Kumbhūpamaṁ 8. Người nhận thức rằng thể kāyamimaṁ viditvā - xác này (mỏng manh) như nagarūpamaṁ cittamidaṁ một cái lọ, kiên cố tâm này thapetvā (bền vững) như một thành trì và tấn công Ma Vương 1 Yodetha māraṁ paññāydhena bằng khí giới trí tuệ. Người jitañ ca rakkhe anivesano siyā. ấy phải cố giữ cái đã chiếm 2 và không luyến ái 3. 40.

Tích chuyện

Nhiều vị tăng sĩ đang hành thiền trong rừng bị các vị Trời ngụ trên cây làm chao động, trở về thỉnh giáo với Đức Phật. Ngài khuyên các thầy nên rải tâm Từ đồng đều đến tất cả. Hành đúng lời dạy, về sau những vị ấy được chư Thiên hộ trì hữu hiệu. So sánh thể xác này với một món đồ gốm, nhóm tăng sĩ phát triển minh sát. Đức Phật đọc tư tưởng các thầy, xuất hiện đến trước mặt và xác nhận điều ấy.

Chú thích

1. Ma Vương- ở đây có nghĩa dục vọng.

2. Chiếm - hay chinh phục, ở đây có nghĩa là những người mới phát triển minh sát (vipassanā).

3. Không luyến ái - không đeo níu theo những bậc thiền (jhnā) mà hành giả đã đạt được. Thiền là những trạng thái tâm (tâm sở) phát triển cao độ do nhờ chú tâm an trụ.

9. Aciraṁ vat'ayaṁ kāyo - 9. Rồi đây, than ôi! thể xác paṭhaviṁ adhisessati này sẽ trải nằm trên mặt đất, bị vứt qua một bên, hết Chuddho apetaviññāṇo tâm, và cũng vô

dụng như niratthaṁ'va kaḷingaram. một khúc gỗ cháy 1. 41.

Tích chuyện

Đức Phật chăm sóc một tăng sĩ bệnh mà các vị khác không dám đến gần. Chính tay Ngài lau rửa cho vị Tỳ-khưu mình mẩy lầy lở hôi thúi ấy. Sau khi làm xong Ngài ngồi lại trên đầu giường và thuyết cho thầy một thời Pháp về bản chất vô thường của thể xác.

Chú thích

1. Kaḷingaraṁ, - một khúc gỗ mụt thúi, không có giá trị không thể dùng được vào bất luận việc gì.

Tâm hướng về điều bất thiện là kẻ thù tệ hại nhứt

10. Diso disaṁ yaṁ taṁ 10. Bất luận điều (nguy hại) kayirā verī vā pana verinaṁ nào mà kẻ thù có thể gây cho kẻ thù, hay người oán hận cho Micchāpanihitaṁ cittaṁ - người oán hận, một cái tâm pāpiyo naṁ tato kare. hướng về chiều ác 1 có thể gây nguy hại còn to lớn hơn nhiều. 42.

Tích chuyện

Một nhà chăn nuôi gia súc giàu có thỉnh Đức Phật đến nhà. Khi Đức Phật ra về, ông tiễn chơn Ngài đi một đỗi xa và lúc trở lại rủi bị một mũi tên lạc trúng chết. Các vị Tỳ-khưu bàn luận rằng nếu Đức Phật không đến viếng chắc nhà chăn nuôi gia súc kia khỏi phải chết. Đức Phật giải thích rằng dầu thế nào chăng nữa, ông ấy không thể lẩn tránh nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ và Ngài thêm rằng một cái tâm hướng về điều bất thiện trở thành kẻ thù nguy hiểm nhứt cho chính mình.

Chú thích

Tâm hướng về chiều đó - Đó là tâm hướng và mười loại bất thiện nghiệp là:

1. sát sanh, 2. trộm cắp, 3. tà dâm, 4. nói dối, 5. nói lời đâm thọc, 6. nói lời thô lỗ cộc cằn, 7. nói lời nhảm nhí, 8. tham lam, 9. sân hận, và 10. tà kiến.

Tâm hướng thiện còn hơn một người cha hay người mẹ nhiều

11. Na taṁ mātā pitā kayirā - 11. Điều mà không một aññe vā pi ca ñātakā người mẹ, một người cha, hay bất luận thân bằng Sammā panihitaṁ cittaṁ quyến thuộc nào có thể làm seyyaso naṁ tato kare. được, tâm hướng thiện có thể, và nhờ đó, đưa ta lên. 43.

Tích chuyện

Người khá giả kia nảy sanh ý nghĩ tham ái khi gặp một vị A-La-Hán. Kế đó ông kiểm soát được tâm, xin xuất gia và sớm đắc quả A-La-Hán. Nghe sự thay đổi thuận lợi và sự thành đạt mỹ mãn ấy, Đức Phật ca ngợi Ngài và thêm rằng tâm hướng thiện có thể đem lại phước báu to lớn mà không một ông cha hay bà mẹ nào có thể đem lại.

Chú thích

1. Tâm hướng thiện - đó là tâm hướng về mười loại hành động thiện (kusala) là:

1. Bố thí, 2. Trì giới, 3. Hành thiền, 4. Cung kính bậc thưởng thượng, 5. Phục vụ, 6. Hồi hướng phước báu, 7. Hoan hỉ với phước báu của người khác, 8. Nghe Giáo Pháp, 9. Truyền bá Giáo Pháp và 10. Củng cố chánh kiến.

-ooOoo-

4. HOA - PUPPHA VAGGA

Người đệ tử cao thượng chinh phục cái tự ngã này

1.Ko imaṁ pathaviṁ 1. Ai sẽ thấu triệt 1 quả địa cầu(tự vijessati yamalokañ ca ngã) 2 này, cảnh giới Dạ-Ma 3 imaṁ sadevakaṁ (Yama) này, và thế gian 4 này, cùng với chư Thiên? 5 Ai sẽ quán trạch Ko dhammapadaṁ con đường Giới hạnh 6 vốn đã được sudesitaṁ kusalo quảng bá đầy đủ, giống như một puppham'iva pacessati. chuyên viên (làm tràng hoa) sẽ bốc lên những cành hoa? 44. 2. Sekho paṭhaviṁ vijessati yamalokañ ca 2. Một môn đệ trong thời kỳ còn tu imaṁ sadevakaṁ học 7 (sekha) sẽ thấu triệt quả địa cầu này, cảnh giới của Dạ-Ma Sekho dhammapadaṁ (Yama) này, và thế gian này, cùng sudesitaṁ kusalo với chư Thiên. Một môn đệ trong puppha'iva pacessati. thời kỳ còn tu học sẽ quán trạch con đường Giới hạnh, vốn đã được quản bá đầy đủ, giống như một chuyên viên (làm tràng hoa) sẽ bốc lên những cành hoa. 45.

Tích chuyện

Khi nghe các môn đệ của Ngài thảo luận về bề rộng của quả địa cầu, Đức Phật khuyên các thầy tốt hơn nên hành thiền, suy niệm về thành phần đất trong bản thân của chính các thầy.

Chú thích

1. Thấu triệt - Vijessati = attano ñaṇnena vijānissati - ai sẽ biết được do nhờ trí tuệ của chính mình? (Chú giải).

2. Quả địa cầu - là thân này. Ý nói ai sẽ thông suốt thực tướng của mình? Mình như thế nào, hiểu mình đúng như thế ấy.

3. Cảnh giới Dạ-Ma - Yama, có nghĩa là bốn cảnh giới cùng cực, tức: khổ cảnh (thường gọi địa ngục), cảnh thú, cảnh ngạ quỉ (peta), và cảnh A-Tu-La (Asura). Theo Phật giáo, khổ cảnh hay địa ngục không trường tồn vĩnh cửu. Đó là một trạng thái cùng cực, như hai cảnh giới thú và ngạ quỉ, trong ấy chúng sanh phải chịu khổ đau vì đã có hành động bất thiện, tạo nghiệp xấu, trong quá khứ.

4. Thế gian này - là cảnh người và sáu cảnh Trời (gọi là Trời dục, nghĩa là Trời trong cảnh Dục giới). Bảy cảnh giới ấy được xem là hữu phúc (sugati).

5. Chư Thiên - Devas, Trời, đúng nghĩa là những chúng sanh hữu phúc đang hưởng quả lành của những hành động thiện trong quá khứ. Các Ngài cũng không vĩnh cửu trường tồn, mà phải chết một ngày nào.

6. Con Đường Giới Hạnh - Dhammapada. Lời chú giải ghi rằng danh từ này ám chỉ ba mươi bảy yếu tố dẫn đến Giác Ngộ (Bodhipakkhiyadhamma. Ba mươi bảy bồ đề phần) là:

a. Tứ Niệm Xứ (satipaṭṭhāna) gồm:

Niệm thân (kāyānupassanā)
Niệm thọ (vedanānupassanā)
Niệm tâm (cittānupassanā)
Niệm Pháp (dhammānupassanā)
b. Tứ Chánh Cần (Sammappadhāna) gồm:

Tinh tấn ngăn ác pháp phát sanh (saṁvarappadhāna) Tinh tấn trừ ác pháp đã phát sanh (pahānappadhāna) Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh (bhāvanāppadhāna) Tinh tấn tăng cường thiện pháp đã phát sanh (anurakkhanāppādhāna)

c. Tứ Thần Túc hay Tứ Căn Thông (Iddhipāda) gồm:

Ý muốn làm (chanda)
Tinh tấn (viriya)
Tâm (citta)
Quán trạch hay suy xét (vimaṁsā)
d. Ngũ Căn (Indriya) gồm:

Tín hay niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng (saddhā)
Tinh Tấn (viriya)
Niệm (sati)
Định (samādhi) và
Tuệ (paññā)
e. Ngũ Lực (Bala) gồm:

Tín (saddhā)
Tinh tấn (viriya)
Niệm (sati)
Định (samādhi)
Tuệ (paññā)
f. Thất Giác Chi (Bojjhanga) gồm:

Niệm (sati)
Trạch pháp (dhammavicaya)
Tinh tấn (viriya)
Phỉ (pīti)
An tịnh (passaddhi)
Định (samādhi) Xả (upekkhā)

g. Bát Chánh Đạo (Aṭṭhangikamagga) gồm:

Chánh kiến (sammādiṭṭhi)
Chánh tư duy (sammā saṁkappa)
Chánh ngữ (sammā vācā)
Chánh nghiệp (sammā kammanta)
Chánh mạng (sammā ājīva)
Chánh tinh tấn (sammā vāyāma)
Chánh niệm (sammā sati)
Chánh định (sammā samādhi)
7. Người trong thời kỳ còn tu học - Theo đúng căn nguyên, danh từ Sekha có nghĩa người còn đang ở trong thời kỳ được huấn luyện, người đang được đào tạo. Sekha là người đệ tử còn trong khoảng ba từng thánh đầu tiên, tức từ Tu-Đà-Hườn đến A-Na-Hàm, đang tu học để thành tựu thánh quả cuối cùng là A-La-Hán quả. Khi đã hoàn toàn tận diệt mọi dây trói buộc (saṁyojana, thằng thúc) và đắc quả A-La-Hán, vị ấy được gọi là Asekha, đã hoàn toàn thuần thục, không còn gì để được huấn luyện nữa vì đã hoàn tất mỹ mãn công trình tu học.

Người đệ tử được đào luyện đầy đủ (asekha) thật sự tự hiểu biết thực tướng của mình và thông suốt chơn tướng của thế gian.

Thể xác nầy tựa hồ một ảo ảnh

3. Pheṇūpamaṁ kāyamimaṁ 3. Biết rằng thể xác này tựa viditvā - marīcidhammaṁ hồ như bọt nước 3 và thấu abhisambudhāno triệt bản chất mờ ảo của nó 2, ta phải tiêu trừ những

Chetvāna mārassa cành hoa của dục vọng (Ma papupphakāni - adassanaṁ vương) và vượt qua tầm mắt maccurājassa acche. của Tử thần. 46.

Tích chuyện

Cảnh tượng một ảo ảnh và những bọt nước gợi ý cho một tăng sĩ đang hành thiền về lý vô thường và vô ngã của đời sống. Đức Phật đọc tư tưởng của vị ấy và xuất hiện trước mặt thầy, xác nhận quan kiến ấy là đúng.

Chú thích

1. Như bọt nước - Vì bản chất đổi thay, tạm bợ của nó.

2. Bản chất mờ ảo - bởi vì trong thể xác này không có gì vững bền, không có gì tồn tại lâu dài.

3. Tử thần - là phiền não của đời sống, phát sanh do dục vọng. Một vị A-La-Hán diệt trừ mọi dục vọng bằng trí tuệ và chứng ngộ Niết-bàn, không còn tái sanh nữa.

Cái chết lôi cuốn người không giác tỉnh, người sống trong dục lạc

4. Pupphāni h'eva pacinamtaṁ 4. Người thu nhặt những cành hoa (của dục lạc) byāssattamanasaṁ naraṁ người có tâm phóng túng, cái chết sẽ lôi người ấy đi, Suttaṁ gāmaṁ mahogho'va không khác nào trận lụt to maccu ādāya gacchati. cuốn theo dòng

nước cả một làng đang say ngủ. 47.

Tích chuyện

Vì một lời nói có tánh cách khinh khi làm xúc động, vua Vidūdabha sanh lòng thù oán sâu đậm dòng dõi Thích Ca của Đức Thế Tôn, mang quân sang tiêu diệt toàn thể những người cùng họ này. Trên đường về, vua an dinh hạ trại bên một bờ sông để nghỉ quân. Giữa đêm khuya, một trận lụt to lôi cuốn tất cả vua và binh lính theo dòng nước. Nghe câu chuyện thương tâm ấy Đức Phật ghi nhận rằng nhiều người đi đến sự sụp đổ của chính mình trong khi thực hành mưu đồ để thành đạt mục tiêu.

Người tham dục chết với dục vọng bất thỏa mãn

5. Pupphāni h'eva pacinantaṁ 5. Người thu nhặt những - byāsattamanasaṁ naraṁ cành hoa (của dục lạc), người có tâm phóng túng và Atittaṁ yeva kāmesu - antako không khi nào biết đủ, kurute vasaṁ. "Thần Tiêu Diệt 1"sẽ thâu người ấy vào vòng quay cuồng của mình. 48.

Tích chuyện

Một tín nữ dâng vật thực đến Chư sư trong buổi sáng và chiều hôm ấy qua đời. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật giảng về bản chất vô thường của đời sống và thêm rằng con người ngã gục trước cái chết với lòng tham chưa toại nguyện.

Chú thích

1. Thần tiêu diệt - Antaka, người chấm dứt, tức chấm dứt đời sống.

Bậc thánh tăng không gây tổn hại cho bất cứ ai

6. Yathā,pi bhamaro pupphaṁ 6. Như loài ong, chỉ hút mật - vaṇṇagandhaṁ aheṭhayaṁ của hoa rồi bay đi mà không làm tổn hại đến hương hay Paleti rasam'ādāya - evaṁ sắc của hoa, cùng thế ấy, đi gāme munī care. đó đây trong làng mạc, người thiện trí phải như vậy 1. 49.

Tích chuyện

Đức Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) dùng thần thông đem hai vợ chồng một người giữ kho có tánh ti tiện đến trước mặt Đức Phật. Khi nghe thuyết Pháp xong cả hai xin qui y. Nghe những vị tăng sĩ khác tán dương phẩm hạnh của Ngài Mục-Kiền-Liên, Đức Phật lưu ý rằng những vị tốt như Đức Mục-Kiền-Liên phải làm cho người khác đặt niềm tin nơi mình mà không hề gây tổn hại đến ai.

Chú thích

1. Đi trì bình khất thực mà không gây phiền phức cho ai.

Không tìm lỗi của kẻ khác mà tìm ở chính mình

7. Na paresaṁ vilomāni - na 7. Không nên tìm lỗi của kẻ paresaṁ katākataṁ khác, những điều chưa làm và những điều không làm Attano'va avekkheya -katāni của kẻ khác, mà (phải tìm) akatāni ca. trong hành động của chính mình, những điều đã làm và

những điều không làm. 50.

Tích chuyện

Do lòng ganh tỵ, một tu sĩ lõa thể cấm người tín nữ của mình đi nghe Đức Phật thuyết Pháp. Tuy nhiên, bà biểu con thỉnh Đức Phật về nhà. Trong khi Đức Phật giảng Giáo Pháp cho bà, bỗng nhiên vị đạo sĩ xuất hiện, lăng mạ thậm tệ Đức Phật và bà tín nữ. Trước sự ngẫu nhiên bộc phát dữ dội ấy, thiếu phụ vô cùng bối rối nhưng Đức Phật khuyên bà nên tìm lỗi ở mình hơn là ở kẻ khác.

Thực hành tốt hơn lời giáo huấn suông

8. Yathā'pi ruciraṁ pupphaṁ - 8. Như cành hoa dễ mến, vaṇṇavantaṁ agandhakaṁ đẹp đẽ, nhưng không hương vị, lời nói hay của Evaṁ subhāsitā vācā - aphalā người không thực hành hoti akubbato. không mang kết quả. 51.

9. Yātha'pi ruciram pupphaṁ - 9. Như cành hoa dễ mến, vaṇṇavantaṁ sagandhakaṁ đẹp đẽ lại có hương vị, lời nói hay của người có thực Evaṁ subhāsitā vācā - saphalā hành mang lại kết quả dồi hoti sakubbato. dào. 52.

Tích chuyện

Hai bà tín nữ, cùng là mạng phụ phu nhơn trong triều, đến học Giáo Pháp với Đại đức Ananda. Một bà chăm chú học. Bà kia không tiến bộ nhiều. Đức Phật tuyên ngôn rằng tựa như cành hoa không hương vị, Giáo Pháp trở nên vô ích cho người không cố gắng tu học.

Hãy tạo nhiều phước báu

10. Yathā'pi puppharāsimhā - 10. Từ đống hoa, người ta kayirā mālāguṇe bahū nhặt từng cành để làm thành tràng hoa, cùng thế Evaṁ jātena maccena- ấy, chúng sanh phải thâu kattabbaṁ kusalaṁ bahuṁ. nhặt nhiều lần những hành động tốt. 53.

Tích chuyện

Một đại thí chủ thời Đức Phật, Bà Visākhā, xây cất một ngôi chùa rất đắt tiền. Khi công tác hoàn tất, bà vô cùng hoan hỉ, cùng các con và các cháu đi vòng quanh chùa, hát bài kệ bày tỏ sự thỏa thích. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật, Ngài ghi nhận rằng sở dĩ bà làm như vậy vì bà đã thành tựu mỹ mãn nguyện vọng cao cả của bà và Ngài thêm rằng tất cả đều phải cố gắng tạo nhiều phước báu.

Hương thơm của giới đức bay cùng khắp nơi

11. Na pupphagandho 11. Hương thơm của hoa paṭivātam eti - na candanaṁ không thể bay ngược chiều tagaramallikā vā gió, trầm hương cũng vậy, gỗ tagara 1 và hoa lài cũng thế, Satañ ca gandho paṭivātam nhưng hương của giới đức eti - sabbā disā sappuriso bay ngược chiều gió, con pavāti. người giới đức bay thấu khắp nơi.54. 12. Candanaṁ tagaraṁ vā'pi - uppalaṁ atha vassikī 12. Trầm, gỗ tagara, hoa sen, hoa lài, trên tất cả những loại Etesaṁ gandhajātānaṁ - hương ấy, hương thơm của sīlagandho anuttaro. giới đức còn hơn nhiều. 55.

Tích chuyện

Đại đức A-Nan-Đa (Ānanda) muốn biết mùi thơm nào có thể vừa cùng bay theo chiều gió vừa bay ngược chiều. Đức Phật dạy rằng hương thơm của giới đức bay cùng khắp nơi, theo chiều cũng như ngược chiều gió.

Chú thích

1. Tagara - là một loại cây mọc theo lùm mà người ta lấy gỗ để làm bột hương như trầm.

Hương thơm của đức hạnh cao quý nhứt

13. Appamatto ayaṁ gandho - 13. Hương của cây tagara yā'yaṁ tagaracandanī hay cây trầm quả thật không đáng kể. Hương Yo ca sīlavataṁ gandho - vāti thơm của giới đức, bay thấu devesu uttamo. đến các cảnh Trời, là tối thượng. 56.

Tích chuyện

Sakka, vua Trời Đế-Thích, giả làm một người thợ dệt nghèo, dâng vật thực đến Đại đức Ca-Diếp (Kassapa), lúc ấy đang tìm một người nghèo để giúp cho người ấy có cơ hội cúng dường Ngài. Đức Phật giải thích rằng chính giới đức trong sạch của Ngài Ca-Diếp (Kassapa) la sức hấp dẫn đưa vua Trời Đế-Thích đến.

Không thể theo dấu thức tái sanh của một vị A-La-Hán

14. Tesaṁ sampannasīlānaṁ - 14. Ma Vương 1 không thể appamādavihārinaṁ tìm ra con đường của người giới đức, người chuyên cần Sammadannāvimuttānaṁ - chú niệm, và siêu thoát, 1māro maggaṁ na vindati. bằng cách hiểu biết chơn chánh.57.

Tích chuyện

Đại đức Godhika, thất vọng vì bệnh hoạn, toan tự cắt cổ bằng dao cạo, nhưng liền trước khi chết Ngài phát triển minh sát, chứng ngộ Niết-bàn. Ma vương cố tìm coi thức tái sanh của Ngài đi về đâu. Đức Phật ghi nhận rằng Ma vương không thể tìm thấy dấu vết thức tái sanh của một vị A-La- Hán.

Chú thích

1. Ma vương - thể hiện sự xấu xa tội lỗi. Xem Chú thích câu 8.

Trong người thấp hèn nhứt cũng có điểm cao thượng bậc thiện trí chói lọi sáng ngời giữa đám người trần tục

15. Yathā sankāradhānasmiṁ - 15. 16. Như cành hoa sen ujjhitasmiṁ mahāpathe với mùi thơm dễ mến có thể mọc trên một đống rác bên Padumaṁ tattha jāyetha - đàng, cùng thế ấy, trí tuệ sucigandhaṁ manoramaṁ. một môn đệ của đấng Toàn Giác chiếu sáng ngời rực rỡ 16. Evaṁ saṅkārabhūtesu - giữa đám chúng sanh thấp andhabhūte puthujjane kém và tối tăm 1. 58. 59.

Atirocati paññāya - sammāsambudhasāvako.

Tích chuyện

Nữ tín đồ của một hệ thống khác tín ngưỡng âm mưu vu oan để phỉ báng Đức Phật và các môn đệ Ngài. Đức Phật phát giác mưu đồ và cảm hóa bà đến nghe Pháp Đức Phật giải thích rằng vì kém trí tuệ nên vài người không nhận thức được sự cao thượng của các môn đệ Ngài. Đức Phật so sánh những kẻ ấy với người mù và bậc thiện trí như người có mắt.

Chú thích

1. Phật giáo không lên án ai một cách vĩnh viễn, không khi nào cho ai là người phải chịu hư hỏng buông lung mãi mãi, không thể cải hóa, vì tánh cách cao thượng luôn luôn ngủ ngầm bên trong mỗi người, dầu là người thấp hèn cách nào, cũng như hoa sen, từ bùn dơ nước đục vượt lên nhưng vẫn giữ mình trong sạch và tinh khiết.

-ooOoo-

5. CUỒNG DẠI - BĀLA VAGGA

Đối với người không biết giáo pháp, vòng luân hồi quả thật xa xôi

1. Dīghā jāgarato ratti - 1. Đêm dài đối với người không dīghaṁ santassa yojanaṁ ngủ. Người mệt mỏi thấy đường xa. Đối với kẻ điên cuồng, không Dīgho bālānaṁ samsāro - hiểu chơn lý cao siêu, con đường saddhammaṁ avijānataṁ. luân hồi 1quả thật là xa xôi diệu vợi. 60.

Tích chuyện

Vua Pasenadi đến hầu Phật và bạch rằng một hôm nọ vua cảm thấy đêm dài. Trong một cơ hội khác có người ghi nhận rằng một dặm đường thật quá dài. Đức Phật đúc kết hai câu chuyện và thêm rằng đối với người không biết Giáo Pháp, vòng luân hồi quả thật xa xôi diệu vợi.

Chú thích

1. Luân hồi - Saṁsāra, đúng nghĩa, là thênh thamg mãi mãi, triền miên. Đó là đại dương của đời sống hay kiếp sinh tồn.

Saṁsāra được định nghĩa là sự trôi chảy không ngừng của luồng ngũ uẩn, những nguyên tố và giác quan.

Saṁsāra cũng được định nghĩa là sự trôi chảy liên tục của luồng sống chúng sanh từ kiếp này sang kiếp khác, từ cuộc sinh tồn này qua sinh tồn kia.

Tránh kết hợp với người cuồng dại

2. Carañ ce nādhigaccheyya 2. Trên bước thiên lý xa xôi, - seyyaṁ sadisam attano nếu người đệ tử không gặp được bạn đồng hành ngang, Ekacariyaṁ dalhaṁ kayirā hay hơn mình, thì hãy vững natthi bāle sahāyatā. tiến trên con đường đơn độc của mình. Không nên kết hợp 2 với người cuồng dại 1. 61.

Tích chuyện

Thầy quở rầy học trò vì một lỗi lầm. Trò không vui, nổi lửa đốt tịnh thất thầy và bỏ trốn. Đức Phật nghe thuật lại câu chuyện, khuyên dạy rằng nên sống đơn độc còn hơn kết hợp với người điên khùng, cuồng dại.

Chú thích

1. Người cuồng dại - Sahāyatā, theo bản chú giải, danh từ này có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, con đường, và Thánh quả.

Như vậy, không nên hiểu cuồng dại theo định nghĩa thông thường. Cuồng dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, không đi trên con đường đưa đến giải thoát.

2. Vì lòng từ bi, vì thương họ, ta có thể đến gần người cuồng dại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để cái cuồng dại của họ nhiễm ta.

Chính ta không phải là của ta

3. Puttā m'atthi dhanaṁ 3. "Con cái, ta có. Sự nghiệp, m'atthi iti bālo vihaññati ta có". Đó là mối lo âu của hạng cuồng si. Đúng ra, chính Attā hi attano natthi kuto họ không phải là của họ. Vậy puttā kuto dhanam. con cái nào là của họ? Sự nghiệp nào là của họ. 62.

Tích chuyện

Người kia giàu có nhưng bỏn xẻn, keo kiết. Đến lúc chết, ông ta tái sanh làm một người ăn xin có hình tướng xấu xa. Ngày nọ, tình cờ ông đi đến cái nhà của ông trong kiếp sống trước, nhưng khi bước vào thì bị người nhà cột trói lại và vứt trên một đống rác. Đức Phật đi ngang qua thấy vậy thì lưu ý người chủ nhà - vốn là con của người ăn xin trong kiếp sống trước - rằng người kia không phải ai khác hơn là cha của ông.

Biết nhận thức sự cuồng dại của mình là người trí

4. Yo bālo maññati bālyaṁ - 4. Người điên mà biết mình paṇḍito vā'pi tena so điên - vì lẽ ấy - là người trí. Điên mà cho rằng mình có Bālo ca paṇḍitamānī - sa ve trí tuệ thì quả thật là điên. bālo'ti vuccati. 63.

Tích chuyện

Hai người đi nghe thuyết pháp. Sau khi nghe, một người đắc quả Tu-Đà-Hườn. Trong lúc ấy người kia lo ăn cắp tiền. Trên đường về, người ăn cắp chê người đắc quả không biết lợi dụng thời cơ để kiếm chút gì như anh đã làm. Khi hay được câu chuyện, Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người cuồng dại và người trí.

Người cuồng dại không thể nhận chơn giá trị của giáo pháp

5. Yāvajīvam'pi ce bālo - 5. Người cuồng dại, dầu sống paṇḍitaṁ payirupāsati chung suốt đời với người trí, vẫn không hiểu Giáo Pháp hơn cái Na so dhammaṁ vijānāti - muỗng thưởng thức hương vị dabbī sūparasaṁ yathā. của canh (mặc dầu nằm trọn vẹn trong nồi canh). 64.

Tích chuyện

Đại đức Udāyi thường ngồi trên Pháp tọa. Các vị Tỳ-khưu khác thấy vậy lầm tưởng rằng thầy thông suốt Giáo Pháp, đến nhờ thầy giảng, mới biết thầy không thông. Câu chuyện được bạch với Đức Phật, Đức Phật giảng về thái độ của người cuồng dại, dầu suốt đời sống chung với người trí, vẫn không thông hiểu Giáo Pháp, cũng như cái muỗng, dầu nằm trọn vẹn trong nồi canh, vẫn không thưởng thức được hương vị của canh.

Bậc thiện trí nhận chơn giá trị của giáo pháp

6. Muhuttam api ce viññu - 6. - Dầu chỉ sống chung với paṇḍitaṁ payirupāsati bậc trí tuệ trong chốc lát, người thông minh thấu hiểu Khippaṁ dhammaṁ vijānati nhanh chóng Giáo Pháp, như Jivhā sūparasaṁ yathā. cái lưỡi (thưởng thức) hương vị của canh. 65.

Tích chuyện

Ba mươi thanh niên nghe được Giáo Pháp liền đắc quả A-La-Hán. Đức Phật đề cập đến sự chứng ngộ mau lẹ ấy và giải thích rằng các vị kia vốn đã là những người thông minh xuất chúng.

Quả của hành động bất thiện thật là đắng

7. Caranti bālā dummedhā - 7. Người điên rồ thiển trí amitten'eva attanā trở đi lộn lại với chính cái tự ngã của mình như kẻ thù, Karontā pāpakaṁ kammaṁ - làm những việc ác mà hậu yaṁ hoti kaṭukapphalaṁ. quả sẽ đắng cay. 66.

Tích chuyện

Ngày kia, có người mang bệnh cùi đến nghe Pháp và đắc quả Tu-Đà-Huờn (Nhập Lưu). Bất hạnh thay, lúc trở về, vị ấy bị một con ngựa con húc vào người và ngã ra chết. Đức Phật giải thích rằng vị ấy mang bệnh cùi vì trong một tiền kiếp đã có lần nhổ nước miếng vào một vị Phật Độc Giác và bị ngựa húc chết vì đã giết một cô gái hang hồ.

Hành động ấy quả thật bất thiện nếu đem lại hối hận

8. Na taṁ kammaṁ kataṁ 8. Hành động ấy không tốt sādhu -yaṁ katvā anutappati khi mà, sau khi thực hiện ta ăn năn hối hận và, đến lúc Yassa assumukho rodaṁ gặt quả dữ, ta than khóc, lệ vipākaṁ paṭisevati. tuôn đầy mặt. 67.

Tích chuyện

Một nông dân bị kết tội ăn cắp vì oa trữ những tang vật bị đánh cắp. Do tác phong đặc biệt của anh, anh được đem đến trình với Đức Phật. Đức Phật giải thích rõ ràng trường hợp. Anh nông dân vô tội được thả về, và Đức Phật giảng dạy về hậu quả của những hành động bất thiện.

Hành động ấy quả thật là thiện nếu không đem lại hối hận

9. Tañ ca kammaṁ kataṁ 9. - Hành động ấy tốt khi sādhu -yaṁ katvā nānutappati mà, sau khi thực hiện, ta không ăn năn hối hận và, lúc Yassa patīto sumano -vipākaṁ hưởng quả lành, ta hoan hỉ paṭisevati. thỏa thích. 68.

Tích chuyện

Một người làm vườn dâng đến Đức Phật những cành hoa mà anh để dành cho vua, và làm như thế có thể nguy đến tánh mạng anh. Trái với mọi dự đoán, vua rất thỏa thích được biết hành động trong sạch ấy và ban thưởng anh xứng đáng. Nhơn cơ hội, Đức Phật giảng về quả lành của những hành động thiện.

Người hành ác đi đến phiền não

10. Madhū'va 1 maññatī bālo - 10. Hành động xấu ngọt yāva pāpaṁ na paccati ngào như mật. Kẻ điên cuồng nghĩ như vậy khi quả Yadā ca paccatī pāpaṁ -atha dữ chưa trổ. Nhưng lúc quả bālo dukkhaṁ nigacchati. trổ, họ sẽ đau khổ. 69.

Tích chuyện

Một nữ tu sĩ đang hành đạo giữa rừng. Người kia, trước có đi nói bà mà không được, vào rừng hảm hiếp bà. Khi nghe câu chuyện, Đức Phật giảng dạy về những phiền não mà người có hành động bất thiện phải gặp.

Chú thích

1. Trong nhiều bổn, Phạn ngữ này viết Madhuvā.

Chứng ngộ thập phần cao thượng tuyệt cốc suông

11. Māse māse kusaggena - 11. Tháng này qua tháng kia, bālo bhuñjetha bhojanaṁ người cuồng dại có thể chỉ ăn chút ít vật thực mà đầu ngọn cỏ Na so Kusa 1 vít lên được. Nhưng saṅkhatadhammānaṁ (khổ hạnh như thế ấy) không kalaṁ agghati soḷasiṁ. bằng một phần mười sáu của người thông suốt Chơn Lý 2. 70.

Tích chuyện

Do quả dữ của hành động bất thiện trong quá khứ, một đạo sĩ thường ngày chỉ dùng phẩn người để sống. Một ngày kia đạo sĩ chỉ vít chút bơ và mật ong trên đầu ngọn cỏ rồi để ở chót lưỡi mình. Đức Phật viếng ông và độ ông đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1. Đúng nguyên văn: "tháng này qua tháng kia, với mảnh lá của ngọn cỏ kusa, người cuồng dại có thể ăn bữa ăn của mình".

2. Người thông suốt chơn lý - saṁkhatadhammānaṁ, "Người đã cân nhắc định luật đầy đủ", Max Muller và Burlingame. "Người đã xem xét sự vật đầy đủ", Mrs Rhys Davids. "Người đã nghiên cứu Giáo pháp cao thượng", Woodward. Giải thích của bản chú giải là:

"Những bậc Thánh nhơn đã chứng ngộ Tứ diệu đế".

Cái được gọi là tuyệt cốc trong những tín ngưỡng khác, dầu kéo dài đến đâu, cũng không thể nhờ đó mà tận diệt dục vọng và, như vậy, không bằng một phần mười sáu một ngày nhịn ăn của vị Thánh nhơn đã chứng ngộ Tứ đế.

Hành động bất thiện sẽ trổ quả đúng lúc

12. Na hi pāpaṁ kataṁ 12. Thật vậy, hành động xấu đã kammaṁ sajju khīraṁ'va thực hiện không tạo quả tức muccati khắc, cũng như sữa tươi không tức khắc đông đặc. Nó (âm Dahantaṁ bālaṁ anveti - thầm) theo người cuồng dại như bhasmacchanno'va cục lửa ngún cháy dưới lớp tro pāvako. tàn. 71.

Tích chuyện

Anh nông dân kia, vì hổ thẹn, nổi lửa thiêu đốt tịnh thất của một vị Phật Độc Giác. Do đó anh tái sanh làm ngã quỷ có hình tướng giống như con rắn. Đức Phật giải thích vì sao anh phải chịu mang trạng thái đáng thương như vậy và giảng dạy những quả xấu của hành động bất thiện.

Bên trong người cuồng dại, tri thức và danh vọng có khuynh hướng làm sụp đổ họ

13. Yāvadeva anatthāya - 13. Trong sự sụp đổ của chính ñattaṁ bālassa jāyati mình, thật vậy, người cuồng dại thâu thập tri thức và danh vọng. Hanti bālassa sukkaṁsaṁ Tri thức và danh vọng tiêu diệt -muddham assa số phần sáng sủa và bửa cái đầu vipātayaṁ. của người cuồng dại 1. 72.

Tích chuyện

Một người học trò buông lung hư hỏng theo học nghề cung kiếm và sử dụng sai lạc tài nghệ của mình, bắn hòn đá trúng một vị Phật Độc Giác chết ngay tại chỗ. Do nghiệp bất thiện ấy, anh tái sanh làm ngã quỷ, hai tay cầm búa to. Nhắc đến tài nghệ trong quá khứ của anh, Đức Phật ghi nhận rằng chính sự hiểu biết của người hư hỏng, như tài bắn cung của người học trò buông lung, làm sụp đổ họ.

Chú thích

1. Bửa cái đầu - tức là phân tán trí tuệ.

Người si mê tìm danh vọng bất chánh

14. Asataṁ bhāvanam 14. Người cuồng dại mong iccheyya purekkhārañ ca muốn thanh danh bất chánh, bhikkhusu muốn chiếm địa vị trên trước trong tăng chúng, muốn Avāsesu ca issariyaṁ - pūjā quyền thế trong tu viện, muốn parakulesu ca. được kính nể hơn các gia đình khác. 73. 15. Mam eva kata maññantu -gihī pabbajitā ubho 15. Hãy để cho cả hai, tăng chúng và cư sĩ, nghĩ rằng: Mam ev'ativasā assu - "Việc này do chính ta làm. kiccākiccesu kismici Trong mỗi việc, dầu lớn hay nhỏ, hãy để chúng làm theo Iti bālassa saṅkappo - icchā ta" Đó là tham vọng của kẻ māno ca vaḍḍhati. cuồng dại. Lòng tham ái và tính ngã mạn của họ tăng trưởng. 74.

Tích chuyện

Một tăng sĩ trụ trì lòng ganh tỵ với vị khách - vốn là đại đệ tử của Đức Phật - từ xa đến viếng, vì vị này được nhiều thiện tín kính mộ. Thầy lăng mạ khách và đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên sám hối, không nên ích kỷ và có nhiều tham vọng, không nên chấp điều gì là "Ta" và "của Ta".

Con đường danh lợi là một, và Niết-bàn là con đường khác

16. Aññā hi lābhūpanisā 16. Chắc như vậy, con đường aññā nibbānagāminī dẫn đến lợi lộc của trần gian là một, và dẫn đến Niết-bàn là Evam etaṁ abhiññāya - con đường khác. Thông hiểu bhikkhu Buddhassa sāvako như thế, thầy Tỳ-khưu, đệ tử Phật, không nên thỏa thích Sakkāraṁ nābhinandeyya - trong mùi danh bã lợi của thế vivekam anubrūhaye. gian mà phải trau dồi tâm dứt bỏ. 1 75.

Tích chuyện

Vị Sa-di kia xuất thân từ một gia đình khả kính, được thiện tín tới tấp dâng lễ vật cúng dường. Nhưng ông chẳng màng, từ chối tất cả, chấp nhận đời sống đơn độc và nghèo nàn ở chốn rừng sâu. Một ngày tươi sáng nọ vị Sa-di thành đạt đạo quả A-La-Hán. Các vị Tỳ-khưu hết lời tán dương phẩm hạnh gương mẫu của Ngài. Nghe câu chuyện, Đức Phật mô tả hai con đường khác nhau, một dẫn đến lợi lộc và một đến Niết-bàn.

Chú thích

1. Tâm dứt bỏ - Viveka, lìa bỏ hay tách rời, gồm có ba là: Kāyaviveka, thể xác tách rời ra khỏi đám đông, cittaviveka, tinh thần tách rời khỏi dục vọng, và upadhiviveka, sự trọn vẹn tách rời khỏi tất cả những vật hữu lâïu (tùy thế, những vật phát sanh do nguyên nhân), tức là Niết-bàn.

-ooOoo-

6. BẬC THIỆN TRÍ - PANDITA VAGGA

Hãy kết hợp với người thiện trí hết lòng khuyến thiện ta

1. Nidhīnaṁ'va pavattāraṁ - 1. Nếu gặp người thiện trí chỉ yaṁ passe vajjadassinaṁ cho ta những lỗi lầm và những điểm cần phải sửa sai - Niggayhavādiṁ medhāviṁ - giống như người phát giác tādisaṁ paṇḍitaṁ bhaje cho ta kho tàng bảo vật - hãy kết hợp với người như thế. Ai Tādisaṁ bhajamānassa - kết hợp với người như thế sẽ seyyo hoti na pāpiyo. trở nên tốt, không xấu hơn. 76.

Tích chuyện

Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) thâu nhận một người nghèo vào Giáo hội để tỏ lòng biết ơn một muỗng vật thực mà người ấy đã dâng đến Ngài. Vị tăng sĩ mới luôn luôn tìm cơ hội học hỏi và tận lực chuyên cần theo lời dạy của thầy nên sớm đắc quả A-La-Hán. Đức Phật đề cập đến tinh thần hiếu học và luôn luôn sẵn sàng sửa mình của vị Thánh Tăng và kêu gọi các vị khác nên noi theo gương lành trong sạch ấy.

Người tốt hoan hỉ với lời khuyên dạy, người xấu thì không

2. Ovadeyyānusāseyya - 2. Hãy để người ấy khuyên asabbhā ca nivāraye nhủ, dạy dỗ và thuyết phục ta không làm điều ác. Người tốt Sataṁ hi so piyo hoti -asataṁ quả thật hoan hỉ với lời hoti appiyo. khuyến thiện, người xấu thì không. 77.

Tích chuyện

Đức Phật yêu cầu hai vị đại đệ tử của Ngài khuyên dạy hai thầy Tỳ-khưu không theo đúng giới luật. Ngài lưu ý hai vị ấy rằng người tốt biết thương ai khuyên dạy mình, còn người đã không biết tôn trọng kỷ luật ắt không biết thương.

Hãy kết hợp với bạn lành

3. Na bhaje pāpake mitte - na 3. - Không kết hợp với bạn bhaje purisādhame xấu, với người ti tiện. Hãy kết hợp với người tốt, Bhajetha mitte kalyāṇe - người cao quý. 78. bhajetha purisuttame.

Tích chuyện

Đại đức Sa Nặc (Channa), trước kia là người đánh xe cho Thái Tử Sĩ Đạt Ta (Siddhattha) tỏ ra thật kỳ khôi, khó dạy, và thường ương ngạnh với hai vị đại đệ tử của Đức Phật. Ba lần Đức Phật khuyên dạy thầy về sự lợi ích có bạn tốt và lưu ý rằng hai vị đại đệ tử là bạn tốt nhứt của thầy.

Người thấm nhuần giáo pháp sống hạnh phúc

4. Dhammapīti sukkaṁ seti - 4. - Người thấm nhuần Giáo vippasannena cetasā Pháp sống trong hạnh phúc với tâm an tịnh. Người thiện Ariyappavedite dhamme - trí luôn luôn thỏa thích trong sadā ramati paṇḍito. Giáo Pháp mà các bậc Thánh nhơn đã tìm ra. 79.

Tích chuyện

Một ông vua xuất gia và đắc quả A-La-Hán thường nói: "Quả thật hạnh phúc!" Các thầy Tỳ-khưu hiểu lầm, bạch với Đức Phật rằng rõ ràng vị Đại đức kia đang tưởng nhớ những thú vui vương giả của thời xưa nên đã thốt lên như vậy. Đức Phật sửa lại và dạy rằng chính vị ấy đang thọ hưởng hạnh phúc Niết-bàn.

Chú thích

1. Thánh nhơn - Ariya, người đã xa lìa, tách ra khỏi những dục vọng. Sơ khởi, Ariya là một danh từ thuộc về nhơn chủng. Trong Phật giáo, danh từ này dùng để chỉ hạng người cao quý nhứt là chư Phật và chư vị A-La-Hán.

Bậc thiện trí tự kiểm soát lấy mình

5. Udakaṁ hi nayanti nettikā 5. Người dẫn thủy nhập điền -usukārā namayanti tejanaṁ đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên uốn nắn mũi tên Dāruṁ namayanti tacchakā - cho ngay thẳng. Thợ mộc attānaṁ damayanti paṇḍitā. . uốn gỗ. Bậc thiện trí tự kiểm soát lấy mình. 80.

Tích chuyện

Một cậu bé bảy tuổi xuất gia Sa-di. Ngày kia, theo thầy trì bình, cậu để ý thấy những người nông dân dẫn thủy nhập điền, những người thợ chuốt tên, những người thợ mộc đang hành nghề và nêu lên nhiều câu hỏi cho ông thầy. Vị Sa-di bảy tuổi ấy tự nghĩ: "Những vật vô tri vô giác như nước, như gỗ còn có thể uốn nắn và kiểm soát được, tại sao ta lại không thể kiểm soát được cái tâm của ta?". Nghĩ vậy, ông rút vào tịnh thất, chuyên chú hành thiền và đắc quả A-La-Hán trong lúc chỉ có bảy tuổi.

Như tảng đá vững chắc không thể lay chuyển, người thiện trí không xao động giữa những lời tán dương và khiển trách

6. Selo yathā ekaghano - 6. Như tảng đá vững chắc vātena na samīrati không lay chuyển trước gió, dường thế ấy, bậc thiện trí Evaṁ nindāpasaṁsāsu - na không bị lời tán dương hay samiñjanti paṇḍitā. khiển trách làm chao động. 81.

Tích chuyện

Vài thầy Sa-di không biết nên theo phá khuấy một vị A-La-Hán khả kính vì thân hình Ngài nhỏ bé. Khi được biết vị Thánh Tăng không chút xao động, Đức Phật dạy rằng chư vị A-La-Hán giữ mình luôn luôn bình thản trước những lời tán dương hay khiển trách.

Người trí được an tịnh

7. Yathā'pi rahado gambhīro - 7. Như nước trong hồ sâu, vippasanno anāvilo yên lặng và trong suốt, dường thế ấy, khi nghe Evaṁ dhammāni sutvāna - Pháp (tâm của) người thiện vippasīdanti paṇḍitā. trí vô cùng an tịnh. 82.

Tích chuyện

Một thiếu nữ về nhà chồng không được bên chồng chấp thuận vì không có của hồi môn (theo tập tục thời bấy giờ ở Ấn Độ). Mẹ cô đã dâng tất cả sự nghiệp đến chư Tăng. Người thiếu nữ bị hất hủi, đâm ra thất vọng và nguyền rủa Chư sư. Đức Phật thuyết Pháp cho cô nghe và tâm cô trở nên an tịnh.

Người thiện trí không bồng bột cũng không nản chí

8. Sabbattha ve sappurisā 8. Người tốt dứt bỏ tất cả. cajanti na kāmakāmā Bậc Thành nhơn không lapayanti santo nhắc đến ái dục. Dầu hạnh phúc hay đau khổ, bạc thiện Sukhena phuṭṭhā athavā trí không bồng bột cũng dukhena na uccāvacaṁ không để tinh thần suy sụp. paṇḍitā dassayanti. 83.

Tích chuyện

Theo lời mời của một vị Bà-La-Môn, Đức Phật và các môn đệ Ngài an cư kiết hạ tại Veranjā. Mặc dầu lắm lúc bị bỏ lửng, không được chăm sóc đến, vì vị thí chủ Bà-La-Môn lãng quên, không có ai vì đó mà buồn ý. Đến khi trở về Sāvatthi, các Ngài được hộ độ châu đáo nhưng cũng không vì đó mà tỏ ra thỏa thích quá độ. Đức Phật lưu ý rằng người thiện trí không bao giờ bồng bột, cũng không để tinh thần suy sụp.

Chú thích

1. Dứt bỏ tất cả - Ngũ uẩn v.v... xem câu 203.

Không nên tìm thành công bằng những phương tiện bất chánh

9. Na attahetu na parassa 9. Không vì mình, cũng không vì hetu - na puttamicche na kẻ khác (mà người thiện trí hành dhanaṁ na ratthaṁ động lầm lạc). Không ham muốn con cái, sự nghiệp, hay ngai vàng Na iccheyya adhammena (bằng hành động lầm lạc): Không samiddhim attano - sa tìm thành công bằng phương sīlavā paññavā tiện bất chánh. Con người như dhammiko siyā.

thế quả thật đạo hạnh, thiện trí và có chánh hạnh. 84.

Tích chuyện

Một người có phẩm hạnh chơn chánh muốn từ bỏ đời sống trần tục để xuất gia theo Phật. Mặc dầu mỗi lần thảo luận với vợ đều bị bà vợ bàn ra, ngày kia ông thọ lễ xuất gia và sớm thành đạt đạo quả A-La-Hán. Sau đó vợ và con ông cũng lần hồi gia nhập vào Giáo hội và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật nhơn cơ hội, nói lên những lời ca tụng trên.

Ít người qua đến bên kia

10. Appakā te manussesu - ye 10. Giữa đám người, có rất ít janā pāragāmino vượt qua đến bờ bên kia, số còn lại chỉ quay quần xuôi Athāyaṁ itarā pajā - ngược ở bờ bên này 1. 85. tīramevānudhāvati.

Người thực hành giáo pháp vượt qua bên kia

11. Ye ca kho 11. Nhưng, những ai hành sammadakkhāte -dhamme đúng lời giáo huấn - đã được dhammānuvattino trình bày minh bạch - sẽ vượt trùng dương của dục Te janā pāramessanti - vọng 2, rất khó qua, để đáo maccudheyyaṁ suduttaraṁ. tận bĩ ngạn. 86.

Tích chuyện

Những người có tâm đạo, cùng ở dọc theo một con đường nọ, quyết định để bát cúng dường Chư sư và nghe giảng Giáo Pháp suốt đêm. Nhưng khi đêm về khuya vài người không chịu nổi nên trở về nhà. Vài người khác ở lại nhưng không ngớt ngủ gục. Nghe câu chuyện, Đức Phật giải thích bản chất của người thế gian.

Chú thích

1. Bờ bên nây - là thân kiến (sakkāyadiṭṭhi, quan kiến sai lạc về thể xác này). Phần đông sanh trở đi trở lại trên thế gian này.

2. Trùng dương của dục vọng - Maccud-heyya, tức là kiếp sống trần tục, nơi mà dục vọng chế ngự.

Từ bỏ điều ác phát triển điều thiện tìm hạnh phúc trong cảnh cô đơn người không luyến ái sống an tịnh

12. Kaṇhaṁ dhammaṁ 12. 13. Đi từ nhà đến vippahāya - sukkaṁ bhāvetha cảnh vô gia cư, người paṇḍito thiện trí phải từ bỏ trạng thái tối tăm 1 và phát Okā anokaṁ

āgamma - viveke triển trạng thái sáng sủa, yattha dūramaṁ. phải tìm thỏa thích trong hạnh khước từ (Niết- 13. Tatrābhiratim iccheyya -hitvā bàn), rất khó được thọ kāme akiñcano hưởng. Từ bỏ dục lạc, khắc phục chướng ngại 2, Pariyodapeyya attānaṁ - người thiện trí phải tự cittaklesehi paṇḍito. thanh lọc mọi ô nhiễm trong tâm. 87. 88. 14. Yesaṁ sambodhiaṅgesu sammā cittaṁ subhāvitaṁ 14. Người có tâm hoàn hảo trong bồ đề phần 3, Ādānapaṭinissagge -anupādāya người không luyến ái, ye ratā thỏa thích trong sự "từ bỏ ái dục 4" (tức Niết Khīṇāsavā jutīmanto - te loke bàn). Con người không ô parinibbutā. nhiễm và sáng ngời rực rỡ ấy đã chứng ngộ Niếtbàn trên chính thế gian này. 89.

Tích chuyện

Năm trăm tăng sĩ đến yết kiến Đức Phật và Ngài khuyên dạy những lời trên.

Chú thích

1. - Trạng thái tối tăm - (kaṇhaṁ dhammaṁ), là mười loại hành động bất thiện, và trạng thái sáng sủa (sukkaṁ) là mười loại hành động thiện. Xem Chú thích những câu 42 và 43.

2. - Các chướng ngại ấy là năm chướng ngại tinh thần (nīvaraṇa), ngăn cản con đường giải thoát, gồm: Tham dục (kāmacchanda), oán ghét (vyāpāda), dã dượi hôn trầm (thīnamiddha), phóng dật (uddhacca-kukkucca), và hoài nghi (vicikicchā).

3. - Bồ đề phần - Xem Chú thích câu 44.

4. - Đó là bốn loại ái dục gồm: ái dục đeo níu theo ngũ trần, tà kiến, giới cấm thủ, tức tin theo những nghi thức cúng dường (sai lạc), và thân kiến, nghĩa là có quan kiến sai lầm về xác thân này.

-ooOoo-

7. A-LA-HÁN - ARAHANTA 1 VAGGA

Bậc thoát tục không còn đau khổ

1. Gataddhino visokassa - 1. Đối với người đã trải qua vippamuttassa sabbadhi suốt cuộc hành trình 2, chấm dứt mọi ưu phiền 3, hoàn Sabbaganthappahīnassa - toàn siêu thoát 4, cắt đứt mọi pariḷāho na vijjati. trói buộc 5, nhiệt độ (tham ái) không còn nữa 6. 90.

Tích chuyện

Đại đức Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) mưu toan sát hại Đức Phật bằng cách xô một tảng đá to từ trên đồi cao xuống, lúc Đức Phật đi ngang qua. May thay, tảng đá va nhằm một tảng khác, bể tách ra, và một mảnh nhỏ chạm vào chơn Đức Phật, làm Ngài đau xiết. Vị lương y Jivika băng bó vết thương rồi ra đi, nói rằng ông vào thành thăm một bệnh nhơn và sẽ trở lại mở chỗ bó ra. Khi ông trở ra thì cửa thành đã đóng nên không đến đúng như đã hẹn. Ông lo sợ cho Đức Phật, vì chỗ bó không mở ra, có thể phải chịu đau thêm. Đức Phật đọc tư tưởng ông, bảo Đại đức Ananda mở băng ra. Sáng hôm sau, ông

Jivika lật đật chạy lại tịnh thất để thăm Đức Phật. Chừng ấy Ngài mới giải thích thái độ tinh thần của người thoát tục.

Chú thích

1. A-La-Hán - Arahanta, là một danh từ có nhiều nghĩa, có thể dịch là "Ứng Cúng", "Không Còn Dục Vọng", hay là người không còn làm điều bất thiện, dầu việc làm ấy không ai có thể biết. Vị A-La-Hán đã thoát ra ngoài vòng sanh tử. Sau khi chết, với danh từ thông thường, ta nói - các Ngài nhập đại Niết-bàn (parinibbāna). Cho đến ngày đại Niết-bàn, các Ngài không ngừng phục vụ tha nhơn bằng cả hai lối, lời dạy và gương lành.

2. Cuộc hành trình - Cuộc hành trình của đời sống trong vòng luân hồi. Chấm dứt cuộc hành trình, tức đắc quả A-La-Hán.

3. Hành giả chấm dứt mọi ưu phiền lúc đắc quả A-Na-Hàm (Anāgāmi), từng thánh thứ ba. Đến từng thánh ấy, hành giả đã tận diệt mọi luyến ái đeo níu theo dục vọng và mọi hình thức bất mãn.

4. Hoàn toàn siêu thoát - sabbadhi, hoàn toàn tự do, thoát ra khỏi mọi dính mắc đối với thân ngũ uẩn v.v...

5. Có bốn loại trói buộc (gantha) là:

a) tham muốn (abhijjhā), b) oán ghét (vyāpāda), c) dễ duôi nương theo nghi thức lễ bái và cúng tế (sai lầm) (sīlabbataparāmāsa, giới cấm thủ), d) cố chấp trong thành kiến, khư khư chấp rằng thành kiến của mình là chơn lý (idam saccābhinivesa, kiến thủ).

6. Câu nầy đề cập đến phẩm hạnh của một vị A-La-Hán. Có hai loại nhiệt độ, tinh tần và vật chất. Lúc còn sống, vị A-La-Hán còn thọ cảm nhiệt độ của thể xác, nhưng kkhông quan tâm đến. Còn sức nóng tinh thần, nhiệt độ của tham vọng hay lửa tham ái, Ngài không còn nữa.

Chư vị A-La-Hán không còn luyến ái

2. Uyyunjanti satimanto - 2. Người chuyên chú tận lực cố gắng, không luyến ái nơi na nikete ramanti te trú ẩn nào. Tựa như những con thiên nga bay lìa ao hồ, Hamsa ûva pallalaṁ hitvā - người ấy rời bỏ nhà nầy sang nhà khác (và ra đi) 1. 91. okaṁ okaṁ jahanti te.

Tích chuyện

Vài vị tăng sĩ hiểu lầm phẩm hạnh của Đại đức Ca-Diếp (Kassapa) và bàn tán với nhau rằng Ngài còn luyến ái những thí chủ và họ hàng thân thuộc. Nghe vậy, Đức Phật giải thích rằng Đại đức Ca- Diếp (Kassapa) đã cắt dứt mọi luyến ái.

Chú thích

1. Chư vị A-La-Hán đi lang thang, rày đây mai đó, không luyến ái một nơi ở nhứt định nào, bởi vì các Ngài đã hoàn toàn tự do, đã thoát ra khỏi mọi quan niệm về "Ta" và "Của Ta".

Không nên luyến ái vật thực

3. Yesaṁ sannicayyo natthi - 3. Những ai không tích trữ 1, ye pariññātabhojanā nhiếp tâm chánh niệm khi dùng vật thực 2, thành đạt Giải Suññato animitto ca - Thoát 3- vốn Hư không và Vô vimakkho yassa gocaro Tướng - như đối tượng của mình. Lộ trình của các vị ấy Ākāse ûva sakuntānaṁ - không khác nào lộ trình của gati tesaṁ durannayā. đàn chim bay trên không trung, không thể vẽ lại được. 92.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu cất vật thực để dùng về sau. Đức Phật khuyên thầy không nên làm như vậy và giải thích thêm tác phong chơn chánh của một vị Tỳ-khưu thuần thành.

Chú thích

1. Tích trữ- có hai loại tích trữ là: hoạt động có liên quan đến nghiệp hành, và bốn món cần thiết cho đời sống của thầy Tỳ-khưu (tứ vật dụng: thuốc men, chỗ ở, y bát và vật thực).

Loại tích trữ thứ nhất có khuynh hướng kéo dài cuộc hành trình trong vòng luân hồi. Loại thứ nhì, mặc dầu cần thiết, có thể là một trở ngại cho tiến bộ tinh thần.

2. Dứt khoát từ bỏ mọi thèm muốn về vật thực.

3. Giải thoát hay Niết-bàn là thoát ra mọi đau khổ (vimokka). Gọi là hư không vì không còn tham, sân,si, không phải vì Niết-bàn là hư vô hay tuyệt diệt. Niết-bàn là một trạng thái siêu thế tích cực, có thật mà ngôn từ tại thế không diễn đạt được. Vô tướng, vì không còn dấu

vết của tham, sân, si. Chư vị A-La-Hán chứng nghiệm quả vị Niết-bàn lúc còn ở trong kiếp sống này. Nói rằng sau khi chết một vị A-La-Hán "còn" hay "không còn", "tại" hay "bất tại", đều không đúng, bởi vì Niết-bàn không phải trường tồn vĩnh cửu, cũng không phải hư vô, tuyệt diệt.

Chư vị A-La-Hán chứng nghiệm hạnh phúc Niết-bàn bằng cách thành đạt quả A-La-Hán trong chính kiếp sống hiện tiền.

Người không ô nhiễm sống tự do

4. Yassāsavā parikkhīṇā - 4. Người tận diệt ô nhiễm, āhāre ca anissito không luyến ái vật thực, thành đạt Giải Thoát - vốn Suññato animitto ca - Hư Không và Vô Tướng - như vimokkho yassa gocaro đối tượng của mình. Con đường của vị ấy không khác Ākāse'va sakuntānaṁ - nào của đàn chim bay trên padaṁ tassa durannayaṁ. không trung, không thể vẽ lại. 93.

Tích chuyện

Vì thiện tín đem vật thực dồi dào dâng đến Đại đức Anuruddha, nên có vài vị Tỳ-khưu bàn tán rằng Ngài đã dặn dò các thí chủ làm như vậy để tỏ ra mình có nhiều uy tín. Đức Phật lưu ý rằng chính tâm trong sạch bố thí của thiện tín tự nhiên phát sanh chớ không phải do Đại đức Anuruddha xúi giục, và Đức Phật thêm rằng người không ô

nhiễm không mất thì giờ để nói chuyện về tứ vật dụng, (hay bốn món cần thiết cho đời sống Tỳ-khưu).

Người biết tự chế được tất cả quý mến

5. Yass'indriyāni samathaṁ 5. Người chế ngự lục căn gatāni - assā yuthā sārathinā cũng giống như tuấn mã sudantā được rèn luyện thuần thục, người đã tiêu trừ ngã mạn Pahīnamānassa anāsavassa - và không bị ô nhiễm, người devā'pi tassa pihayanti tādino. vững chắc như thế, chí đến chư Thiên cũng quý mộ. 94.

Tích chuyện

Sakka, Trời Đế-Thích, cung kính đảnh lễ Đại đức Kaccāyana. Vài thầy Tỳ-khưu cho rằng Trời Đế- Thích thiên vị. Đức Phật sửa lời các thầy và lưu ý rằng chư vị A-La-Hán như Đại đức Kaccāyana đã chế ngự lục căn nên được cả Trời lẫn người kỉnh mộ.

Như đất, chư vị A-La-Hán không chao động

6. Paṭhavi samo no virujjhati - 6. Như đất, người giữ tâm indakhīlūpamo tādi subbato quân bình và có nếp sống kỷ cương không còn xúc động. Rahado'va apetakaddamo - Người ấy như trụ đồng samsārā na bhavanti tādino. Indakhìla 1, như ao hồ phẳng

lặng, không bị bùn đất làm nhơ bẩn. Với người có tâm quân bình như thế 2, cuộc đi lang thang bất định của đời sống không còn lặp lại nữa 3. 95.

Tích chuyện

Ngày kia Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) vô tình chạm nhằm vành tai của một tăng sĩ vốn đã có lòng ganh tỵ với Ngài. Vị nầy đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Khi được đến hỏi, Đại đức Xá-Lợi-Phất không tự bào chữa mà chỉ mô tả lại đời sống khiêm tốn của Ngài từ lúc xuất gia. Thầy Tỳ-khưu nghe xong lấy làm ăn năn hối hận, xin sám hối với Đại đức Xá-Lợi-Phất và Ngài Xá-Lợi- Phất cũng vậy, xin sám hối trở lại, nếu Ngài có làm điều chi lỗi lầm, phạm đến thầy. Nhơn đó Đức Phật ca ngợi Đại đức Xá-Lợi-Phất, ví Ngài như đất, im lìm, trầm lặng không hề xao xuyến.

Chú thích

1. Indakhīla- là một cây cột vừa vững chắc vừa cao như cây cột của vua Trời Đế-Thích, hoặc là cây trụ chánh ở cổng vào một thị trấn.

Các nhà chú giải ghi nhận rằng Indakhīla nầy là những trụ cột vững chắc, dựng lên bên trong hay bên ngoài các thị trấn cho đẹp mắt. Thông thường, các trụ cột nầy làm bằng gạch hoặc bằng gỗ, hình bát giác. Những trụ cột này được chôn thật sâu dưới đất, do đó có thành ngữ "vững chắc như Indakhīla".

2. Tādi - là người không còn luyến ái những gì ưa thích, không bất mãn với điều không ưa, cũng không bám víu điều gì. Giữa tám điều kiện thăng trầm của thế sự - được và thua, tán dương và khiển trách, danh thơm và tiếng xấu, hạnh phúc và đau khổ - một vị A-La-Hán sống hoàn toàn bình thản. Tâm quân bình, không chao động, không biểu hiện lòng ưa thích hay bất mãn, không hỉ hạ vui cười mà cũng không lo âu sầu muộn.

3. Bởi vì các Ngài không còn sanh sanh tử tử triền miên nữa.

Người trầm tĩnh sống an tịnh

7. Santaṁ tassa manaṁ hoti - 7. Tâm trầm tĩnh, ngôn ngữ santā vācā ca kamma ca trầm tĩnh, hành động trầm tĩnh, người ấy, hiểu biết Sammadaññāvimuttassa - chơn chánh, trọn vẹn siêu upasantassa tādino. thoát 1, hoàn toàn an tịnh 2 và quân bình. 96.

Tích chuyện

Khi lấy cây quạt đánh thức một người học trò, ông thầy nọ lỡ tay chạm nhằm con mắt của trò. Về sau, lúc đóng cửa, ông thầy ấy lại vô tình làm kẹt tay trò kia một lần nữa. Nhưng người học trò không tỏ ý buồn phiền sự vô ý của thầy mình. Đức Phật ngợi khen người học trò biết tự kềm chế.

Chú thích

1. Siêu thoát - không còn vướng chút ô nhiễm.

2. An tịnh - vì tâm Ngài đã hoàn toàn thanh tịnh.

Người không nhẹ dạ là cao quý

8. Assaddho akataññū ca - 8. Người không nghẹ dạ 1, thấu sandhicchedo ca yo naro triệt trạng thái Vô sanh 2 (Niếtbàn), cắt đứt mọi hệ lụy 3, chấm Hatāvakāso vantāso - sa ve dứt mọi cơ hội 4 (cho điều thiện uttamaporiso. và điều ác phát sanh), tận diệt 5 mọi tham ái 6, người ấy quả thật là tối thượng. 97.

Tích chuyện

Đức Phật nêu ra nhiều câu hỏi cho Đại đức Xá-Lợi-Phất có liên quan đến đức tin. Đại đức Xá-Lợi- Phất giải đáp rằng vì đã chứng ngộ các đạo và các quả, Ngài không còn hành động theo niềm tin suông nơi Đức Phật. Các vị Tỳ-khưu khác nghe vị đại đệ tưû chối niềm tin nơi Đức Phật thì không hoan hỉ. Bấy giờ Đức Phật mới giải thích rằng Đại đức Xá-Lợi-Phất không đáng bị khiển trách bởi vì Ngài đặt niềm tin nơi sự chứng ngộ bản thân chớ không còn nương nhờ nơi người khác.

Chú thích

1. Nhẹ dạ - theo đúng văn tự, danh từ assaddho có nghĩa là không trung thành. Vị A-La-Hán không chấp nhận suông những nguồn hiểu biết khác vì chính các Ngài đã tự chứng ngộ chơn lý.

2. Vô Sanh - Akatā, là Niết-bàn. Gọi như vậy vì không có ai tạo ra Niết-bàn. Akataññū cũng có thể được dịch là vô ơn.

3. Hệ lụy - những dây nối liền trong kiếp nhơn sanh. Sandhicchedo cũng có nghĩa là người phá nhà, tức một tên trộm.

4. Chấm dứt cơ hội - Hata + avakāso là người đã tiêu trừ cơ hội.

5. Vanta + āso, người ăn đồ ói mửa, là một định nghĩa khác của danh từ này.

6. Tận diệt mọi tham ái - bằng bốn Thánh Đạo. Những hình thức thô kịch của tham ái được chế ngự trong ba từng Thánh đầu tiên. Hình thức vi tế, trong từng thánh cuối cùng.

Tịnh lạc thay, nơi nào có A-La-Hán trú ngụ

9. Gāme vā yadī vā' raññe - 9. Dầu ở trong làng mạc hay ninne vā yadi vā thale rừng sâu, ở non cao hay trũng thấp 1, bất luận nơi nào A-La- Yatthārahanto viharanti - Hán trú ngụ, nơi ấy quả thật taṁ bhūmiṁ tịnh lạc. 98. rāmaṇeyyakaṁ.

Tích chuyện

Revata, em út của Đại đức Xá-Lợi-Phất, từ bỏ đời sống trần tục và sớm thành đạt đạo quả A-La- Hán. Ngài rất thỏa thích sống đơn độc trong rừng sâu. Ngày kia, nhân dịp thỉnh Đức Phật và chư

vị đệ tử Ngài về nhà trai tăng bà Visākhā hỏi thăm về khu rừng mà Đại đức Revata đang trú ngụ trong ấy. Bấy giờ Đức Phật mới đề cập đến tánh cách hấp dẫn của những khu rừng có một vị A- La-Hán đang trú ngụ.

Chú thích

1. Trũng thấp- Ninna và thala, đúng văn tự, là những lớp thấp và những đất cao.

Người không dục vọng thỏa thích trong rừng sâu

10. Ramaṇīyāni araññāni - 10. Quả thật tịnh lạc, chốn yattha na ramatī jano rừng sâu mà người trần tục không thích ở. Người không Vītarāgā ramissanti - na te dục vọng 1 sẽ thỏa thích an trú kāmagavesino. (ở nơi ấy), vì các Ngài khhông tìm dục lạc. 99.

Tích chuyện

Vị tăng sĩ nọ đang hành thiền trong vườn chơi. Một cô gái giang hồ cũng có hẹn hò trong khu vườn ấy, nhưng bạn không đến. Đi qua đi lại chờ người hẹn mãi mà không thấy, cô gặp nhà sư đang ngồi một mình, lại gần trêu ghẹo. Dùng thiên nhãn thấy vậy, Đức Phật xuất hiện trước mặt vị Tỳ-khưu và giải thích về tánh cách hấp dẫn của khu rừng trong ấy người không dục vọng trú ngụ.

Chú thích

1. Người không dục vọng - Chư vị A-La-Hán, đã dứt bỏ dục vọng, thích ở nơi vắng vẻ ẩn dật, trong rừng sâu, nơi mà người trần tục không thích ở.

-ooOoo-

8. NGÀN - SAHASSA VAGGA

Một lời hữu ích hơn hằng ngàn tiếng nói vô dụng

1. Sahassam api ce vācā - 1. Chỉ một lời hữu ích, làm anatthapadasaṁhitā cho người nghe an tịnh, còn qúy hơn cả ngàn tiếng nói Ekaṁ gāthāpadaṁ seyyo - yaṁ vô dụng. 100. sutvā upasammati.

Tích chuyện

Tên sát nhơn khát máu nọ gia nhập vào một đảng cướp và gây nhiều tội ác.

Về sau, tên cướp ấy trở thành viên đao phủ của triều đình. Nhờ Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) cảm hóa, tánh tình anh đổi hẳn từ hung tàn bạo ngược trở nên hiền lành lương thiện và, sau khi chết, tái sanh vào nhàn cảnh. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ anh tái sanh tốt đẹp là nhờ những lời khuyên hữu hiệu, đượm nhuần từ bi bác ái của một người có tinh thần đạo đức cao thượng như Đại đức Xá-Lợi-Phất.

Một câu hữu ích hơn ngàn câu vô dụng

2. Sahassam api ce gāthā - 2. Chỉ một câu hữu ích, làm anatthapadasaṁhitā cho người nghe an tịnh, còn hơn cả ngàn câu gồm toàn Ekaṁ gāthāpadaṁ seyyo - yaṁ những tiếng vô dụng. 101. sutvā upasammati.

Tích chuyện

Người kia đi biển, thuyền bị đắm, cố gắng nhọc nhằm lắm mới lội được vào bờ. Không còn quần áo, ông lấy vỏ cây che đỡ thân mình. Dân làng thấy ông ăn mặc như vậy tưởng lầm ông là một vị A-La-Hán. Nhận định sự điên cuồng ấy, ông đã yết kiến Đức Phật và được Đức Phật cảm hóa bằng những lời dạy hữu ích, đầy trí tuệ.

Một lời của giáo pháp bằng cả trăm câu vô dụng tự khắc phục lấy mình là chinh phục cao thượng

3. Yo ca gāthāsataṁ bhāse - 3. Nếu phải đọc cả trăm câu anatthapadasaṁhitā gồm toàn những tiếng vô ích, tốt hơn, chỉ nói một lời của Ekaṁ gāthāpadaṁ seyyo - Giáo Pháp, làm cho người yaṁ sutvā upasammati. nghe được an tịnh. 102.

4. Yo sahassaṁ sahassena - 4. Dầu chinh phục hàng triệu saṅgāme mānuse jine 1 người ở chiến trường, tuy

nhiên, quả thật vậy, chinh Ekañ ca jeyya m' attānaṁ - sa phục được chính mình là ve saṅgāmajuttamo. chiến thắng cao quý nhứt. 103.

Tích chuyện

Một thiếu phụ giàu có đem lòng thương và về làm vợ một tướng cướp. Về sau, tên cướp, chồng bà, đưa bà đến một đỉnh núi cao, bên bờ vực thẳm, mưu toan cướp giựt tất cả nữ trang của bà rồi xô bà luôn xuống hố sâu. Hết lời van lơn nhưng vô hiệu quả, cuối cùng bà xin tên cướp để cho bà lạy một lần chót, rồi, đứng về phía sau tên cướp, bà lừa thế đẩy anh chàng xuống hố. Về sau bà xuất gia Tỳ-khưu ni và, sau khi gặp Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta), được nghe Pháp, đắc quả A-La-Hán. Các vị Tỳ-khưu thảo luận với nhau không hiểu được tại sao bà đã đánh lừa xô chết một tên cướp và chỉ nghe vài lời của Giáo Pháp mà đắc được đạo quả A-La-Hán.

Lúc bấy giờ Đức Phật giải thích về hiệu năng của lời "Chơn Lý" và tầm quan trọng của sự tự khắc phục.

Chú thích

1. Hằng triệu - Sahassaṁ sahassena, một ngàn nhơn với một ngàn tức một lakh, (Theo bản chú giải). Ta gọi là một triệu.

Hãy tự mình chiến thắng lấy mình hơn là thắng kẻ khác không ai có thể thắng người đã tự thắng mình

5. Attā have jitaṁ seyyo - yā 5.6. Tự thắng 1 mình quả cā'yaṁ itarā pajā thật thập phần vẻ vang hơn chiến thắng kẻ khác. Attadantassa posassa - niccaṁ Dầu Trời, Gandhabba 2, saññatacārino. Ma Vương 3, hay Phạm Thiên 4, không ai có thể 6. N' eva devo na gandhabbo - na đánh bại con người đã tự māro saha brahmunā jitaṁ khắc phục và sống tự apajitaṁ kayirā - tathārūpassa chế. 104. 105. jantuno.

Tích chuyện

Một người chuyên nghề cờ bạc đến hỏi Đức Phật vì sao anh thua, Đức Phật giải đáp và hỏi anh sanh sống thế nào. Sau khi anh đáp rằng anh sống bằng nghề cờ bạc mà kết cuộc có lúc ăn lúc thua, Đức Phật giải thích rằng chiến thắng thật sự là tự thắng mình.

Chú thích

1. Mình - Atta - Đức Phật thường dùng danh từ này trong nghĩa thông dụng là ta, hay cái tâm, chớ không phải trong nghĩa linh hồn, xem như một đơn vị trường tồn, không biến đổi, hay tự ngã.

2. Gandhabba - Càn-Thác-Bà, một hạng chúng sanh được xem là nhạc công ở một cảnh Trời.

3. Ma Vương - Māra, ở đây chỉ một hạng chúng sanh ở cảnh Trời.

4. Phạm Thiên - Brahmā, là một hạng chúng sanh khác, cao hơn các vị ở cảnh Trời Dục. Những vị này đã có phát triển thiền (jhāna).

Tôn kính bậc Ứng Cúng trong giây lát quý hơn lâu dài và liên tục sùng bái người không xứng đáng

7. Māse māse sahassena - yo 7. Dầu có thể cúng dường từ yajetha sataṁ samaṁ tháng này sang tháng kia, liên tục cả trăm năm, nếu chỉ Ekañ ca bhāvitattānaṁ - trong giây lát, tôn kính bậc muhuttam api pūjaye (Thánh nhơn) đã tự làm cho mình trở nên toàn thiện - sự Sā y'eva pūjanā seyyo - yañ tôn kính ấy quả thật quý hơn ce vassasataṁ hutaṁ. cúng tế trong cả thế kỷ. 106.

Tích chuyện

Cậu của Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) mỗi tháng tiêu nhiều tiền để cúng dường những đạo sĩ lõa thể với ước vọng được tái sanh vào cảnh Trời. Đại đức Xá-Lợi-Phất đem ông đến gặp Đức Phật và ông được Đức Phật hướng dẫn vào con đường chơn chánh.

Tế thần lửa trong một thế kỷ không bằng tôn kính bậc hoàn toàn trong sạch trong giây lát

8. Yo ce vassasataṁ jantu - 8. Dầu người kia có thể đốt aggiṁ paricare vane lửa (thiêng) trong rừng trọn một thế kỷ, nhưng, nếu chỉ Ekañ ca bhāvitattānaṁ - trong giây lát, người ấy tôn muhuttam api pūjaye kính bậc (Thánh nhơn) đã tự làm cho mình trở nên toàn Sā y'eva pūjanā seyyo - yañ ce thiện - sự tôn kính ấy quả vassasataṁ hutaṁ. thật quý hơn thờ lửa cả trăm năm. 107.

Tích chuyện

Theo lời thầy dạy, cháu của Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) có thói quen mỗi tháng giết thú và đốt lửa rừng tế thần để cầu mong được tái sanh vào cảnh Trời. Ngài Xá-Lợi-Phất đem cháu đến hầu Phật và Đức Phật chỉ dạy, hướng dẫn người cháu về con đường chơn chánh.

Tôn kính bậc hoàn toàn trong sạch quí hơn giết thú tế thần

9. Yaṁ kiñci iṭṭham va hutam va 9. Trên thế gian này, bất loke - saṁvaccharaṁ yajetha luận lễ vật 1 hay vật thực puññapekho nào mà ta có thể cúng dường trong một năm để Sabbam pi taṁ na tạo phước, tất cả những catubhāgameti - abhivādanā vật ấy không bằng một ujjugatesu seyyo. phần tư sự đảnh lễ bậc Chánh Hạnh 2 cao thượng. 108.

Tích chuyện

Một người bạn của Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) hằng năm tiêu phí rất nhiều tiền để giết thú tế thần. Đức Phật thuyếùt phục ông ta trở về lối cúng dường chơn chánh.

Chú thích

1. Lễ vật - theo bản chú giải, iṭṭhaṁ là cái gì người ta dâng tặng trong các dịp lễ, và hutaṁ cái gì người ta sắm sửa để dâng tặng cho khách hoặc dâng tặng với niềm tin sẽ được gặt hái quả trong dòng nghiệp.

Ý nghĩa của câu kệ này là đảnh lễ một vị Thánh thập phần quý hơn là cúng dường lễ vật hoặc vật thực đến người phàm thục.

2. Bậc Chánh Hạnh - là những vị đã đắc các quả Thánh.

Phước báu thay, ai biết tôn kính những bậc đáng kính

10. Abhivādanasīlissa - niccaṁ 10. Với ai quen một lòng vaddhāpacāyino kính nể và tôn trọng các bậc trưởng thượng, bốn phước Cattāro dhammā vaḍḍhanti - báu sẽ tăng trưởng: Tuổi āyu vaṇṇo sukhaṁ balaṁ.

thọ, sắc đẹp, hạnh phúc và sức khỏe. 109.

Tích chuyện

Nghe rằng con mình phải chết yểu, người cha vâng theo lời Đức Phật, thỉnh chư Tăng về nhà đọc kinh liên tục trong bảy ngày bảy đêm. Ngày cuối cùng, chính Đức Phật bổn thân đến. Do oai lực từ bi của Đức Bổn Sư, đứa bé thoát khỏi nạn, tăng thêm tuổi thọ. Khi các vị đệ tử thảo luận để tìm hiểu tại sao đứa bé đáng lẽ phải chết yểu lại có thể tăng thêm tuổi thọ nhờ oai lực từ bi của Đức Phật, Đức Phật giải thích về phước báu

tăng trưởng của người tôn kính bậc đáng tôn kính.

Sống ngắn ngủi mà đạo đức quý hơn sống lâu mà buông lung

11. Yo ca vassasataṁ jīve - 11. Nếu phải sống đến trăm dussīlo asamāhito năm cuộc đời buông lung và không tự chế, tốt hơn, quả Ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo - thật vậy, chỉ sống một ngày sīlavantassa jhāyino. đời sống đạo hạnh và có hành thiền. 110.

Tích chuyện

Vài thầy Tỳ-khưu xuất gia lúc tuổi đã cao, muốn rút vào rừng hành thiền. Đức Phật nhìn thấy mối hiểm nguy, khuyên các ông nên mời theo một vị Sa-di nhỏ tuổi, tên Sankicca, đã đắc quả A-La- Hán. Một đám cướp hay biết có người ở trong khu rừng, đến bảo các thầy phải chọn một để chúng bắt đi. Từ già đến trẻ, tất cả đều tình nguyện hy sinh để cứu mạng những vị khác, nhưng rốt cuộc chính ông Sa-di nhỏ tuổi nhứt được chấp thuận. Các tên cướp dẫn Ngài về sào huyệt và chuẩn bị sẵn sàng hành quyết. Vị Sa-di ngồi lại, yên lặng nhập đại định 1. Tên đầu đảng rút gươm, chém hai lần, nhưng cả hai lần đều thất bại. Chúng kinh hồn hoảng sợ, quỳ xuống đảnh lễ Ngài, nghe Ngài giảng Giáo Pháp và xin xuất gia. Vị Sa-di làm lễ xuất gia cho mấy tên cướp xong, an toàn trở về tìm các thầy Tỳ-khưu kia, còn đang tiếp tục hành thiền trong rừng. Kế đó Ngài về thuật lại đầu đuôi câu chuyện với Đức Phật. Nhơn đó Đức Phật giải thích về giá trị của đời sống đạo hạnh.

Chú thích

1. Đại định - Nirodha-samāpatti, là một trạng thái khi luồng tâm tạm thời ngưng, không tiếp tục trôi chảy nữa. Trong trạng thái ấy, hành giả - vốn là bậc Thánh Nhơn - không thể bị lâm nguy.

Mạng yểu mà trí tuệ quý hơn thọ mà si mê

12. Yo ca vassasataṁ jīve - 12. Nếu phải sống đến trăm duppañño asamāhito tuổi cuộc đời không trí tuệ và không tự chế, tốt hơn, quả Ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo - thật vậy, chỉ sống một ngày paññavantassa jhāyino. đời sống của người thiện và có hành thiền. 111.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu đã đắc quả A-La-Hán trong rừng, đi về viếng Đức Phật. Trên đường về, sau cả ngày đi mỏi mệt, Ngài ngồi trên một tảng đá bằng phẳng và nhập định. Cùng đêm ấy, có vài tên cướp vào làng hành nghề xong cũng leo lên tảng đá và, trong bóng tối, thấy vị sư ngồi, ngỡ gốc cây khô, treo những đồ đạc đã cướp được lên đầu Ngài, rồi nằm xuống đá ngủ. Đến sáng sớm thức dậy, chúng mới hay mình lầm, xin sám hối và xin xuất gia luôn, kế đó thầy trò cùng nhau kéo về thăm Đức Phật. Nghe câu chuyện Đức Phật ca ngợi đời sống trí tuệ.

Sống ngắn ngủi mà tinh cần quý hơn sống lâu mà giải đãi

13. Yo ca vassasataṁ jīve - 13. Nếu phải sống trăm tuổi kusīlo hīnavīriyo cuộc đời giải đãi và bất động, tốt hơn, quả thật vậy, Ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo -viriyam chỉ sống một ngày của ārabhato daḷhaṁ. người tinh tấn chuyên cần. 112.

Tích chuyện

Một thanh niên có danh thơm tiếng tốt xuất gia sống đời Tỳ-khưu với niềm tin vững chắc. Nhưng về sau, bị thất vọng, thầy toan tự sát. Trước tiên thầy bắt rắn độc cho cắn mình, nhưng rắn không cắn. Kế đó lấy dao cạo tự cắt lấy cuống họng. Lúc cắt xong thầy suy niệm về đời sống toàn thiện, tận lực cố gắng tham thiền và đắc quả A-La-Hán trước khi nhắm mắt. Các vị khác lấy làm ngạc nhiên bạch hỏi Đức Phật làm cách nào, một người đang tự sát, trong một khoảnh khắc, có thể đắc quả A-La-Hán. Đức Phật giải thích và tán dương đức hạnh tinh tấn chuyên cần.

Đời sống suy tư, dầu có ngắn ngủi, còn hơn sống lâu mà không suy gẫm

14. Yo ca vassasatam jīve - 14. Nếu phải sống trăm tuổi apassaṁ udayavyayaṁ mà không thông suốt tất cả sự vật phải phát sanh và tiêu diệt Ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo - như thế nào, thì tốt hơn, quả passato udayavyayaṁ. thật vậy, chỉ sống một ngày mà thấu triệt pháp sanh diệt của vạn vật. 113.

Tích chuyện

Bà Paṭācārā mất chồng, hai con, cha, mẹ, và người anh, duy nhứt trong một trường hợp rất thê thảm. Nhờ Đức Phật khuyên giải, bà bớt âu sầu và xin xuất gia Tỳ-khưu ni. Ngày kia, trong khi rửa chân bên bờ suối, bà ghi nhận rằng những giọt nước từ chân bà rơi xuống gieo điểm trên dòng nước chảy rồi tan đi. Điểm thì tan gần, điểm tan xa có điểm trôi đi xa hơn nữa mới tan. Cảnh tượng ấy gợi ý cho bà suy niệm về lý vô thường của đời sống mà chính bản thân bà đã kinh nghiệm. Đức Phật dùng thiên nhãn thấy, xuất hiện trước mặt bà và dạy những lời trên. Sau đó không lâu, bà đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1. Sự phát sanh và tiêu diệt của tâm và vật chất - danh và sắc - là lý vô thường của tất cả các vật hữu lậu, tùy thế, những vật phát sanh tùy thuộc một hay những nguyên nhân nào.

Một đệ tử của Đức Phật phải suy niệm về bản chất vô thường biến đổi của đời sống và, nhờ vậy, sẽ không luyến ái những khoái lạc tạm bợ và huyền ảo của thế gian vật chất.

Sống một ngày mà chứng ngộ trạng thái bất diệt quý hơn sống cả thế kỷ mà không chứng

15. Yo ca vassasataṁ jīve - 15. Nếu sống cả trăm năm apassaṁ amataṁ padaṁ mà không chứng ngộ Trạng Thái Bất Diệt 1 thì, tốt hơn, Ekāhaṁ jīvitāṁ seyyo - quả thật vậy, chỉ sống một passato amataṁ padam. ngày đời sống của người đã chứng. 114.

Tích chuyện

Một thiếu phụ trẻ tuổi mất đứa con duy nhứt của bà. Vì trong đời chưa gặp trường hợp có đứa trẻ chết như thế bao giờ nên không ngờ, bà ôm con vào lòng, chạy đi tìm phương cứu chữa. Gặp người sáng suốt chỉ dẫn, bà đưa con đến Đức Phật cầu cứu và Đức Phật khuyên bà nên tìm cho Ngài một ít hột cải trong nhà nào chưa từng có người chết. Hột cải thì bà tìm được, nhưng không gặp nhà nào chưa từng có người chết. Ánh

sáng chơn lý bừng phát sanh đến bà. Khi trở về, A-La- Hán giảng Giáo Pháp cho bà. Bà xuất gia Tỳ-khưu ni. Ngày kia, khi nhìn một ngọn nến cháy chập chờn bà suy niệm về lý vô thường của đời sống. Đức Phật xuất hiện trước mặt bà và đọc câu kệ trên, ví đời sống như ngọn nến chập chờn trước gió.

Chú thích

1. Trạng Thái Bất Diệt- Amataṁ padaṁ, là trạng thái vô lậu, bất tùy thế (tức không tùy thuộc nguyên nhân nào để có) của Niết-bàn, không sanh, không già, không chết.

Một ngày nhận thấy giáo pháp quý hơn cả thế kỷ không thấy

16. Yo ca vassasataṁ jīve - 16. Nếu phải sống cả trăm apassaṁ dhammamuttamaṁ tuổi mà không thấy chơn lý tối thượng 1, thì tốt hơn, Ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo - passato quả thật vậy, chỉ sống một dhammamuttamaṁ. ngày đời sống của người đã thấy. 115.

Tích chuyện

Một thiếu phụ khá giả có đông con, đủ trai đủ gái. Theo lời yêu cầu của các con - và chúng hứa sẽ cung phụng bà đầy đủ - bà phân phối hết tài sản cho chúng. Nhưng về sau những đứa con bất hiếu ấy lãng quên, không chăm sóc bà. Bà hết sức thất vọng và xuất gia Tỳ-khưu ni. Bà chuyên cần suy niệm về Giáo Pháp. Đức Phật giảng cho bà tầm quan trọng của Giáo Pháp và đắc quả A-La- Hán.

Chú thích

1. Chơn Lý Tối Thượng - là chín trạng thái siêu thế, tức bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn.

-ooOoo-

9. ÁC - PĀPA VAGGA

Hãy gấp rút làm việc thiện dập tắt điều ác

1. Abhittharetha kalyāne - 1. Hãy gấp rút làm việc pāpā cittaṁ nivāraye thiện 1. hãy chế ngự điều ác trong tâm 2, vì tâm của Dandhaṁ hi karoto puññaṁ - người dể duôi, chậm tạo pāpasmiṁ ramati mano. thiện nghiệp 3, sẽ ưa thích làm việc ác. 116.

Tích chuyện

Hai vợ chồng người kia chỉ có mỗi một cái quần và hai người chia nhau mặc một cái áo. Lúc vợ mặc áo thì chồng không mặc. Lúc chồng mặc thì vợ không. Ngày kia người chồng mặc áo đi nghe Đức Phật thuyết Pháp và lấy làm thỏa thích, phát tâm muốn dâng cái áo duy nhất của hai vợ chồng anh, nhưng lúc ấy anh bị tâm luyến ái chế ngự. Suốt đêm ấy anh chiến đấu chống lại tánh vị kỷ của mình. Cuối cùng anh reo lên: "Ta đã thắng, ta đã thắng", và chạy đem dâng cái áo. Câu chuyện đến tai vua. Vua khen ngợi và ban thưởng anh xứng đáng.

Chú thích

1. Không nên hưỡn đãi khi làm việc lành. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm điều thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc trường cửu của

ta. Cũng nên vận dụng mọi cố gắng để thanh lọc tâm, mỗi khi nó ve vãn gần điều ác. Tâm ô nhiễm sẽ thỏa thích trong tư tưởng xấu.

2. Ác - pāpa, là cái gì làm cho tâm nhiễm ô. Là cái gì dẫn ta đến trạng thái khổ cực. Danh từ "tội lỗi" không dịch đúng nghĩa Phạn ngữ pāpa vì Phật giáo không đặt vấn đề thưởng phạt. Hành động nào bắt nguồn từ ba căn tham ái (rāga), sân hận (dosa), và si mê (moha) là ác. Có mười loại hành động ác là: sát sanh, trộm cắp, tà dâm (thực hiện bằng thân), nói dối, nói đâm thọc, nói thô lỗ cộc cằn, nói nhảm nhí (thực hiện bằng khẩu) và tham lam, sân hận, tà kiến (thực hiện bằng ý).

3. Thiện (nghiệp), hay phước báu - puñña, là cái gì thanh lọc tâm. Kusala là một danh từ đồng nghĩa với puñña. Có mười loại hành động tạo phước báu. Xem Chú thích những câu 42, 43.

Không nên lặp đi lặp lại điều ác

2. Pāpañ ce puriso kayirā - na 2. Nếu người kia làm điều taṁ kayirā punappunaṁ ác, người ấy không nên lặp đi lặp lại, không nên thỏa Ṅa tamhi chandaṁ kayirātha - thích trong việc ác: tích ác dukkho pāpassa uccayo. tức thọ khổ. 117.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu thường lặp đi lặp lại một hành động sai lạc. Đức Phật quở rầy thầy và đọc câu kệ trên.

Hãy lặp đi lặp lại điều thiện

3. Puññaṁ ce puriso kayirā - 3. Nếu người kia làm một kayirāth'etaṁ punappunaṁ việc tạo phước báu, người ấy phải lặp đi lặp lại, phải Tamhi chandaṁ kayirātha- tìm thỏa thích trong điều sukho puññassa uccayo. thiện ấy: tích trữ nghiệp lành là hạnh phúc. 118.

Tích chuyện

Một bà tín nữ tuy nghèo nhưng giàu tâm đạo, cúng dường vật thực đến một vị A-La-Hán. Bị rắn cắn, bà chết và tái sanh vào cảnh Trời. Từ nhàn cảnh ấy, vị Trời - trước kia là bà tín nữ nghèo - trở xuống lau dọn tịnh thất cho vị A-La-Hán để tăng trưởng thêm phước báu, nhưng vị A-La-Hán ngăn cản, không cho. Bà buồn. Đức Phật thấy vậy khuyên dạy bà như trên.

Do quả trổ, sẽ biết hành động ác, do quả trổ, sẽ biết hành động thiện

4. Pāpo' pi passati bhadraṁ - 4. Người làm ác có thể gặp yāva pāpaṁ na paccati lành, ngày nào mà quả dữ chưa trổ. Nhưng, khi quả Yadā ca paccati pāpaṁ - atha trổ, chừng ấy họ mới thấy pāpo pāpāni passati. hậu quả tai hại. 1 119.

5. Bhadro' pi passati pāpaṁ - 5. Người hành thiện có thể yāva bhadraṁ na paccati gặp dữ, ngày nào mà quả lành chưa trổ. Nhưng, khi yādā ca paccati bhadraṁ - quả trổ, chừng ấy người atha bhadro bhadrāni passati. hành thiện sẽ gặt quả phúc. 2 120.

Tích chuyện

Ông Cấp Cô Độc (Anāthapindika) phát tâm bố thí rất trong sạch để hộ độ tăng chúng, tiêu xài hết phần lớn gia sản của ông. Bị chỉ trích là phung phí tiền của nhưng ông không màng biết đến lời chỉ trích, cứ tiếp tục cúng dường để phát triển tăng sự. Đức Phật ngợi khen hạnh bố thí của ông và khuyến dạy các lời trên về hậu quả của những hành động tốt và xấu.

Chú thích

1. Một người xấu xa hư hèn có thể sống dồi dào phong phú nhờ hành động tốt trong quá khứ. Người ấy đang thọ hưởng hạnh phúc nhờ tiềm năng của nghiệp lành trong quá khứ mạnh hơn, đang thắng thế, và đàn áp nghiệp ác hiện tại. Do đó lắm lúc ta thấy hình như có sự bất công trên thế gian - người ác được may mắn. Nhưng một khi mà quả dữ hội đủ duyên kỳ để trổ sanh, theo định luật nghiệp báo dĩ nhiên phải có, chừng ấy người làm ác sẽ gặt quả khổ đau do hành động bất thiện của mình trong quá khứ.

2. Cũng nhiều khi người đạo đức hiền lương lại gặp phải hoạn nạn khốn cùng vì tiềm năng của nghiệp ác trong quá khứ mạnh hơn, thắng thế, và đàn áp nghiệp lành hiện tại. Người ấy chỉ rõ biết được hiệu năng là hành động thiện của mình khi mà, đúng lúc, nó sẽ trổ quả và đem lại hạnh phúc dồi dào.

Chính sự kiện có việc trái ngược trong đời - người xấu xa hư hèn được dồi dào phong phú còn người đạo đức hiền lương lại phải gặp hoạn nạn khốn cùng - là một biện minh vững chắc cho niềm tin nơi nghiệp báo và tái sanh.

Không nên xem thường điều ác

6. Māvamaññetha 1 pāpassa - 6. Không nên khinh thường na maṁ taṁ āgamissati điều ác, nói rằng "Nó sẽ không đến gần ta" 2. Từng giọt Udabindunipātena - nhỏ rơi xuống, lâu ngày cũng udakumbho'pi pūrāti làm đầy cái bình. Dường thế ấy, người cuồng dại góp nhặt Pūrati bālo pāpassa - mỗi lần chút ít điều ác, (ngày thokathokam' pi ācinaṁ. kia) sẽ bị cái ác thấm nhuần trọn vẹn. 121.

Tích chuyện

Vị Tỳ-khưu nọ không lưu tâm đến một lỗi lầm nhỏ mà thầy thường hay phạm đến. Mặc dầu các bạn đồng môn nhiều lần khuyên giải, thầy vẫn một mực bỏ lửng, không để ý. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật, trước mặt Đức Phật thầy cũng nói rằng ta không nên quá quan tâm đến những lỗi lầm nhỏ mọn như thế. Đức Phật khuyến dạy thầy không nên xem thường lỗi lầm, dầu nhỏ nhen thế nào.

Chú thích

1. Māppamannetha trong nhiều bổn.

2. Vì không đến gần, nó sẽ không gây tai hại cho ta.

Không nên xem thường điều thiện

7. Māvamaññetha 1 puññassa 7. Không nên xem thường - na mam taṁ āgamissati phước báu, nói rằng "Nó sẽ không đến gần ta" 2. Từng Udabindunipātena - giọt nhỏ rơi

xuống, lâu ngày udakumbho'pi purāti cũng làm đầy cái bình. Dường thế ấy, người thiện trí Purāti dhīro puññassa - góp nhặt mỗi lần chút ít điều thokathokam pi ācinaṁ. thiện, (ngày kia) sẽ trọn vẹn thấm nhuần. 122.

Tích chuyện

Được biết rằng Đức Phật thuyết Pháp mỗi khi thọ trai xong, một người thiện trí nọ đi khắp làng của mình, cổ động cho mọi người cúng dường vật thực đến Đức Phật và chúng Tăng, kẻ ít người nhiều, tùy phương tiện. Khi đến nhà một trưởng giả, nhã ý của ông bị hiểu lầm, và ông trưởng giả chỉ đóng góp một phần rất nhỏ. Đến lúc mọi việc đã hoàn tất tốt đẹp, người thiện trí hợp tất cả lại để tỏ lòng tri ơn. Ông trưởng giả cũng đến dự, nhưng với ý định sẽ giết người trí tuệ nếu vị này có lời khinh rẻ vì ông không đóng góp đúng theo sức. Tuy nhiên, người thiện trí vẫn cám ơn đồng đều tất cả mọi người và cầu chúc mọi người được hưởng phước báu dồi dào. Ông trưởng giả ăn năn và xin sám hối.

Nghe câu chuyện, Đức Phật giảng về giá trị của hành động thiện, dầu chỉ là điều thiện nhỏ.

Chú thích

1. Trong nhiều bổn, chép là Māppamannetha.

2. Vì không đến gần, nó không đem phước báu đến ta.

Hãy tránh điều ác như ta lánh xa một con đường nguy hiểm

8. Vānijo' va bhayaṁ 8. Như người đi buôn - mang maggaṁ - appasattho theo nhiều tiền của mà ít bạn mahaddhano đồng hành - tránh con đường nguy hiểm, như người muốn Visaṁ jīvitukāmo' va - sống tránh thuốc độc, cùng thế pāpāni parivajjaye. ấy, ta phải lánh xa điều ác. 123.

Tích chuyện

Một người lái buôn nhập đoàn cùng đi với nhiều vị Tỳ-khưu. Trong lúc ấy vài tướng cướp muốn giựt tiền của anh mà không được. Lúc về, các vị Tỳ-khưu bạch lại với Đức Phật về cố gắng bất thành của các tên cướp. Nhơn đó Đức Phật khuyên dạy câu kệ trên.

Người không có ý định xấu sẽ không tạo nghiệp ác

9. Paṇnimhi ce vaṇo n'āssa - 9. Nếu tay không mang hareyya pāṇinā visaṁ thương tích, ta có thể cầm thuốc độc. Chất độc không làm Nābbaṇam visam anveti - nguy hại người không có vết natthi pāpaṁ akubbato. trầy. Điều ác không làm nguy hại người không lầm lỗi 1. 124.

Tích chuyện

Cô gái một nhà khá giả kia - vốn đã đắc quả Tu-Đà-Hườn - đem lòng thương một người thợ săn, do sự kết hợp xa xôi trong tiền kiếp, và theo chồng. Hai vợ chồng có đông con. Bà vợ, mặc dầu Nhập Lưu, hằng ngày thường mang cung tên đưa cho chồng đi săn. Trong nhóm các vị Tỳ-khưu, có sự thắc mắc không biết hành động như vậy bà có tạo

nghiệp ác không. Đức Phật giải thích rằng vì bà không có ý định làm ác mà chỉ vâng lệnh chồng nên không tạo nghiệp ác, cũng như cầm thuốc độc mà tay không trầy trụa thì chất độc không ngấm vào người, do đó vô hại.

Chú thích

1. Không lầm lỗi - tức người không có ý định ác.

Ai gây tổn hại cho người vô tội sẽ chịu sầu muộn

10. Yo appaduṭṭhassa narassa 10. Kẻ nào xâm phạm người dussati - suddhassa posassa ôn hòa, trong sạch, và vô aṅanganassa tội, quả dữ sẽ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy, như tung cát Tam eva bālaṁ pacceti pāpaṁ bụi ngược chiều gió, cát bụi - sukhumo rajo paṭivātaṁ' sẽ bay trở vào mắt. 125. vakhitto.

Tích chuyện

Người thợ săn kia vào rừng với bầy chó. Trên đường đi, anh gặp một tăng sĩ. Trọn suốt buổi anh không săn được gì. Lúc trở về, anh gặp lại vị tăng sĩ. Nghĩ rằng vì gặp nhà sư nên không săn được thịt, anh nổi giận xua chó vồ vị tăng sĩ vô tội. Vị Tỳ-khưu hoảng sợ, trèo lên cây thoát thân. Tên thợ săn chưa đã nư giận, bắn một mũi tên trúng vào gót chân nhà sư. Nhà sư bị quá đau, loanh quanh làm rơi cái y xuống, trùm lên mình tên thợ săn. Đoàn chó dữ thấy có người lúng túng trong cái y, ngỡ rằng vị tăng sĩ từ trên cây đã rơi xuống, áp lại cắn tên thợ săn đến chết. Vị Tỳ-khưu thoát nạn trở về hầu Phật và thắc mắc không biết hành động như vậy thầy có tạo ác nghiệp hay không. Đức Phật rọi sáng cho thầy và mô tả hậu quả xấu càng tăng trưởng thêm của kẻ nhẫn tâm gây tổn hại cho người ôn hòa, vô tội.

Tái sanh tùy thuộc nơi hành động

11. Gabbham eke uppajjanti - 11. Vài người tái sanh vào nirayaṁ pāpakammino bào thai 1, người hành ác (sanh) vào khổ cảnh 2, người Saggaṁ sugationo yanti - phẩm hạnh tốt vào nhàn parinibbanti anāsavā. cảnh 3. Bậc Không Ô Nhiễm 4 nhập diệt vào Niết-bàn. 126.

Tích chuyện

Vị Tỳ-khưu nọ thường đến nhà một người chuyên làm nghề mài kim cương, và bà vợ người này sắm sửa vật thực để cúng dường. Ngày kia, trong lúc chủ nhà đi vào trong, một con chim từ phía sau đáp xuống và, trước mắt thầy Tỳ-khưu, nuốt mất một hòn kim cương. Chủ nhà trở ra, thấy mất một viên ngọc, cật hỏi vị tăng sĩ. Thầy xác nhận mình không có lấy. Nhưng chủ nhà không tin, đánh đập thầy một cách tàn nhẫn. Máu chảy đọng vũng dưới đất. Con chim thấy máu, bay trở xuống để uống. Trong cơn giận dữ tên chủ nhà đá con chim văng ra chết. Lúc ấy vị Tỳ-khưu mới thuật lại tự sự. Chủ nhà mổ bụng chim, tìm ra viên ngọc và xin sám hối. Khi vị Tỳ-khưu trở về hầu Phật, bạch lại đầu đuôi câu chuyện, Đức Phật dạy rằng chính hành động quyết định cho sự tái sanh. Hành động hiện tại quyết định cuộc tái sanh trong tương lai.

Chú thích

1. Theo Phật giáo có bốn lối tái sanh là:

a) Noãn sanh (aṇḍaja) sanh từ trong trứng, b) Bào sanh (jalābuja), sanh từ bào thai, c) Thấp sanh (saṁsedaja), sanh từ chỗ ẩm thấp, và d) Hóa sanh (opapātika), đột nhiên sanh ra.

Tất cả chúng sanh đều sanh ra theo một trong bốn lối ấy.

2. Khổ cảnh - Niraya, Ni là không có. Aya là hạnh phúc. Niraya là cảnh giới trong đó không có hạnh phúc, là cảnh khổ mà một chúng sanh phải chịu vì đã tạo nghiệp ác, hay nói cách khác, là trạng thái đau khổ mà chúng sanh phải chịu để trả quả bất thiện đã tạo lúc nào trong quá khứ. Khổ cảnh không phải là địa ngục trường cửu mà chúng sanh bị bắt buộc phải ở trong đó để chịu hành phạt đau khổ một cách vĩnh viễn. Đến lúc trả xong nghiệp xấu, kẻ bất hạnh cũng có thể tái sanh vào một cảnh giới khác, an vui hạnh phúc, nhờ các thiện nghiệp đã tạo.

3. Nhàn cảnh - Sagga, su + agga, đầy hạnh phúc. Trong Dục giới (Kāmaloka) cảnh người và sáu cảnh Trời dục được xem là cảnh giới hạnh phúc. Chúng sanh ở trong cảnh giới này cũng không trường tồn vĩnh cửu.

4. Bậc Không Ô Nhiễm - chư vị A-La-Hán, sau khi chết không còn tái sanh nữa mà nhập Niết-bàn.

Không ai tránh được hậu quả của nghiệp ác đã tạo

12. Na antaḷikkhe na 12. Không phải trên trời, samuddhamajjhe - na giữa biển hay trong hang pabbatānaṁ vivaraṁ pavissa núi mà người tạo nghiệp ác có thể tìm được nơi nào Na vijjati so jagatippadeso - trên thế gian này để lẩn yatthaṭṭhito muñceyya trốn (hậu quả) của hành pāpakammā. động bất thiện. 127.

Tích chuyện

Ba nhóm Tỳ-khưu đến yết kiến Đức Phật. Trên đường đi, nhóm thứ nhứt thấy một con quạ đang bay bị thiêu đốt đến chết. Nhóm thứ nhì thấy một thiếu phụ bị chết đắm giữa đại dương, còn nhóm thứ ba thì thấy bảy vị Tỳ-khưu bị nhốt trong hang đá bảy ngày. Tất cả các vị ấy đều xin Đức Phật giải thích. Đức Phật giải rằng trong một tiền kiếp, con quạ làm anh nông dân hung bạo, thiêu đốt đến chết một con bò lười biếng, thiếu phụ trấn nước một con chó và bảy vị Tỳ-khưu làm kẻ chăn bò, cột con kỳ đà trên một ổ kiến trong bảy ngày. Đức Phật thêm rằng không ai tránh được hậu quả của nghiệp ác đã tạo.

Chú thích

Theo đúng giáo lý của Đức Phật, không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ, hoặc gian lận bằng cách nào mà ta thay đổi được định luật nhân quả, cũng không thể lẩn trốn nơi nào trên thế gian, dầu trên trời rộng minh mông, giữa đại dương sâu thẳm, hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta tránh khỏi hậu quả của nghiệp ác đã tạo. Không có vị Trời nào, chí đến Đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào sự báo ứng của nghiệp.

Không thể khắc phục cái chết

13. Na antaḷikkhe na 13. Không phải trên trời, samuddamajjhe - na giữa biển, hay trong hang pabbatānaṁ vivaraṁ pavissa sâu núi thẳm, mà có thể tìm được nơi nào trên thế gian Na vijjati so jagatippadeso - này để tránh khỏi tử thần. yatthaṭṭhitaṁ nappasahetha 128. maccu.

Tích chuyện

Vua Suppabuddha, cha của công chúa Da-Du-Đà-La (Yasodharā), tức giận Đức Phật vì Ngài bỏ con gái của vua ra đi, nên không ngừng quấy rối Đức Phật. Đức Phật tiên đoán rằng nhà vua sẽ chết một cách thê thảm. Vua Suppabuddha cố tránh, nhưng sau cùng phải chịu một cái chết vô cùng ghê gớm.

-ooOoo-

10. GẬY GỘC, HAY HÌNH PHẠT - DAṆḌA VAGGA

Không nên sát hại

1. Sabbe tasanti daṇḍassa - 1. Ai cũng run sợ trước gậy sabbe bhāyanti maccuno gộc. Tất cả đều sợ chết. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Attānaṁ upamaṁ katvā - na Không nên giết, cũng không haneyya na ghātaye. nên làm cho người khác giết 1. 129.

Tích chuyện

Vì một vụ khiêu khích, nhóm "sáu vị Tỳ-khưu" tấn công nhóm khác "mười sáu vị", Đức Phật hay được câu chuyện, cho ban hành giới luật có liên quan đến việc hành hung kẻ khác và dạy câu kệ trên.

Chú thích

Na haneyya na ghātaye = na pahareyya na paharāpeyya (Bản chú giải)

Tất cả đều quý trọng đời sống

2. Sabbe tasanti daṇḍassa - 2. Ai cũng run sợ trước gậy sabbesaṁ jīvitaṁ piyaṁ gộc. Tất cả đều quý trọng đời sống. Hãy lấy bụng ta suy Attānaṁ upamaṁ katvā - na lòng người. Không nên giết, haneyya na ghātaye. cũng không nên làm cho người khác giết. 130.

Tích chuyện

Trong cuộc tranh chấp giữa một "nhóm Tỳ-khưu sáu người" và "nhóm khác mười sáu vị", nhóm sau có cử chỉ đe dọa. Đức Phật dạy không nên xâm phạm đến người khác.

Không nên hành hạ

3. Sukhakāmāni bhūtāni - yo 3. Kẻ tìm hạnh phúc cho daṇḍena vihiṁsati mình bằng cách hành hạ chúng sanh khác - cũng ưa Attano sukham esāno - thích an lạc - kẻ ấy sẽ không được hạnh phúc. 131.

pecca so na labhate sukhaṁ.

Không nên gây tổn hại

4. Sukhakāmāni bhūtāni - yo 4. Người nào tìm hạnh phúc daṇḍena na hiṁsati cho mình mà không dùng gậy gộc hành hạ chúng sanh khác - Attano sukham esāno - cũng ưa thích an lạc - người ấy pecca so labhate sukhaṁ. sẽ được hạnh phúc. 132.

Tích chuyện

Đức Phật thấy đám trẻ con dùng gậy đánh đập một con rắn. Ngài khuyên dứt chúng nó.

Không nói lời thô lỗ

5. M'āvoca pharusaṁ kañci 5. Không nên dùng lời cộc cằn - vuttā paṭivadeyyu taṁ thô lỗ. Người bị nói cộc sẽ trả lời thô. Những lời gây thù trả Dukkhā hi sārambhakathā - oán quả thật là đau đớn. Lời paṭidaṇḍā phuseyyu taṁ. qua tiếng lại sẽ làm tổn hại như gây thương tích. 133.

Hãy giữ im lặng

6. Sace neresi attānaṁ - 6. Nếu giữ được im lặng như kaṁso upahato yathā cái mỏ bể, con đã đắc quả Niết-bàn 1: Con không có tâm Esa patto'si nibbānaṁ - báo oán. 134. sarambho te na vijjati.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán và giảng dạy về sự lợi ích của người biết giữ im lặng trước những lời lăng mạ của kẻ khác.

Chú thích

1. Người hành đúng theo lời thực tiễn này, dầu còn tại thế, cũng được xem như đã đắc quả Niết-bàn.

Không ai tránh được cảnh già, chết

7. Yathā daṇḍena gopālo - 1. Như người chăn bò dùng gāvo pāceti gocaraṁ gậy lùa từng con ra đồng. Dường thế ấy, tuổi già và Evaṁ jarā ca maccū ca - āyuṁ cái chết lùa đời sống của pāceti pāṇinaṁ. từng chúng sanh đi ra 1. 135.

Tích chuyện

Trong nhà bà Visākhā, các thiếu phụ lớn nhỏ, đủ trang tuổi, đều thọ bát quan trong ngày giới. Khi được hỏi vì lý do gì, mỗi người giải thích phẩm hạnh đạo đức của mình theo một lối. Nghe xong quan điểm của từng người Đức Phật giảng về bản chất vô thường biến đổi của đời sống.

Chú thích

1. Trong câu kệ này, người chăn bò giống như tuổi già và sự chết. Bò như đời sống. Và đồng cỏ như cái chết, phía bên kia đời sống.

Người hành ác bị quả dữ thiêu đốt

8. Atha pāpāni kamm āni 8. Vậy, khi người cuồng dại hành - karam bālo na bujjhati động lầm lạc, họ không nhận thức (bản chất ác của những Sehi kammehi dummedho hành động ấy). Người khờ khạo - aggidaḍḍho' va tappati. bị dày xéo, như bị lửa thiêu đốt, do hành động của chính mình. 136.

Tích chuyện

Đại đức A-La-Hán Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) thấy một ngã quỷ có hình con trăn. Đức Phật dạy rằng đó là hành động ác trong quá khứ.

Kẻ xâm phạm người vô tội đi đến sầu muộn

9. Yo daṇḍena adandesu - 9.- Kẻ dùng gậy gộc hại appaduṭṭhesu dussati người vô hại và 1 không gậy gộc, kẻ ấy sớm phải Dasannam aññataraṁ ṭhānaṁ chịu những cảnh sau đây. khippam eva nigacchati. 137.

10. Vedanaṁ pharusaṁ jāniṁ - 10, 11, 12.- Đau đớn nhức sarīrassa ca bhedanaṁ nhối vô cùng 2, tai biến khốc liệt, mình mẩy bị Garukaṁ vā' pi ābādhaṁ thương tích, hay lâm trọng cittakkhepaṁ va pāpuṇe. bệnh, hay loạn tâm mất trí, hay bị vua đàn áp, hay 11. Rājato vā upassaggaṁ - bị kết trọng tội, hay ly tán abbhakkhānaṁ va dāruṇaṁ thân quyến, hay bị tiêu diệt tài sản 3, hay bị lửa thiêu nhà cửa - khi thể xác

Parikkhayaṁ va ñātīnaṁ - này hoại diệt, con người bhogānaṁ va pabhaṅguraṁ. thiển trí như thế sẽ tái sanh vào khổ cảnh. 138. 12. Atha v'assa agārāni aggi 139. 140. ḍahati pāvako

Kāyassa bhedā duppañño - nirayaṁ so' papajjati.

Tích chuyện

Vì một nghiệp xấu đã tạo trong tiền kiếp, Đại đức A-La-Hán Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) bị bọn cướp đánh đập đến chết. Về sau những tên cướp này bị vua bắt thiêu sống.

Chú thích

1.- Những người vô hại và không gậy gộc - là chư vị A-La-Hán vô tội và không có khí giới.

2.- Đau đớn nhức nhối - có thể làm chết được.

3.- Tài sản bị tiêu diệt - như buôn bán lỗ lã, mất tiền của, v.v...

Lối sống ép xác không làm con người trở nên trong sạch

13. Na naggacariyā na jaṭā 13.- Không phải bằng cách lõa na paṅkā - nānāsakā thể đi lang thang 1, hay thắt thaṇḍilasāyikā vā bính không gội đầu 2, hay bôi bùn dơ vào mình 3, hay tuyệt Rajo ca jallaṁ thực 4, cũng không phải nằm ukkuṭikappadhānaṁ - dưới đất 5, để bụi cát lắm lem sodhenti maccam 6, để tro dính đầy người 7, hay

avitiṇṇakaṅkhaṁ. cố gắng ngồi xổm 8, mà có thể thanh lọc được con người chưa nhiếp phục hoài nghi 9. 141.

Tích chuyện

Thấy một vị Tỳ-khưu có nhiều y, Đức Phật quở rầy. Thầy giận, bỏ hết, chỉ mặc y nội. Đức Phật thuật lại câu chuyện tương tợ đã xảy ra trong tiền kiếp của thầy và giảng dạy về sự vô ích của các lối tu khổ hạnh.

Chú thích

1.- Đến ngày nay, ở Ấn Độ vẫn còn tồn tại nhiều hình thức khổ hạnh. Lớp dơ dáy bên ngoài được vài người xem là dấu hiệu của bậc Thánh Nhơn. Đức Phật không chấp nhận hình thức khổ hạnh khắt khe chỉ nhắm vào bề ngoài. Các Hội viên của Giáo hội những người sống độc thân mà Ngài sáng lập đi theo một con đường ở khoảng giữa Trung đạo - tránh hai cực đoan, một là khổ hạnh và đàng khác là lợi dưỡng. Giản dị, khiêm tốn, và tự ý nghèo là những đặc tánh chánh yếu của chư vị Tỳ-khưu, ngang hàng với lối sống sạch sẽ.

2.- Có người xem đầu tóc thắt bính, không bao giờ gội, là dấu hiệu của bậc thánh.

3.- Những người không bao giờ súc miệng đánh răng, và bôi bùn vào mình cho dơ.

4.- Chỉ nhịn đói suông không thể làm cho con người trở nên trong sạch. Các thầy Tỳ-khưu cũng nhịn ăn mỗi ngày, từ đúng ngọ đến sáng sớm hôm sau.

5.- Nằm dưới đất, không nằm giường. Các vị Tỳ-khưu cũng không nằm giường đẹp, giường cao.

6.- Cát bụi lắm lem - vì không tắm rửa.

7.- Hiện nay cũng còn những người lấy tro bôi vào người làm cho mình mẩy dơ dáy

8.- Cố gắng ngồi xổm - Đi cũng vậy, không đứng xổng người mà chỉ ngồi chồm hổm rồi nhạy nhảy để di chuyển, cũng không nằm ngồi như người thường.

9.- Hoài nghi - Không có niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng.

Hình dáng bề ngoài không biến đổi người phàm ra thánh

14. Alaṅkato ce'pi samaṁ 14. Dầu ăn mặc lộng lẫy, nếu careyya - santo danto niyato người kia sống an tịnh, chế brahmacārī ngự dục vọng, nhiếp phục lục căn, (thánh đạo) vững chắc 1, Sabbesu bhūtesu nidhāya hoàn toàn thanh tịnh 2, không daṇḍaṁ - so brāhmaṇo so dùng gậy gộc đối xử với bất samaṇo sa bhikkhu. luận chúng sanh nào 3, người ấy quả thật là một Bà-La-Môn 4, một Sa-môn 5, một Tỳ-khưu 6. 142.

Tích chuyện

Một ông quan đại thần thấy người vũ nữ của mình té chết trong lúc đang vũ. Ông rất âu sầu, đến hầu Phật và được nghe Đức Phật giảng Giáo Pháp. Sau khi nghe xong ông đắc quả A-La-Hán và nhập diệt luôn, mặc dầu lúc ấy ông ăn mặc rất sang trọng. Các thầy Tỳ-khưu bạch hỏi Đức Phật có nên gọi vị ấy là Sa-môn không. Để trả lời, Đức Phật dạy rằng đặc tánh thánh không tùy thuộc ở hình dáng bề ngoaøi 7.

Chú thích

1.- Niyata - Bốn thánh đạo là Tu-Đà-Huờn (Sotāpatī, Nhập Lưu), Tư-Đà-Hàm (Sakadāgāmi, Nhứt Lai), A-Na-Hàm (Anāgāmi, Bất Lai) và A-La-Hán (Arahatta, Ứng Cúng).

2.- Bà Rhys Davids: "Bước vào Thượng Đế", một câu rất lầm lạc, hoàn toàn xa lạ với tinh thần Phật giáo. Chú thích của bản chú giải là setthacariya, phẩm hạnh tối thượng.

3.- Tuyệt đối ôn hòa, không gây tổn hại bất luận chúng sanh nào.

4.- Bà-La-Môn - vì đã thanh lọc mọi nhiễm ô.

5.- Sa-môn - vì không còn chút bợn nhơ nào trong tâm.

6.- Tỳ-khưu - vì đã tận diệt mọi dục vọng.

7.- Một vị đại thần có việc sầu muộn, ăn mặc lộng lẫy, ngồi trên lưng voi nghe Đức Phật giảng Pháp và đắc quả A-La-Hán. Cùng lúc ấy ông cũng chết luôn. Đức Phật khuyên các tín đồ hãy đảnh lễ vị ấy theo hàng A-La-Hán. Khi các thầy Tỳ-khưu hỏi làm sao một vị đại thần ăn mặc lộng lẫy như vậy có thể đắc quả A-La-Hán, Đức Phật đọc câu kệ trên, dạy rằng sự trong sạch đến với ta từ bên trong chớ không phải từ ngoài vào. Đối chọi hẳn với câu trước câu này diễn đạt rõ ràng quan điểm của Phật giáo về đặc tánh thánh. Không phải cái hào nhoáng bề ngoài, mà chính sự thanh tịnh bên trong, là chánh yếu.

Trên thế gian thật hiếm người khiêm tốn

15. Hirīnisedho puriso - koci 15. (Hiếm hoi thay), trên thế lokasmim vijjati gian này, người lấy đức khiêm tốn tự chế để tránh lời khiển Yo ninday̆ appabodhati - trách, giống như tuấn mã asso bhadro kasām iva. thuần thục (tránh) roi. 1 143.

Hãy nghiêm trì giới đức và tiêu trừ đau khổ

16. Asso yathā bhadro 16. Như tuấn mã thuần thục kasānivitṭho - ātāpino dưới ngọn roi, hãy nhiệt tâm saṁvegino bhavātha chuyên cần. Do niềm tin, giới dức, tinh tấn, chánh định, do Saddhāya sīlena ca viriyena sự quán trạch Chơn Lý, do ca - samādhinā sự thành đạt tri kiến và đạo dhammavinicchayena ca hạnh, 2 và do chánh niệm, hãy tiêu trừ cái đau khổ vĩ Sampannavijjācaraṇā đại này. 144. patissatā - pahassatha dukkham idaṁ anappakhaṁ.

Tích chuyện

Một thanh niên nghèo khổ, chỉ có một bộ đồ rách và một cái tô bể, treo tất cả tài sản của mình trên cây, rồi đến chùa xin thọ lễ xuất gia. Sau đó nhiều lần anh huờn tục, rồi trở lại Giáo hội. Cuối cùng, nghĩ tới hoàn cảnh khốn cùng mà anh phải chịu nếu còn huờn tục nữa, anh gia công hành thiền và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật dạy những lời trên để giảng về tâm bất mãn của anh trước kia và đức chuyên cần sau này.

Chú thích

1. Khi hay biết tâm mình đang bị một ý nghĩ xấu xa xâm nhập một thầy Tỳ-khưu hay một cư sĩ biết tự trọng, phải cố gắng diệt trừ tức khắc. Câu này có nghĩa, người như thế thật hiếm hoi.

2. Thành đạt tri kiến và đạo hạnh - Minh Hạnh Túc, Vijjācaraṇa - là đầy đủ tám cái Giác, hay Minh, hay tri kiến; và mười lăm cái Hạnh(carana).

Tám cái Giác (Vijjā) là:

a) Thần thông (Iddhividha), b) Thiên nhĩ (Dibba-sota), c) Tha tâm thông (Cetopariya ñāna là tri kiến do đó hiểu rõ tâm của người khác), d) Thiên nhãn (Dibba-cakkhu), e) Túc mạng minh (Pubbe nivāsanussati, là tri kiến đo đó hiểu rõ những tiền kiếp, của mình và của tất cả chúng sanh), f) Lậu tận minh (Asavakkhaya, tận diệt các hoặc lậu, hay pháp trầm luân),

g) Minh sát tuệ (Vipassanā) và h) Hóa tâm minh, (Manomayiddhi, tạo những hình ảnh trong tâm người khác).

Mười lăm cái hạnh (Carana) là:

Thu thúc trong gió lạnh, thu thúc lục căn, ẩm thực tiết độ, giữ tâm luôn luôn giác tỉnh, niềm tin chơn chánh, hổ thẹn trước điều ác, sợ hãi trước điều ác, nghe nhiều học rộng, tinh tấn, chánh niệm, và bốn từng thiền.

Người tốt tự kiểm soát

17. Udakaṁ hi nayanti nettikā 17. Người dẫn thủy nhập -usukārā namayanti tejanaṁ điền đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên uốn nắn Dāruṁ namayamti tacchakā - mũi tên cho ngay thẳng. attānaṁ damayanti subbatā. Thợ mộc uốn gỗ. Người đức hạnh tự kiểm soát lấy mình 1. 145.

Tích chuyện

Một cậu bé con nhà gia giáo xuất gia, gia nhập Giáo hội. Ngày kia, trong khi đi trì bình, cậu thấy nông dân và thợ nề kiểm soát những vật vô tri vô giác như nước và gỗ. Cảh tượng ấy gợi ý cho cậu nghĩ đến tiềm năng hùng hậu của con người. Cậu cố gắng tham thiền và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật giảng về đức tánh tự kiểm soát lấy mình.

Chú thích

1.- Xem Chú thích câu 80

-ooOoo-

11. TUỔI GIÀ - JARĀ VAGGA

Tìm ánh sáng

1. Ko nu hāso kimānando - 1. Thích thú vui cười là gì, niccaṁ pajjalite sati hoan hỉ khoái lạc là gì, khi mà thế gian không dứt bừng Andhakārena onaddhā - cháy 1? Bị bao trùm trong padīpaṁ na gavessatha. đêm tối, há không đi tìm ánh sáng?. 146.

Tích chuyện

Một hôm, cùng đi với bà Visākhā, vị đại thí chủ thời Đức Phật, có vài thiếu phụ không biết, uống rượu say. Trong trạng thái say sưa ấy, các bà múa men và hát xướng kém

kém lễ độ trước Đức Thế Tôn. Dùng năng lực thần thông, Đức Phật tạo cảnh tối tăm bao trùm các bà và đem các bà trở về lý trí. Bấy giờ Đức Phật mới đọc câu kệ trên.

Chú thích

1.- Thế gian này bị ngọn lửa tham dục thiêu đốt không ngừng, và luôn luôn bị màn vô minh bao trùm, bưng bít trong cảnh tối tăm. Vậy, còn trong thế gian ấy, người thiện trí phải tận lực cố gắng tìm ánh sáng của trí tuệ.

Thể xác lộng lẫy này quả thật ô trược

2. Passa cittakataṁ bimbaṁ 2. Hãy nhìn cái thể xác đẹp đẽ -arukāyaṁ samussitaṁ này, một khối đau đớn, một đống bệnh tật, được người ta Āturaṁ bahusaṅkappaṁ - bận tâm nhiều, nhưng không yassa natthi dhuvaṁ ṭhiti. chứa đựng gì bền vững, không có gì tồn tại 1. 147.

Tích chuyện

Một nhà sư trẻ tuổi đem lòng thương cô Sirimā, một gái giang hồ. Thình lình cô chết. Dầu nhà vua ra lệnh cho dân chúng nhìn thi hài cô, không ai màng liếc mắt đến. Đức Phật chỉ cho các Tỳ-khưu xác chết sình thúi đáng ghê tởm ấy, và giảng về tánh ô trước của thể xác.

Chú thích

1.- Không có gì tồn tại mà còn đẹp đẽ như trước.

Đời sống chấm dứt trong sự chết

3. Parijiṇṇam idaṁ rūpaṁ - 3. Thể xác này hoàn toàn kiệt roganiḍḍhaṁ pabhaṅguraṁ quệ, một ổ bệnh tật, dễ hoại diệt. Khối ô trược này sẽ tan Bhijjati pūtisandeho - rã. Quả thật vậy, đời sống maranaṇtaṁ hi jīvitaṁ. chấm dứt trong sự chết. 148.

Tích chuyện

Thấy một sư cô run rẩy ngã chết, Đức Phật giảng về bản chất vô thường của đời sống.

Nhìn một đống xương thì có gì thích thú

4. Yānimāni apatthāni - 4. Những que xương trắng bạc alāpūn' eva sārade màu chim bồ câu (trắng), giống như trái bầu mà người Kāpotakāni aṭṭhīni - tāni ta vứt đi trong mùa thu. Thích disvāna kā rati. thú gì mà nhìn nó? 149.

Tích chuyện

Nhiều vị Tỳ-khưu vào nghĩa địa hành thiền. Trước những thi hài mới chết, có lòng tham ái phát sanh. Đức Phật đọc câu kệ trên để giảng dạy.

Thể xác này gồm thịt và máu

5. Aṭṭhīnaṁ nagaraṁ kataṁ - 5. Thành trì (này) dựng lên maṁsalohitalepanaṁ bằng xương, đắp thịt và máu bên ngoài, trong đó tích trữ Yattha jarā ca maccū ca - bệnh tật, chết chóc, ngã mạn māno makkho ca ohito. và phỉ báng. 150.

Tích chuyện

Một thiếu phụ xinh đẹp đã thọ lễ xuất gia Tỳ-khưu ni nhưng thiếu niềm tin. Sợ Đức Phật có lời lẽ không tôn trọng, làm giảm giá trị sắc đẹp nên bà không đến hầu Ngài. Tuy nhiên, một ngày kia, cùng với những người khác, bà đến phòng giảng trong lúc Đức Phật đang thuyết Pháp. Đức Phật làm cho bà thấy một người đàn bà thật đẹp đang đứng quạt Ngài. Rồi Ngài làm cho hình ảnh ấy dần dần biến đổi, phản ảnh sự tàn phá của tuổi già và cái chết trên thể xác vô cùng đẹp đẽ một thời nào. Chơn lý bừng sáng trước mắt người thiếu phụ. Lúc bấy giờ Đức Phật đọc câu kệ trên.

Đức hạnh chơn chánh không hư cũ

6. Jīranti ve rājarathā 6. Chí đến chiếc xe trang sucittā - atho sarīram pi hoàng lộng lẫy của hoàng cung jaraṁ upeti cũng cũ hư. Cùng thế ấy, thân này sẽ đến tuổi già. Nhưng Sataṁ ca dhammo na jaraṁ Giáo Pháp 1 của bậc Thiện upeti - santo have sabbhi Nhơn 2 không già cỗi. Do đó, pavedayanti. bậc Thiện Nhơn làm sáng tỏ Giáo Pháp giữa những bậc Thiện Nhơn. 151.

Tích chuyện

Hoàng Hậu Mallikā là một tín nữ có tâm đạo nhiệt thành. Sau khi bà băng hà, Đức Phật đến viếng hoàng cung và vua muốn biết hoàng hậu tái sanh đi đâu. Đức Phật cho vua biết nơi tái sanh của hoàng hậu và, nhìn một chiếc long xa cũ kỹ, Ngài dạy những lời trên.

Chú thích

1.- Giáo Pháp - dhamma, là chín trạng thái siêu thế: Bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn.

2.- Bậc Thiện Nhơn - những vị như chư Phật.

Người học ít kém trí tuệ

7. Appassutāyaṁ puriso - 7. Con người ít học trưởng balivaddo'va jīrati thành như bò. Bắp thịt có nở nang, nhưng trí tuệ không Maṁsāni tassa vaḍḍhanti - phát triển. 152. paññā tassa na vaḍḍhati.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu thường ăn nói không nhằm chỗ Đức Phật dạy những lời trên khi đề cập đến thầy.

Ái dục là người xây dựng cái nhà này

8. Anekajāti saṁsāraṁ - 8. Xuyên qua nhiều kiếp sống. sandhāvissaṁ anibbisaṁ Như Lai thênh thang đi trong vòng luân hồi để tìm, nhưng Gahakārakaṁ gavesanto- không gặp, người thợ cất nhà dukkhā jāti punappunaṁ. này. Phiền muộn thay, đời sống triền miên tái diễn. 153. 9. Gahakāraka diṭṭho' si puna gehaṁ na kāhasi 9. Này hỡi người thợ làm nhà! Người đã bị bắt gặp. Ngươi Sabbā te phāsukā bhaggā - không còn cất nhà nữa. Tất cả gahakūṭaṁ visaṅkhitaṁ rui mè của ngươi đã gãy. Cây đòn dông của ngươi cũng bị Visaṅkhāragataṁ cittaṁ - phá tan. taṇhānaṁ khayam ajjhagā Tâm của Như Lai đã

thành đạt trạng thái vô lậu. Mọi ái dục đã hoàn toàn chấm dứt. 154.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ này liền sau khi thành đạt Đạo Quả Vô Thượng.

Chú thích

1.- Hai câu này, gọi là bài kệ phỉ lạc (udāna) đầu tiên, mà Đức Phật đọc lên liền sau khi chứng ngộ đạo quả Vô Thượng, không thể tìm thấy nơi nào khác. Vì Đại đức Ānanda đã nghe hai câu này chính từ miệng Đức Phật đọc lên nên bài kệ được sắp trong kinh Pháp Cú.

Ở đây, Đức Phật xác nhận cuộc đi thênh thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy đau khổ, một sự kiện hiển nhiên chứng minh có nhiều kiếp tái sanh. Ngài phải đi bất định, và do đó, phải chịu khổ đau, phải thênh thang mãi cho đến ngày tìm ra được người kiến trúc sư đã xây dựng cái nhà này, tức thể xác này. Trong kiếp cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng thiêng, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau giồi từ xa xôi trong quá khứ, trải qua cuộc hành trình bất định, Ngài khám phá ra anh thợ cất nhà hằng mong mỏi muốn biết. Anh thợ này không ở ngoài, mà ở sâu kín bên trong Ngài. Đó là ái dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi người. Ái dục xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt. Tìm ra anh thợ cất nhà tức tận diệt ái dục, trong lúc đắc quả A-La-Hán, mà trong bài kệ này, ý nghĩa bao hàm trong thành ngữ chấm dứt ái dục.

Mè rui, hay cái sườn nhà, của căn nhà tự tạo này là những ô nhiễm như tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy. Cây đòn dông chịu đựng cái sườn là vô minh, căn nguyên xuất phát của mọi dục vọng. Phá vỡ cây đòn dông vô minh bằng trí tuệ tức là làm sập căn nhà. Sườn và đòn dông là vật liệu mà anh thợ dùng để cất

nhà, cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Vậy, khi hết vật liệu xây cất, tức nhiên anh thợ không còn dựng nhà được nữa.

Khi cái nhà đã bị phá tan tành thì cái tâm, mà trong tích chuyện, không được đề cập đến, đã thành đạt trạng thái vô lậu, vô sanh, bất diệt, là Niết-bàn. Tất cả cái gì còn tại thế đều phải bị bỏ lại phía sau và chỉ có trạng thái siêu thế, Niết-bàn, sẽ tồn tại.

Người không tiến bộ - vật chất và tinh thần - sẽ ăn năn hối hận

10. Acaritvā brahmacariyaṁ 10. Người không sống đời -aladhā yobbane dhanaṁ Đạo hạnh thiêng liêng, người không thâu thập tài sản lúc Jiṇṇakoñcā' va jhāyanti - thiếu thời, sẽ tàn tạ mỏi mòn khīṇamacche' va pallale. như con cò già trong cái ao không cá. 155. 11. Acaritvā brahmacariyaṁ -aladdhā yobbane dhanaṁ 11. Người không sống đời Đạo hạnh thiêng liêng, người Senti cāpātikhīṇā' va - không thâu thập tài sản lúc purāṇāni anutthunaṁ. thiếu thời, sẽ nằm dài như cái cung gãy, nhìn dĩ vãng mà than vắn thở dài. 156.

Tích chuyện

Con một nhà triệu phú kết hợp với bạn bè xấu xa hư hỏng, phung phí hết cả tài sản sự nghiệp và trở thành nghèo đói khốn cùng. Đề cập đến số phần bất hạnh của anh, Đức Phật dạy những lời trên.

-ooOoo-

12. TỰ NGÃ - ATTA 1 VAGGA

Hãy giác tỉnh

1. Attānaṁ ce piyaṁ jaññā - 1. Thương mình hãy khéo rakkheyya naṁ surakkhitaṁ bảo vệ lấy mình. Trong suốt thời gian ba canh, người Tiṇṇam aññataraṁ yāmam thiện trí phải giác tỉnh paṭijaggeyya paṇḍito. phòng bị. 157.

Tích chuyện

Có ông vua nọ tuyệt tự. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vua không có con nối dòng vì trong một kiếp quá khứ ông có đời sống không thận trọng và ôn hòa. Và Đức Phật khuyên dạy vua và hoàng hậu những lời trên.

Chú thích

1. Attā - tự ngã, theo Phật giáo, không có một linh hồn trường cửu hay một thực thể đơn thuần, không biến đổi (attā), do Thượng Đế tạo nên hay xuất ra từ một Đại Hồn (Paramātma). Ở đây

danh từ attā (tự ngã) có nghĩa là toàn thể châu thân, hoặc một cá nhân, hoặc cái tâm, hay dòng trôi chảy của đời sống.

Thầy phải làm gương trước

2. Attānaṁ eva paṭhamaṁ - 2. Hãy tự củng cố vững chắc patirūpe nivesaye trên con đường chơn chánh, sau đó giáo hóa kẻ khác. Ath'aññam anusāseyya - na Người trí như thế ấy sẽ kilisseyya paṇḍito. không bị ô nhiễm 1. 158.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu tham - vốn có tài hùng biện - đi từ chùa này sang chùa khác thuyết Pháp và tham lam thâu góp tất cả những vật cúng dường. Ngày kia có hai vị sư trẻ tuổi không thể thỏa thuận với nhau để chia hai bộ y và một cái mền đắt giác. Thầy Tỳ-khưu tham giảng hòa hai đàng bằng cách chia cho mỗi vị một bộ y, còn cái mền thì về phần thầy. Câu chuyện đến tai Đức Phật. Nhơn cơ hội, Đức Phật giảng về bổn phận của ông thầy trước hết là phải làm gương.

Chú thích

1. Người trí như thế ấy sẽ không bị kẻ khác khiển trách.

Dạy người như thế nào, hành như thế ấy

3. Attānaṁ ce tathā kayirā 3. Dạy người như thế nào, tự - yathaññamanusāsati mình hành động như thế ấy. Chính mình hãy tự kiểm soát Sudanto vata dammetha - đầy đủ, kế đó dạy (kẻ khác). attā hi kira duddamo. Thật vậy, kiểm soát mình quả thật khó. 159.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu dạy người khác nên chuyên cần hành thiền, nhưng chính thầy thì không cố gắng, đến đêm, muốn ngủ chừng nào thì ngủ. Đức Phật khuyên các ông thầy nên thực hành trước những lời mình dạy.

Ta là nương tựa của ta

4. Attā hi attano nātho - ko hi 4. Chính ta là cứu tinh của nātho paro siyā ta. Quả thật vậy. Ai khác cứu được ta bây giờ? Khéo Attanā' va sudantena - nāthaṁ kiểm soát lấy mình tức là labhati dullabhaṁ. được vị cứu tinh vốn khó tìm. 160.

Tích chuyện

Ni cô kia hạ sanh một trai mà bà đã thọ thai lúc chưa xuất gia. Vua nuôi đứa trẻ. Về sau, cậu bé lớn lên cũng xin xuất gia và đắc quả A-La-Hán. Tuy nhiên, ni cô không thể dứt tình mẫu tử. Ngày

kia, thấy vị Tỳ-khưu, con bà, đi trì bình, bà đến gần với tất cả tấm lòng ưu ái, nhưng ông con không đáp lại sự trìu mến ấy. Thái độ của người con thức tỉnh, thúc giục bà sớm dập tắt tâm luyến ái và đắc quả A-La-Hán. Nghe bà chứng ngộ đạo quả, Đức Phật giải thích rằng vị cứu tinh, hay chỗ nương tựa, của ta, phải là chính ta chớ không ở đâu khác.

Ta chịu trách nhiệm về hành động ác của ta

5. Attanā' va kataṁ pāpaṁ - 5. Hành ác chỉ do nơi ta. attajaṁ attasambhavaṁ Điều ác tự xuất phát trong ta tự bắt nguồn ở ta, và Abhimanthati dummedhaṁ - nghiền nát kẻ thiển tri như vajiraṁ v'asmamayaṁ maṇiṁ. kim cương nghiền bảo thạch. 161.

Tích chuyện

Một thiện tín có tâm đạo đến chùa nghe Pháp suốt đêm và, đến sáng, xuống ao rửa mặt. Cùng lúc ấy có tên trộm bị rượt, chạy ngang qua, quăng gói đồ đã trộm bên cạnh anh rồi bỏ trốn. Dân làng chạy đến đó tưởng lầm anh là tên trộm, bắt đánh đến chết. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật giải thích rằng mặc dầu hoàn toàn vô tội, anh phải chịu một cái chết thê thảm như vậy là do nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ. Nhơn dịp, Đức Phật, dạy ằng mỗi người phải lãnh lấy trách nhiệm về hành động của mình.

Người ô nhiễm làm cho mình sụp đổ

6. Yassa accantadussīlyaṁ 6. Như dây Māluvā đeo siết, māluvā sālam iv' otataṁ làm chết cây sāla, dường thế ấy, người nhiễm ô quá Karoti so tatha' ttānaṁ -yathā độ tự tạo cho mình những naṁ icchatī diso. gì mà kẻ thù của mình mong ước. 162.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ trên khi đề cập đến bản chất ác độc của Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta), người đã nhiều lần âm mưu sát hại Ngài.

Làm ác thì dễ, điều lành thật khó làm

7. Sukarāni asādhūni - attano 7. Làm những việc khó nhọc ahitāni ca và bất lợi cho mình thì dễ, nhưng khó thay, quả thật Yaṁ ve hitañ ca sādhuñ ca - vậy, làm được những việc taṁ ve paramadukkaraṁ. hữu ích và tốt đẹp. 163.

Tích chuyện

Đức Phật thốt ra những lời trên khi nghe Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) âm mưu gây chia rẽ trong Tăng chúng.

Không nên khinh thường bậc cao quý

8. Yo sāsanaṁ arahataṁ - 8. Người khờ dại, vì quan ariyānaṁ dhammajīvinaṁ kiến sai lầm của mình, khinh miệt giáo huấn của Paṭikkosati dummedho - chư vị Thinh Văn A-La-Hán, diṭṭhiṁ nissāya pāpikaṁ những bậc Hiền Thánh, những bậc Chánh Hạnh, sẽ Phalāni kaṭṭhakass'eva - đi đến chỗ hoại vong, giống attaghaññāya phallati. như trái kaṭṭha, chín mùi để tự diệt. 164.

Tích chuyện

Thầy Tỳ-khưu ganh tỵ nọ thuyết phục một bà thí chủ của mình không nên đến nghe Đức Phật thuyết Pháp. Không làm theo lời, bà tín nữ đến hầu Phật. Thấy vậy, thầy cũng đến bạch với Đức Phật, xin Đức Phật đổi đề tài thời Pháp và giảng về đức bố thí và trì giới. Biết rõ ý định không tốt của thầy, Đức Phật dạy những lời trên.

Trong sạch hay ô nhiễm đều do nơi ta

9. Attanā' va kataṁ pāpaṁ - 9. Làm điều ác, do ta. Quả attanā saṁkilissati thật vậy. Bị ô nhiễm, cũng do ta. Cũng do ta, không làm Attanā akataṁ pāpaṁ - điều ác. Quả thật vậy. Do ta, attanā' va visujjhati ta được thanh lọc. Trong sạch hay ô nhiễm đều tùy Suddhi asuddhi paccattaṁ - nơi ta. Không ai làm cho n'āññho aññaṁ visodhaye. người khác trong sạch được. 165.

Tích chuyện

Một người thiện tín có tâm đạo đi nghe Pháp suốt đêm và, đến sáng, xuống ao rửa mặt. Cùng lúc ấy có tên trộm bị rượt, chạy ngang qua, quăng gói đồ bên cạnh rồi bỏ trốn. Dân làng rượt tên trộm đến đó thấy gói đồ bên cạnh anh chàng đang rửa mặt, lầm anh là tên trộm, bắt đánh. Vài người đi đường lúc ấy đến đó cứu anh khỏi nạn. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy những lời trên.

Hãy chuyên cần để thành đạt an lạc tinh thần

10. Attadatthaṁ 10. Không nên vì sự an lành của paratthena - bahunā' pi na người khác, dầu lớn lao đến hāpaye đâu, mà lãng quên an lành của chính mình 1. Hãy nhận định rõ Attadatthaṁ bhiññāya - ràng sự an lành của chính mình sadatthapasuto siyā. và lập tâm thành đạt mục tiêu. 166.

Tích chuyện

Lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, các đệ tử từ bốn phương xa gần tấp nập về đảnh lễ Ngài. Chỉ có một thầy Tỳ-khưu tên Attadattha, thay vì làm như các vị khác, rút về tịnh thất chuyên cần hành thiền. Khi được hỏi về thái độ ấy, thầy trả lời: "Bạch hóa Đức Thế Tôn, vì trong ba tháng nữa Ngài

sẽ nhập diệt nên con nghĩ rằng để tỏ lòng quý trọng Ngài, việc làm tốt đẹp nhứt là thành tựu đạo quả A-La-Hán lúc Ngài còn tại tiền". Đức Phật ngợi khen phẩm hạnh gương mẫu của thầy và dạy không nên lãng quên sự an lành của chính mình vì người khác.

Chú thích

1. Ở đây, danh từ "an lành" có nghĩa mục tiêu cuối cùng, tức đạo quả Niết-bàn.

Không nên hi sinh thánh quả của mình vì nghi thức tôn sùng bề ngoài.

Không nên hiểu lầm rằng Đức Phật dạy chớ có phục vụ kẻ khác, chớ tạo hạnh phúc cho kẻ khác một cách vị tha, bất cầu lợi. Tinh thần phục vụ bất cầu lợi luôn luôn được Đức Phật khuyến khích.

-ooOoo-

13. THẾ GIAN - LOKA VAGGA

Hãy từ bỏ tham vọng thấp hèn

1. Hinām dhammaṁ na 1. Không nên phục dịch seveyya pamādena na saṁvase mục tiêu bần tiện 1. Không nên sống buông lung phóng Micchādiṭṭhiṁ na seveyya - na dật. Không nên ôm ấp tà siyā lokavaddhano. kiến. Không nên nâng đỡ thế gian 2. 167.

Tích chuyện

Một thầy Sa-di trẻ tuổi phẫn nộ vì có người gọi là ông trọc. Không ai làm dịu được thầy. Đức Phật dùng phương pháp hòa giải và thuyết phục. Khi ấy Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Mục tiêu bần tiện - là dục lạc, những khoái lạc vật chất.

2. Nâng đỡ thế gian - bằng cách sanh tử triền miên, trở đi trở lại.

Người chánh hạnh sống an vui. Hãy có chánh hạnh

2. Uttiṭṭhe nappamajjeyya - 2. Không nên dễ duôi phóng dhammaṁ sucaritaṁ care dật khi đứng (trì bình trước cửa người ta). Hãy trang Dhammacārī sukhaṁ seti - nghiêm hành chánh hạnh asmiṁ loke paramhi ca. (ấy). Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ được an 3. Dhammaṁ care sucaritaṁ vui ở thế gian này, và trong - na naṁ duccaritaṁ care thế gian sắp đến. 168.

Dhammacārī sukhaṁ seti - 3. Hãy trang nghiêm hành asmiṁ loke paramhi ca. chánh hạnh (ấy). Không nên dễ duôi phóng dật. Người

hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ sống an vui, ở thế gian này và trong thế gian sắp đến. 169.

Tích chuyện

Trong ngày đầu tiên Đức Phật trở về nơi chôn nhau cắt rún, thành Ca-Tỳ-La-Vệ (Kapilavatthu), liền sau khi thành đạt đạo quả Vô Thượng, Ngài đi trì bình trong các đường phố. Đức vua cha là Vua Tịnh Phạn, lấy làm nhục nhã nghe tin ấy, lật đật chạy đến hỏi Đức Phật tại sao nỡ lòng làm nhục hoàng gia, đi khất thực trên những con đường mà trước kia Ngài chỉ đi bằng kiệu vàng. Lúc ấy Đức Phật, lưu ý vua rằng đó là chánh hạnh của chư Phật, những người đến trước Ngài, và Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Bản dịch này được dịch theo tinh thần của bản chú giải. Do tánh cách không rõ ràng của danh từ đầu tiên, câu trên có thể được dịch: "Hãy giác tỉnh, không nên phóng dật" v.v...

Thế gian này tựa hồ như bọt nước

4. Yathā bubbulakaṁ passe - 4. Như ta nhìn bọt nước. yathā passe marīcikaṁ Như ta nhìn ảo ảnh. Nếu người kia nhìn thế gian này Evaṁ lokaṁ avekkhantaṁ như vậy, Tử Thần không maccurājā na passati. còn thấy người ấy nữa 1. 170.

Tích chuyện

Nhiều vị Tỳ-khưu đắc quả A-La-Hán nhờ suy niệm về ảo ảnh và bọt nước. Đề cập đến sự chứng ngộ của các Ngài, Đức Phật thốt ra những lời trên.

Chú thích

1. Cái cơ cấu tâm vật lý, tức xác thân này, phải được xem là trống không như bọt nước và huyễn hoặc như ảo ảnh. Người thiện trí nhận định như thế ấy sẽ chấm dứt mọi đau khổ của đời sống.

Người thiện trí không luyến ái thế gian

5. Etha passath' imaṁ lokaṁ - 5. Đến đây, hãy nhìn thế gian này 1, như chiếc long cittaṁ rājarathūpamaṁ xa trang hoàng lộng lẫy. Kẻ cuồng dại lặn hụp trong Yattha bālā visīdanti - thế gian ấy, nhưng người thiện trí thì không luyến ái. natthi saṅgo vijānataṁ. 171.

Tích chuyện

Một hoàng tử lấy làm sầu muộn khi hay tin người vũ nữ thường ca múa giúp vui cho ông vừa chết. Hoàng tử đến hầu Phật để tìm nguồn an ủi. Đức Phật khuyên giải ông và dạy những lời trên.

Chú thích

1.-Thế gian - là thể xác gồm năm uẩn này.

Người chuyên cần chánh niệm rọi sáng thế gian

6. Yo ca pubbe pamajjitvā - 6. Người trước kia phóng pacchā so nappamajjati dật, về sau chuyên cần tu niệm. Người như thế rọi sáng So imaṁ lokaṁ pabhāseti - thế gian như vầng trăng ló abbhā mutto' va candimā. dạng, thoát ra khỏi đám mây mờ. 172.

Tích chuyện

Thầy Tỳ-khưu nọ từ sáng đến chiều chỉ lo quét dọn trong chùa. Về sau, thực hành theo lời dạy của một vị A-La-Hán, thầy rút vào tịnh thất, sớm tối chuyên cần hành thiền và đắc quả A-La-Hán. Khi đề cập đến sự thay đổi thái độ của thầy, Đức Phật dạy những lời trên.

Hành động lành có thể che lấp nghiệp xấu

7. Yassa pāpaṁ kataṁ 7. Người có hành động lành 1 kammaṁ - kusalena pithīyati để che khuất nghiệp xấu 2, người ấy rọi sáng thế gian So imaṁ lokaṁ pabhāseti - như vầng trăng ló dạng, thoát ra khỏi đám mây mờ. abbhā mutto' va candimā. 173.

Tích chuyện

Angulimāla đã giết nhiều nhơn mạng nhưng được Đức Phật cảm hóa. Về sau, không những ông trở thành một vị Tỳ-khưu giàu lòng từ bi mà còn đắc quả A-La-Hán và nhập Niết-bàn sau khi viên tịch. Các vị Tỳ-khưu khác muốn biết làm sao một kẻ sát nhơn như vậy có thể đắc quả A-La-Hán. Để giải đáp, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Hành động lành - bằng A-La-Hán đạo

2. Ta phải gặt hái hậu quả của nghiệp đã tạo. Nhưng không nhứt thiết bắt buộc phải gặt hái tất cả hậu quả của tất cả những hành động trong vòng luân hồi. Nếu phải vậy ắt không thể có giải thoát, không thể thoát ra khỏi vòng sanh tử. Đôi khi có thể ngăn chận nghiệp xấu trổ quả bằng cách tạo một nghiệp tốt thật mạnh.

Người sáng suốt hiếm có

8. Andhabhūto ayaṁ loko - 8. Thế gian này mù quáng. tanuk'ettha vipassati Người thấy rõ thật hiếm hoi. Như (số) chim thoát Sakunto jālamutto‘va - appo khỏi lưới, ít người vào nhàn saggāa gacchati. cảnh 1. 174.

Tích chuyện

Một em bé gái giàu tâm đạo, con một người thợ dệt, đến nghe Đức Phật thuyết Pháp và giải đáp thỏa đáng bốn câu hỏi khó, được Đức Phật nêu lên cho em mà toàn thể cử tọa không ai hiểu đúng. Đức Phật giải thích và đọc lên câu kệ trên.

Chú thích

1. Nhàn cảnh - Sagga, trạng thái hữu phúc hay nhàn cảnh, không phải thiên đàng trường cửu.

Người thiện trí cố thoát ra khỏi thế gian này

9. Hamsādiccapathe yanti - 9. Chim thiên nga bay dài theo ākāse yanti iddhiyā đường mặt trời. (Con người), nhờ thần thông 1, bay giữa Nīyanti dhīrā lokamhā - không trung. Bậc thiện trí jetvā māraṁ savāhiniṁ. thoát ra khỏi thế gian 2 này nhờ chinh phục Ma vương và khách của Ma vương 3. 175.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu đến hầu Phật, nghe Pháp và đắc quả A-La-Hán cùng các thần thông. Lúc về, các Ngài bay đi. Đại đức Ananda thấy cái Ngài vô mà không thấy ra và cũng không thấy đâu hết nên bạch hỏi Đức Phật. Cùng lúc ấy có những con thiên nga đang bay trên không trung. Đức Phật ghi nhận rằng chư vị A-La-Hán có năng lực thần thông cũng bay giữa không trung như loài thiên nga.

Chú thích

1.- Thần thông - Iddhi, năng lực tinh thần. Do nhờ sự phát triển tinh thần đầy đủ, hành giả có thể bay trên không trung, đi trên mặt nước, chui xuống lòng đất v.v... Những loại năng lực ấy thuộc về tâm linh và phi thường nhưng không phải là phép lạ.

2.- Khỏi thế gian - Đó là các vị A-La-Hán, nhập Đại Niết-bàn, không còn tái sanh trở lại trên thế gian này.

3.- Khách của Ma Vương - được mô tả là gồm mười loại dục vọng hay ô nhiễm (kilesa) là:

1. Tham dục (kāma), 2. Bất mãn với đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh (arati), 3. Đói và khát (khuppipāsā), 4. Ái dục (taṇhā), 5. Hôn trầm, dã dượi (thīna - middha), 6. Sợ hãi (bhaya), 7. Hoài nghi (vicikicchā), 8. Phỉ báng và cố chấp (makkha thambha), 9. Lợi lộc (lābha), khen tặng (siloka), vinh dự (sakkāra) và thinh danh bất chánh

(yasa), 10. Đánh cao quá mức giá trị của mình và khinh rẽ người khác (attukkaṁsanaparavambhana).

Không có điều ác nào mà người gian dối không làm được

10. Ekaṁ dhammaṁ atītassa - 10. Không có điều ác nào musāvādissa jantuno mà người vọng ngữ vi phạm định luật (chơn thật), và Vitiṇṇaparalokassa - natthi dửng dưng trước thế giới pāpaṁ akāriyaṁ. bên kia, không làm được 1. 176.

Tích chuyện

Một thiếu phụ hư hèn giả làm như có mang để công khai phỉ báng Đức Phật. Nhưng mưu gian bị khám phá. Đức Phật đọc câu kệ trên khi đề cập đến lời vu oan của thiếu phụ.

Chú thích

1. Người vọng ngữ, không biết tự trọng, không tin có kiếp sống sau kiếp này, và không biết sợ hậu quả của những hành động độc ác, người ấy có thể làm bất cứ điều ác nào.

Người như thế ấy không thấy được hạnh phúc trên quả địa cầu, trong nhàn cảnh, hay ở Niết-bàn.

Người bỏn xẻn không hạnh phúc

11. Na ve kadariyā 11. Đúng như vậy, người hà devalokaṁ vajanti - bālā tiện không lên cảnh Trời. Kẻ have nappasaṁsanti dānaṁ cuồng si không tán dương đức quảng đại. Dhīro ca dānaṁ anumodamāno - ten' eva so Người thiện trí hoan hỉ bố thí, hoti sukhī parattha. do đó, được hạnh phúc về sau. 177.

Tích chuyện

Ông vua nọ tiêu xài tiền của thật nhiều để cúng dường Đức Phật và chư Tăng. Trong triều có một vị đại thần không vui và một vị khác lấy làm hoan hỉ. Xét về hai thái độ khác nhau của hai vị đại thần ấy Đức Phật giảng cho vua nghe những lời dạy trên.

Tiến bộ tinh thần quý hơn quyền bá chủ trên thế gian

12. Pathavyā ekarajjena - 12. Hơn quyền bá chủ 1 trên saggassa gamanena vā quả địa cầu, hơn tái sanh vào cảnh Trời, hơn quyền chúa tể Sabbalokādhipaccena - của toàn thể võ trụ, là quả của sotāpattiphalaṁ varaṁ. bậc Nhập Lưu. 178.

Tích chuyện

Ông trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) khuyến khích con đi nghe Đức Phật thuyết Pháp bằng cách cho con nhiều tiền. Vì ham muốn được ban thưởng, người con đến hầu Phật, nghe Pháp, và đắc quả Nhập Lưu. Lúc bấy giờ Đức Phật dạy rằng tiến bộ tinh thần quý báu hơn tất cả cái gì ta có thể có được trên thế gian này.

Chú thích

1. Sự thanh lọc nội tâm cao thượng hơn những sự nghiệp vật chất trên thế gian hay hạnh phúc tạm bợ ở các cảnh Trời.

2. Nhập Lưu - sotāpatti, ở đây sota có nghĩa là dòng nước dẫn đến Niết-bàn. Đó là Bát Chánh Đạo. "Ā" là lần đầu tiên. "Patti" là sự thành đạt. Sotāpatti là sự thành đạt dòng suối dẫn đến Niết-bàn lần đầu tiên. Đó là sự chứng ngộ Niết-bàn lần đầu tiên. Đó cũng là từng thứ nhứt trong bốn từng Thánh. Bậc Nhập Lưu hay Tu-Đà-Hườn không còn tái sanh vào khổ cảnh nhưng những bậc vĩ nhơn trên thế gian còn có thể tái sanh vào trạng thái đau khổ.

-ooOoo-

14. PHẬT - BUDDHA VAGGA

Đức Phật vô lượng

1. Yassa jitaṁ n'āvajīyati 1. Người mà cuộc chinh phục jitamassa no yāti koci loke (dục vọng) không thể thất bại 1, trên thế gian này, không

Taṁ buddham (dục vọng nào) đã bị khắc anantagocaraṁ apadam phục còn theo người ấy 2. Oai kena padena nessatha. lực của vị Phật không dấu vết ấy 3 thật vô cùng tận 4.

Ngươi 2. Yassa jālinī visattikā - sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường taṇhā natthi kuhiñci netave lối nào? 179.

Taṁ buddham 2. Người không còn bị ái dục, anantagocaraṁ apadaṁ hỗn tạp và rối ren 5, dẫn dắt kena padena nessatha. (đến kiếp sống nào). Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thật vô cùng tận - Ngươi sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào 6? 180.

Tích chuyện

Một thiếu phụ trẻ đẹp, Māgandiyā, được người cha dẫn đến giới thiệu để làm vợ Đức Phật. Đức Phật đọc lên những câu kệ trên để chỉ rằng Ngài không còn có thể sa đọa. Chí đến ba người con gái của Ma Vương, hết sức cố gắng lấy nhan sắc quyến rũ Ngài, nhưng tất cả đều thất bại.

Chú thích

1. Không thể thất bại - vì Đức Phật đã tận diệt mọi dục vọng của tham, sân, si. Các dục vọng ấy không còn phát sanh đến Ngài được nữa. Cuộc chiến thắng tinh thần của Ngài không thể bị lay chuyển.

2. Không theo người ấy - vì mọi dục vọng đã bị tận diệt, không thể phát sanh trở lại nữa.

3. Không dấu vết - vì Đức Phật không còn dấu vết gì của tham, sân, si.

4. Oai lực vô cùng tận - vì Đức Phật toàn tri, biết tất cả mọi việc.

5. Ái dục hỗn tạp và rối ren - của tham, sân, si.

6. Nessatha - quyến rũ bằng cách đưa chúng sanh vào nanh vuốt của người chủ tâm cám dỗ.

Đức Phật được tất cả kỉnh mộ

3. Ye jhānapasutā dhīrā - 3. Bậc thiện trí đã chuyên cần nekkhammūpasame ratā hành thiền 1, đã thỏa thích trong sự an tịnh của hạnh từ Devā' pi tesaṁ pihayanti - khước 2 (tức Niết-bàn), những sambuddhānaṁ vị Phật giác tỉnh toàn hảo như satīmataṁ. vậy, chí đến chư Thiên cũng hết lòng kính mộ. 181.

Tích chuyện

Đức Phật lên cung Trời Đạo Lợi (Tāvatiṁsa) để giảng Vi Diệu Pháp cho chư Thiên nghe. Mẹ của Ngài, từ cung Trời Đấu Xuất (Tusita) cũng đến đó nghe Đức Phật thuyết pháp. Sau ba tháng, khi Đức Phật trở về, có nhiều vị Trời cung nghinh Ngài về, Đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) ghi nhận rằng chư Thiên cũng đến tìm sự hướng dẫn của Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật dạy những lời trên.

Chú thích

1.- Hành thiền - ở đây danh từ thiền (jhāna) bao gồm hai nghĩa, thiền chỉ quán (samatha) và thiền minh sát (Vipassanā).

2.- Hạnh từ khước - Nekkhamma, có nghĩa là Niết-bàn, thành đạt bằng cách diệt trừ dục vọng.

Người tốt Phật hiếm hoi

4. Kiccho manussapaṭilābho - 4.- Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp kicchaṁ maccāna jīvitaṁ sống làm người quả thật khó. Nghe được Chơn Lý Kicchaṁ saddhammasavaṇaṁ Tối Thượng quả thật khó. kiccho buddhānaṁ uppādo. Hi hữu thay, có một vị Phật ra đời! 182.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ trên khi đề cập đến một vị Tỳ-khưu tái sanh vào cảnh thú.

Hãy tạo thiện nghiệp và làm người tốt

5. Sabbapāpassa akaraṇaṁ 5.- Không làm điều ác 1. kusalassa upasampadā Trau giồi việc thiện. Thanh lọc tâm. Đó là Giáo Huấn Sacittapariyodapanaṁ etaṁ của chư Phật 2. 183. buddhāna sāsanaṁ.

Không hung bạo là đặc tánh của bậc Sa-môn

6. Khantī paramaṁ tapo 6.- Hành pháp nhẫn nại là titikkhā -nibbānaṁ paramaṁ khổ hạnh cao thượng nhứt. vadanti buddhā Niết-bàn là tối thượng, chư Phật dạy. Đúng vậy, người Na hi pabbajito parūpaghātī - gây tổn hại cho kẻ khác samaṇo hoti paraṁ không phải bậc xuất gia 3. viheṭhayanto. Bậc Sa-môn 4 không hề áp bức ai. 184.

Hãy sống đời trong sạch và cao quý

7. Anūpavādo anūpaghāto - 7. Không lăng mạ, không gây pātimokkhe ca saṁvaro tổn hại, tự thu thúc đúng theo Giới Luật Căn Bản 5, ẩm Mattaññutā ca bhattasmim - thực tiết độ, sống ẩn dật, panthañ ca sayanāsanaṁ chuyên cần chú niệm 6 cao thượng. Đó là Giáo Huấn của Adhicitte ca āyogo - etaṁ chư Phật. 185. buddhāna sāsanaṁ.

Tích chuyện

Khi Đại đức A Nam Đà (Ānanda) bạch hỏi Đức Phật về những việc làm của chư Phật quá khứ trong những ngày giới (uposatha), Đức Phật giảng rằng tất cả chư Phật đều dạy ba câu trên.

Chú thích

1.- Điều ác - là những điều nào bắt nguồn từ ba căn bất thiện là tham (lobha), sân (dosa), và si (moha). Những điều nào kết hợp với ba căn thiện là: Lòng quảng đại hay tâm bố thí (alobha, không tham), thiện ý hay tâm Từ (adosa, không sân) và trí tuệ (amoha, không si), được xem là điều thiện, việc làm tạo thiện nghiệp.

2.- Đạo Phật có thể tóm tắt trong câu này.

3.- Bậc xuất gia - Pabbajito, người sống ẩn dật, là người đã đem bỏ ô nhiễm của mình qua một bên và tách rời thế gian.

4.- Bậc Sa-môn - Samaṇo, là người đã khắc phục dục vọng.

5.- Giới căn bản - hay Giới bổn, Pātimokkha, là 227 giới chánh của hàng xuất gia (ngoài bảy đường lối để giảng hòa).

6.- Chuyên cần chú niệm cao thượng - Adhicitta, là tám sự thành đạt (aṭṭhasmāpatti): Bốn thiền Sắc Giới (rūpa jhāna) và bốn thiền Vô Sắc Giới (arūpa jhāna). Đó là những từng thiền cao thượng có thể giúp hành giả thành tựu năng lực thần thông.

Khoái lạc vật chất không bao giờ thỏa mãn

8. Na kahapaṇavassena - 8.9. Trận mưa vàng không làm titti kāmesu vijjati cho hạnh tri túc phát sanh đến người dục lạc. Khoái lạc vật Appassādā dukhā kāmā - iti chất đem lại chút ít êm đềm và viññāya paṇḍito. 186. nhiều đau khổ. Biết như thế, người thiện trí không tìm thỏa 9. Api dibbesu kāmesu - thích trong khoái lạc, dầu ở ratiṁ so n'ādhigacchati cảnh Trời. Hàng môn đệ của đấng Toàn Giác hoan hỉ tận Taṇhakkhayarato hoti - diệt ái dục. 186. 187. sammāsambuddhasāvako.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu không biết tri túc, muốn rời bỏ đời sống xuất gia, ước mơ trở về thọ lãnh chút ít tài sản của cha mẹ để lại. Đức Phật giải thích rằng dục lạc không bao giờ được thỏa mãn hoàn toàn. Hạnh phúc vật chất chỉ là sự thỏa mãn của một vài ước vọng. Nhưng khi ta vừa đạt được nó thì nó đã vội lìa bỏ ta. Không bao giờ ta cho là đủ.

Hãy tìm quy y Phật, pháp, tăng, để thoát khổ

10. Bahuṁ ve saraṇaṁ yanti - 10. Con người kinh hãi đi pabbatāni vanāni ca tìm nương tựa ở nhiều nơi - đồi núi, rừng, vườn, Ārāmarukkhacetyāni - manussā cây cối, và đền miếu. 188. bhayatajjitā. 11. Không, đó không phải 11. N'etaṁ kho sāraṇaṁ là nương tựa an toàn, khemaṁ - ṇ'etaṁ saraṇam không phải nương tựa tối uttamaṁ thượng. Ẩn náu như vậy không thể thoát ra khỏi N'etaṁ saraṇam āgamma - phiền não. 189. sabbadukkhā pamuccati. 12. 13. 14. Người đi tìm 12. Yo ca buddhañ ca dhammañ nương tựa nơi Đức Phật, ca - saṅghañ ca saraṅam 4 gato Giáo Pháp và Tăng già, có tri kiến chơn chánh để Cattāri ariyasaccāni - nhận thức Tứ đế - Khổ, sammappaññāya passati. nguồn khổ, vượt khỏi khổ,

13. Dukkhaṁ và Bát chánh đạo, dẫn đến dukkhasamuppādaṁ - sự Diệt khổ. dukkhassa ca atikkamaṁ Đó quả thật là nương tựa Ariyañcaṭṭhaṅgikaṁ maggaṁ - an toàn. Đó quả thật là dukkhūpasamagāminaṁ nương tựa tối thượng. Tìm đến các nương tựa ấy 14. Etaṁ kho saraṇaṁ khemaṁ - ắt thoát ra khỏi mọi phiền etaṁ saranam uttamaṁ não. 190. 191. 192.

Etaṁ saraṇaṁ āgamma - sabbadukkhā pamuccati.

Tích chuyện

Giáo chủ một đạo khác dạy đệ tử tìm nương tựa nơi núi, rừng v.v... để thoát khỏi đau khổ. Đức Phật giảng về hiệu quả của Tam Quy để thoát khỏi phiền não.

Chú thích

1.- Con người là nương tựa quý báu nhứt của con người. Người Phật tử tìm nương tựa (quy Y) nơi Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng già, xem đó là vị đạo sư, lời giáo huấn, và người hướng đạo, để thành đạt sự giải thoát của mình ra khỏi phiền não của đời sống. Đức Phật là ông thầy cao quý nhứt đã vạch ra con đường giải thoát. Giáo Pháp là con đường duy nhứt. Tăng già đại diện cho các vị Thinh văn đã theo đúng con đường và trở thành những gương sống. Ta chánh thức trở thành Phật tử sau khi thọ lễ quy y Tam Bảo một cách hiểu biết. Người Phật tử quy y, hay tìm nương tựa nơi Đức Phật, không phải để cầu xin hay hy vọng được chính Ngài hành động để giải thoát. Niềm tin mà người Phật tử trọn vẹn đặt vào Đức Phật cũng giống như niềm tin của người bệnh đặt vào một danh y, hay của trò, nơi thầy.

Hạng người cao quý thật hi hữu

15. Dullabho purisājañño 1 - 15. Khó tìm được hạng người na so sabbattha jāyati trí tuệ cao siêu. Người như thế không sanh ra ở bất cứ đâu. Yattha so jāyatī dhīro taṁ Nơi nào có người thiện trí đản kulaṁ sukkham edh ati. sanh, gia đình ấy dồi dào hạnh phúc. 193.

Tích chuyện

Đại đức A-Nan-Đà (Ānanda) bạch hỏi Đức Phật những nhơn vật vĩ đại như chư Phật đản sanh ở nơi nào. Để giải đáp, Đức Phật dạy những lời trên.

Chú thích

1.- Người trí tuệ cao siêu - purrisājañño, tức là một vị Phật.

Những điều đem lại hạnh phúc

16. Sukho buddhānaṁ uppādo 16. Hạnh phúc thay, chư -sukhā saddhammadesanā Phật giáng sanh. Hạnh phúc thay, Giáo Pháp cao minh. Sukhā saṅghassa sāmaggi - Hạnh phúc thay, Tăng già samaggānaṁ tapo sukho. hòa hiệp. Hạnh phúc thay, giới luật của người đồng tu. 194.

Tích chuyện

Đức Phật dạy những lời trên khi các vị Tỳ-khưu thảo luận về những gì đem lại hạnh phúc.

Chú thích

1.- Tăng già - Sangha, là Giáo hội của những người độc thân có quy chế dân chủ xưa nhứt trong lịch sử, do Đức Phật sáng lập. Nói một cách chính xác, Tăng già là những vị đệ tử cao quý của Đức Phật đã chứng ngộ bốn Đạo và bốn Quả. Những vị Tỳ-khưu ngày nay chỉ là những người đại diện cho Giáo hội.

Tôn kính bậc đáng tôn kính

17. Pūjārahe pūjayato - 17. 18. Người tôn kính buddhe yadi va sāvake những bậc xứng đáng thọ lãnh sự tôn kính, chư Phật Papañcasamatikkhante - hay chư Thinh Văn đệ tử, tiṇṇasokapariddave. những bậc đã khắc phục mọi chướng ngại 1 và đã thoát 18. Te tādise pūjayato - khỏi mọi phiền não âu sầu - nibbute akutobhaye công đức của người tôn kính cúng dường bậc an tịnh 2, bậc Na sakkā puññaṁ saṅkhātuṁ vô úy 3 thật là vô lượng. 195. im' ettam' iti kena ci. 196.

Chú thích

1.- Chướng ngại - pāpañca, những trở ngại như luyến ái, tà kiến và ngã mạn.

2.- An tịnh - Không người đã dập tắt lửa tham.

3.- Vô úy - không sợ. Người đã dập tắt dục vọng không còn sợ.

-ooOoo-

15. HẠNH PHÚC - SUKHA VAGGA

Không hận thù giữa người thù hận, mạnh khỏe trong đám ươn yếu, không dục vọng giữa những người đam mê

1. Susukhaṁ vata jīvāma - 1. Hạnh phúc thay, ta sống verinesu averino không thù hận giữa những người thù hận. Giữa những Verinesu manussesu - người thù hận ta sống viharāma averino. không hận thù.197.

2. Susukhaṁ vata jīvāma - 2. Hạnh phúc thay, ta sống āturesu anātura. mạnh khỏe giữa những người ươn yếu. Giữa những Āturesu manussesu - viharāma người ốm đau ta được sống anāturā. khỏe mạnh. 198.

3. Susukhaṁ vata jīvāma - 3. Hạnh phúc thay, ta sống ussukesu anussukā không khao khát (dục vọng) giữa những người Ussukesu manussesu - khao khát. Giữa những viharāma anussukā. người khát khao ta sống không khao khát. 199.

Tích chuyện

Để giảng hòa một cuộc tranh chấp giữa hai tiểu bang đang giành nhau nước dưới con sông làm ranh giới, Đức Phật dạy không nên thù hận.

Chú thích

1.- Khỏe mạnh - nghĩa là không còn mang các chứng bệnh của dục vọng.

Hãy tiêu trừ chướng ngại

4. Susukhaṁ vata jīvāma - 4. Hạnh phúc thay, Như Lai yesaṁ no natthi kiñcanaṁ sống không bị chướng ngại 1. Dưỡng nuôi phỉ lạc, Như Lai Pītibhakkhā bhavissāma - lúc nào cũng như các vị Trời devā ābhassarā yathā. ở cảnh Quang Âm Thiên. 200.

Tích chuyện

Ngày kia Đức Phật vào thôn xóm trì bình. Do sự can thiệp khuấy phá của Ma Vương, hôm ấy Đức Phật không có gì để ngọ trai. Ma Vương bạch hỏi Ngài có nghe đói bụng

không? Đức Phật giải thích thái độ tinh thần của người đã thoát ra khỏi mọi chướng ngại.

Chú thích

1.- Chướng ngại - kiñcana, là những trở ngại cho sự tiến bộ tinh thần như Tham, Sân, Si.

Chiến thắng nuôi dưỡng hận thù

5. Jayaṁ veraṁ pasavati - 5. Chiến thắng nuôi dưỡng dukkhaṁ seti parājito hận thù. Kẻ chiến bại sống

đau khổ. Hạnh phúc thay, Upasanto sukhaṁ seti - hitvā người sống an tịnh, dứt jayaparājayaṁ. khoát từ bỏ mọi thắng bại. 201.

Tích chuyện

Một ông vua lấy làm âu sầu vì đã bị bại trận ba lần. Đức Phật luận về hậu quả không hay của cả người thắng lẫn kẻ bại.

Tham ái là lửa

6. Natthi rāgasamo aggi - 6. Không có lửa nào như natthi dosasamo kali tham ái. Không có tội ác nào như thân ngũ uẩn. Không có Natthi khandhasamā dukkhā - phước báu nào như Tịch natthi santiparaṁ sukhaṁ. Tịnh (Niết-bàn). 202.

Tích chuyện

Nhơn dịp lễ thành hôn cho người con trẻ tuổi, gia đình nọ thỉnh Đức Phật và chư Tăng về nhà để cúng dường. Trong lúc thấy cô dâu đang lăng xăng lui tới thì chú rể sanh lòng tham dục. Đức Phật nhận thấy ý tưởng xấu ấy nên dạy những lời trên.

Bụng đói là phiền não quan trọng

7. Jighachā paramā rogā - 7. Đói bụng 1 là chứng bệnh saṁkhārā paramā dukhā tối trọng. Thân ngũ uẩn 2 là cơn bệnh trầm kha. Rõ biết Etaṁ ñatvā yathābhūtaṁ - như thực điều ấy, (bạc thiện nibbānaṁ paramaṁ sukkhaṁ. trí chứng ngộ) Niết-bàn, phước báu tối thượng. 203.

Tích chuyện

Một nông dân nghèo đến nghe Đức Phật thuyết Pháp trong lúc bụng đói. Trước khi bắt đầu thời Pháp Đức Phật gọi người dọn cơm cho anh nông dân ăn. Vài vị Tỳ-khưu không hiểu tại sao, tỏ vẻ không hoan hỉ. Nhơn cơ hội, Đức Phật giảng những lời trên.

Chú thích

1.- Đói bụng - thông thường, mỗi khi đau ốm người ta dùng một vị thuốc thích hợp làm cho bệnh thuyên giảm và chấm dứt. Nhưng cái đói thì không bao giờ dứt. Hằng ngày, và như vậy suốt đời, hễ ăn no rồi lại đói.

2.- Thân ngũ uẩn - Saṁkhāra, thường được dịch là hành, ở đây được dùng trong nghĩa khandha là uẩn, tức năm uẩn hay năm nhóm cấu thành chúng sanh. Ngũ uẩn là Sắc

(rūpa), Thọ (vedanā), Tưởng (saññā), Hành (saṁkhārā), và Thức (viññāna).

Cái được gọi chúng sanh là sự kết hợp của năm thành phần, hay nhóm, ấy. Cả hai danh từ saṁkhārā và khandha đều được dùng để chỉ năm uẩn hữu vi ấy. Ngoài hai tâm sở thọ

(vedanā) và tưởng (saññā), năm mươi tâm sở còn lại gọi chung là hành (Saṁkhārā), trong ngũ uẩn.

Sức khỏe là vàng

8. Ārogyaparamā lābhā - 8. Sức khỏe là lợi ích cao santuṭṭhī paramaṁ dhannaṁ thượng nhứt. Tri túc là sự nghiệp vĩ đại nhứt. Người Vissāsaparamā ñātī thành tín 1 là họ hành thân nibbānaṁ pramaṁ sukhaṁ. thuộc nhứt. Niết-bàn là quả phúc tối thượng. 204.

Tích chuyện

Ông vua kia, vì ăn uống quá độ nên thường đau ốm. Về sau, nghe lời Đức Phật khuyên dạy, vua sống chừng mực và được khỏe mạnh. Khi vua đến hầu Phật và bạch cho Đức Phật biết như thế, Đức Phật dạy bốn nguyên nhân tạo phúc như trên.

Chú thích

1.- Người thành tín - dầu có bà con thân thuộc hay không.

Hạnh phúc thay, người nếm hương vị của chơn lý

9. Pavivekarasaṁ pītvā - 9. Đã nếm được hương vị của rasaṁ upasamassa ca đời sống ẩn dật và tịch tịnh, người ấy thoát khỏi lo âu và Niddaro hoti nippāpo - ô nhiễm, đượm nhuần hương dhammapītirasaṁ pibaṁ. vị phỉ lạc của Giáo Pháp. 205.

Tích chuyện

Được nghe Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, một thầy Tỳ-khưu rút vào nơi vắng vẻ ẩn dật để hành thiền, thay vì cùng các vị khác đến đảnh lễ Đức Phật. Khi được hỏi đến, thầy bạch rằng thầy cố gắng thành đạt đạo quả A-La-Hán trước khi Đức Phật nhập diệt. Do đó Đức Phật dạy những lời trên.

Chú thích

1.- Tịch tịnh - Upasama, hạnh phúc Niết-bàn, phát sanh do sự dập tắt mọi dục vọng.

Phước báu thay, được diện kiến bậc thánh nhơn đáng buồn thay, kết hợp với người cuồng dại hãy kết hợp với bậc thiện trí

10. Sādhu dassanam 10. Được thấy bậc Thánh ariyānaṁ - sannivāso sadā Nhơn là quý: Sống với bậc sukhā Thánh Nhơn bao giờ cũng được hạnh phúc. Không thấy Adassanena bālānaṁ - người cuồng dại, ta có thể an niccam eva sukhī siyā. vui lâu dài. 206.

11. Bālasaṅgatacārī hi dīgham addhāna socati 11. Đúng vậy, người sống chung với kẻ cuồng dại phải Dukkho bālehi saṁvāso - chịu sầu muộn lâu dài. Kết amitten' eva sabbadā. hợp với người điên cũng đau khổ như sống với kẻ thù. Dhīro ca sukhasaṁvāso - Hạnh phúc thay, kết hợp với ñātīnaṁ' va samāgamo. bậc thiện trí, không khác nào gặp lại thân bằng quyến 12. Tasmā hi: thuộc. 207.

Dhīrañ ca paññañ ca 12. Do đó: bahussutañ ca - dhorayhasīlaṁ vatavantam Với người thông minh, trí tuệ āriyaṁ 1, bậc thông suốt 2, có chịu

đựng 3, giới hạnh trang Taṁ tādisaṁ sappurisaṁ nghiêm 4, và bậc Thánh nhơn sumedhaṁ - bhajetha với hạng người giới hạnh và nakkhattapathaṁ' va trí thức như thế, ta nên kết candimā. hợp như mặt trăng (đi theo) con đường đầy sao sáng. 208.

Tích chuyện

Một lần nọ Đức Phật lâm bệnh, Sakka (Trời Đế-Thích), vua của các vị Trời, biến ra hình người đến hầu và săn sóc Ngài. Các vị Tỳ-khưu lấy làm ngạc nhiên trước cử chỉ gương mẫu của vua Trời Đế- Thích. Lúc ấy Đức Phật thốt ra những lời trên.

Chú thích

1.- Trí tuệ - Paññaṁ, người có đủ tri kiến tại thế và siêu thế. (Bản chú giải).

2.- Bậc thông suốt - Bahussutaṁ, người có học và đã chứng ngộ (Bản chú giải).

3.- Có chịu đựng - Dhorayhasīlaṁ, dấn thân vào việc mang cái ách (dẫn đến Niết-bàn) (Bản chú giải).

4. Giới hạnh trang nghiêm - Vatavantaṁ, đầy đủ giới đức và đạo hạnh của bậc xuất gia (Dhutaṅga).

5.- Thánh Nhơn - Ariya, người đã tận diệt mọi dục vọng.

-ooOoo-

16. THÂN ÁI - PIYA VAGGA

Hãy tránh những gì phải tránh

1. Ayoge yuñjam attānaṁ - 1. Gắn bó vào những gì phải yogasmiñ ca ayojayaṁ tránh 1, không gắn bó vào những gì phải theo đuổi 2, và từ bỏ mục tiêu 3, kẻ chạy theo

dục lạc sẽ ganh tị người Atthaṁ hitvā piyaggāhī - chuyên cần 4. 209. pihet' attānuyoginaṁ.

Hãy từ bỏ cái "thân" và cái "không thân"

2. Mā piyehi samāgañchi - 2. Không nên tự ràng buộc appiyehi kudācanaṁ. vào những gì thân yêu 5, không bao giờ tự ràng buộc Piyānaṁ adassanaṁ vào những gì không thân. dukkhaṁ appiyānañ ca Không gặp những gì mình dassanaṁ. thân yêu, và gặp những gì mình không thân yêu, cả hai (trường hợp) đều đau khổ. 6 210.

Không nên thân yêu

3. Tasmā piyaṁ na kayirātha 3. Do đó, không nên thân yêu, - piyâpāyo hi pāpako vì xa lìa những gì thân yêu là khổ. Với người không có gì Ganthā tesaṁ na vijjanti - thân hay không thân, không yesaṁ natthi piyâppiyaṁ. còn dây trói buộc. 211.

Tích chuyện

Một chàng thanh niên được cha mẹ hết lòng thương yêu, xuất gia Tỳ-khưu mà không được cha mẹ ưng thuận trước. Về sau, cha mẹ thầy cũng xuất gia. Tuy nhiên cha mẹ và con không thể sống rời nhau và không thể dứt tình phụ mẫu. Nghe câu chuyện, Đức Phật giảng những lời trên.

Chú thích

1.- Gắn bó vào những gì phải tránh - là lân la đến những nơi không thích hợp với đời sống xuất gia.

2.- Không gắn bó vào những gì phải theo đuổi - là không chuyên cần chánh niệm (yoniso manasikāra).

3.- Mục tiêu - là thực hành giới, định, tuệ, cao thượng.

4.- Thầy Tỳ-khưu không có sự phân biệt chơn chánh, từ bỏ mục tiêu là thực hành Giới, Định, Tuệ, luyên ái theo nhục dục ngũ trần, trở về đời sống cư sĩ. Về sau thầy Tỳ-khưu ấy sẽ ăn năn và sanh lòng ganh tỵ sự thành công của những vị chuyên cần.

5.- Những gì thân yêu - kể cả người, thú và vật.

6.- Cả hai trường hợp đều đau khổ - một đàng là luyến ái, đàng khác là oán ghét.

Thân yêu sanh sầu muộn

4. Piyato jāyati soko - piyato 4. Thân yêu sanh sầu muộn. jāyati bhayaṁ Thân yêu sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn cắt đứt tình thân Piyato vippamuttassa - không còn sầu muộn, càng ít natthi soko kuto bhayaṁ. lo sợ. 212.

Tích chuyện

Một người cha nọ lấy làm sầu muộn vì đứa con thân yêu vừa chết, Đức Phật đến thăm và an ủi ông với những lời trên.

Trìu mến sanh sầu muộn

5. Pemato jāyati soko - pemato 5. Trìu mến sanh sầu muộn. jāyati bhāyaṁ Tríu mến sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn dập tắt lòng trìu Pemato vippamuttassa - natthi mến không còn sầu muộn, soko kuto bhayaṁ. càng ít lo sợ. 213.

Tích chuyện

Bà Visākhā vừa mất đứa cháu thân yêu. Khi bà đến chùa, Đức Phật đọc câu kệ trên để an ủi bà.

Luyến ái sanh sầu muộn

6. Ratiyā jāyati soko - ratiyā 6. Luyến ái sanh sầu muộn. jāyati bhayaṁ Luyến ái sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn dứt lìa luyến ái Ratiyā vippamuttassa - natthi không còn sầu muộn, càng soko kuto bhayaṁ. ít lo sợ. 214.

Tích chuyện

Vài vị hoàng tử ganh tỵ lẫn nhau vì một gái giang hồ. Đức Phật giải thích về hậu quả tai hại của sự luyến ái.

Tham dục sanh sầu muộn

7. Kāmato jāyati soko - 7. Tham dục sanh sầu muộn. kāmato jāyati bhayaṁ Tham dục sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn dập tắt tham dục Kāmato vippamuttassa - không còn sầu muộn, càng ít natthi soko kuto bhayaṁ. lo sợ. 215.

Tích chuyện

Một hoàng tử bản tánh không ưa đàn bà, về sau đem lòng thương một mỹ nữ xinh đẹp mà ông chưa từng gặp, nhưng đã được chọn để làm vợ ông. Trong khi người ta đưa thiếu nữ vào cung

hầu ông thì không may thình lình cô chết. Hoàng tử rất sầu muộn. Đức Phật đọc câu kệ trên để khuyên giải hoàng tử.

Ái dục sanh sầu muộn

8. Taṇhāya jāyati soko - 8. Ái dục sanh sầu muộn. Ái taṇhāya jāyati bhayaṁ dục sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn dập tắt ái dục không còn Taṇhāya vippamuttassa - sầu muộn, càng lo sợ. 216. natthi soko kuto bhayaṁ.

Tích chuyện

Một vị Bà-La-Môn làm ruộng, được Đức Phật đến thăm hằng ngày, nói rằng sau khi gặt lúa xong ông sẽ chia với Đức Phật phân nửa mùa. Không may, một trận bão làm tiêu tan mùa màng và vị Bà-La-Môn lấy làm sầu muộn vì không thể giữ lời hứa. Đức Phật đến thăm và khuyên giải ông. Ngài giảng về bản chất của ái dục.

Người giới hạnh được tất cả kính mộ

9. Sīladassanasampannaṁ - 9. Người toàn hảo trong giới dhammaṭṭhaṁ saccavedinaṁ hạnh 1 và giác tuệ 2, kiên cố trong Giáo Pháp 3, chứng ngộ Attano kammakubbānaṁ - chơn lý 4, và làm tròn nhiệm taṁ jano kurute piyaṁ. vụ 5 - Người ấy được mọi người kính mộ. 217.

Tích chuyện

Vài người thanh niên cầm bánh trong tay khi Đức Phật và chúng Tăng đi ngang qua mà không cúng dường. Đến khi Đại đức Ca-Diếp (Kassapa) ở phía sau đi tới thì các chàng thanh niên kia hoan hỉ kính dâng bánh đến Ngài. Đại đức Ca-Diếp (Kassapa) khuyên các thanh niên nên dâng đến Đức Phật và chư Tăng, lúc ấy đang ngồi bên đàng, gần đó. Các vị Tỳ-khưu tỏ vẻ không vui, cho rằng có sự thiên vị. Lúc bấy giờ Đức Phật dạy rằng

chí đến chư Thiên cũng hết lòng kính mộ Đại đức Ca-Diếp và Ngài đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Giới hạnh - bốn loại giới hạnh.

2. Giác tuệ - đó là tuệ giác có liên quan đến bốn Đạo và bốn Quả siêu thế.

3. Kiên cố trong Giáo Pháp - đó là chín trạng thái siêu thế. Xem chú thích câu 115.

4. Chứng ngộ Chơn Lý - Saccavedinam, "nói chơn lý" (Bà Rhys Davids). Chơn Lý ở đây là Tứ Diệu Đế.

5. Làm tròn nhiệm vụ - là thực hành đầy đủ Giới (Sīla), Định (Samādhi) và Tuệ (Paññā).

Người không luyến ái, ở phía trên dòng suối

10. Chandajāto anakkhāte - 10. Người đã trau dồi chú manasā ca phuṭo siyā nguyện thành đạt pháp ly ngôn 1 (tức Niết-bàn), người Kāmesu ca appaṭibaddhacitto mà tâm không còn xúc động - uddhaṁsoto'ti vuccati. (với ba Quả vị), người mà tâm không bị dục lạc trói buộc - người như thế, gọi là "bậc thượng lưu". 218.

Tích chuyện

Vài người học trò hỏi thầy - vốn đã đắc quả A-Na-Hàm - xem thầy đã đắc từng thánh nào chưa. Ông thầy không trả lời câu hỏi rằng người cư sĩ có thể đắc quả A-Na-Hàm được không, ông chờ đến khi đắc quả A-La-Hán rồi sẽ giải đáp luôn. Bất hạnh thay, ông thầy sớm viên tịch và tái sanh vào Cảnh Giới Thanh Tịnh (Suddhāvāsa) là nơi mà chư vị A-Na-Hàm tái sanh vào để tiếp tục tu hành đến ngày đắc quả A-La-Hán. Mấy người học trò khóc lóc đến hầu Phật. Đức Phật dạy rằng không ai có thể tránh khỏi chết. Mấy người học trò lấy làm tiếc rằng ông thầy chưa giải đáp câu hỏi. Nhơn đó Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Pháp ly ngôn - Anakkhāta, không tuyên ngôn được, hay không thể dùng ngôn ngữ của người tại thế để diễn đạt được. Đó là Niết-bàn. Gọi như thế vì ta không thể nói rằng Niết- bàn có được tạo ra không, hay ở đó có màu sắc như xanh đỏ v.v... không. (Bản chú giải).

2. Ba Quả vị - tức ba từng Thánh đầu tiên là Tu-Đà-Hườn quả, Tư-Đà-Hàm quả và A-Na-Hàm quả.

3. Bậc thượng lưu - ý nói chư vị A-Na-Hàm (Bất Lai). Sau khi viên tịch các Ngài sanh vào Cảnh Giới Thanh Tịnh và không khi nào tái sanh vào Dục Giới vì đã tận diệt mọi ái dục.

Phước báu đón rước người hành thiện

11. Cirappavāsiṁ purisaṁ - 11. Người đi xa nhà từ lâu, dūrato sotthim āgataṁ được thân bằng quyến ñatimittā suhajjā ca - thuộc đón mừng nồng hậu abhinandanti sāgataṁ. lúc trở về an toàn. 219.

12. Tath' eva katapuññam pi - 12. Cùng thế ấy, người hành asmā lokā paraṁ gataṁ thiện, đi từ thế gian này đến thế gian kế, được hành Puññāni paṭigaṇhanti - piyaṁ động thiện của mình đón ñātiṁ' va āgataṁ. rước như người thân thuộc từ phương xa trở về. 220.

Tích chuyện

Một người giàu có, nhiều tâm đạo, đã làm nhiều điều lành. Ở trên một cảnh Trời đã có nơi sẵn sàng để đón rước ông trong khi ông còn sống ở đây. Đức Phật giảng về hành động lành hiện tại và trạng thái an nhàn trong tương lai.

-ooOoo-

17. SÂN HẬN - KODHA VAGGA

Hãy dứt bỏ sân hận

1. Kodhaṁ jahe vippajaheyya 1. Phải dứt bỏ sân hận. mānaṁ - saññojanaṁ sabbam Phải xa lìa ngã mạn. Phải atikkameyya khắc phục mọi ràng buộc. Phiền não không bao giờ Taṁ nāmārūpasmiṁ đến với người không asajjamānaṁ - akiñcanaṁ luyến ái danh sắc, và nānupatanti dukkhā. không còn dục vọng. 221.

Tích chuyện

Người em gái của Đại đức Mục-Kiền-Liên (Moggaḷlāna) mắc phải một chứng bệnh ngoài da. Nghe theo lời anh, bà xây cất một Trai Đường và sớm bình phục sức khỏe. Đức Phật giảng rằng chứng bệnh ngoài da của bà phát sanh do tánh ưa nóng giận, và Đức Phật đọc câu kệ trên.

Hãy chế ngự tâm sân

2. Yo ve uppatitaṁ kodhaṁ 2. Ai chế ngự được tâm sân - rathaṁ bhantaṁ'va đang phát sanh, như hãm một dhāraye chiếc xe đang ngon trớn, người ấy, Như Lai gọi là người Tam ahaṁ sārathiṁ brūmi đánh xe thật sự. Những kẻ rasmiggāho itaro jano. khác chỉ là người cầm cương. 222.

Tích chuyện

Trong khi đốn cây để cất tịnh thất cho mình, thầy Tỳ-khưu nọ vô tình làm tổn hại đến cái chồi non của một vị thần. Vị này nổi giận, muốn giết thầy nhưng kịp nghĩ suy, kềm chế được cơn sân đang phát sanh, bạch lại câu chuyện với Đức Phật. Ngài tán dương vị thần và đọc câu kệ trên.

Hãy lấy tình thương chế ngự tâm sân

3. Akkodhena jine kodhaṁ - 3. Hãy lấy tình thương chế ngự asādhuṁ sādhunā jine tâm sân. Lấy cái tốt chinh phục điều xấu. Lấy tâm bố thí thắng Jine kadariyaṁ dānena - người gian tham bỏn xẻn. Lấy saccena alikavādinaṁ. sự chơn thật khắc phục kẻ giả dối. 223.

Tích chuyện

Bà hầu nhỏ của ông chồng nọ đem lòng ganh tỵ bà lớn và tìm đủ phương để hại, nhưng bà lớn không giận. Về sau, bà nhỏ ăn năn hối hận và xin sám hối. Bà lớn bảo bà nhỏ phải lên xin sám hối với Đức Phật trước bà mới bằng lòng quên lỗi. Bà nhỏ làm theo lời và được Đức Phật dạy như trên.

Hãy chơn chất, nhẫn nại, và bố thí

4. Saccaṁ bhaṇe na 4. Phải nói lời chơn thật, không kujjheyya dajjā' ppasmim pi nên sân hận. Dầu chỉ có vừa đủ, yācito hãy cho ra đến người xin hỏi. Hãy theo ba con đường ấy, sẽ Etehi tīhi ṭhānehi - gacche có thể hội kiến với chư Thiên. devāna santike. 224.

Tích chuyện

Đại đức Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) hỏi thăm nhiều vị Trời nhờ công đức gì mà được tái sanh vào cảnh Trời. Các vị này kể ra những hành động, xem ra không quan trọng, có liên quan đến hạnh chơn thật, nhẫn nại và bố thí v.v... Khi Ngài Mục-Kiền-Liên bạch hỏi Đức Phật vậy những hành động tốt, tuy nhỏ, có thể nào dẫn đến các cõi Trời không, Đức Phật đọc câu trên để giải thích.

Bậc vô hại thành đạt trạng thái bất diệt

5. Ahiṁsakā ye munayo - 5. Những bậc hiền nhơn ấy, niccaṁ kāyena saṁvutā không làm tổn hại ai và luôn luôn chế ngự thân (tâm), sẽ đi Te yanti accutaṁ ṭhānaṁ - vào trạng thái bất diệt (Niếtyattha gantvā na socare. bàn), nơi đó không còn sầu muộn. 225.

Tích chuyện

Hai vợ chồng vị Bà-La-Môn kia đón rước Đức Phật như người ta đón rước con. Đức Phật giải thích rằng trong quá khứ đã có sự kết hợp thân mật tương tợ. Sau khi nghe Đức Phật thuyết Pháp, hai ông bà Bà-La-Môn đắc quả A-La-Hán. Đến lúc hai ông bà tịch diệt, các vị tăng sĩ muốn biết hai người tái sanh về đâu. Đức Phật đọc câu kệ trên để giải đáp rằng hai ông bà đã nhập diệt vào Niết-bàn.

Người giác tỉnh xa lìa các hoặc lậu

6. Sadā jāgaramānānaṁ - 6. Người luôn luôn giác tỉnh, ahorattānusikkhinaṁ ngày đêm tự kềm chế trong khuôn khổ kỷ cương, và trọn Nibbānaṁ adhimuttānaṁ - vẹn hướng tâm về Niết-bàn atthaṁ gacchanti āsavā. mọi hoặc lậu 1 của người ấy đều bị tiêu trừ. 226.

Tích chuyện

Một cô gái làm công, phải làm việc suốt ngày đến lúc đêm về khuya, bước ra ngoài cửa, để ý thấy nhiều vị tăng sĩ thấp thoáng qua lại trên một ngọn đồi gần đó. Cô tự nghĩ: "Ta không ngủ được vì công chuyện bề bộn mệt nhọc, còn các vị sư kia, tại sao cũng không ngủ được". Về sau Đức Phật gặp cô và giải thích vì sao các vị Tỳ-khưu vẫn thức đêm, không ngủ.

Chú thích

1. Hoặc lậu - Āsava, có bốn loại hoặc lậu, hay ô nhiễm, là: Dục lậu (kāma), hữu lậu (bhava), tà kiến (diṭṭhi) và vô minh (avijjā). Dục lậu là luyến ái theo Dục Giới. Hữu lậu là luyến ái theo Sắc và Vô Sắc Giới.

Trên thế giới này không ai tránh khỏi bị khiển trách

7. Porāṇam etaṁ atula - 7. Này Atula 1 đây là một thành n'etaṁ ajjatanām iva ngữ đã có từ ngàn xưa, không phải chỉ mới có ngày nay: Chúng Nindanti tuṅhim āsīnaṁ - nó khiển trách ai ngồi yên, nindanti bahubhāṇinaṁ chúng nó khiển trách ai nói nhiều, ai nói ít cũng bị chúng Mitabhāṇinam pi nindanti khiển trách. - natthi loke anindito. Trên thế giới này không ai không bị khiển trách. 227.

Không ai bị khiển trách hoàn toàn hay được tán dương hoàn toàn

8. Na cāhu na ca bhavissati - 8. Trong quá khứ, vị lai, hay na c'etyarahi vijjati trong hiện tại, không bao giờ có người bị khiển trách hoàn Ekantaṁ nindito poso - toàn hay được tán dương ekantaṁ vā pasaṁsito. hoàn toàn. 228.

Người không đáng bị khiển trách được tán dương

9. Yañ ce viññū pasaṁsanti - 9. Thường xét mình hằng anuvicca suve suve ngày, bậc thiện trí tán dương người có đời sống không Acchiddavuttiṁ medhāviṁ - khuyết điểm, thông minh, có paññāsīlasamāhitaṁ. đầy đủ tri kiến và phẩm hạnh. 229.

Ai dám khiển trách bậc trong sạch

10. Nekkhaṁ jambonadass' 10. Ai dám khiển trách người eva ko taṁ ninditum arahati (trong sạch) như vàng y? Chí đến chư Thiên cũng tán Devā' pi taṁ pasaṁsanti - dương, chư Phạm Thiên cũng brahmuṇā' pi pasaṁsito. vậy. 230.

Tích chuyện

Atula là tên người lãnh đạo một nhóm cư sĩ. Ngày kia Atula đến để nghe Đại đức Revata thuyết Pháp nhưng vị này ngồi yên, vì bản tánh của Ngài thiên về đời sống đơn độc. Không được vui, Atula đến tìm Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) để nghe Ngài thuyết dong dài về Vi Diệu Pháp. Cũng không bằng lòng, Atula đến nghe Đại đức Ānanda thuyết một bài Pháp ngắn, và cũng chưa

được thỏa mãn. Cuối cùng, Atula đến hầu Đức Phật và được nghe Ngài đọc những lời trên để giảng rằng chí đến chư Phật cũng không tránh khỏi bị khiển trách.

Chú thích

1. Atula - là tên một người.

Hãy giữ thân, khẩu, ý, trong sạch

11. Kāyappakopam 11. Phải canh phòng, không rakkheyya - kāyena saṁvuto để thân có hành động sai lầm siyā và phải chế phục thân nghiệp. Đã dứt bỏ thân hạnh Kāyaduccaritaṁ hitvā - xấu, phải trang nghiêm gìn kāyena sucaritaṁ care. giữ thiện hạnh. 231.

12. Vacīpakopaṁ rakkheyya - 12. Phải canh phòng, không vācāya saṁvuto siyā để có lời nói sai lầm và phải chế phục khẩu nghiệp. Đã Vacīduccaritaṁ hitvā - dứt bỏ khẩu hạnh xấu, phải vācāya sucaritaṁ care. trang nghiêm gìn giữ thiện hạnh. 232. 13. Manopakopaṁ rakkheyya - manasā saṁvuto siyā 13. Phải canh phòng, không nên để có tư tưởng sai lầm và Manoduccaritaṁ hitvā - phải chế phục ý nghiệp. Đã manasā sucaritaṁ care. dứt bỏ hạnh xấu của ý, phải trang nghiêm giữ gìn thiện 14. Kāyena saṁvutā dhīrā - hạnh. 233. atho vācāya saṁvutā 14. Bậc thiện trí chế phục Manasā saṁvutā dhīrā - te ve thân. Khẩu cũng được thu suparisaṁvutā. thúc. Bậc thiện trí, có tâm thu thúc, quả thật là hạng người điều phục hoàn toàn. 234.

Tích chuyện

Vài vị tăng sĩ mang guốc đi qua lại làm ồn ào. Đức Phật khuyên các thầy nên thu thúc thân, khẩu, ý.

-ooOoo-

18. UẾ TRƯỢC, HAY Ô NHIỄM - MALA VAGGA

Cái chết đã gần kề con

1. Paṇḍupalāso' va' dāni'si - 1. Thân con hôm nay như yamapurisā' pi ca tam chiếc lá héo tàn. Sứ giả của upaṭṭhitā thần chết đang chờ con. Con đứng trên ngưỡng cửa của sự hoại vong. Sự nghiệp dự

phòng cũng không còn gì cho Uyyogamukhe ca titthasi - con. 235. pātheyyam pi ca te na vijjati.

Hãy tinh tấn chuyên cần

2. So karohi dīpam attano 2. Hãy tự tạo cho mình một khippaṁ vāyama paṇḍito hòn đảo. Hãy nhanh chóng bhava tinh cần, trở thành người trí tuệ. Hãy thanh lọc bợn nhơ và Niddhantamalo anaṅgaṇo làm người không dục vọng. dibbamṁariyabhūmim ehisi. Con sẽ bước vào nhàn cảnh của chư Thánh 1. 236.

Đời sống đã đến mức cùng tận

3. Upanītavayo va' dāni' si - 3. Đời sống của con nay đã sampayāto' si yamassa đến mức cùng. Con rõ ràng đã santike đứng trước cái chết. Trên đường đi, con không còn chỗ Vāso' pi ca te natthi antarā - ngừng nghỉ. Sự nghiệp dự pātheyyam pi ca te na vijjati. phòng cũng không còn gì cho con. 237.

Hãy dập tắt dục vọng

4. So karohi dīpam attano - 4. Hãy tự tạo cho mình một khippam vāyama paṇḍito hòn đảo. Hãy gắp rút tinh cần, bhava trở thành người trí tuệ. Hãy thanh lọc mọi bợn nhơ và Niddhantamalo anaṅgaṇo thành người không dục vọng. na puna jātijaraṁ epehisi. Con sẽ không trở lại con đường sanh lão. 238.

Tích chuyện

Một ông cha vợ đã đến tuổi già mà chưa làm được việc thiện nào. Chú rể thỉnh Đức Phật và chúng Tăng về nhà để cúng dường thay cha vợ. Đức Phật dạy cụ già những lời trên.

Chú thích

1. Nhàn cảnh của chư Thánh - đó là cảnh giới Thanh Tịnh (Suddhāvāsa)

Hãy tự thanh lọc dần dần

5. Anupubbena medhāvī - 5. Từng cấp bực, mỗi lần một thokathokaṁ khaṇe khaṇe chút, lần hồi, người trí tuệ phải tiêu trừ uế trược của mình,

như thợ bạc lọc bợn nhơ của Kammāro rajatass' eva - bạc. 239. niddhame malam attano.

Tích chuyện

Một người có tâm đạo nhận thấy các vị Tỳ-khưu đắp y bề bộn phải qua lại trên một thửa đất có cỏ mọc cao bất tiện, nên bắt đầu xây dựng một dãy nhà trống trên đó. Trong khi lần hồi tiến hành công tác, thỉnh thoảng ông thỉnh Đức Phật và chư Tăng về để cúng dường và luôn tiện trình bày sự tiến triển của công trình. Đức Phật ngợi khen công đức của ông và thuyết về sự thanh lọc thân tâm dần dần.

Hành động ác làm suy sụp người hành ác

6. Ayasā va malaṁ 6. Như rỉ sét phát sanh từ sắt samuṭṭhitaṁ taduṭṭhāya tam' rồi ăn mòn dần sắt. Cùng thế eva khādati ấy, chính hành động dẫn dắt phạm nhơn đến trạng thái Evaṁ atidhonacārinaṁ - khổ cùng. 240. sakakammāni nayanti duggatiṁ.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ trẻ tuổi bị trúng thực, chết với tâm luyến ái một bộ y mới rất mạnh mẽ. Nhơn dịp, Đức Phật tiết lộ cho biết về số phần của ông. Ngài giảng luôn về hậu quả tai hại của tâm luyến ái.

Chú thích

1. Phạm nhơn - Atidhonacāri, là người vi phạm luật pháp, chỉ thầy Tỳ-khưu sống không suy niệm về những vật dụng cần thiết của đời sống. Khi dùng tứ vật dụng là y, vật thực, thuốc uống và chỗ ở, thầy Tỳ-khưu được dạy phải suy niệm về lợi ích và tánh cách ô trược của các vật ấy. Nếu không làm đúng vậy thầy vi phạm một giới nhỏ.

Dhona có nghĩa là bốn món cần thiết.

Nguyên nhân của uế trược

7. Asajjhāyamalā mantā - 7. Không tụng niệm là rỉ sét anuṭṭhānamalā gharā của kinh sách 1. Không siêng năng là rỉ sét của nhà cửa 2. Dã Malaṁ vaṇṇassa kosajjaṁ dượi là bợn nhơ của sắc đẹp. pamādo rakkhato malaṁ. Bất cẩn là sơ hở của người canh phòng. 241.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu thấy hai vị đại đệ tử được tán dương về công đức truyền bá Giáo Pháp thì đem lòng ganh tỵ. Thầy tự phụ là có đầy đủ khả năng thuyết Pháp như hai Ngài đại đệ tử. Nhưng khi được thỉnh lên để chứng minh tài năng thì thầy không làm được. Nhơn đó Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Kinh sách - Mantā, là giáo lý hay lý thuyết của một tôn giáo, một nghệ thuật, hay một ngành khoa học. Không tụng niệm kinh kệ và không thực hành nghệ thuật có khuynh hướng làm cho người ta quên nó.

2. Nhà cửa - Ghara, được hiểu là người chăm sóc nhà cửa, người nội trợ trong nhà.

Uế trược là điều ác vô minh là uế trược trọng đại nhứt

8. Mal' itthiyā duccaritaṁ 8. Tà hạnh là uế trược của người - maccheraṁ dadato đàn bà. Bỏn xẻn là uế trược của malaṁ người bố thí. Uế trược, quả thật vậy, là điều ác, ở cả hai, thế gian Malā ve pāpakā dhammā - này, và thế gian kế. 242. asmiṁ loke paramhi ca. 9. Vô minh là uế trược tệ hại 9. Tato malā malataraṁ - hơn hai điều trên, là uế trược avijjā paramaṁ malaṁ trọng đại nhứt. Hãy dứt bỏ uế trược ấy, này hỡi các Tỳ-khưu, Etaṁ malaṁ pahatvāna - hãy làm người không uế trược. nimmalā hotha bhikkhavo. 243.

Tích chuyện

Một chàng thanh niên mới cưới vợ lấy làm bất mãn với hạnh kiểm dâm ô của người vợ trẻ. Khi chàng đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật, Ngài nhơn cơ hội khuyên dạy luôn chúng Tăng.

Sống không biết hổ thẹn là dễ, sống đời khiêm tốn là khó

10. Sujīvaṁ ahirīkena - 10. Sống đời của người không kākasūrena dhaṁsinā biết hổ thẹn, trơ trẽn như loài quạ, cắn trộm sau lưng, tự phụ Pakkhandinā pagabbhena kiêu căng, xấc xược ngã mạn, và samkiliṭṭhena jīvitaṁ. ô nhiễm, là dễ. 244.

11. Hirīmatā ca dujjīvaṁ - 11. Sống đời của người khiêm niccaṁ sucigavesinā tốn, luôn luôn tìm sự tinh khiết, có tâm dứt bỏ, nhún nhường, Alīnen' appagabbhena - sống đời trong sạch và suy suddhājīvena passata. niệm, là khó.245.

Tích chuyện

Vị tăng sĩ nọ dâng đến vị khác một thức ăn hiếm có và hứa mỗi khi có nữa sẽ lại dâng thêm. Vị sau này nhận lãnh rồi ra đi, không một lời cảm tạ. Nghe thuật lại câu chuyện Đức Phật khuyên dạy về đức lễ độ và tính thô kịch.

Người không nghiêm trì ngũ giới tự mình làm cho mình sụp đổ không nên tham lam và hành động sai lầm

12. Yo pāṇaṁ atipāteti - 12.13. Kẻ nào sát sanh, musāvādañ ca bhāsati vọng ngữ, lấy của người mà không được cho, lân la vợ Loke adinnaṁ ādiyati - người, và dễ duôi dùng chất paradārañ ca gacchati. say, kẻ ấy đào lỗ tự chôn gốc rễ trên thế gian này 1. 13. Surāmerayapānañ ca - yo 246. 247. naro anuyuñjati 14. Này hỡi con người tốt, Idh' evam eso lokasmiṁ - nên biết như vầy: Tự chế mulāṁ khaṇati attano. phục để tránh làm điều ác không phải dễ. Không nên 14. Evaṁ bho purisa jānāhi - để tham ái và tội lỗi 2 lôi pāpadhammā asaññatā cuốn vào cảnh khổ triền miên. 248. Mātaṁ lobho adhammo ca ciraṁ dukkhāya randhayuṁ.

Tích chuyện

Nhiều thiện tín than phiền rằng thật là khó giữ tròn năm giới, vì mỗi người có một hay hai giới không giữ được. Nghe câu chuyện, Đức Phật giảng về tánh cách khó giữ tròn năm giới trọn vẹn, nhưng không dạy giới nào kém quan trọng.

Chú thích

1. Đào lỗ tự chôn gốc rễ - là chôn sâu gốc rễ, bám chặt vào thế gian này, tức không bao giờ thoát ra khỏi thế gian đau khổ, hay vòng luân hồi.

2. Tội lỗi - Adhammo, nghịch nghĩa với chánh hạnh, dhammo, là không theo giáo pháp, ở đây được dùng trong nghĩa sân hận. Căn nguyên của điều ác là tham ái và sân hận.

Người có tâm đố kỵ không an tịnh người không đố kỵ được an tịnh

15. Dadāti ve yathāsaddhaṁ - 15. Người ta bố thí do niềm yathāpasādanaṁ jano tin và tâm hoan hỉ. Kẻ sanh lòng đố kị vì vật thực và Tattha yo manku bhavati - thức uống được dâng đến paresaṁ pānabhojane người khác ngày đêm không an tịnh. 249. Na so divā vā rattiṁ vā samādhiṁ adhigacchati. 16. Nhưng người đã cắt đứt, đã nhổ tận gốc rễ và tận 16. Yassa c' etam diệt tâm ganh tị ấy, ngày samucchinnaṁ mūlaghaccaṁ đêm sẽ được an tịnh. 250. samūhataṁ

Sa ve divā vā rattiṁ vā - samādhiṁ adhigacchati.

Tích chuyện

Một ông Sa-di, con của người gác cửa, nói xấu về tâm bố thí của tất cả các thiện tín đến chùa, ngoại trừ những người có họ hàng với ông. Vài vị sư khác muốn tìm hiểu, điều tra và khám phá sự thật. Khi các vị này bạch lại với Đức Phật về tác phong thấp hèn của ông Sa-di, Đức Phật giảng về thái độ tinh thần của người ham muốn và người không ham muốn.

Chú thích

1. An tịnh - danh từ dùng trong nguyên tác Pāli là Samādhi, tức tâm định, và tâm định đây có thể tại thế hay siêu thế.

Không có sông nào như ái dục

17. Natthi rāgasamo aggi - 17. Không có lửa nào như natthi dosasamo gaho tham ái, không có kềm kẹp nào như sân hận, không có Natthi mohasamaṁ jālaṁ lưới nào như

si mê, không natthi taṇhāsamā nadi. có sông rạch nào như ái dục. 251.

Tích chuyện

Một lần nọ Đức Phật thuyết Pháp cho sáu người nghe, chỉ có một người chăm chú nghe, còn năm người kia thì lơ đểnh, không để ý đến lời khuyên dạy của Ngài. Đức Phật giảng rằng sở dĩ như vậy là do những khuynh hướng của họ đã có từ nhiều kiếp quá khứ (tiền khiên tật). Khi Đại đức A Nan Đà (Ānanda) bạch hỏi rõ lý do, Đức Phật giải thích thêm rằng đó là do bốn nguồn cội, Tham, Sân, Si, và Ái dục và trong năm người kia, người có một người có hai căn.

Thấy lỗi của người thì dễ

18. Sudassaṁ vajjaṁ aññesaṁ 18. Thấy lỗi của người thì attano pana duddasaṁ dễ, nhưng lỗi của chính mình thì quả thật khó thấy. Paresaṁ hi so vajjānṁ - Lỗi của người thì ta sàng sảy opuṇāti yathā bhusam để quan sát tỷ mỷ, nhưng của ta thì giấu kín như Attano pana chādeti - kaliṁ' người đi bẫy chim ngụy va kitavā saṭho. trang 1 để núp trốn 2. 252.

Tích chuyện

Một ông trưởng giả nọ muốn đến yết kiến Đức Phật nhưng có mấy vị đạo sĩ nói xấu Đức Phật để thuyết phục ông ấy đừng đi. Nghe câu chuyện, Đức Phật lưu ý các đệ tử rằng có người chỉ thấy lỗi kẻ khác - lắm khi là những lỗi không bao giờ có - mà không thấy lỗi của chính mình.

Chú thích

1. Ngụy trang - kitavā, đồng nghĩa với kitavāya, là dùng nhánh và lá cây để che giấu mình.

2. Núp trốn - kalim, đồng nghĩa với attabhāva, là thể xác. Người đánh bẫy chim núp trốn, hay tự giấu, mình, để chim đừng thấy mình.

Bên trong những người chỉ tìm lỗi của kẻ khác, ô nhiễm sanh thêm ô nhiễm

19. Paravajjānupassissa - 19. Người thấy rõ lỗi của kẻ niccaṁ ujjhānasaññino khác và luôn luôn bị cảm xúc hoặc lậu 1 của người ấy càng Āsavā tassa vaḍḍhanti - tăng trưởng. Người như thế còn ārā so āsavakkhayā. cách xa mức độ mà hoặc lậu được tiêu trừ. 253.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ trên khi đề cập đến một vị Tỳ-khưu luôn luôn tìm lỗi kẻ khác.

Chú thích

1. Hoặc lậu - Xem Chú thích câu 226. Tiêu trừ hoặc lậu tức là đắc quả A-La-Hán.

Bên ngoài không có bậc thánh đã chứng Niết-bàn không có uẩn nào trường tồn

20. Ākāse padaṁ natthi - 20. Giữa không trung không có samaṇo natthi bāhire dấu vết. Bên ngoài 1 không có bậc Thánh 2 nhơn loại thỏa Papañcābhiratā pajā - thích trong chướng ngại 3. Các nippapañcā tathāgatā. đấng Như Lai đã vượt khỏi mọi chướng ngại. 254. 21. Ākāse padaṁ natthi samaṇo natthi bāhire 21. Giữa không trung không có dấu vết. Bên ngoài không có bậc Saṅkhārā sassatā natthi - Thánh. Không có vật hữu lậu 4 natthi buddhānam iñjitaṁ. nào trường tồn. Không có sự bất ổn 5 trong chư Phật. 255.

Tích chuyện

Khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, một khất sĩ du phương tên Subhāda đến hầu Ngài và bạch hỏi về những đạo sĩ và giáo chủ thuộc các hệ thống tín ngưỡng khác. Để trả lời, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Bên ngoài - tức bên ngoài Giáo Sự (sāsana) của Đức Phật.

2. Bậc Thánh - Ở đây danh từ samaṇa, Sa-môn, chỉ các bậc thánh đã chứng ngộ bốn Đạo và bốn Quả. Các Ngài là những bậc Thánh (Ariya) đã thành đạo quả Niết-bàn.

3. Chướng ngại - như ái dục, ngã mạn v.v...

4. Hữu lậu - hay tùy thế (saṅkhāra) là vật hay hiện tượng phải có một hay nhiều nguyên nhân làm điều kiện để phát sanh. Vật hữu lậu ở đây chỉ ngũ uẩn.

5. Bất ổn - Chư Phật không còn một chướng ngại nhỏ nhen nào tương tợ như ái dục hay ngã mạn để, xuyên qua màn vô minh của những dục vọng ấy, thấy các vật hữu lậu là

thường còn. Các Ngài đã vững vàng ổn định, không loạn động, nên thấy được chơn tướng của vạn Pháp là vô thường. Không có uẩn nào trường tồn.

-ooOoo-

19. CÔNG BẰNG, HAY CHÁNH HẠNH - DHAMMA ṬṬHA VAGGA

Người công bằng phải điều tra thích đáng không thiên vị là người thật sự công bằng

1. Na tena hoti dhammaṭṭho - 1. Người ấy hấp tấp phân xử, yen' atthaṁ sahasā naye do đó, không công bằng. Người thiện trí phải thận Yo ca atthaṁ anatthañ ca - trọng xem xét cả hai trường ubho niccheyya paṇḍito. hợp, phải và quấy. 256.

2. Asāhasena dhammena - 2. Người thông minh không samena nayatī pare lãnh đạo kẻ khác bằng thuật gian trá, mà đúng theo luật Dhammassa gutto medhāvi pháp, và không thiên vị. dhammaṭṭho' ti pavuccati. Người gìn giữ luật pháp, người ấy được gọi là sống nương theo luật pháp. 257.

Tích chuyện

Vài vị tăng sĩ lưu ý rằng có mấy ông quan nhận của hối lộ và phân xử không công minh. Nghe câu chuyện, Đức Phật mô tả trạng thái của ông quan thật sự công bằng.

Không phải vì nói nhiều mà người ta cho rằng có trí tuệ

3. Na tena paṇḍito hoti - 3. Không phải chỉ nói nhiều mà yāvatā bahu bhāsati người ấy là người học rộng. Người châu toàn, không sân Khemī averī abhayo - hận và không sợ sệt, được gọi paṇḍito' ti pavuccati. là học rộng. 258.

Tích chuyện

Một nhóm sáu vị Tỳ-khưu đi đó đây rêu rao rằng mình là người học rộng và do đó làm mất trật tự. Đức Phật đọc câu kệ trên để giải thích.

Ham nói không phải là đặc tánh của người thông suốt giáo pháp

4. Na tāvatā dhammadharo - 4. Không phải chỉ vì nói yāvatā bahu bhāsati nhiều mà thành người thông suốt Giáo Pháp. Yo ca appam pi sutvāna - Người nghe ít, trực chứng 1 dhammaṁ kāyena passati và không xao lãng Giáo Pháp, người ấy quả thật Sa ve dhammadharo hoti - yo thông suốt. 259. dhammaṁ nappamajjati.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu sống trong rừng chỉ thuộc một câu kinh và trong những ngày giới thường đọc câu ấy. Chư Thiên trong vùng hết lòng hoan nghênh. Hai vị Tỳ-khưu khác, vốn thuộc nhiều kinh kệ, cũng đến nơi ấy thuyết Pháp nhưng không được chư Thiên hoan nghinh. Bất mãn, hai vị bỏ đi nơi khác, và khi trở về, bạch lại với Đức Phật về thái độ của chư Thiên. Đức Phật dạy những lời trên.

Chú thích

1. Trực chứng - thấy Giáo Pháp bằng con mắt của tâm (tâm nhãn). Danh từ Pāli là kāyena tức là nāmakāyena có nghĩa là xuyên qua thể xác của tâm hay, nói cách khác, xuyên qua sự tự chứng ngộ.

Chỉ có tóc bạc không làm ra một vị Đại đức, Đại đức là người không còn ô nhiễm

5. Na tena thero hoti - yen' 5. Không phải chỉ vì đầu bạc assa phalitaṁ siro mà người ấy là Đại đức 1. Người ấy chỉ là người lớn Paripakko vayo tassa - tuổi, và được gọi là "ông sư moghajiṇṇo' ti vuccati. già rỗng tuếch". 260.

6. Yamhi saccañ ca dhammo 6. Bên trong vị nào có chơn ca ahiṁsā saññamo damo lý 2, chánh hạnh 3, vô hại, tự chế 4, và tự kiểm soát, hạng Sa ve vantamalo dhīro - thero người trí tuệ đã thanh lọc iti pavuccati. mọi ô nhiễm 5 ấy quả thật đáng gọi là Đại đức. 261.

Tích chuyện

Có vài vị Tỳ-khưu tỏ vẻ không bằng lòng khi nghe Đức Phật gọi một thầy Sa-di là Đại đức (thera). Đức Phật đọc câu kệ trên để giải thích.

Chú thích

1. Đại đức - Thera, là danh từ được dùng để gọi những vị Tỳ-khưu đã có trên mười hạ, nghĩa là đã tu được mười năm sau khi thọ cụ túc giới. Đúng theo nguồn gốc của danh từ, thera là người đã vững chắc, đã ổn.

2. Chơn lý - Saccaṁ, tức bốn Chơn Lý Cao Thượng, hay Tứ Diệu Đế.

3. Chánh hạnh - Dhammo, là đã đắc chín trạng thái siêu thế.

4. Tự chế - Saññamo, là nghiêm trì giới luật và thu thúc lục căn.

5. Thanh lọc mọi ô nhiễm - bằng bốn Thánh đạo.

Hình dáng bề ngoài không làm con người trở nên lương thiện

7. Na vākkaranamattena - 7. Không phải chỉ có tài hùng vaṇṇapokkharatāya vā biện suông hay hình dáng đẹp đẽ mà con người trở nên

lương thiện nếu người ấy còn Sādhurūpo naro hoti - issukī mang tật đố kị, ích kỷ và ngã maccharī saṭho. mạn. 262.

8. Yassa c'etaṁ 8. Nhưng người đã trọn vẹn samucchinnaṁ cắt đứt, nhổ tận gốc rễ và dập mūlaghaccaṁ samūhataṁ tắt, người thiện trí ấy đã thanh lọc lòng sân hận, quả thật Sa vantadoso medhāvī - đáng gọi người lương thiện. sādhurūpo' ti vuccati. 263.

Tích chuyện

Vài vị sư và Sa-di trẻ tuổi tỏ ra cung kính thầy mình. Có vài vị sư cao hạ hơn và thuyết Pháp giỏi hơn ông thầy ấy mà không được tôn trọng bằng nên sanh lòng ganh tỵ. Các thầy mới đến hầu Phật và thỉnh cầu Đức Phật khuyên dạy những vị trẻ tuổi kia không nên đọc lại Giáo Pháp trước khi được các thầy sửa dạy. Hiểu biết lý do thấp hèn đã thúc đẩy các thầy Tỳ-khưu ganh tỵ, Đức Phật đọc hai câu kệ trên.

Đầu tròn vai vuông không tạo nên thầy Tỳ-khưu

9. Na muṇḍakena samaṇo - 9. Không phải do nơi cái đầu abbato alikaṁ bhaṇaṁ cạo trọc mà người không giới hạnh 1, người vọng ngữ, trở Icchālobhasamāpanno - thành Tỳ-khưu. Làm thế nào samaṇo kiṁ bhavissati. một người đầy tham vọng và luyến ái có thể trở thành Tỳkhưu? 264.

Người đã vượt khỏi điều ác là thầy Tỳ-khưu

10. Yo ca sameti pāpāni - 10. Người đã trọn vẹn khắc aṇuṁ thūlāni sabbaso phục các hành động ác lớn nhỏ, người ấy đáng gọi là Tỳ- Samitattā hi pāpānaṁ - khưu vì đã vượt khỏi mọi điều samaṇo ‘ ti pavuccati. ác. 265.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ nọ có thói quen, mỗi khi tranh luận với ai mà thấy đuối lý, mời người ấy đến một nơi, vào một giờ hẹn trước, để tiếp tục thảo luận cho ra lẽ. Nhưng đến ngày, thầy lại chỗ hẹn trước giờ và tuyên bố là vị kia đã thua vì không đến. Khi câu chuyện được bạch lại với Đức Phật, Đức Phật giải thích thái độ của người thật sự đáng là Tỳ-khưu.

Chú thích

1. Người không giới hạnh - Người không thực hành giới luật cao thượng (Sīla) và hạnh kham khổ (dhūtanga, hạnh đầu đà).

Không phải chỉ đi khất thực mà trở thành Tỳ-khưu người có đời sống của bậc Thánh nhơn đáng gọi là Tỳ-khưu

11. Na tena bhikkhu hoti - 11. Không phải chỉ vì đi xin yāvatā bhikkhate pare người khác mà người ấy trở thành Tỳ-khưu 1. Chắc chắn là Vissaṁ dhammam nhờ nghiêm trì toàn thể giới samādāyā bhikkhu hoti na luật mà người ta trở thành Tỳtāvatā. khưu chớ không phải chỉ vì đi xin như vậy. 266. 12. Yo' dha puññañ ca pāpañ ca bāhetvā 12. Người đã vượt khỏi cả brahmacariyavā thiện lẫn ác, người có phẩm hạnh cao thượng, người thông Sankhāya loke carati - sa ve suốt thế gian này, người ấy, bhikkhū' ti vuccati. quả thật vậy, được gọi là Tỳkhưu. 267.

Tích chuyện

Một vị Bà-La-Môn từ bỏ thế gian để sống đời đạo sĩ du phương hành khất. Một hôm ông gặp Đức Phật và thỉnh cầu Đức Phật gọi ông là Tỳ-khưu (bhikkhu) vì ông cũng đi trì bình khất thực. Đức Phật đáp rằng không phải chỉ đi khất thực mà trở thành Tỳ-khưu.

Chú thích

1. Tỳ-khưu - Bhikkhu, đúng theo nghĩa uyên nguyên của danh từ, là người đi xin. Các thầy chỉ lặng lẽ đứng trước cửa để người ta sớt thức ăn vào bát và chỉ sống với vật thực nào mà người thí chủ vui lòng đặt vào bát một cách hồn nhiên. Xem Chú thích câu 31.

"Không phải vì lý do giản dị là đi xin kẻ khác mà người ấy là Tỳ-khưu. Người đã chấp nhận toàn thể giới luật là Tỳ-khưu, chớ không phải chỉ chấp nhận từng phần". -- Radhakrishnan.

Câu chuyện dẫn tích làm sáng tỏ ý nghĩa câu kệ. Ông Bà-La-Môn, đã chấp nhận đời sống du phương hành khất, đòi hỏi quyền được gọi là Tỳ-khưu chỉ vì mình cũng đi trì bình khất thực như các đệ tử của Đức Phật, mặc dầu ông không thực hành các giới khác của thầy Tỳ- khưu.

Vậy, Vissaṁ dhammam có thể được phiên dịch là toàn thể giới luật có liên quan đến đời sống Tỳ-khưu.

Im lặng suông không làm nên bậc hiền thánh, trở nên bậc thánh hiền nhờ diệt ác

13. Na monena munī hoti - 13. Không phải (chỉ) giữ im mūḷharūpo aviddasu lặng (suông) mà người đần độn, si mê, trở nên bậc thánh hiền. Yo ca tulaṁ' va paggayha - Nhưng ai, như cầm cán cân, biết varaṁ ādāya paṇḍito. chọn điều tốt nhứt 1 và lánh xa điều xấu, bậc thiện trí ấy quả 14. Pāpāni parivajjeti - sa thật là thánh hiền. 268. munī tena so munī 14. Vì lý do ấy 2 Ngài là thánh Yo munāti ubho loke - hiền. Ai thông suốt cả hai thế munī tena pavuccati. gian 3 người ấy được gọi là thánh hiền. 269.

Tích chuyện

Một vị đạo sĩ trong một hệ thống không phải Phật giáo có thói quen hồi hướng phước báu đến thí chủ sau khi thọ trai, nhưng các đệ tử của Đức Phật thì im lặng ra đi sau khi độ ngọ. Trước thái độ hình như bất nhã ấy, thiện tín lấy làm khó chịu. Nhơn cơ hội, Đức Phật khuyên dạy các thầy Tỳ- khưu nên hồi hướng công đức đến thí chủ sau khi thọ thực. Đến lúc ấy các vị đạo sĩ kia lại im lặng ra đi, còn chê các thầy Tỳ-khưu nói chuyện dông dài. Lúc ấy Đức Phật giải thích thái độ của bậc thánh hiền.

Chú thích

1. Điều tốt nhứt - như giới, định, tuệ v.v...

2. Vì lý do ấy - là chọn điều tốt nhứt và dứt bỏ điều ác.

3. Thế gian - là những uẩn ở trong và ở ngoài.

Do bản tánh không gây tổn hại con người trở thành bậc thánh

15. Na tena ariyo hoti - 15. Người ấy không phải là yena pāṇāni hiṁsati Ariya (cao quí) vì lẽ đã gây tổn hại cho chúng sanh khác. Do Ahiṁsā sabbapānāṇaṁ - bản tánh không gây tổn hại ariyo' ti pavuccati. chúng sanh khác người ấy được gọi là Ariya (cao quý). 270.

Tích chuyện

Một người mang tên Ariya làm nghề đánh cá, Đức Phật dạy rằng không phải bằng cách gây tổn thương cho chúng sanh khác mà có thể trở thành Ariya (Cao Quí).

Cho đến khi tận diệt tất cả dục vọng, thầy Tỳ-khưu không nên mãn nguyện

16. Na sīlabbatamattena - 16. 17. Không phải chỉ nhờ bāhusaccena vā puna nghiêm trì giới luật và hạnh kham khổ 1, hay lại nữa, do tài Atha vā samādhilābhena - học rộng 2, hay phát triển tâm vivicca sayanena vā. định, hay sống ẩn dật, (mà nghĩ rằng) "Ta đang thọ hưởng 17.Phusāmi phước báu của hạnh từ khước, nekkhammasukhaṁ điều mà người thế gian không aputhujjanasevitaṁ. thể hưởng" 3. Này Tỳ-khưu, không nên vì (các hạnh ấy) mà Bhikkhu vissāsam āpādi - tự mãn, không lo thanh lọc trọn appatto āsavakkhayaṁ. vẹn nhiễm ô. 271. 272.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu đã thành đạt những tiến bộ tinh thần khá cao nhưng không kiên trì tinh tấn để đắc quả A-La-Hán, nghĩ rằng các Ngài có thể trở thành A-La-Hán lúc nào cũng được. Đức Phật khuyên dạy các Ngài không nên tự mãn trước khi thành đạt mục tiêu cuối cùng.

Chú thích

1. Hạnh kham khổ - là bốn loại giới cao thượng của các thầy Tỳ-khưu và mười ba loại thực hành cao thượng (dhutānga, hạnh đầu đà) (Bản chú giải).

2. Học rộng - tức là thông suốt Tam Tạng.

3. Hưởng phước báu của hạnh từ khước - đó là từng A-Na-Hàm.

4. Thanh lọc trọn vẹn mọi ô nhiễm - tức là đạo quả A-La-Hán.

-ooOoo-

20. CON ĐƯỜNG - MAGGA VAGGA

Bát chánh đạo là con đường cao thượng nhứt hãy theo con đường ấy để đến chỗ thanh tịnh hãy theo con đường ấy để chấm dứt đau khổ, hãy tự mình cố gắng chuyên cần

1. Maggān' aṭṭhangiko 1. Con đường cao thượng nhứt seṭṭho - saccānaṁ caturo là Bát chánh đạo. chơn lý cao padā thượng nhứt là Tứ đế 2. Không luyến ái 3 là trạng thái cao Virāgo seṭṭho dhammānaṁ thượng nhứt. Cao thượng nhứt - dipadānañ ca cakkhumā. trong các loài có hai chơn là Đấng Toàn giác. 273. 2. Eso'va maggo natth' añño - dassanassa 2. Đó là con đường duy nhứt. visuddhiyā Không còn đường nào khác dẫn đến nhãn quan thanh tịnh. Etamhi tumhe paṭipajjatha Các con theo con đường này - mārass' etaṁ chăng? Đó là mối lo âu của Ma pamohanaṁ. vương. 274.

3. Etamhi tumhe paṭipannā 3. Bước chơn vào con đường - dukkhassantaṁ ấy, chúng con chấm dứt đau karissatha khổ. Đã học (phương cách) diệt gai chướng 4, Như Lai truyền Akkhāto ve mayā maggo - dạy các con con đường. 275. aññāya sallasanthanaṁ. 4. Chính tự các con phải kiên 4. Tumheti kiccaṁ ātappaṁ trì cố gắng 5. Các đấng Như Lai - akkhātāro tathāgatā 6 chỉ là những vị thầy. Hành giả

bước chơn vào con đường sẽ Paṭipannā pamokkhanti - thoát ra khỏi vòng trói buộc Jhāyino mārabandhanā. của Ma vương. 276.

Tích chuyện

Sau khi đi một vòng châu du hoằng Pháp, Đức Thế Tôn trở về tịnh xá, và giữa chúng Tăng có cuộc thảo luận về trạng thái gồ ghề hay bằng phẳng của các con đường đã trải qua. Đức Phật lưu ý rằng thảo luận về các con đường ấy không thích hợp cho sự giải thoát và Ngài khuyên chư Tăng nên theo con đường Bát Chánh.

Chú thích

1. Bát Chánh Đạo - là con đường "Trung Đạo" mà Đức Phật đã tìm ra để chứng ngộ Niết-bàn. Con đường gồm: Chánh Kiến (sammā diṭṭhi), Chánh Tư Duy (sammā saṁkappa), Chánh Ngữ (sammā vācā), Chánh Nghiệp (sammā kammanta), Chánh Mạng (sammā ājīva), Chánh Tinh Tấn (sammā vāyāma), Chánh Niệm (sammā sati) và Chánh Định (sammā samādhi). Đó là con đường Giác Ngộ duy nhứt. Đứng về mặt triết học, tám yếu tố ấy là tám trạng thái tinh thần (hay tâm sở) nằm trong tám loại tâm siêu thế có đối tượng là Niết- bàn.

2.- Tứ Đế - là bốn Chơn Lý Cao Quý: Khổ, nguồn gốc của khổ, sự diệt khổ, và con đường dẫn đến sự diệt khổ. Chơn Lý đầu tiên (khổ) phải được thông suốt, hiểu biết. Nguồn gốc của khổ (tức ái dục) phải được tận diệt. Sự diệt khổ (tức Niết-bàn) phải được chứng ngộ. Con đường dẫn đến sự diệt khổ (tức Bát Chánh Đạo) phải được phát triển. Dầu chư Phật có giáng sinh hay không, bốn Chơn Lý ấy vẫn có trên thế gian. Chư Phật đã khám phá và vạch rõ cho nhơn loại.

3.- Không luyến ái - Virāya, là Niết-bàn.

4.- Gai chướng - những cây gai tham ái v.v...

5.- Kiên trì cố gắng - là tinh tấn điều phục cái dục vọng để chứng ngộ Niết-bàn.

6.- Như Lai - Khi Đức Phật nói đến Ngài, Ngài tự xưng là Như Lai, Tathāgata, có nghĩa "người đến như thế này".

Tất cả các vật hữu lậu đều vô thường

5. Sabbe saṅkhārā aniccā'ti 5. Tất cả các vật hữu lậu 1 đều - yadā paññāya passati vô thường": Khi sáng suốt nhận thức phân biệt điều này, ta Atha nibbindati dukkhe - nhàm chán phiền não 2. Đó là esa maggo visuddhiyā. con đường trong sạch (Thanh Tịnh Đạo). 277.

Tích chuyện

Đức Phật nhận thấy các thầy Tỳ-khưu hành thiền với đề mục "vô thường", khuyên các thầy nên tiếp tục.

Chú thích

1.- Các vật hữu lậu - Sankhārā, hành, là một danh từ có nhiều nghĩa. Hành ở đây là những vật có điều kiện để phát sanh. Phải có những nguyên nhân tạo điều kiện, các vật ấy mới phát sanh nên gọi là hữu lậu, hay tùy thế. Niết-bàn là siêu thế, không nằm trong hành, sankhārā, vì không phải tùy thuộc ở nguyên nhân và không có thời gian.

2.- Phiền não - gây nên do sự chăm sóc thân ngũ uẩn.

Tất cả các vật hữu lậu đều khổ não

6. Sabbe saṅkhārā dukkhā ‘ 6. "Tất cả các vật hữu lậu đều ti - yadā paññāya passati khổ não": Khi sáng suốt nhận thức phân biệt điều này, ta Atha nibbindati dukkhe - nhàm chán phiền não. Đó là con esa maggo visuddhiyā. đường trong sạch (Thanh tịnh đạo). 278.

Tích chuyện

Đức Phật nhận thấy nhiều vị Tỳ-khưu hành thiền với đề mục "khổ não", khuyên các thầy nên tiếp tục.

Tất cả đều vô ngã

7. Sabbe dhammā anattā'ti - 7. Tất cả các pháp đều vô yadā paññāya passati ngã" 1: Khi sáng suốt nhận thức phân biệt điều này, ta Atha nibbindati dukkhe - esa nhàm chán phiền não. Đó là maggo visuddhiyā. con đường trong sạch. 279.

Tích chuyện

Đức Phật nhận thấy nhiều vị Tỳ-khưu hành thiền về lý vô ngã, khuyên dạy các thầy nên tiếp tục.

Chú thích

1.- Vô thường (anicca), khổ não (dukkha) và vô ngã anattā) là đặc tánh của tất cả những vật hữu lậu, hay tùy thế, tức là những gì phải do nguyên nhân tạo điều kiện để phát sanh. Do nhờ suy niệm về ba đặc tánh này mà chứng Niết-bàn. Hành giả có thể chọn đặc tánh nào thích hợp với mình nhứt trong ba đặc tánh ấy để hành.

Lý vô ngã (anattā) là nền tảng của Phật giáo. Danh từ sankhārā, vật hữu lậu, được dùng trong hai câu đầu. Ở câu thứ ba, Đức Phật dùng danh từ dhamma, pháp. Bản chú giải gọi dhamma là uẩn (khandhā), và sankhārā bản chú giải cũng gọi là uẩn. Nếu vậy dhamma đồng nghĩa với sankhārā và như thế không có lý do nào Đức Phật dùng danh từ sankhārā ở hai câu đầu mà đến câu thứ ba lại dùng danh từ dhamma.

Saṅkhārā chỉ áp dụng cho những vật hữu lậu. Dhamma áp dụng cho cả hai, những vật hữu lậu và những vật vô lậu. Vậy trong câu thứ ba, các pháp, dhamma, bao gồm cả hai, các pháp hữu lậu, tại thế, và các pháp vô lậu, siêu thế. Để chỉ rằng dầu ở trạng thái Niết-bàn cũng không có một linh hồn trường tồn không biến đổi, Đức Phật dùng danh từ "Pháp", dhamma, ở câu thứ ba, là trạng thái siêu thế xác thực và không có linh hồn.

"Tất cả các thể chất đều vô ngã. Khi, do nhờ trí tuệ, ta chứng ngộ được (điều ấy), ta không chú tâm (thoát lên cao hơn) (thế gian) phiền não này. Đó là con đường trong sạch". -- Radhakrishnan.

Kẻ lười biếng không chứng ngộ con đường

8. Uṭṭhānakālamhi 8. Người sống tiêu cực, uể oải, nuṭṭhāno - yuvā balī không tinh tấn chuyên cần lúc ālasiyaṁ upeto phải chuyên cần tinh tấn, người mà, dầu trẻ tuổi và khỏe mạnh, Saṁsannasaṅkappamano vẫn lười biếng và có tinh thần kusīto - paññāya maggaṁ suy nhược, người ấy không có alaso na vindati. trí tuệ để chứng ngộ Con Đường. 280.

Tích chuyện

Nhiều vị tăng sĩ kéo nhau vào rừng hành thiền và đắc quả A-La-Hán trong lúc có một nhóm khác không chịu đi, ở lại chùa. Khi các vị ở rừng về, Đức Phật có lời chào đón thân thiện mà không có lời nào với các vị ở lại. Thái độ của Đức Phật khuyến khích và thúc đẩy các vị không đi càng tinh tấn thêm lên để cũng đắc quả A-La-Hán. Đêm đến, các vị ấy tận lực chuyên cần, nhưng không may, gặp phải trở ngại. Các vị kia phải đến hỗ trợ. Đức Phật giảng rằng người lười biếng dã dượi phải gặp nhiều khó khăn mới chứng ngộ được.

Chú thích

1.- Tinh thần suy nhược - Saṁsannasaṁkappamano, cái tâm trong ấy tư tưởng chơn chánh bị suy đồi.

Hãy thanh lọc thân, khẩu, ý

9. Vācānurakkhī manasā 9. Canh phòng lời nói, thu susaṁvuto kāyena ca thúc tâm, và thân không làm akusalaṁ kayirā điều bất thiện. Hãy thanh lọc ba lối hành động và thành Ete tayo kammapathe đạt con đường mà chư thánh visodhaye ārādhaye

maggaṁ hiền đã chứng ngộ. 281. isippaveditaṁ.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ có lời nói gây chia rẽ hai vị khác, vốn là bạn thân. Sau khi viên tịch, thầy tái sanh làm ngã quỷ có hình thù xấu xa. Đức Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) gặp lại và trở về bạch với Đức Phật. Đức Phật giảng về hậu quả tai hại của lời nói đâm thọc, gây chia rẽ.

Hãy làm thế nào để tăng trưởng trí tuệ

10. Yogā ve jāyati bhūri - 10. Đúng thật vậy, do thiền ayogā bhūrisaṅkhayo định phát sanh trí tuệ. Không hành thiền, trí tuệ Etaṁ dvedhā pathaṁ ñatvā phai dần. Thông suốt con bhavāya vibhavāya ca đường gồm hai ngõ, lợi và hại, ấy, hãy tự mình làm làm Tath' attānaṁ niveseyya - thế nào để trí tuệ phát yathā bhūri pavaḍḍhati. sanh. 282.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu tên Pothila có tài học rộng, thông suốt Giáo Pháp, nhưng Đức Phật vẫn gọi là "Pothila trống rỗng" để khuyến khích thầy cố gắng đạt đến đạo quả A-La-Hán. Vị tăng sĩ hiểu ý, rút vào rừng sâu thanh vắng hành thiền. Chấp nhận lời khuyên của một Sa-di trẻ tuổi, thầy tinh tấn thực hành thiền định để đắc quả A-La-Hán. Đức Phật dùng tuệ nhãn thấy vậy, hiện thân đến trước thầy và dạy những lời trên.

Hãy dứt bỏ luyến ái ngày nào còn luyến ái, tâm còn bị trói buộc

11. Vanaṁ chindatha mā 11. Hãy đốn rừng (dục vọng) 1, rukkhaṁ - vanato jāyati nhưng không chặt cây thiệt 2. bhayaṁ Do rừng (dục vọng) phát sanh sợ sệt. Hãy đốn ngã cả hai thứ Chetvā vanañ ca vanathañ rừng 3, rừng cây lớn và rừng ca - nibbanā hotha cây nhỏ (của dục vọng). Này bhikkhavo. các Tỳ-khưu, hãy sống không rừng 4. 283. 12. Yāvaṁ hi vanatho na chijjati - aṇumatto' pi 12. Bởi vì, ngày nào còn một narassa nārisu buội cây nhỏ (dục vọng) giữa nam và nữ chưa bị chặt ngã, Paṭibaddhamano va tāva so ngày ấy tâm hãy còn bị trói - vaccho khīrapako' va buộc, giống như con bê đeo mātari. dính bò mẹ. 284.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu già khóc một bà thí chủ, chết cũng lớn tuổi. Đức Phật khuyên các thầy thực hành tâm không luyến ái.

Chú thích

1.- Rừng - vana, có nghĩa là đám rừng của những dục vọng như tham ái, sân hận và si mê.

2.- Khi Đức Phật vừa nói "hãy đốn rừng", có vài vị Tỳ-khưu hiểu sai, theo nghĩa trắng. Đọc ngay được tư tưởng sai lầm ấy Đức Phật thêm đoạn sau, dạy rõ rằng rừng đây không phải là cây thật sự mà chỉ là những dục vọng.

3.- Cây lớn và cây nhỏ - Vana có nghĩa là cây to và vanatha là những cây nhỏ. Ở đây, vana là những dục vọng lớn, có nhiều mặt năng lực và vanatha là những dục vọng nhỏ,

ít năng lực hơn.

4.- Hãy sống không rừng - Tận diệt tất cả dục vọng bằng bốn Đạo, hãy làm người không dục vọng.

Hãy phát triển con đường an tịnh

13. Ucchinda sineham 13. Hãy cắt đứt dây tình cảm attano - kumudaṁ như ngắt cành sen mùa thu. sāradikaṁ' va pāṇinā Hãy phát triển con đường an

tịnh. Niết-bàn đã được Đức Santimaggam eva brūhaya - Thiện Thệ truyền dạy. 285. nibhānaṁ sugatena desitaṁ.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu đang hành thiền về ô trược của thể xác nhưng không hiệu quả. Đức Phật thấy vậy trao cho thầy một cành sen và dạy thầy an trụ tâm vào đây. Vị Tỳ-khưu thành công, đắc những từng thiền và phát triển tâm lực. Theo lời khuyên của Đức Phật về sau thầy đắc quả A-La-Hán.

Kẻ si mê không nhận định mối hiểm họa của sự chết

14. Idha vassaṁ vasissāmi - 14. "Ta sẽ sống ở đây trong idha hemantagimhisu mùa mưa, ở đây trong mùa thu, và mùa hạ. Kẻ cuồng dại Iti bālo vicinteti - nghĩ như vậy. Họ không nhận antarāyaṁ na bujjhati. định mối hiểm nguy (của sự chết). 286.

Tích chuyện

Một thương gia, cùng tùy tùng gia thuộc, dừng chơn nghỉ bên bờ sông. Lúc ấy trời mưa tầm tã. Ông suy nghĩ: "Ta sẽ bán hết hàng, rồi sẽ lưu lại đây mùa này, kế mùa kia". Đức Phật nhận thấy rằng trong bảy ngày nữa ông sẽ chết. Đại đức A Nan Đà (Ānanda) đến gặp và cho ông hay về cái chết sắp đến của ông. Ông thương gia hối hận, thỉnh Đức Phật và chư Tăng về chỗ ngụ, để bát cúng dường. Đức Phật khuyên ông nên hành thiền về cái chết. Ông làm theo, đắc từng Thánh đầu tiên, và tịch diệt như Đức Phật đã tiên đoán.

Cái chết nắm lấy kẻ đam mê

15. Taṁ puttapasusammattaṁ 15. Người say đắm, giữ tâm - byāsattamanasaṁ naraṁ bám chặt vào con cái và đàn gia súc, cái chết sẽ bám lấy Suttaṁ gāmaṁ mahogho' va người ấy và cuốn đi như maccu ādāya gacchati. đám lụt to (quét sạch) cả một làng đang ngon giấc. 287.

Tích chuyện

Xem Tích chuyện phía dưới câu 114.

Trong giờ phút lâm chung không có sự bảo trợ của ai cả

16. Na santi puttā taṇṇāya - na 16. Không có con cái nào để pitā na' pi bandhavā bảo trợ ta, không có cha, hay chí đến họ hàng cũng không có, bởi vì người bị cái chết tràn ngập không

thể tìm sự bảo trợ ở họ
Antakenādhipannassa - natthi hàng. 288.
ñātisu tāṇatā.
17. Nhận định sự kiện ấy,
17. Etaṁ atthavasaṁ natvā - người có giới hạn và trí tuệ paṇḍito sīlasaṁvuto nhanh chóng mở con đường dẫn đến Niết-bàn.
Nibbānagamanaṁ maggaṁ 289.
khippam' eva visodhaye.
Tích chuyện

Một thiếu phụ tên Patācārā mất những người thân yêu gần gũi nhứt của bà trong một trường hợp vô cùng thê thảm. Bà phát điên và chạy cùng đường. Đức Phật từ bi an ủi bà và đọc những câu trên.

-ooOoo-

21. TẠP LỤC - PAKIṆṆAKA VAGGA

Hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để thành đạt hạnh phúc to

1. Mattāsukhapariccāgā - passe ce vipulaṁ 1. Nếu từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà có thể sukhaṁ thành đạt hạnh phúc lớn, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để mưu cầu hạnh Caje mattā sukhaṁ dhīro - sampassaṁ vipulaṁ phúc lớn. 290. sukhaṁ.

Tích chuyện

Một lần nọ Đức Phật được thỉnh đến viếng thành Vesali để đem an lành cho dân chúng, lúc ấy đang bị nạn đói khát, dịch hạch và nhiều âm hồn khuấy phá. Khi Đức Phật đến thì có nhiều chuyện kỳ lạ xảy ra. Đức Phật giải thích rằng đó là vì trong quá khứ Ngài đã tạo nhiều phước báu, từ bỏ những khoái lạc nhỏ.

Không lấy thù đáp lại thù

2. Paradukkhūpadānena - attano sukham 2. Người gây đau thương cho kẻ khác để icchati mưu cầu hạnh phúc cho mình không thể thoát khỏi hận thù vì sẽ bị vương vấn nào Verasaṁsaggasamsaṭṭho - verā so na guồng máy phức tạp của thù hận. 291. parimuccati.

Tích chuyện

Mối thù giữa hai người nối tiếp diễn tiến trong nhiều kiếp sống. Cuối cùng, nhờ Đức Phật giảng hòa, mối thù truyền kiếp ấy được xoa dịu dần.

Hoặc lậu của người ngã mạn tăng trưởng hoặc lậu của người có tâm niệm suy giảm

3. Yaṁ hi kiccaṁ tadapaviddhaṁ akiccaṁ pana 3. Không làm những gì phải làm 1. Những gì kayirati không nên làm, lại làm 2. Hoặc lậu của người ngã mạn và không có tâm niệm ấy sẽ tăng Unnaḷānaṁ pamattānaṁ - tesaṁ vaddhanti trưởng. 292. āsavā. 4. Những ai hằng chuyên cần thực hành 4. Yesañ ca susamāraddhā - niccaṁ kāyagatā pháp "niệm thân" 3, không theo những gì sati không nên làm và chuyên cần làm những

việc phải làm. Hoặc lậu của người suy tư và Akiccaṁ te na sevanti - kicce sātaccakārino có tâm niệm ấy sẽ chấm dứt. 293.

Satānaṁ sampajānānaṁ - atthaṁ gacchanti āsavā.

Tích chuyện

Vài vị tăng sĩ mảng lo thích thú trong việc trang trí đôi dép mà lãng quên bổn phận tu hành. Đức Phật quở rầy và đọc lên câu kệ trên.

Chú thích

1.- Những gì phải làm - là nghiêm trang trì giới, thực hành thiền định v.v...

2.- Làm những gì không nên làm - Như lo chăm sóc, trang trí dù, dép, y, bát v.v...

3.- Niệm thân - suy niệm về tánh cách ô trược của thể xác.

A-La-Hán không sầu muộn

5. Mātaraṁ pitaraṁ hantvā - rājāno dve ca 5. Đã giết mẹ 1 (ái dục), cha 2 (ngã mạn) và khattiye hai nhà vua hiếu chiến (thường kiến và đoạn kiến), và đã tiêu diệt một quốc gia (lục căn và Raṭṭhaṁ sānucaram hantvā - anīgho yāti lục trần) cùng với vị đại thần phụ trách quốc brāhmaṇo. khố 3 (luyến ái), vị A-La-Hán ra đi, không sầu muộn. 294. 6. Mātaraṁ pitaraṁ hantvā - rājāno dve ca sotthiye 6. Đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà-La-Môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm Veyyagghapañcamaṁ hantvā anīgho yāti 4 (chướng ngại), vị A-La-Hán ra đi, không sầu

brāhmaṇo. muộn. 295.

Tích chuyện

Chỉ một vị A-La-Hán có hình tướng tương đối nhỏ. Đức Phật đọc hai câu kệ trên giải thích tâm trạng của người đã đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1.- Mẹ Mātā, tiêu biểu tâm ái dục (taṇhā), vì chính ái dục dẫn dắt chúng sanh đi tái sanh.

2.- Cha - Pitā, tiêu biểu tánh ngã mạn, chấp cái ta, và tự phụ, kiêu căng.

3.- Vị đại thần phụ trách quốc khố - sānucaraṁ, người trông nom kho tàng của vương quốc, ở đây tiêu biểu cho sự luyến ái bám bíu vào đời sống (nandirāga).

4.- Con đường nguy hiểm - Veyyagghapañcamaṁ, danh từ này được dùng ở đây để chỉ năm chướng ngại tinh thần (nīvaraṇa, phép triển cái) trong ấy hoài nghi hay tâm bất quyết (vicikicchā) là chướng ngại thứ năm. Veyyaggha là con đường nguy hiểm, có nhiều cọp. Hoài nghi là một chướng ngại được ví như con đường như thế ấy (bản chú giải).

Bốn chướng ngại khác là tham dục (kāmacchanda), oán ghét hay ác ý (vyāpāda), phóng dật, lo âu (uddhaccakukkucca) và hôm trầm, dã dượi (thīna - middha).

Gọi là chướng ngại vì năm loại tâm ấy ngăn trở con đường đưa đến các nhàn cảnh và Niết- bàn.

Hãy suy niệm về Phật, Pháp, Tăng, thân, và đức tánh không hại người hãy thỏa thích trong Thiền định

7. Suppabuddhaṁ pabujjhanti - sadā 7. Chư đệ tử của đấng Cồ Đàm luôn luôn giác Gotamasāvakā tỉnh - ngày như đêm, luôn luôn suy niệm về Phật 1. 296. Yesaṁ divā ca ratto ca - niccaṁ buddhagatāsati. 8. Chư đệ tử của đấng Cồ Đàm luôn luôn giác tỉnh - ngày như đêm, luôn luôn suy niệm về 8. Suppabuddhaṁ abujjhanti - sadā Pháp 2. 297. Gotamasāvakā 9. Chư đệ tử của đấng Cồ Đàm luôn luôn giác Yesaṁ divā ca ratto ca - niccaṁ dhammagatā tỉnh - ngày như đêm, hằng suy niệm về Tăng sati. già 3. 298.

9. Suppabuddhaṁ pabujjhanti - sadā 10. Chư đệ tử của đấng Cồ Đàm luôn luôn Gotamasāvakā giác tỉnh - ngày như đêm, hằng suy niệm về Thân 4. 299. Yesaṁ divā ca ratto ca - niccam saṅghagatā sati. 11. Chư đệ tử của đấng Cồ Đàm luôn luôn giác tỉnh - ngày như đêm, hằng suy niệm về 10. Suppabuddhaṁ pabujjhanti sadā đức Vô hại 5. 300. Gotamasāvakā 12. Chư đệ tử của đấng Cồ Đàm luôn luôn Yesaṁ divā ca ratto ca - niccaṁ kāyagatā sati. giác tỉnh - ngày như đêm, hằng thỏa thích trong Thiền định. 301. 11. Suppabuddhaṁ pabujjhanti sadā Gotamasāvakā

Yesaṁ divā ca ratto ca - ahiṁsāya rato mano.

12. Suppabuddhaṁ pabujjhanti sadā Gotamasāvakā

Yesaṁ divā ca ratto ca - bhāvanāya rato mano.

Tích chuyện

Chàng thanh niên kia thoát khỏi tay một con quỷ nhờ đọc câu "Tán dương Đức Phật". Về sau chính con quỷ ấy và một người khác nữa có cơ hội giúp chàng. Vua nghe câu chuyện, đến hầu Phật và bạch hỏi vậy suy niệm về phẩm hạnh của Đức Phật có đủ oai lực để xua đuổi những âm hồn xấu không. Để giải thích Đức Phật đọc những câu kệ trên.

Chú thích

1.- Suy niệm về Phật - suy niệm về các phẩm hạnh của Đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác.

2.- Suy niệm về Giáo Pháp - suy niệm về đặc tánh của Giáo Pháp, tức là giáo huấn của Đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác.

3.- Suy niệm về Tăng Già - suy niệm về phẩm hạnh của Giáo hội Tăng Già, Giáo hội cao quý của chư đệ tử bậc Toàn Giác.

4.- Suy niệm về Thân - suy niệm về sự ô trược của thể xác.

5.- Đức Vô hại - đức tánh không gây tổn hại cho bất cứ ai.

Dứt bỏ là khó

13. Duppabbajjaṁ durabhiramaṁ - durāvāsā 13. Xuất gia là khó, thỏa thích trong sự xuất gharā dukhā gia là khó. Đời sống tại gia là khó và đau khổ. Liên kết với người không tương hợp là đau Dukkho' amānasaṁvāso - khổ. Đau khổ đến với khách lữ hành (trong dukkhānupatitaddhagū vòng luân hồi). Vậy, chớ nên làm khách lữ hành, chớ nên làm người chạy theo đau khổ. Tasmā na c'addhagū siyā - na ca 302. dukkhānupatito siyā.

Tích chuyện

Một hoàng tử xuất gia và rút vào rừng, hành thiền một mình. Về đêm, ông nghe văng vẳng tiếng đờn hát từ thành vọng đến và lấy làm bất mãn với lối sống đơn đọc giữa rừng sâu. Một vị thần trên cây khuyến khích ông nên cố gắng tìm thích thú trong đời sống cô đơn. Về sau, thầy Tỳ-khưu bất mãn ấy trở về bạch lại tự sự với Đức Phật. Đức Phật giảng cho thầy về tánh cách khó khăn của kiếp sống ở thế gian.

Người có tâm đạo ở đâu cũng được quý trọng

14. Saddho sīlena sampanno - 14. Người có đủ niềm tin vào giới hạnh, có yasobhogasamappito thiên tài để thành đạt danh vọng và gia sản (của bậc thánh giả), người ấy ở đâu cũng Yam yaṁ padesaṁ bhajati tattha tatth' eva được quý trọng, bất luận trên lãnh thổ nào. pūjito. 303.

Tích chuyện

Một thiện tín giàu tâm đạo được hết sức quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Đại đức A Nan Đà (Ananda) bạch hỏi Phật rằng nếu ông ấy viếng một vị giáo chủ khác, không phải là Đức Phật, ông có được quý trọng như vậy chăng. Đức Phật đọc lên câu kệ trên để giải đáp.

Chú thích

1.- Niềm tin - saddhā, niềm tin tưởng chơn thành nơi Tam Bảo, căn cứ trên sự hiểu biết. Trong Phật giáo không có chỗ nào để chứa đựng một đức tin mù quáng.

Người tốt được nhận thấy từ xa

15. Dūre santo pakāsenti - himavanto' va 15. Tựa như hòn Hi Mã Lạp Sơn, người tốt pabbato nổi bật từ đàng xa, lồ lộ trước mắt mọi người. Người xấu xa tội lỗi, dầu ở gần kề Asant' ettha na dissanti - ratti khittā yathā sarā. cũng không ai trông thấy, tựa như mũi tên bay trong đêm tối. 304.

Tích chuyện

Con gái của ông trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) về làm dâu trong một gia đình không theo Phật giáo. Để làm vinh dự cho nàng, bên nhà chồng thỉnh những đạo sĩ lõa thể về nhà để cúng dường. Mặc dầu ông cha chồng yêu cầu cô chăm lo dâng cúng đến các vị đạo sĩ, đức khiêm tốn không để cho cô làm như vậy. Ông cha chồng không bằng lòng. Khi cô dâu nhắc đến Đức Phật và các vị đệ tử của Ngài, cha mẹ chồng bảo nàng thỉnh các Ngài về nhà cúng dường ngày hôm sau, nhưng ông bà sẽ ở xa, không ra đón tiếp. Con gái của ông trưởng giả Cấp Cô Độc là một tín nữ có tâm đạo nhiệt thành. Cô

trở về phòng, gởi một luồng tư tưởng đến Đức Phật để cung thỉnh Ngài. Lúc ấy ông Cấp Cô Độc vừa nghe thuyết Pháp xong, cũng thỉnh Đức Phật đến nhà để ông cúng dường. Đức Phật trả lời rằng Ngài đã nhận lời thỉnh cầu của con gái ông trước rồi. Trưởng giả Cấp Cô Độc lấy làm ngạc nhiên vì ông đã gả con gái đi xa rồi. Đức Phật đọc câu kệ trên.

Thỏa thích trong cảnh cô đơn tịch mịch

16. Ekāsanaṁ ekaseyyaṁ - eko caram atandito 16. Người ngồi một mình, nghỉ một mình, đi một mình, không dã dượi, tự kiểm soát Eko damayam attānaṁ - vanante ramito siyā. tâm trong cảnh cô đơn, người ấy sẽ thỏa thích ở trong rừng. 305.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ trên để tán dương một vị Tỳ-khưu sống cô đơn trong rừng vắng.

-ooOoo-

22 . KHỔ CẢNH - NIRAYA VAGGA

Kẻ nói dối chịu đau khổ

1. Abhūtavādī nirayaṁ upeti - 1. Người nói điều không thiệt vào cảnh khổ, và người đã Yo c'āpi katvā na karomī'ti làm một chuyện rồi nói "tôi c'āha không có làm" cũng vậy. Sau khi chết, cả hai đều bằng Ubho' pi te pecca samā nhau, người có hành động ti bhavanti - tiện trong thế giới khác. 306.

Nihīnakammā manujā parattha.

Tích chuyện

Để vu oan Đức Phật, một giáo phái khác thuê người giết một thiếu phụ rồi chôn vùi dưới đống rác gần tịnh thất của Ngài. Về sau, những người giết thuê ấy thú thật và do đó lộ diện kẻ thuê người hành động sát nhơn. Khi giảng về tật xấu của người gian dối, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Tỳ-khưu ô nhiễm chịu đau khổ

2. Kāsāvakaṇṭhā bahavo - 2. Nhiều người đắp y vàng mà pāpadhammā asaññatā tư tưởng chưa dứt khoát, tâm không điều phục. Con người Pāpā pāpehi kammehi - xấu xa, vì hành động bất thiện nirayaṁ te upapajjare. của mình, sẽ tái sanh vào khổ cảnh. 307.

Tích chuyện

Đức Mục-Kiền-Liên (Moggallāna) thấy một con ngã quỷ có hình dáng như một bộ xương đang phừng phừng cháy. Đức Phật giải thích rằng đó là hậu quả của một kiếp sống làm tăng sĩ ô nhiễm trong quá khứ.

Không nên làm người bất thiện

3. Seyyo ayoguḷo bhutto - 3. Thà nuốt một hòn sắt cháy tattho aggisikhūpamo đỏ (có khả năng thiêu đốt) như một ngọn lửa, còn hơn Yañ ce bhuñjeyya dussīlo - làm người sống nhờ vật thực raṭṭhapiṇḍaṁ asaññato. của dân chúng mà có hành động bất thiện

và không điều phục thân tâm. 308.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ này để quở rầy vài vị tăng sĩ đã giả vờ, người này khoe người kia thành đạt từng này hay từng khác nhưng thật sự không có ai đắc gì hết, và làm như vậy để được thiện tín cúng dường dồi dào.

Tà dâm là tạo nghiệp ác

4. Cattāri ṭhānāni naro 4. Bốn điều bất hạnh đến với pamatto - āpajjati người bất cẩn, có hành động paradārūpasevī tà dâm: Gặt hái tội khổ, ngủ không yên giấc, ba là bị khiển ApuññaIābhaṁ na trách và bốn là ở khổ cảnh. nikāmaseyyaṁ - nindaṁ 309. tatiyaṁ nirayaṁ catutthaṁ.

5. Apuññalābho ca gatī ca pāpikā - bhītassa bhītāya ratī 5. Có sự gặt hái tội khổ, cũng ca thokikā như có số phần bất hạnh. Hỷ lạc của người đàn ông và Rājā ca daṇḍaṁ garukam người đàn bà đang run sợ paṇeti - tasmā naro quả thật ngắn ngủi. Vua lại paradāraṁ na seve. ban hành hình phạt nặng nề. Do đó không nên lân la với vợ người. 310.

Tích chuyện

Một chàng thanh niên đẹp trai có hành động tà dâm. Nhiều lần chàng bị tù tội do lệnh của vua và được thả nhờ có người cha giàu sang. Cuối cùng cha chàng dẫn chàng đến thỉnh cầu Đức Phật khuyên dạy. Đức Phật giảng cho chàng về hậu quả tai hại của tật xấu tà dâm.

Kiếp sống ô nhiễm chấm dứt trong đau khổ một đời sống đạo hạnh không vững không đáng được ngợi khen điều thích nghi phải được tận lực thực hiện

6. Kuso yathā duggahito - 6. Như cỏ kusa cắt tay người hattham evānukantati nắm nó không đúng cách, cùng thế ấy, đời sống xuất gia Sāmaññaṁ dupparāmaṭṭhaṁ lôi kéo vào khổ cảnh người nirayāyūpakaḍḍhati. sử dụng nó một cách sai lầm. 311. 7. Yaṁ kiñci sithilaṁ kammaṁ saṅkiliṭṭhañ ca yaṁ 7. Một hành động buông vataṁ lung, một pháp hành ô nhiễm, một đời sống đạo Saṅkassaraṁ brahmacariyaṁ hạnh không vững chắc - tất na taṁ hoti mahapphalaṁ. cả những điều ấy không có điều nào đem lại nhiều thành 8. Kayirā ce kayirāthenaṁ - quả (tốt đẹp). 312. dalham enaṁ parakkame 8. Nếu có điều nào phải làm, Sithilo hi paribbājo - bhiyyo hãy làm điều ấy. Hãy tiến ākirate rajaṁ. hành vững chắc, vì đời tu sĩ dể duôi càng tung loạn bụi cát. 313.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ có tánh ngang nhiên tự phụ, phạm một lỗi lầm khi kéo những ngọn cỏ. Đức Phật quở rầy và đọc những lời trên.

Chú thích

1. Đạo hạnh không vững chắc - saṅkassaraṁ, suy nghĩ hay tưởng nhớ với tâm nghi ngờ.

Dầu một lỗi nhỏ cũng không nên phạm

9. Akataṁ dukkataṁ seyyo - 9. Tốt hơn hết không nên có pacchā tapati dukkataṁ hành động xấu. Một hành động sai lầm sẽ làm khổ ta Katañ ca sukataṁ seyyo - yaṁ về sau. Nên có hành động katvā n'ānutappati. tốt, sau khi làm không sầu muộn. 314.

Tích chuyện

Một thiếu phụ nổi cơn ghen hành phạt tàn nhẫn một tỳ nữ có dan díu với chồng bà. Trong khi hai vợ chồng đến tịnh xá nghe Đức Phật thuyết Pháp, người tớ gái bạch lại tự sự với Đức Phật. Đức Phật khuyên dạy không nên hành động sai lầm.

Hãy cẩn mật giữ mình như canh phòng một thành trì

10. Nagaraṁ yathā paccantaṁ 10. Hãy tự canh phòng guttaṁ santarabāhiraṁ trong ngoài, như người ta canh một ải trấn ở biên Evaṁ gopetha attānaṁ khaṇo thùy. Không nên bỏ qua cơ ve mā upaccagā hội 1, vì người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào Khaṇātītā hi socanti - khổ cảnh. 315. nirayamhi samappitā.

Tích chuyện

Vài vị tu sĩ trải qua một thời gian trong một ải trấn ở biên thùy và thấy ở đây đời sống thiếu tiện nghi vì mọi người đều phải rộn rịp canh chừng kẻ địch. Khi các thầy trở về bạch lại với Đức Phật, Đức Phật khuyên dạy các thầy nên tự canh phòng mình như người ta canh phòng một ải trấn ở biên thùy.

Chú thích

1. Cơ hội - những cơ hội như khi có một vị Phật giáng sanh, có một nơi ở thuận lợi, một thân hình khỏe mạnh, hay có được chánh kiến v.v...

Hãy khiêm tốn ở nơi cần khiêm tốn, không nên sợ điều không đáng sợ

11. Ājjitāye lajjanti - lajjitāye 11. Chúng sanh nào hổ thẹn na lajjare ở chỗ không nên hổ thẹn và không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ Micchādiṭṭhisamādānā - sattā thẹn là ôm ấp tà kiến và sẽ gacchanti duggatiṁ. vào khổ cảnh. 316.

12. Abhaye ca bhayadassino - 12. Chúng sanh nào thấy sợ bhaye cābhayadassino sệt ở chỗ không nên sợ và không sợ ở chỗ đáng sợ là Micchādiṭṭhisamādānā - sattā ôm ấp tà kiến và sẽ vào khổ gacchanti duggatiṁ. cảnh. 317.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu ghi nhận rằng những đạo sĩ của phái Nigantha tốt hơn các vị của phái Acelaka vì lễ độ hơn, che thân kín đáo. Những đạo sĩ Nigantha 1 giải thích vì sao mình che thân kín. Đức Phật nghe câu chuyện và dạy những lời trên.

Chú thích

1. Nigantha - đúng theo nguồn gốc của danh từ, có nghĩa "thoát ra khỏi mọi trói buộc hay dính mắc", là danh từ dùng để chỉ những đạo sĩ Jaina (Kỳ-na), những người mà, theo câu chuyện này, thường đóng khố. Các đạo sĩ thuộc phái Acelaka thì cứ để lõa thể hoàn toàn đi đó đây.

Điều sai lầm, không thấy sai thấy sai ở chỗ sai và đúng ở chỗ đúng

13. Avajje vajjadassino - vajje 13. Chúng sanh nào tưởng cāvajjadassino tượng những lỗi lầm ở chỗ không có lỗi và không thấy Micchādiṭṭhisamādānā - sattā sai ở chỗ sai là ôm ấp tà kiến gacchanti duggatiṁ. và đi vào khổ cảnh. 318.

14. Vajjañ ca vajjato ñatvā - 14. Chúng sanh nào thấy sai avajjañ ca avajjato biết sai, thấy đúng biết đúng, sammādiṭṭhisamādānā sattā là có chánh kiến và sẽ nhàn gacchanti suggatiṁ. cảnh.319.

Tích chuyện

Con gái của vài người khác đạo được dạy không nên đảnh lễ chư Tỳ-khưu và không nên đến chùa. Ngày nọ, chúng trẻ ấy chơi với những đứa bé theo đạo Phật và nghe khát nước, bảo mấy đứa kia vào chùa xin nước uống. Lúc vào chùa, mấy đứa kia gặp Đức Phật, Đức Phật dạy chúng kêu đám trẻ nọ vào chùa uống nước. Sau khi chúng nó uống xong, Đức Phật giảng giáo lý cho nghe và chúng xin qui y với Đức Phật. Khi mới hay biết câu chuyện, cha mẹ chúng tỏ vẻ không bằng lòng, nhưng về sau, tất cả đều đến với Đức Phật và xin quy y. Nhơn cơ hội Đức Phật đọc những câu kệ trên.

Chú thích

1. Thấy lỗi và không lỗi - avajja, là có sự tin tưởng đúng và vajja là tin tưởng sai lầm.

-ooOoo-

23. VOI - NĀGA VAGGA

Phần đông sống không kỷ luật

1. Ahaṁ nāgo' va saṅgāme 1. Như voi chiến ở trận địa - cāpāto patitaṁ saraṁ hứng lãnh lằn tên mũi đạn, cùng thế ấy, Như Lai sẽ chịu Ativākyaṁ titikkhissaṁ - đựng lời nguyền rủa. Đúng thật dussīlo hi bahujjano. vậy, phần đông sống không giới luật. 320.

Người thuần thục chịu đựng lời nguyền rủa

2. Dantaṁ nayanti samitiṁ 2. Người ta dẫn những con - dantaṁ rājābhirūhati ngựa (hay voi) đã được đào luyện đến nơi (vua quan) tụ Danto seṭṭho manussesu - họp. Vua chọn con nào thuần yo' tivākyaṁ titikkhati. thục nhứt để cỡi. Giữa đám người, cao thượng nhứt là người thuần thục, chịu đựng những lời nguyền rủa. 321.

Hạnh phúc thay, người tự chế ngự

3. Varaṁ assatarā dantā - 3. Quý thay, những con lừa ājāīyā ca sindhavā thuần thục, những con ngựa rặc giống của xứ Sindh và những Kuñjarā ca mahānāgā - thớt tượng sang trọng có ngà. attadanto tato varaṁ. Nhưng con người thuần thục, giới đức trang nghiêm là hơn tất cả. 322.

Tích chuyện

Một mệnh phụ phu nhơn trong triều, có ôm ấp mối hận thù đối với Đức Phật, thuê người lăng mạ Ngài thậm tệ. Đại đức A-Nan-Đa (Ananda) không chịu nổi, bạch với Đức

Phật, xin Ngài dời đi nơi khác. Nhưng Đức Phật khuyên Ngài A-Nan-Đa (Ananda) nên thực hành pháp nhẫn nại và Đức Phật tự ví như voi chiến lâm trận, bình thản vững tiến giữa lằn tên mũi đạn, sẵn sàng và thản nhiên hứng chịu những lời nguyền rủa.

Tự kiểm soát đưa đến mục tiêu

4. Na hi etehi yānehi 4. Chắc chắn không bao giờ gaccheyya agataṁ disaṁ những chuyến xe như thế đưa ta đến Niết-bàn, như người tự Yathā' ttanā sudantena - kiểm soát bằng cách khắc phục 1 danto dantena gacchati. và đào luyện 2 tự ngã chơn chánh. 323.

Tích chuyện

Một tăng sĩ, trước làm nghề luyện voi, hôm nọ nhìn thấy người kia đang huấn luyện con voi mà không kiểm soát nó nổi. Thầy nói với một vị khác, gợi ý người ấy phải làm như thế nào. Anh luyện voi nghe được, làm theo, và thành công, khi câu chuyện đến tai Đức Phật, Đức Phật khuyên dạy vị tăng sĩ nên tự mình đào luyện lấy mình để thành đạt mục tiêu cuối cùng.

Chú thích

1. Khắc phục... tự ngã - dantena, bằng cách thu thúc lục căn.

2. Đào luyện... tự ngã - sudantena, bằng cách phát triển Con Đường Cao Quý.

Voi con biết lo cho mẹ

5. Dhanapālako nāma kuñjaro - 5. Voi Dhanapālaka bất trị, kaṭukappabhedano bị giam cầm, chảy nước hôi dunnivārayo thúi, bỏ ăn, nhịn đói. Voi tưởng nhớ rừng nhà. 324. Baddho kabalaṁ na bhuñjati sumarati nāgavanassa kuñjaro.

Tích chuyện

Một cụ già bị con cái lãng quên, không trông nom chăm sóc đến. Ngày kia cụ già đến hầu Phật và, nhờ Đức Phật khuyên dạy, trở về thực hành đúng lời và thành công. Về sau con cái cụ hết lòng phụng dưỡng cụ. Giảng về sự chăm sóc cha mẹ, Đức Phật đọc câu kệ trên để nhắc đến tình thương của voi con, bị giam cầm mà bỏ ăn vì tưởng nhớ đến mẹ ở nhà.

Ẩm thực tiết độ

6. Middhī yadā hoti 6. Người thiểu trí, khi hôn mahagghaso ca - niddāyitā mê, tham ăn, thích ngủ, ngã samparivattasāyī lăn nằm dài như con heo to mà người ta nuôi bằng thức Mahāvarāho' va ăn thừa - người ấy sẽ tái sanh nivāpapuṭṭho punappunaṁ trở đi trở lại mãi mãi triền gabbham upeti mando. miên. 325.

Tích chuyện

Vì ăn uống quá độ mà vua Kosala thường nghe khó chịu trong mình. Nhờ Đức Phật khuyên dạy vua ăn uống có độ lượng và do đó cải tiến tình trạng sức khỏe.

Hãy kiểm soát tư tưởng

7. Idaṁ pure cittam acāri 7. Trước kia tâm này buông cārikaṁ - yena' icchakaṁ lung, phóng dật tùy thích, yatthakāmaṁ yathāsukhaṁ theo ý muốn và ước vọng của nó. Ngày nay, với chánh Tadajj' ahaṁ niggahessāmi niệm, ta nắm vững và điều yoniso - hatthippabhinnaṁ phục nó, giống như tên nài viya ankusaggaho. (nắm vững và khắc phục) một thớt tượng.326.

Tích chuyện

Một thầy Sa-di trẻ tuổi có giới hạnh rất trang nghiêm nhưng về sau muốn hườn tục. Bà mẹ thầy thuyết phục thầy không nên làm vậy. Cuối cùng thầy nhận định được sự ích lợi dồi dào phong phú của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật đọc câu kệ trên để khuyên dạy thầy.

Hãy lánh xa đường ác

8. Appamādaratā hotha - 8. Hãy thỏa thích trong sacittam anurakkhatha chánh niệm. Hãy tinh tấn

canh phòng tâm. Như voi sa Duggā uddharath' attānaṁ - lầy cố gắng rút chơn ra khỏi paṅke satto' va kuñjaro. đầm bùn, cùng thế ấy, hãy tự rút ra khỏi đường ác. 327.

Tích chuyện

Một con voi bị sa lầy. Tên nài đến nơi, làm như sẵn sàng xuất trận, rồi khua chiêng gióng trống như lâm trận. Voi hăng lên, cố gắng rút chơn ra khỏi đầm lầy. Khi câu chuyện được bạch lại với Đức Phật, Ngài khuyên dạy các vị Tỳ-khưu cũng nên gia công cố gắng giống như voi bị sa lầy để tự rút ra khỏi đầm lầy của vòng luân hồi.

Hãy kết hợp với bậc thiện trí

9. Sace labetha nipakaṁ 9. (Trên đường đời), nếu con sahāyaṁ - saddhiṁ caraṁ gặp được bạn đồng hành thận sādhuvihāridhīraṁ trọng 1, (người thích hợp) để sống với con, người có tác Abhibhuyya sabbāni phong đúng đắn và trí tuệ, hãy parissayāni - careyya ten' sống với người ấy một cách vui attamano satīmā. vẻ và giác tỉnh, vượt khỏi mọi hiểm nguy. 328.

Nếu không gặp bạn đồng hành thích hợp, hãy đi một mình

10. No ce Iabetha nipakaṁ 10. Nếu không gặp được bạn sahāyaṁ - saddhiṁ caraṁ đồng hành thận trọng (thích sādhuvihāridhīraṁ hợp), để sống với con, người có tác phong đúng đắn và trí tuệ Rāja' va raṭṭhaṁ vijitaṁ thì, như vua rời bỏ một quốc pahāya eko care vương đã chinh phục, con hãy mātaṅgarañño' eva nāgo. sống một mình như voi sống giữa rừng sâu. 329.

Thà sống đời cô độc

11. Ekassa caritaṁ seyyo 11. Tốt hơn sống một mình. natthi bāle sahāyatā Không kết hợp với người ngu. Hãy sống cô đơn, không làm Eko care na ca pāpāni điều ác, khỏi lo âu, như voi kayirā appossukko sống giữa rừng sâu. 330. mātaṅgarañño eva nāgo.

Tích chuyện

Có lần Đức Phật sống một mình giữa rừng. Luận về đời sống cô đơn của Ngài, Đức Phật đọc những câu kệ trên.

Chú thích

1. Thận trọng - Sahāyatā, danh từ này bao gồm ý nghĩa người có giới luật trong sạch. Người thực hành nghiêm chỉnh thiền minh sát, đạo quả, và Niết-bàn. (Bản chú giải) Xem câu 61.

Hạnh phúc thay, gặp bạn lúc cần

12. Atthamhi jātamhi sukhā 12. Vui thay, gặp được bạn sahāyā - tuṭṭhī sukhā yā lúc cần. Vui thay, tri túc với itarītarena chút ít này hay nọ. Vui thay - đã tạo thiện nghiệp - lúc Puṅñaṁ sukhaṁ đời sống chấm dứt. Lánh xa jīvitasaṅkhayamhi sabbassa đau khổ là hạnh phúc. 331. dukkhassa sukhaṁ pahānaṁ.

Hạnh phúc thay, được phụng dưỡng mẹ cha

13. Sukhā matteyyatā loke 13. Trên thế gian này, atho petteyyatā sukhā phụng dưỡng mẹ 1 là niềm vui. Phụng dưỡng cha cũng Sukhā sāmaññatā loke atho là vui, trên thế gian này. brahmaññatā sukhā. Phụng dưỡng bậc Sa-môn là vui. Phụng dưỡng bậc Thánh nhơn 2 cũng là vui. 332.

Hạnh phúc thay, người có giới hạnh, niềm tin, và trí tuệ

14. Sukhaṁ yāva jarā silāṁ - 14. Vui thay, có giới hạnh từ sukhā saddhā patiṭṭhitā lúc trẻ chí đến tuổi già. Vui thay, được thành đạt trí tuệ. Sukho paññāya paṭilābho - Vui thay, không hành ác. pāpānaṁ akaraṇaṁ sukhaṁ. 333.

Tích chuyện

Ma Vương cung thỉnh Đức Phật làm vua. Đức Phật lưu ý rằng Ngài không có gì giống như Ma Vương cả và Ngài kể ra những nguyên nhân tạo hạnh phúc.

Chú thích

1. Phụng dưỡng mẹ - danh từ matteyyatā không có nghĩa tư cách làm mẹ hay "có một người mẹ". Bản chú giải giải thích rằng đó là phẩm hạnh tốt (sammā-patipatti) đối với mẹ, tức là phụng dưỡng mẹ. Những danh từ khác (như petteyyata v.v...) cũng được giải thích tương tợ.

2. Thánh nhơn - tức là Đức Phật, chư vị A-La-Hán v.v...

-ooOoo-

24. ÁI DỤC - TAṆHĀ VAGGA

Ái dục phát sanh đến người sống dể duôi

1. Manujassa pamattacārino 1. Ái dục 1 của người sống dể - taṇhā vaḍḍhati māluvā viya duôi tăng trưởng (nhanh chóng) như loài cây leo. Nó So plavati hurāharaṁ - nhảy từ kiếp sống này chuyền phalam iccham'va vanasmiṁ sang kiếp khác như loài khỉ

vānaro. thích trái cây trong rừng. 334.

Người nuôi dưỡng ái dục tăng gia sầu muộn

2. Yaṁ esā sahatī jammī - 2. Trên thế gian này, sầu taṇhā loke visattikā muộn của người bị khát vọng khắng khít và đê hèn ấy tràn Sokā tassa pavaḍḍhanti - ngập, sẽ sinh sôi nảy nở tựa abhivaṭṭhaṁ' va biraṇaṁ. hồ như cỏ bìrina được tưới nước đầy đủ. 335.

Người đã dập tắt ái dục không còn sầu muộn

3. Yo c' etaṁ sahātī jammiṁ 3. Trên thế gian này, sầu muộn - taṇhaṁ loke duraccayaṁ sẽ tách rời người đã khắc phục ái dục bất trị và đê hèn ấy, như Sokā tamhā papatanti - giọt nước rời lá sen. 336. udabindu' va pokkharā vo.

Hãy dập tắt ái dục từ cội rễ

4. Taṁ vo vadāmi bhaddaṁ 4. Điều này, Như Lai dạy các vo yāvant' ettha samāgatā con: May mắn thay cho tất cả các con, những người tụ hợp Taṇhāya mūlaṁ khanatha - tại đây! Hãy đào xới ái dục tận usīrattho' va bīraṇaṁ gốc rễ như người ta đào lấy rễ ngọt ngào của cỏ bìrina. Chớ Mā vo naḷaṁ va soto' va - để Ma vương mãi mãi đè bẹp māro bhanji punappunaṁ. các con như trận lụt làm rạp đám lát. 337.

Tích chuyện

Đức Phật dạy những lời trên khi nhắc đến một vị Tỳ-khưu vô lễ, mặc dầu thông suốt Giáo Pháp nhưng lòng còn chứa đầy ái dục và, ngã mạn, khinh rẻ các vị khác.

Chú thích

1. Ái dục - Tanhā, có nghĩa luyến ái, khát khao, bám bíu. Có ba loại ái dục là: a) ái dục đeo níu theo nhục dục ngũ trần (kāmataṇhā), b) ái dục đeo níu theo những khoái lạc vật chất có liên quan đến chủ trương đoạn kiến hay tuyệt diệu, (vibhavataṇhā). Trong lúc hưởng,

nghĩ rằng tất cả điều tiêu diệt sau khi chết - chết là hết. c) Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất có liên quan đến chủ trương thường kiến (bhavataṇhā) tức là, trong khi thọ hưởng, nghĩ rằng những khoái lạc này sẽ mãi mãi tồn tại, vĩnh cửu trường tồn.

Bhavataṇhā có khi được giải thích là sự luyến ái đeo níu theo Sắc Giới, và vibhavataṇhā là sự luyến ái đeo níu theo Vô Sắc Giới. Hai Phạn ngữ ấy thường được dịch là ái dục đeo níu theo sự sống, theo kiếp sinh tồn, và ái dục đeo níu theo sự không sống, không sinh tồn.

Có sáu loại ái dục liên quan đến sáu căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, và sáu loại liên quan đến sáu trần là sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

Nếu tính có sáu ái dục liên quan đến lục căn và sáu, liên quan đến lục trần thì tất cả có mười hai. Nếu tính luôn ái dục trong quá khứ, hiện tại và tương lai thì có tất cả ba mươi sáu. Và nếu tính luôn cả ba loại ái dục kể trên thì có một trăm lẻ tám.

2. Ma Vương - ở đây có nghĩa là khát vọng.

Bao giờ còn ái dục là còn đau khổ

5. Yathā' pi mūle 5. Như cái cây mà rễ còn vững anupaddave daḷhe - chinno' chắc và không bị động đến, pi rukkho punareva ruhāti mặc dầu bị chặt ngã, vẫn đâm chồi nở tược, cùng thế ấy, bao Evam pi taṇhānusaye giờ lòng ái dục tiềm ẩn chưa anūhate - nibbattatī bị tận diệt, sầu muộn ấy còn dukkham idaṁ punappunaṁ. phát sanh trở đi trở lại triền miên. 338.

Tư tưởng tham ái phát sanh đến người ái dục

6. Yassa chattiṁsatī sotā - 6. Nếu bên trong kẻ nào ba manāpassavanā bhusā mươi sáu dòng (ái dục) 1 tuôn chảy mạnh mẽ đến những tư Vāhā vahanti duddiṭṭhiṁ - tưởng hỷ lạc 2, tâm tham ái saṅkappā rāganissitā. cuồn cuộn lôi cuốn kẻ si mê ấy đi như một luồng thác lũ. 339.

Hãy dùng trí tuệ dập tắt ái dục

7. Savanti sabbadhī sotā - 7. Dòng (ái dục) tràn ngập latā ubbhijja tiṭṭhati khắp nơi. Loài cây leo (ái dục) đâm chồi 3 và bám vững 4. Đã Tañ ca disvā lataṁ jātaṁ - thấy loài cây leo đâm chồi, mūlaṁ paññāya chindatha. hãy dùng trí tuệ bứng tận gốc rễ. 340.

Luyến ái dục lạc dẫn đến sanh hoại

8. Saritāni sinehitāni ca - 8. Giữa chúng sanh, hỷ lạc phát somanassāni bhavanti khởi và cuộn chảy (đến ngũ jantuno trần), và (những chúng sanh ấy) đắm mê trong ái dục. Thiên Te sātasitā sukhesino - te về hạnh phúc, chúng đi tìm ve jātijarūpagā narā. hạnh phúc. Đúng vậy, người như thế đi đến sanh và hoại. 341.

Bị ái dục ràng buộc, chúng đi đến sầu muộn

9. Tasiṇāya purakkhatā 9. Kẻ bị bao trùm trong ái dục pajā - parisappanti saso' va kinh hoàng như thỏ nằm trong bādhito rọ. Bị thằng thúc và trói buộc 5 siết chặt, kẻ ấy còn chịu đau Saññojanasaṅgasattā- khổ triền miên lâu dài. 342. dukkham upenti punappunaṁ cirāya.

Người muốn tìm trạng thái không dục vọng phải xa lìa ái dục

10. Tasiṇāya purakkhatā 10. Kẻ bị bao trùm trong ái dục pajā - parisappanti saso' va kinh hoàng như thỏ nằm trong bādhito rọ. Vậy, thầy Tỳ-khưu có ý nguyện thành đạt trạng thái Tasmā tasiṇaṁ vinodaye - không dục vọng (Niết-bàn) bhikkhu ākaṅkhī virāgam phải xa lìa ái dục. 343. attano.

Tích chuyện

Trong lúc đi dài theo đường, Đức Phật trông thấy một con heo nái. Ngài thuật lại rằng trong những kiếp quá khứ của nó, con heo đã có thọ hưởng sự nghiệp lớn lao sang cả và trong những kiếp sống khác cũng bị suy đồi. Ngài giảng về hậu quả khác nhau của ái dục.

Chú thích

1. Ba mươi sáu dòng ái dục - xem Chú thích dưới câu 334.

2. Tư tưởng hỷ lạc - xuyên qua lục căn.

3. Cây leo... đâm chồi - từ lục căn.

4. Cây leo... bám vững - dính mắc theo lục trần.

5. Trói buộc - có năm loại trói buộc (saṅga) là: tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn và tà kiến.

Trở về đời sống thế gian là điên cuồng

11. Yo nibbanatho 11. Người không còn ham muốn vanādhimutto - vanamutto (đời sống tại gia), tìm thỏa thích vanam eva dhāvati trong rừng và, mặc dầu thoát khỏi ham muốn (sống tại gia), Taṁ puggalam etha (vẫn) chạy trở về chính cái nhà passatha - mutto ấy. Đến đây, hãy nhìn xem con bandhanam eva dhāvati. người ấy! Đã thoát ly, còn chạy trở vào vòng trói buộc. 344.

Tích chuyện

Đức Phật đọc lên câu kệ này khi nhắc đến một chàng thanh niên có niềm tin vững chắc, xuất gia, nhưng còn bị dục lạc quyến rũ, quay trở lại đời sống tại gia.

Chú thích

Trong câu này danh từ vana có hai nghĩa: rừng và ham muốn. Ở đoạn đầu, vana là ham muốn (đời sống tại gia) và cũng câu ấy, ở đoạn sau vana là rừng.

Dây trói buộc của ngũ trần còn ngàn lần bền chắc hơn dây xích

12. Na taṁ daḷhaṁ 12. Dây làm bằng sắt, gỗ, hay bandhanam āhu dhīrā - gai, ràng buộc không bền yadāyasaṁ dārujaṁ chắc. Bậc thiện trí dạy như babbajañ ca thế. Lòng bám bíu vào kim cương, đồ trang trí, vợ con, là Sārattarattā maṇikuṇḍḍlesu trói buộc bền chắc hơn nhiều. puttesu dāresu ca yā 345. apekkhā.

Hãy từ khước dục lạc

13. Etaṁ daḷhaṁ 13. Trói buộc ấy thật bền bandhanam āhu dhīrā - chắc, bậc thiện trí dạy như ohārinaṁ sithilaṁ vậy. Nó trì xuống, mềm mỏng, duppamuñcaṁ nhưng rất khó tháo gỡ. Chính dây ấy, người thiện trí cũng Etam pi chetvāna vajanti cắt lìa và, từ bỏ thế gian, dhīrā anapekkhino không luyến ái, từ khước mọi kāmasukhaṁ pahāya. dục lạc. 346.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu đi ngang qua khám đường thấy phạm nhơn bị trói buộc bằng dây xích. Các thầy bạch hỏi Đức Phật có loại dây trói buộc nào bền chắc hơn những sợi dây ấy không. Đức Phật giải đáp rằng trói buộc của ái dục còn ngàn lần bền chắc hơn.

Kẻ tham ái bị mắc trong lưới tham của mình

14. Ye rāgarattānupatanti 14. Những ai đắm say trong sotaṁ sayaṁ kataṁ tham ái sẽ rơi trở vào dòng, makkaṭako' va jātaṁ như nhện sa vào lưới của chính nó. Chính lưới ấy, Etaṁ pi chetvāna vajanti người thiện trí cũng cắt đứt dhīrā anapekkhino và, ra đí, không luyến ái, siêu sabbadukkhaṁ pahāya. thoát ra khỏi phiền não. 347.

Tích chuyện

Một bà hoàng hậu đắm say trong sắc đẹp của chính bà. Đức Phật tạo một phương cách làm cho bà nhàm chán sắc đẹp bề ngoài ấy. Do đó bà nhận thức tánh cách vô thường tạm bợ của đời sống. Để khuyên dạy, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Hãy thoát ly cái tâm

15. Muñca pure muñca 15. Hãy để cho dĩ vãng trôi đi. pacchato majjhe muñca Để cho tương lai trôi đi. Để bhavassa pāragū cho hiện tại 1 trôi đi (trước, sau và giữa). Hãy vượt qua Sabbattha vimuttamānaso - đến bờ bên kia của kiếp nhơn na puna jātijaraṁ upehisi. sinh, với tâm thanh thoát ra khỏi tất cả, chớ nên cam chịu cảnh sanh hoại nữa. 348.

Tích chuyện

Một chàng thanh niên đem lòng thương một cô gái làm nghề xảo thuật và chính chàng cũng trở thành một nhà leo dây nhào lộn để cùng nhau đi đó đi đây. Ngày kia Đức Phật gặp chàng và dạy những lời trên.

Chú thích

1. Tức là luyến ái ngũ uẩn trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Ái dục của người đam mê tăng trưởng

16. Vitakkapamathitassa 16. Người bị tư tưởng (bất jantuno tibbarāgassa thiện) khuấy động, tham ái subhānupassino quá độ, tưởng nhớ hỷ lạc, ái dục càng tăng trưởng. Chắc Bhiyyo taṇhā pavaḍḍhati - như vậy, người ấy làm cho esa kho daḷhaṁ karoti dây trói buộc (của Ma vương) bandhanaṁ. càng bền chắc. 349.

Tâm niệm chấm dứt ái dục

17. Vitakkūpasame ca yo 17. Người thỏa thích trong sự rato - asubhaṁ bhāvayati khắc phục tư tưởng (bất sadā sato thiện), người suy niệm về

tánh cách ô trược 1 (của thể Esa kho vyantikāhiti eso xác), người luôn luôn giữ checchati mārabandhanaṁ. chánh niệm, đó là người sẽ chấm dứt (ái dục). Người ấy sẽ phá vỡ vòng ràng buộc của Ma vương. 350.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ trẻ tuổi bị một thiếu phụ đem lòng thương và quyến rũ. Vì thầy không vui với đời sống xuất gia nên một hôm được đem đến trước Đức Phật. Nhơn cơ hội thầy bạch với Đức Phật lòng bất mãn của mình. Đức Phật thuật lại một diễn biến trong kiếp sống quá khứ của thầy, để chỉ rằng trong dĩ vãng thầy cũng đã bị chính thiếu phụ kia

bội phản và Đức Phật đọc lên câu kệ trên.

Chú thích

1. Đó là tham thiền về những ô trược của thể xác, hành giả nhờ hành đề mục này mà dứt bỏ dần lòng luyến ái đeo níu theo xác thân.

Người thoát ly ái dục sống kiếp sống cuối cùng

18. Niṭṭhaṅgato asantāsī - 18. Người đã đạt đến mục vītataṇho anaṅgano tiêu, không còn sợ, hết ái dục, hết dục vọng, đã cắt lìa Acchiddi bhavasallāni - gai chướng của đời sống. antimo' yaṁ samussayo. Đây là thân xác cuối cùng của người ấy. 351.

Không luyến ái là bậc đại hiền

19. Vītataṇho anādāno - 19. Người xa lìa ái dục và niruttipadakovido không chấp thủ, người lão thông ngữ nguyên và danh Akkharānaṁ sannipātaṁ từ 1, người thấu suốt thứ jaññā pubbaparāni ca lớp tự cú và hậu quả của nó, đó là người mang thể xác Sa ve antimasārīro - cuối cùng, là bậc trí tuệ mahāpañño mahāpuriso'ti uyên thâm, bậc vĩ nhơn. vuccati. 352.

Tích chuyện

Một vị Sa-di trẻ tuổi, đã đắc quả A-La-Hán, nằm ngủ trước hương thất của Đức Phật. Ma vương đến, cố ý làm cho thầy sợ hãi. Đức Phật nhận thấy và tuyên bố rằng người đã dập tắt ái dục không còn sợ sệt.

Chú thích

1. Ngữ nguyên và danh từ - niruttipadakhovido, thông suốt bốn loại tri kiến phân tách (paṭismabhidā) là: ý nghĩa (attha), chính văn (dhamma), ngữ nguyên (nirutti), và sự thấu hiểu (paṭibhāa).

Đấng toàn giác không có thầy

20. Sabbābhibhū sabbavidū' 20. Như Lai đã vượt qua tất cả. ham asmi - sabbesu Như Lai đã thông suốt tất cả. dhammesu anū palitto Như Lai đã dứt bỏ mọi trói buộc. Như Lai đã thoát ly tất Sabbañjaho taṇhakkaye cả. Như Lai trọn vẹn chú tâm vimutto sayaṁ abhiññāya trong việc tận diệt ái dục 1. Đã kam uddiseyyaṁ tự mình thấu triệt tất cả, Như Lai còn gọi ai là thầy? 353.

Tích chuyện

Một đạo sĩ du phương hành khất lấy làm thỏa thích thấy tướng mạo của Đức Phật, bạch hỏi Ngài học với ai. Đức Phật đáp rằng Ngài không có thầy.

Chú thích

1. Tận diệt ái dục - tức là đạo quả A-La-Hán.

Bố thí chơn lý cao thượng hơn tất cả

21. Sabbadānaṁ 21. Bố thí Chơn Lý cao thượng dhammadānaṁ jināti - hơn tất cả các pháp bố thí sabbaṁ rasaṁ (khác). Hương vị của Chơn Lý dhammaraso jināti cao thượng hơn tất cả hương vị (khác). Sự hoan hỷ trong Sabbaṁ ratiṁ dhammaratī Chơn Lý cao thượng hơn tất cả jināti - taṇhakkhayo hoan hỷ (khác). Người đã tận sabbadukkhaṁ jināti. diệt ái dục vượt khỏi mọi đau khổ. 354.

Tích chuyện

Đức Phật dạy những lời trên khi giải đáp bốn câu hỏi do vua Trời Đế-Thích (Sakka) nêu lên.

Sự giàu sang làm sụp đổ kẻ si mê

22. Hananti bhogā 22. Giàu sang làm sụp đổ kẻ dummedhaṁ no ve cuồng si, nhưng không (hại) pāragavesino những ai mưu cầu bờ bên kia (Niết-bàn). Do lòng ham giàu, Bhogataṇhāya dummedho - kẻ si mê tự làm cho mình sụp hanti aññe' va attanam. đổ, (cũng như đang làm sụp đổ) kẻ khác. 355.

Tích chuyện

Một phú gia không con, chết đi, bỏ lại tất cả tài sản sự nghiệp lớn lao. Vua truyền lệnh cho nhập gia sản của ông vào quốc khố và đến hầu Đức Phật. Vua bạch lại tự sự với Đức Phật và ghi nhận

rằng mặc dầu nhà ông ấy ở gần nơi Đức Phật ngự, không bao giờ ông để bát cúng dường Ngài. Nhơn cơ hội Đức Phật dạy những lời trên.

Tham ái là một khuyết điểm của loài người

23. Tiṇadosāni khettāni - 23. Cỏ dại là tai hại của rāgadosā ayaṁ pajā đồng ruộng. Tham ái là tai hại của loài người. Do đó, Tasmā hi vītarāgesu - dinnaṁ dâng tặng đến người không hoti mahapphalaṁ tham ái đem lại quả phước dồi dào. 356.

Sân hận là một khuyết điểm của loài người

24. Tiṇadosāni khettāni - 24. Cỏ dại là tai hại của mohadosā ayaṁ pajā đồng ruộng. Sân hận là tai hại của loài người. Do đó, Tasmā hi vītamohesu - dinnaṁ dâng tặng đến người đã dập hoti apphalaṁ. tắt lòng sân đem lại quả phước dồi dào. 357.

Si mê là một khuyết điểm của loài người

25. Tiṇadosāni khettāni - 25. Cỏ dại là tai hại của mohadosā ayaṁ pajā đồng ruộng. Si mê là tai hại của loài người. Do đó, dâng Tasmā hi vītamohesu - dinnaṁ tặng đến người đã xa lìa si hoti mahapphalaṁ. mê đem lại quả phước dồi dào. 358.

Ái dục là một tai hại của loài người

26. Tiṇadosāni khettāni - 26. Cỏ dại là tai hại đồng icchādosā ayaṁ pajā ruộng. Ái dục là tai hại của loài người. Do đó, dâng tặng Tasmā hi vigaticchesu - đến người đã dập tắt ái dục dinnaṁ hoti mahapphalaṁ. đem lại quả phước dồi dào. 359.

Tích chuyện

Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn Thanh Tịnh, Đức Phật dạy những lời trên.

-ooOoo-

25. TỲ KHƯU - BHIKKHU VAGGA

Hãy thu thúc lục căn

1. Cakkhunā saṁvaro sādhu - 1. Lành thay, chế ngự mắt. sādhu sotena saṁvaro Lành thay, chế ngự tai. Lành thay, chế ngự mũi. Lành Ghāṇena saṁvaro sādhu - thay, chế ngự lưỡi. 360. sādhu jivhāya sāṁvaro.

Người thu thúc lục căn thoát ly phiền não

2. Kāyena saṁvaro sādhu - 2. Lành thay, chế ngự thân. sādhu vācāya saṁvaro Lành thay, chế ngự khẩu. Lành thay, chế ngự ý. Lành Manasā saṁvaro sādhu - thay, chế ngự tất cả. Thầy sādhu sabbattha saṁvaro Tỳ-khưu 1, tự chế ở mọi điểm, thoát khỏi mọi khổ Sabbattha saṁvuto bhikkhu đau. 361. sabbadukkhā pamuccati.

Tích chuyện

Năm thầy Tỳ-khưu, mỗi người tự chế một giác quan, bạch hỏi Đức Phật giác quan nào khó chế ngự hơn hết. Thay vì giải đáp ngay câu hỏi. Đức Phật thuật lại một chuyện đã xảy ra trong tiền kiếp của các thầy để chỉ rằng lúc ấy các thầy đi đến chỗ diệt vong vì không thu thúc được lục căn, và Đức Phật dạy những lời trên.

Chú thích

1. Tỳ-khưu - bhikkhu, là một danh từ riêng biệt chỉ dùng trong Phật giáo. "Tu sĩ hành khất" được xem là gần với Phạn ngữ bhikkhu nhứt. Xem câu 31.

Người tự chế hoàn toàn được gọi là Tỳ-khưu

3. Hatthasaññato 3. Người tự điều chế tay, pādasaññato vācāya saññato chơn, lời nói, và ở điểm cao saññatuttamo nhứt (tức là đầu), người thỏa thích trong thiền định 1, Ajjhattarato samāhito - eko người tự tại, cô đơn, và tri santusito tam āhu bhikkhuṁ. túc - người ấy được gọi là Tỳkhưu. 362.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu liệng cục đá vào đầu con thiên nga, làm nó chết. Để khuyên dạy, Đức Phật giải thích trạng thái thích đáng của thầy Tỳ-khưu.

Chú thích

1. Thiền định - danh từ Pāli được dùng ở đây là ajjhattu, theo đúng ngữ nguyên, là cá nhơn. Trong câu này, là đề mục thiền định. Như vậy đoạn này có nghĩa: người thỏa thích trong đề mục thiền định của mình.

Người điều phục lưỡi có lời nói êm dịu

4. Yo mukhasaññato bhikkhu 4. Thầy Tỳ-khưu đã điều - mantabhāṇī anuddhato phục lưỡi, thầy Tỳ-khưu ăn nói khôn khéo 1, không ngã Atthaṁ dhammañ ca dīpeti mạn, giải thích ý nghĩa và madhuraṁ tassa bhāsitaṁ. kinh điển - êm dịu thay, quả thật vậy, lời nói của thầy. 363.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu này khi nhắc đến một thầy Tỳ-khưu đã lăng mạ hai vị đại đệ tử của Ngài.

Chú thích

1. (Ăn nói) khôn khéo - manta, ở đây có nghĩa là trí tuệ.

Người thỏa thích trong giáo pháp không rơi trở xuống

5. Dhammārāmo 5. Thầy Tỳ-khưu ấy ẩn náu dhammarato - dhammaṁ trong giáo Pháp, thỏa thích anuvicintayaṁ trong Giáo Pháp, suy niệm về Giáo Pháp, hằng nhớ tưởng Dhammaṁ anussaraṁ Giáo Pháp - vị ấy không sa bhikkhu saddhammā na đọa, không xa lìa Giáo Pháp parihāyati. Cao Thượng. 364.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ tên Dhammārāma biết Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, cố tránh không làm theo những vị khác mà rút về tịnh thất mình, lấy Giáo Pháp làm đề mục hành thiền nhằm thành đạt đạo quả A-La-Hán. Vì hiểu lầm thái độ của thầy, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Khi Đại đức Dhammārāma giải thích ý định của mình, Đức Phật tán dương thầy và đọc những lời trên.

Hãy tri túc

6. Salābhaṁ nātimaññeyya - 6. Không nên khinh rẻ những n' aññesaṁ pihayaṁ care gì mình thọ lãnh, hay thèm muốn của người khác (thọ Aññesaṁ pihayaṁ bhikkhu lãnh). Thầy Tỳ-khưu khèm samādhiṁ n'ādhigacchati. muốn những gì người khác (thọ lãnh) không an trú tâm định. 365.

Không nên khinh những gì mình thọ lãnh

7. Appalābho' pi ce bhikkhu - 7. Dầu chỉ thọ lãnh chút ít, salābhaṁ n'ātimaññati nếu thầy Tỳ-khưu không khinh thường vật mình thọ, chí đến chư Thiên cũng tán

dương người có chánh mạng Taṁ ve devā pasaṁsanti - trong sạch và không ô trược suddhājīvaṁ atanditaṁ. như vậy. 366.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khưu nhận lời mời của một vị khác, vốn là đệ tử của Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta), và sống vài ngày trong sự tiếp đón nồng hậu của chủ. Khi trở về chùa, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật đọc câu kệ trên để khuyên dạy thầy và các vị khác.

Chú thích

1. An trú tâm định - samādhi, là cả hai, tâm định tại thế và tâm định siêu thế, phàm định và thánh định.

Vị ấy là Tỳ-khưu vì không còn luyến ái

8. Sabbaso nāmarūpasmiṁ - 8. Người không có ý nghĩ yassa natthi mamāyitaṁ "Ta" và "Của Ta", dầu đối với tâm hay thân, người không Asatā ca na socati - sa ve thắc mắc lo âu về những gì bhikkhū' ti vuccati. mình không có - người ấy, quả thật vậy, được gọi là Tỳkhưu. 367.

Tích chuyện

Một thiện tín để bát Đức Phật trong khi Ngài đứng trước cửa nhà ông. Ông bạch hỏi Đức Phật điều gì làm nên thầy Tỳ-khưu. Đức Phật mô tả vắn tắt những đặc tánh của thầy Tỳ-khưu.

Rải tâm từ là phát huy an tịnh

9. Mettāvihārī yo bhikkhu - 9. Thầy Tỳ-khưu ẩn náu pasanno buddhasāsane trong tâm Từ 1, thầy Tỳ-khưu thỏa thích với Phật sự, thành Adhigacche padaṁ santaṁ - đạt trạng thái an lành hạnh sankhārūpasamaṁ sukhaṁ. phúc 2, sự tịch tịnh của những vật hữu lậu. 368.

Hãy từ bỏ tham, sân

10. Siñca bhikkhu imaṁ 10. Chiếc thuyền này trống nāvaṁ sittā te lahum essati rỗng 3, hỡi Tỳ-khưu! Con đã tát sạch nước, và thuyền đi Chetvā rāgañ ca dosañ ca - nhẹ nhàng nhanh chóng. Hãy tato nibbānam ehisi. dập tắt tham và sân, nhờ đó con sẽ chứng Niết-bàn. 369.

Người dứt bỏ thằng thúc sẽ vượt qua trận lụt

11. Pañca chinde pañca jahe - 11. Cắt đứt năm 4, dứt bỏ pañca c' uttari bhāvaye năm 5, trau giồi năm 6. Thầy Tỳ-khưu đã vượt khỏi năm Pañca saṅgātigo bhikkhu - trói buộc 7, được gọi là oghatiṇṇo' ti vuccati. "người vượt qua trận lụt". 370.

Hãy chuyên cần hành thiền

12. Jhāya bhikkhu mā ca 12. Hãy tham thiền, hỡi Tỳ- pamādo mā te kāmaguṇe khưu, không nên dể duôi. bhamassu cittaṁ Chớ để tâm xoay vần theo dục lạc. Chớ nên buông lung Mā lohaguḷaṁ gilī pamatto - và nuốt hòn sắt (nóng). Lúc mā kandi dukkham idan'ti bị thiêu đốt, chớ kêu la "đây ḍayhamāno. là đau khổ". 371.

Trí tuệ không phát sanh đến người không suy niệm

13. Natthi jhānaṁ apaññassa 13.- Người thiếu trí tuệ - paññā natthi ajhāyato không định tâm, mà người thiếu tâm định cũng không Yambi jhānañ ca paññā ca sa có trí tuệ. Người được cả hai, ve nibbānasantike. định và tuệ, người ấy quả thật đã ở trước Niết-bàn. 372.

Người nhàn tịnh chứng phỉ lạc siêu trần

14. Suññāgāraṁ paviṭṭhassa 14.- Thầy Tỳ-khưu đã rút vào - santacittassa bhikkhuno nơi ẩn náu đơn độc, đã giữ tâm vắng lặng, đã ngộ rõ Giáo Amānusī ratī hoti - sammā Pháp, vị ấy chứng phỉ lạc siêu dhammaṁ vipassato. trầ 8.373.

Hạnh phúc thay, người suy niệm pháp sanh - diệt

15. Yato yato sammasati - 15.- Mỗi khi suy niệm về khandhānaṁ udayabbayaṁ pháp sanh - diệt, của các uẩn, người ấy đạt phỉ và lạc. Labhati pīti pāmojjaṁ - Đối với "những ai thấu amataṁ taṁ vijānataṁ. hiểu", (suy niệm ấy) là Bất Tử 9. 374.

Thầy Tỳ-khưu trí tuệ phải nghiêm trì giới bổn

16. Tatrāyam ādi bhavati - 16.- Và điều này, ở đây, trở idha paññassa bhikkhuno thành bước đầu của thầy

Tỳ-khưu có trí tuệ: thu thúc Indriyagutti santuṭṭhī - lục căn, tri túc, tự chế trong pātimokkhe ca saṁvaro Giới Bổn (Pātimokkha) 1 0, kết hợp với những người Mitte bhajassu kalyāne - bạn hữu ích, tinh tấn, và có suddh' ajīve atandite chánh mạng trong sạch. 375.

Thần Tỳ-khưu phải chơn thành thân thiện

17. Paṭisanthāavuty' assa - 17.- Hãy chơn thành thân ācārakusalo siyā thiện theo lối của mình và giữ tác phong thanh nhã. Do Tato pāmojjabahulo - đó, đượm nhuần phỉ lạc và dukkhass' antaṁ karissati. chấm dứt phiền não. 376.

Tích chuyện

Hôm nọ, một vị Tỳ-khưu ngồi trong giảng đường thuyết Pháp cho mẹ và nhiều người khác nghe. Cùng lúc ấy có vài tướng cướp xong vào nhà bà mẹ. Tên đầu đảng thì nom chừng theo bà và định tâm sẽ giết nếu bà trở về trước khi chúng thực hành xong công tác cướp bóc ấy. Người làm trong nhà ba lần chạy đến chùa báo tin, nhưng ba lần, bà đuổi người nhà đi, bảo không nên làm rộn bà trong khi nghe Pháp. Tên chúa đảng lấy làm khâm phục tâm đạo của bà, chạy đi tìm các tên đồng bọn để ra lệnh phải huờn trở lại tất cả những gì đã lấy. Xong, tất cả đến xin sám hối và bà tín nữ có tâm đạo trong sạch và tất cả đều xin xuất gia. Trong khi các thầy đang ngồi hành thiền, Đức Phật rọi hình ảnh của Ngài trước mặt các thầy và khuyên dạy những câu trên.

Chú thích

1.- Ẩn náu trong tâm Từ - lấy tâm Từ (Mettā) làm đề mục hành thiền và phát triển tam và tứ thiền (Jhāna).

2.- Trạng thái an lành hạnh phúc - tức là Niết-bàn.

3.- Chiếc thuyền trống rỗng - chiếc thuyền ví như thể xác này và nước trong thuyền là những tư tưởng xấu.

4.- Cắt đứt năm - tức là năm thắng thúc thuộc về bờ bên nây (orambhāgiyasaṁyo jana). Đó là: thân kiến (sakkāyadiṭṭhi), hoài nghi (vicikichā). Giới cấm thủ (sīlabbataparāmāsa), dể duôi trong nghi thức cúng tế (sai lầm), luyến ái theo Dục giới

(kāmarāga), và sân hận (Paṭigha).

5.- Dứt bỏ năm - tức là năm thắng thúc thuộc về bờ bên kia (uddhambhāgiya saṁyojana) là luyến ái theo Sắc giới (rūparāga), luyến ái theo Vô sắc giới (arūparāga), ngã mạn (māna), phóng dật (uddhacca) và vô minh (avijjā).

6.- Trau dồi năm - tức ngũ căn là: tín (saddhā), niệm (sati), tấn (viriya), định (samādhi) và tuệ (paññā) Năm yếu tố này phải được trau giồi để tiêu diệt các thắng thúc.

7.- Năm trói buộc - xem Chú thích dưới câu 342.

8.- Siêu trần - vượt lên khỏi các phỉ lạc của người trần thế. Amānusī ratī là tám sự thành đạt (aṭṭhasamāpatti) tức là bốn thiền Sắc Giới và bốn thiền Vô Sắc Giới.

9.- Suy niệm ấy là Bất Tử - vì dẫn đến Niết-bàn.

10.- Giới Bổn - pātimokkha, là giới luật căn bản mà thầy Tỳ-khưu phải nghiêm trì.

Hãy vứt bỏ tham, sân

18. Vassikā vija pupphāni - 18. Như bông lài buông rơi maddavāni pamuñcati những cánh hoa tàn úa, cùng thế ấy, này chư Tỳ-khưu, hãy Evaṁ rāgañ ca dosañ ca - trọn vẹn vứt bỏ tham, sân. vippamuñcetha bhikkhavo. 377.

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu quan sát những cánh hoa lài tàn úa rơi xuống đất, suy niệm và nung chí lên, chuyên cần hành thiền. Đức Phật biết vậy, rọi hình ảnh của Ngài trước mặt các thầy và đọc câu kệ trên.

Người thoát ly thế tình sống an tịnh

19. Santakāyo santavāco - 19. Thầy Tỳ-khưu có thân santavā susamāhito nhàn tịnh, khẩu nhàn tịnh, ý nhàn tịnh, thầy Tỳ-khưu tự Vantalokāmiso bhikkhu - tại, đã rút ra khỏi thế sự, upasanto' ti vuccati. đáng được gọi "bậc tịch tịnh". 378.

Tích chuyện

Có thầy Tỳ-khưu rất an tịnh, nhàn nhã. Tác phong tự tại của thầy làm mọi người lưu ý. Đức Phật khuyên các vị khác nên noi gương thầy, và Ngài đọc câu kệ trên.

Người tự điều chế sống an lành hạnh phúc

20. Attanā coday'attānaṁ - 20. Tự mình kiểm soát mình. paṭimāse attam attanā 1 Tự mình dò xét mình. Hãy tự canh phòng và giác tỉnh. Hỡi So attagutto satimā - sukhaṁ Tỳ-khưu, con sẽ an lạc. 379. bhikkhu vihāhisi.

Chính ta là vị cứu tinh của ta

21. Attā hi attano nātho - attā 21. Chính ta, quả thật vậy, là hi attano gati người bảo vệ ta. Ta, quả vậy, là nương tựa của ta. Tasmā saññamay'attānaṁ - Vậy, hãy kềm chế lấy ta như assaṁ bhadraṁ'va vāṇijo.

thương khách kềm ngựa quý. 380.

Tích chuyện

Một nông dân nghèo, chỉ có mảnh vải rách đắp thân và cái cày để đi cày thuê, xin xuất gia. Nhiều lần thầy Tỳ-khưu ấy định huờn tục, nhưng cuối cùng lấy mảnh vải rách và cái cày làm đề mục, thầy cố gắng hành thiền và đắc quả A-La-Hán. Giảng về thành quả tốt đẹp của thầy Đức Phật đọc câu kệ trên.

Với phỉ lạc và niềm tin, hãy cố gắng thành đạt mục tiêu

22. Pāmojjabahulo bhikkhu - 22. Đầy phỉ lạc, đầy niềm tin pasanno buddhasāsane nơi giáo huấn của Phật, thầy Tỳ-khưu sẽ thành đạt Adigacche padam santaṁ - trạng thái an lành, sự tịch saṁkhārūpasamaṁ sukhaṁ. tịnh của những vật hữu lậu, hạnh phúc (tối thượng). 381.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khưu say mê phẩm hạnh của Đức Phật, cứ mãi ngồi chiêm ngưỡng dung nhan Ngài. Đức Phật khuyên không nên làm vậy và dạy rằng người nào thấy Giáo Pháp tức là thấy Phật. Vị tăng sĩ ấy bất mãn, trèo lên một tảng đá, toan từ đó nhảy xuống quyên sinh, Đức Phật thấy vậy xuất hiện trước mặt thầy. Gặp Đức Phật, thầy vượt qua cơn sầu và cảm thấy hoan hỉ. Nhơn cơ hội Đức Phật đọc lên câu kệ trên. Thầy Tỳ-khưu cố gắng hành thiền và về sau đắc quả A-La-Hán.

Dầu tuổi trẻ, nếu nhiệt thành với giáo pháp, thầy Tỳ-khưu có thể rọi sáng toàn thể thế gian

23. Yo have daharo bhīkkhu - 23. Dầu trẻ tuổi, thầy Tỳ- yuñjati buddhasāsane khưu để hết tâm trí vào Giáo Lý của Phật sẽ rọi sáng So imaṁ lokaṁ pabhāseti - thế gian này như mặt trăng abbhā mutto'va candimā. ra khỏi vừng mây. 382.

Tích chuyện

Đức Phật tuyên ngôn những lời trên khi tán dương một thầy Tỳ-khưu trẻ tuổi có nhiều oai lực thần thông.

-ooOoo-

26. BÀ-LA-MÔN 1 - BRĀHMAṆA VAGGA

Hãy làm người thấu suốt trạng thái vô tạo

1. Chinda sotaṁ 1. Hãy chuyên cần tinh tấn và parakkamma - kāmo đoạn dứt lòng 2, Hỡi Bà-La- panuda brāhmaṇa Môn, hãy xa lìa ái dục. Đã thấu

hiểu sự hoại diệt của các pháp Saṅkhārānaṁ khayaṁ hữu lậu, này Bà-La-Môn, hãy ñatvā akataññū' si làm người thông suốt (trạng brāhmaṇa. thái) vô tạo 3 (Niết-bàn). 383.

Tích chuyện

Một thiện tín có niềm tin dũng mãnh thường để bát cúng dường chư Tăng, và khi hầu chuyện với các thầy, thường nói "Kính bạch chư vị A-La-Hán". Các vị Tỳ-khưu khiêm

tốn không vui với cách xưng hô ấy nên không đến nhà vị thiện tín đó nữa. Ông thiện tín lấy làm buồn và đến hầu Phật để tìm xem tại sao chư sư không đến nhà mình. Các vị Tỳ-khưu trình bày lý do và Đức Phật giải thích rằng sở dĩ có sự xưng hô như vậy là vì ông thiện tín muốn tỏ ý tôn kính các thầy. Đức Phật khuyên các thầy nên kiên trì cố gắng để thành đạt đạo quả A-La-Hán bằng cách đoạn dòng ái dục.

Chú thích

1.- Bà-La-Môn - brāhmaṇa, thường được dùng như một danh từ có có tánh cách chủng tộc, chỉ một giai cấp chủng tộc, nhưng ở đây Bà-La-Môn là một vị Phật hay A-La-Hán.

2.- Dòng - sotaṁ, là dòng ái dục.

3.- Trạng thái Vô Tạo - là Niết-bàn, vì không có ai, không có cái gì tạo nên Niết-bàn. Niết- bàn là vô lậu, phát sanh không do nhân, bất tùy thế.

Hãy trau giồi tâm định và tuệ minh sát

2. Yadā dvayesu dhammesu - 2. Khi an trụ trong hai trạng pāragū hoti brāhmaṇo thái 1 vị Bà-La-Môn đạt đến Bờ Bên Kia 2, và tất cả mọi Atha'ssa sabbe saṁyogā - thằng thúc của "người atthaṁ gacchanti jānato. thông suốt" ấy đều tiêu tan. 384.

Tích chuyện

Có những thầy Tỳ-khưu từ phương xa đến hầu Phật. Đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) thấu hiểu rằng trong các vị ấy có vài người đủ thuần thục để đắc quả nên bạch hỏi Đức Phật về hai trạng thái mà Đức Phật hằng dạy. Để trả lời, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Hai trạng thái - là tâm định và tuệ minh sát (vipassanā)

2. Bờ Bên Kia - là thâu thập những năng lực tinh thần cao thượng (abhiññā, oai lực thần thông).

Bà-La-Môn là người không bị ràng buộc

3. Yassa pāraṁ apāraṁ vā 3. Người không còn bờ bên nầy - pārāpāraṁ na vijjati 1, hay bên kia 2, cũng không còn

cả hai bờ, bên nây và bên kia 3,

người thoát ly phiền não và Vītaddaraṁ visamyuttaṁ - không bị ràng buộc 4 - người ấy, tam ahaṁ brūmi Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 385. brāhmaṇaṁ.

Tích chuyện

Ma Vương giả dạng người đến hầu Đức Phật và bạch hỏi Ngài về bờ bên kia. Đức Phật nhận ra, bảo rằng Ma Vương không có gì liên hệ đến bờ bên kia và Ngài đọc câu kệ trên.

Chú thích

1.- Bờ bên nay - pāraṁ, là lục căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý.

2.- Bờ bên kia - apāraṁ, là lục trần: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

3.- Bên nầy và bên kia - không luyến ái điều gì như, "Ta" và "Của Ta".

4.- Không bị ràng buộc - Không dính mắc hay liên quan đến những dục vọng.

Bà-La-Môn là người hành thiền và trong sạch

4. Jhāyim virajam āsīnaṁ - 4. Người có hành thiền 1, vô katakiccaṁ anāsavaṁ nhiễm, và ẩn dật 2, người đã hoàn tất nhiệm vụ, và thoát ly Uttamatthaṁ anuppattaṁ - hoặc lậu 3, người đã thành đạt tam ahaṁ brūmi mục tiêu tối thượng 4 - người brāhmaṇaṁ. ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 386.

Tích chuyện

Một người trong giai cấp Bà-La-Môn để ý nghe Đức Phật thường gọi chư Tỳ-khưu, các đệ tử Ngài, là Bà-La-Môn và nghĩ rằng ông ta cũng đáng được xưng hô như thế vì vốn sanh trưởng trong một gia đình Bà-La-Môn. Ông đến bạch hỏi Đức Phật. Đức Phật giải đáp rằng người ta không trở thành Bà-La-Môn - tức thánh nhơn - vì sanh trưởng trong một gia đình ở giai cấp Bà-La-Môn mà vì người ta đã thành đạt Mục Tiêu Tối Thượng.

Chú thích

1.- Người có hành thiền - người có thực hành thiền an chỉ (samatha) và thiền minh sát (vipassanā).

2.- Ẩn dật - Asīnaṁ, sống một mình trong rừng.

3.- Thoát ly hoặc lậu - bằng cách chứng ngộ Tứ Đế và tận diệt thằng thúc. Xem Chú thích câu 226.

4.- Mục Tiêu Tối Thượng - tức là Niết-bàn.

Đức Phật rạng tỏ, ngày như đêm

5. Divā tapati ādicco - 5. Mặt trời chiếu sáng ban rattiṁ obhāti candimā ngày. Mặt trăng rạng tỏ ban đêm. Nhung giáp và gươm đao Sannaddho khattiyo tapati - chói sáng nhà vua 1 khi lâm jhāyī tapati brāhmaṇo trận. Lúc thiền định, hào quang của vị Bà-La-Môn 2 chiếu sáng. Atha sabbam ahorattiṁ - Nhưng, ngày như đêm, Đức Buddho tapati tejasā. Phật rực rỡ sáng lòa trong vinh hạnh. 387.

Tích chuyện

Đại đức A-Nan-Đa (Ānanda) nhận thấy một ông vua huy hoàng, một vị Tỳ-khưu ngồi hành thiền trong giảng đường, một cảnh bình minh, và một cảnh trời trăng sáng tỏ. Rồi Ngài nhìn thấy Đức Phật sáng lòa rực rỡ trong vinh hạnh. Khi Đại đức Ānanda bạch lại với Đức Phật những cảm tưởng khác nhau ấy, Đức Phật đọc lên câu kệ trên.

Chú thích

1.- Khattiya - ở đây Phạn ngữ này chỉ một vật gì có liên quan đến nhà vua.

2.- Bà-La-Môn - là một vị A-La-Hán.

3.- Giới đức của Đức Phật có oai lực sáng tỏ, làm lu mờ điều bất thiện. Đức hạnh (guṇa) của Ngài có oai lực làm lu mờ các tật xấu. Oai lực của trí tuệ (paññā) che lấp vô mình. Oai lực của công đức (puñña) che lấp tội khổ. Oai lực của chánh hạnh (dhamma) che lấp điều bất chánh. (Bản chú giải).

Là thánh nhơn vì đã xa lìa ác nghiệp

6. Bāhitapāpo' ti 6. Vì đã xa lìa ác nghiệp người brāhmaṇo - samacariyā ấy được gọi là brāhmana (Bà- samaṇo' ti vuccati La-Môn). Vì sống an tịnh 1 nên gọi là samana (Sa-môn). Vì dứt Pabbājay' attano malaṁ - bỏ ô nhiễm nên gọi là pabbajita tanmā pabbajito' ti vuccati. (tu sĩ ẩn dật, hay bậc xuất gia). 388.

Tích chuyện

Một đạo sĩ ở giáo phái khác đến gần Đức Phật và thỉnh cầu Đức Phật gọi ông là pabbajita, tu sĩ ẩn dật hay bậc xuất gia. Đức Phật đọc câu kệ trên để trả lời.

Chú thích

1.- Sống an tịnh - bằng cách chế ngự mọi ác nghiệp.

Chớ gây tổn hại một vị a la hán

7. Na brāhmaṇassa 7. Không nên đánh đập một vị pahareyya - n'āssa Bà-La-Môn 1, mà Bà-La-Môn muñcetha brāhmaṇo cũng không nên trút (nư giận) vào người đánh mình. Xấu hổ Dhī brāhmaṅsassa thay, người đánh đập một vị hantāraṁ - tato dhī yassa Bà-La-Môn! Càng xấu hổ hơn, muñcati. người để (cơn giận) bộc lộ. 389.

A-La-Hán không trả thù

8. Na brāhmaṇass' 8. Đối với Bà-La-Môn, tánh etadakiñci seyyo - yadā (không trả thù) ấy là một lợi nisedho manaso piyehi ích không. Khi tâm không còn được những vật thân yêu nuôi Yato yato hiṁsamano dưỡng, bao giờ lòng muốn hai nivattati tato tato người chấm dứt, chừng ấy, và sammatimeva dukkhaṁ. chỉ chừng ấy, phiền não mới được chế ngự. 390.

Tích chuyện

Ngày kia ông Bà-La-Môn nọ đánh Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) để xem Ngài hành pháp nhẫn nại đến mức độ nào. Vị đại đệ tử của Đức Phật không giận. Thay vì trả thù, Ngài tha lỗi và đến nhà ông độ thực. Đức Phật tán dương đức nhẫn nại phi thường ấy và giải thích tác phong của một vị Bà-La-Môn (A-La-Hán) thật sự.

Chú thích

1.- Bà-La-Môn - ở đây được dùng theo nghĩa A-La-Hán.

Thật sự Bà-La-Môn là người thận trọng thu thúc

9. Yassa kāyena vācā ya - 9. Người không tạo ác manasā natthi dukkataṁ nghiệp bằng thân, khẩu, hay ý, người tự điều chế trong Saṁvutaṁ tīhi ṭhānehi - tam ba lối hành động ấy - người ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. ấy, Như Lai gọi là Bà-La- Môn. 391.

Tích chuyện

Vài ba tu nữ không chịu làm lễ phát lồ với nữ tu sĩ Đại đức Mahā Pajāpati Gotamī vì còn nghi ngờ tư cách Tỳ-khưu ni của bà. Đức Phật giải thích và khuyên các bà tu nữ ấy chớ nên hoài nghi một người đã dập tắt mọi dục vọng, người đã thận trọng thu thúc ba cửa (thân, khẩu, ý).

Hãy tôn kính những bậc đáng kính

10. Yamhā dhammaṁ 10. Nhờ ai ta thông hiểu vijāneyya giáo lý mà bậc Toàn Giác đã sammāsambuddhadesitaṁ thuyết giảng, người ấy, ta

phải thành kính tôn thờ Sakkaccaṁ taṁ namasseyya như Bà-La-Môn thờ lửa aggihuttaṁ'va brāhmaṁo. thần. 392.

Tích chuyện

Đại đức Assaji là người đầu tiên thuyết giảng Giáo Pháp cho Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta). Để tỏ lòng tôn kính người đã khai thông trí tuệ cho mình, mỗi khi đi ngủ Đại đức Xá-Lợi-Phất quay mình về hướng của Đại đức Assaji đang ở và đảnh lễ. Thấy vậy, vài vị Tỳ-khưu lầm tưởng là Ngài lạy bốn phương tám hướng theo một vài đạo giáo khác nên bạch lại với Đức Phật. Đức Phật giải thích thái độ đáng được tán dương của một người học trò biết ơn thầy.

Trong sạch thay, người chơn thật và chánh hạnh

11. Na jaṭāhi na gottena - 11. Không phải vì thắt tóc bính, na jaccā hoti brāhmaṇo cũng không vì thọ sanh (trong giai cấp nào), hay do gia tộc, mà Yamhi saccañ ca người ta trở thành Bà-La-Môn. dhammos ca so sucī so ca Nhưng ai có đủ cả hai, chơn lý 1 brāhmaṇo. và chánh hạnh 2, người ấy quả thật trong sạch, quả thật Bà-La- Môn. 393.

Tích chuyện

Một người thuộc giai cấp Bà-La-Môn đến gần Đức Phật và thỉnh cầu Ngài gọi ông là Bà-La-Môn cũng như người ta gọi chư vị Tỳ-khưu. Đức Phật nói lên những lời trên.

Chú thích

1.- Có chơn lý - tức là chứng ngộ Tứ Đế.

2.- Chánh hạnh - danh từ Dhamma ở đây chỉ chín trạng thái siêu thế: Bốn Đạo, bốn Quả, và Niết-bàn.

Hãy thanh tịnh bên trong

12. Kiṁ te jaṭāhi dummedha - 12. Này hỡi người kém trí, kiṁ te ajinasāṭiyā thắt tóc bính ích gì? Mặc y phục bằng da dê ích gì? Bên Abbhantaraṁ te gahaṇaṁ - trong còn đầy dục vọng, bên bāhiraṁ parimajjasi. ngoài lại điểm tô 1. 394.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ trên khi đề cập đến một đạo sĩ đang mưu toan giết con kỳ đà.

Chú thích

1.- Tô điểm bề ngoài - với những vật sở hữu và những đồ dùng của một đạo sĩ.

Bà-La-Môn là người hành thiền trong rừng một mình

13. Paṁsukūladharaṁ jantuṁ 13. Người đắp y vá quàng 1, - kisaṁ dhamanisanthataṁ gầy ốm, gân lộ (dưới lớp da), người hành thiền một Ekaṁ vanasmiṁ jhāyantaṁ mình trong rừng - người ấy, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 395.

Tích chuyện

Đại đức Kisā Gotamī, đắp bộ y vá quàng may bằng giẻ rách lượm ở các đống rác, đi vào rừng hành thiền và từ rừng, bay về đảnh lễ Đức Phật. Thấy vua Trời Đế-Thích, cũng đến hầu Phật, bà vái chào rồi ra về. Vua Trời Đế-Thích bạch hỏi Đức Phật về bà. Để giải đáp, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1.- Y vá quàng - y may bằng giẻ vụn.

Bà-La-Môn là người không tài sản và không luyến ái

14. Na c' āhaṁ brāhmaṇaṁ 14. Như Lai không gọi là Bà- brūmi yonijaṁ La-Môn chỉ vì người ấy được mattisambhavaṁ sanh ra từ thai bào (của một người ở giai cấp Bà-La-Môn), Bhovādi nāma so hoti - sa ce hay có mẹ (là Bà-La-Môn). hoti sakiñcano Người ấy chỉ là "Bhovādi" nếu tâm còn chướng ngại. Người Akiñcanaṁ anādānaṁ - tam đã thoát ly chướng ngại, thoát ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. ly luyến ái - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 396.

Tích chuyện

Một người dòng dõi Bà-La-Môn muốn Đức Phật gọi là "brāhmana", Bà-La-Môn. Đức Phật trả lời với những lời trên.

Chú thích

1.- Bhovādi - Bho là một hình thức xưng hô thông thường mà chính Đức Phật cũng thường dùng khi nói chuyện với người cư sĩ, thiện tín. Bhovādi có nghĩa là người đối thoại thân mến.

Bà-La-Môn là người tận diệt mọi thắng thúc

15. Sabasañño janam chetvā - 15. Người đã cắt đứt mọi yo ve na paritassati thắng thúc, người không còn run sợ, đã vượt hẳn ra Saṅgātigaṁ visaṁyuttaṁ - khỏi mọi ràng buộc, không tam ahaṁ brñmi brāhmaṇaṁ. dính mắc - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 397.

Tích chuyện

Đức Phật nói lên những lời trên khi có vài vị tăng sĩ bạch với Ngài rằng Đại đức Uggasena, vốn đã đắc quả A-La-Hán, nói mình không còn sợ.

Bà-La-Môn là người không sân hận

16. Chetvā naddhiṁ 16. Người đã cắt đứt dây varattañ ca sandāmaṁ cương (sân hận), dây thừng sahanukkamaṁ (luyến ái), và dây nọng (tà kiến), cùng các món đồ bắt kế UkkhittaPaḷighaṁ buddhaṁ (những khuynh hướng còn tam ahaṁ brūmi ngủ ngầm), vứt bỏ cây trục (vô brāhmaṇaṁ. minh), người đã giác ngộ 1 (Phật) - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 398.

Tích chuyện

Hai người cãi nhau vì ai cũng cho rằng con bò của mình mạnh hơn. Để tranh hơn thua, hai người chất cát đầy xe rồi bắt bò kéo. Xe không nhúc nhích mà dây, thừng đều đứt. Các vị Tỳ-khưu nhìn thấy về bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên các thầy nên tận diệt những thừng, dây của tâm mình.

Chú thích

1. Người đã giác ngộ - người đã thấu triệt Tứ Diệu Đế.

Bà-La-Môn là người nhẫn nại

17. Akkhosaṁ vadhabandhañ 17. Người không tức giận, ca aduṭṭho yo titikkhati chịu đựng lời khiển trách, roi vọt, và hình phạt, người Khantibalaṁ balāṇīkaṁ - tam lấy hạnh nhẫn nhục làm ahaṁ brūmi brāhamaṇaṁ. quân lực (để bảo vệ mình) người ấy, Như Lai gọi là Bà- La-Môn. 399.

Tích chuyện

Một thiếu phụ nọ có thói quen đọc hồng danh Đức Phật mỗi khi có chuyện không may xảy đến. Ông chồng phản đối, nhưng bà vẫn không bỏ thói quen ấy. Người chồng tức giận, chạy đi tìm Đức Phật và nêu lên vài câu hỏi. Lối giải đáp của Đức Phật bộc lộ một đức nhẫn nại phi thường, làm người chồng nóng giận kia dịu dần, xin theo Đức Phật, và thọ lễ xuất gia. Mấy người anh của ông hay tin, đến lăng mạ Đức Phật và chất vấn Đức Phật tại sao quyến rũ ông. Đức Phật nhẫn nại trước những lời nguyền rủa và giảng Pháp cho các ông ấy. Rốt cùng, các ông ấy cũng xin quy y. Khi các vị Tỳ-khưu tán dương hạnh nhẫn nại của Đức Phật. Ngài đọc lên câu kệ trên.

Bà-La-Môn là người không nóng giận

18. Akkodhanaṁ vatavantaṁ 18. Người không nóng giận, - sīlavantaṁ anussutaṁ làm tròn nhiệm vụ 1, giới hạnh trang nghiêm, thoát Dantaṁ antimasārīraṁ - tam khỏi ái dục, tự điều chế, và ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. mang xác thân này lần cuối cùng 2 - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 400.

Tích chuyện

Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) bị mẹ già quở mắng vì bỏ nhà đi tu, nhưng Ngài nhẫn nại chịu đựng. Khi nghe thuật lại hạnh phúc nhẫn nhục của vị đệ tử mình, Đức Phật đọc lên những lời trên.

Chú thích

1. Làm tròn nhiệm vụ - Thận trọng tự khép mình vào khuôn khổ khắt khe của đời sống đạo hạnh.

2. Mang xác thân này lần cuối cùng - bởi vì, đã tận diệt mọi dục vọng, người ấy không còn tái sanh nữa.

Bà-La-Môn không luyến ái dục lạc

19. Vāripokkharapatt' eva - 19. Như nước trên lá sen, āragger' iva sāsapo như hột cải trên đầu mũi kim, không luyến ái dục lạc Yo na limpati kāmesu - tam - người ấy, Như Lai gọi là ahaṁ būmi brāhmaṇāṁ. Bà-La-Môn. 401.

Tích chuyện

Khi bà Tỳ-khưu Ni A-La-Hán nọ bị một người trước kia có thương bà, hãm hiếp, chư Tỳ-khưu bắt đầu nghi ngờ rằng chư vị A-La-Hán còn có thể bị dục lạc cám dỗ. Đức Phật giải thích trạng thái của các Ngài.

Bà-La-Môn là người đã bỏ gánh nặng xuống

20. Yo dukkhassa pajānāti - 20. Ở đây, trên thế gian này, idh' eva khayam attano người chứng ngộ sự tận diệt phiền não của mình, Pannabhāraṁ visamyuttaṁ người bỏ gánh nặng 1 xuống tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. bên đàng, và siêu thoát 2 người ấy, Như Lai gọi là Bà- La-Môn. 402.

Tích chuyện

Trước khi có sắc luật liên quan đến lễ xuất gia của những người thuộc giai cấp cùng đinh, một người nô lệ thuộc quyền sở hữu của gia đình Bà-La-Môn nọ bỏ trốn, xin thọ lễ xuất gia với Đức Phật, và sớm đắc quả A-La-Hán. Một hôm, ông Bà-La-Môn thấy vị Tỳ-khưu - trước kia là nô lệ nhà

ông - đi trì bình ngoài đường, liền nắm y lại. Đức Phật giải thích cho ông rõ rằng người nô lệ ấy đã bỏ gánh nặng lại bên đàng và Ngài tuyên ngôn như trên.

Chú thích

1. Gánh nặng - là gánh nặng của ngũ uẩn.

2. Siêu thoát - thoát ly, ra khỏi mọi ô nhiễm.

Bà-La-Môn là người đã đạt mục tiêu cùng tột

21. Gambhīrapaññam 21. Người có tri kiến thâm medhāviṁ maggāmaggassa diệu, có trí tuệ, thấu hiểu kovidaṁ đường chánh nẻo tà 1, người đã thành đạt mục tiêu tối Uttamatthaṁ anuppattaṁ - thượng - người ấy, Như Lai tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. gọi là Bà-La-Môn. 403.

Tích chuyện

Đại đức Tỳ-khưu Ni Khemā đến đảnh lễ Đức Phật và, thấy Vua Trời Đế-Thích, bà ra về. Trời Đế- Thích bạch hỏi Đức Phật về bà. Đức Phật giải thích rằng đó là một tín nữ của

Ngài có nhiều trí tuệ.

Chú thích

1. Thấu hiểu đường chánh nẻo tà - là hiểu rõ đường nào dẫn đến khổ cảnh, đường nào dẫn đến nhàn cảnh và con đường dẫn đến Niết-bàn.

Bà-La-Môn là người không trìu mến

22. Asaṁsaṭṭhaṁ gahaṭṭhehi 22. Người không thân thiết - anāgārehi c'ūbhayaṁ với hàng tại gia cũng như xuất gia, du phương đó đây, Anokasāriṁ appicchaṁ - tam không có một nơi ở nhứt ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. định, người không còn tham muốn - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 404.

Tích chuyện

Thầy Tỳ-khưu nọ sống trong một hang đá. Vị thần, trước kia cũng ở đó, tìm chuyện phao vu để đuổi thầy ra khỏi nơi ấy. Vị tăng sĩ không giận. Trái lại, nhờ một lời nói của vị thần khuyến khích, thầy cố gắng thành đạt đạo quả A-La-Hán. Về sau, thầy trở về hầu Phật và bạch rõ tự sự. Đức Phật khuyên dạy những lời trên.

Bà-La-Môn là người không gây tổn thương cho bất luận ai

23. Nidhāya daṇḍaṁ bhūtesu - 23. Người đã rời bỏ gậy gộc tasesu thāveresu ca trong sự tiếp xúc với chúng sanh mạnh hay yếu, không sát sanh, cũng không gây

tổn thương - người ấy, Như o na hanti na ghāteti - tam Lai gọi là Bà-La-Môn. 405. ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

Tích chuyện

Một vị tăng sĩ đã đắc quả, từ trong rừng trở về hầu Phật. Một thiếu phụ, có chuyện cãi vã với chồng, bỏ nhà, cũng vào đám rừng ấy và muốn trở về cha mẹ. Ông chồng thấy mất vợ, vào rừng tìm, thấy bà vợ đi theo sau vị A-La-Hán. Ông sanh lòng ganh tỵ, đánh đập vị A-La-Hán túi bụi, mặc dầu bà vợ hết lòng bào chữa van lơn. Về sau vị A-La-Hán bạch lại cho Đức Phật rõ câu chuyện. Đức Phật dạy những lời trên.

Bà-La-Môn là người thân hữu giữa đám đông thù nghịch

24. Aviruddhaṁ viruddhesu - 24. Thân hữu giữa những attadaṇḍesu nibbutaṁ người thù nghịch, ôn hòa giữa đám hung hăng, không Sādānesu anādānaṁ - tam luyến ái 1 giữa đám đông ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. người cố chấp - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 406.

Tích chuyện

Một bà tín nữ thỉnh năm vị sư về nhà trai Tăng. Đúng theo lời, năm vị Sa-di đến nhà bà thọ thực. Nhưng, vì bà thí chủ chỉ muốn thỉnh những vị Tỳ-khưu nên bà không vui, tỏ vẻ không tôn kính và không dâng cúng vật thực. Về sau bà mới nhận ra phẩm hạnh của các vị Sa-di, mặc dầu không được tiếp đãi nồng hậu, vẫn không hề tỏ ra bất mãn. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật dạy những lời trên.

Chú thích

1. Không luyến ái - những người không bám víu vào thân ngũ uẩn.

Bà-La-Môn là người lánh xa mọi khát vọng

25. Yassa rāgo ca doso ca - 25. Người mà tham lam, sân māno makkho ca pātito hận, ngã mạn, phỉ báng (không bám vào được), lả tả Sāsaporiva āraggā tam ahaṁ rơi như hột cải để đầu mũi brūmi brāhmaṇaṁ. kim - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 407.

Tích chuyện

Một vị A-La-Hán khuyên người em Tỳ-khưu nên hườn tục, vì học mãi một câu kinh trong bốn tháng trời mà không thuộc. Những thầy Tỳ-khưu khác nghĩ chắc vị A-La-Hán kia nóng giận vì thấy em không thuộc được một câu kinh. Đức Phật giải thích rằng chư vị A-La-Hán không còn cảm xúc nữa và vị kia khuyên em như vậy chỉ vì lòng tôn kính Giáo Pháp.

Chú thích

1. Xem câu 25.

Bà-La-Môn là người không xúc phạm đến ai

26. Akakkasaṁ viññāpaṇiṁ - 26. Nói lời êm dịu, hiền hòa, giraṁ saccam udīraye xây dựng, chơn thật, và không xúc phạm đến ai - Yāya n'ābhisaje kiñci - tam người ấy, Như Lai gọi là Bà- ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. La-Môn. 408.

Tích chuyện

Một vị A-La-Hán kia có thói quen nói chuyện với ai cũng dùng lời xưng hô như khi nói với người ở giai cấp cùng đinh. Các thầy Tỳ-khưu phản đối và bạch với Đức Phật. Đức Phật giải thích rằng vị ấy không có ý định xấu mà đó chỉ là một tiền khiên tật, một thói quen có năng lực dồi dào, chuyển từ kiếp sống quá khứ sang kiếp hiện tại. Và Đức Phật đọc câu kệ trên.

Bà-La-Môn là người không trộm cắp

27. Yo' dha dīghaṁ va 27. Trên thế gian này, người rassaṁ vā- aṇuṁ thālaṁ không lấy cái gì mà không subhāsubhaṁ được cho đến, dầu dài hay ngắn, lớn hay nhỏ, tốt đẹp hay Loke adinnaṁ nā diyati - hư hỏng - người ấy, Như Lai tam ahaṁ brūmi gọi là Bà-La-Môn. 409. brāhmaṇaṁ.

Tích chuyện

Một vị A-La-Hán thấy miếng vải bỏ rơi dưới đất, vừa lượm lên thì người chủ khúc vải nhận thấy, tri hô Ngài lấy trộm. Vị A-La-Hán giải thích rằng Ngài không có ý định trộm cắp và trao vải lại cho chủ. Nhưng người kia đem câu chuyện thuật cho các vị khác, và các vị ấy cười chê. Đức Phật giải thích rằng chư vị A-La-Hán không khi nào còn trộm cắp của người khác.

Bà-La-Môn là người không tham vọng

28. Āsā yassa na vijjani - 28. Người không tham muốn asmiṁ loke paramhi ca điều gì trong thế gian này hay ở thế gian tới, người không Nirāsayaṁ visamyuttaṁ - còn tham vọng, và siêu thoát - tam ahaṁ brūmi người ấy, Như Lai gọi là Bà- brāhmaṇaṁ. La-Môn. 410.

Tích chuyện

Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) an cư kiết hạ ở một nơi nọ cùng với nhiều vị Tỳ-khưu khác. Khi ra hạ, Ngài khuyên các vị kia nên nhường các bộ y thiện tín đã dâng cho những nhà sư trẻ tuổi và các vị Sa-di. Rồi Ngài ra đi, trở về hầu Đức Phật. Lúc ấy các vị kia hiểu lầm, tưởng Đại đức Xá-Lợi- Phất còn lòng tham muốn. Đức Phật giải thích thái độ của người đã đắc quả A-La-Hán như Đại đức Xá-Lợi-Phất.

Bà-La-Môn là người không còn luyến ái

29. Yassālayā na vijjanti - 29. Người không còn tham ái, aññāya akathaṁkathī người, do nhờ tri kiến, đã thành đạt bước tiến vững chắc trong Amatogadhaṁ (trạng thái) Bất Tử (Niết-bàn) - anuppattaṁ tam ahaṁ người ấy, Như Lai gọi là Bà-La- brūmi brāhmaṇaṁ. Môn. 411.

Tích chuyện

Một câu chuyện tương tợ như chuyện trên xảy đến cho Đại đức Mục-Kiền-Liên (Moggallāna).

Bà-La-Môn là người đã vượt khỏi thiện và ác

30. Yo' dha puññañ ca 30. Ở đây, người đã vượt khỏi pāpañ ca ubho saṇgaṁ cả hai điều, thiện và ác, và các upaccagā ràng buộc 1, người không ưu phiền, không ô nhiễm, và thanh Asakaṁ virajaṁ suddhaṁ - tịnh - người ấy, Như Lai gọi là tam ahaṁ brūmi Bà-La-Môn. 412. brāhmaṇaṁ.

Tích chuyện

Khi các vị Tỳ-khưu tỏ lời thán phục và tán dương công đức của Đại đức Revata, Đức Phật ghi nhận rằng Đại đức Revata đã vượt lên khỏi điều ác và điều thiện.

Chú thích

1. Ràng buộc - là tham, sân, si, ngã mạn và tà kiến.

Bà-La-Môn là người trong sạch

31. Candaṁ' va vimalaṁ 31. Người không bợn nhơ, suddhaṁ vippasannaṁ như mặt trăng, người thanh anāvilaṁ tịnh, vắng lặng và không chao động 1, người đã tuyệt Nandībhavaparikkhīṇaṁ - tam trừ ái dục để trở thành 2 - ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. người ấy, Như Lai gọi là Bà- La-Môn. 413.

Tích chuyện

Do thiện nghiệp đã tạo trong quá khứ, người nọ có được một đặc điểm lạ thường là từ rún phát sanh ánh sáng tương tợ như ánh sáng mặt trăng. Nhưng khi ông đến hầu Phật

thì ánh sáng ấy tự nhiên tan mất. Ông bạch hỏi Đức Phật vì sao. Đức Phật hứa sẽ giải đáp chừng nào ông xuất gia. Về sau ông thọ lễ xuất gia và đắc đạo quả A-La-Hán. Lúc ấy Đức Phật đọc lên câu kệ trên.

Chú thích

1. Không chao động - bởi những ô nhiễm.

2. Để trở thành - tức Hữu (bhava). Ái dẫn đến thủ và Hữu.

Bà-La-Môn là người không bám bíu vào điều chi

32. Yo imaṁ Paḷipathaṁ 32. Người đã thoát ra khỏi vũng duggaṁ saṁsāraṁ lầy này 1, con đường khó khăn moham accagā này 2, đại dương của đời sống (samsāra), và si mê 3, người đã Tiṇṇo pāragato jhāyī - xuyên qua 4, và đi khỏi, người có anejo akathaṁ kathī suy niệm, thoát ly khỏi ái dục và hoài nghi, người không bám bíu Anupādāya nibbuto - vào điều chi, đã thành đạt Niết- tam ahaṁ brūmi bàn - người ấy, Như Lai gọi là Bà- brāmaṇaṁ. La-Môn. 414.

Tích chuyện

Đức Phật tuyên ngôn như trên khi đề cập đến vị A-La-Hán Sivāli, người đã phải chịu đau đớn lâu dài khi còn ở trong lòng mẹ.

Chú thích

1. Vũng lầy này - đó là vũng lầy của tham ái v.v...

2. Con đường này - là con đường của dục vọng.

3. Si mê - những gì che lấp, không cho ta thấy Tứ Diệu Đế.

4. Đã xuyên qua - tức người đã vượt qua bốn trận lụt lội là ái dục, hữu, tà kiến và vô minh.

Bà-La-Môn là người đã dứt bỏ dục lạc

33. Yo' dha kāme pahatvāna 33. Trên thế gian này, người - anāgāro paribbaje dứt bỏ dục lạc, từ khước đời sống trần gian và trở thành Kāmabhavaparikkīṇaṁ - người không nhà cửa, người tam ahaṁ brūmi đã tuyệt trừ dục lạc và hữu - brāhmaṇaṁ. người ấy, Như Lai gọi là Bà- La-Môn. 415.

Tích chuyện

Cô gái giang hồ nọ cố gắng cám dỗ một thầy Tỳ-khưu trẻ tuổi, xuất thân từ một gia đình giàu có, nhưng cô thất bại. Đức Phật đọc những lời trên để khen ngợi thầy Tỳ-khưu ấy.

Bà-La-Môn là người dứt bỏ ái dục

34. Yo' dha taṇhaṁ 34. Trên thế gian này, người pahatvāna anāgāro dứt bỏ dục lạc, từ khước đời paribbaje sống trần gian và trở thành người không nhà cửa, người Taṇhābhavaparikkhīṇaṁ - đã tuyệt trừ dục lạc và hữu - tam ahaṁ brūmi người ấy, Như Lai gọi là Bà- brāhmaṇaṁ. La-Môn. 416.

Tích chuyện

Một người giàu sang nọ từ bỏ thế gian, thọ lễ xuất gia và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật đọc những lời trên chỉ rằng vị kia không còn luyến ái tài sản, vợ con.

Bà-La-Môn là người đã tách rời mọi ràng buộc

35. Hitvā mānusakaṁ 35. Người tách rời mọi ràng yogaṁ - dibbaṁ yogaṁ buộc trong cảnh người và upaccagā vượt khỏi những thằng thúc của cảnh Trời, thoát ly mọi hệ Sabbayogavisamyuttaṁ - lụy - người ấy, Như Lai gọi là tam ahaṁ brūmi Bà-La-Môn. 417. brāhmaṇaṁ.

Tích chuyện

Khi có người hỏi, một thầy Tỳ-khưu, trước kia hành nghề khiêu vũ, trả lời rằng thầy không còn mảy may nào ham muốn khiêu vũ. Giảng về sự thay đổi nếp sống và sự thành đạt đạo quả của thầy, Đức Phật phật dạy những lời trên.

Bà-La-Môn là người đã dứt bỏ ưa và ghét

36. Hitvā ratiñ ca aratiñ ca - 36. Người đã dứt bỏ ưa 1 và sītibhūtaṁ nirūpadhiṁ ghét 2, thản nhiên, không ô nhiễm 3, người đã khắc phục Sabbalokābhibhuṁ virāṁ - thế gian 4, và kiên trì cố gắng - tam ahaṁ brūmi người ấy, Như Lai gọi là Bà- brāhmaṇaṁ. La-Môn. 418.

Tích chuyện

Một câu chuyện tương tợ như chuyện trên.

Chú thích

1. Ưa - tức luyến ái, đeo níu theo dục lạc.

2. Ghét - arati, là không ưa đời sống cô độc trong rừng (bản chú giải)

3. Ô nhiễm - upadhi, có bốn loại upadhi (ô nhiễm) là: uẩn (khandha), dục vọng (kilesa), hoạt động có tác ý (abhisaṁkhāra) và dục lạc (kāma).

4. Thế gian - đó là thế gian ngũ uẩn.

Bà-La-Môn là người không trìu mến

37. Cutiṁ yo vedi sattānaṁ - 37. Người biết rõ sự chết và upapattiñ ca sabbaso sự tái sanh của chúng sanh, không trìu mến, thiện thệ 1 Asattaṁ sugataṁ buddhaṁ và giác ngộ 2 - người ấy, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 419.

Bà-La-Môn là người đã đắc quả A-La-Hán

38. Yassa gatiṁ na jānanṛti - 38. Người mà không có vị devā gandhabbamānusā Trời, hay vị Gandhabba 3, hay người, nào biết rõ đã Khīṇāsavaṁ arahantaṁ - tam thọ sanh về đâu, người đã ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. tận diệt mọi ô nhiễm và đã dập tắt mọi dục vọng (A-La- Hán) - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 420.

Tích chuyện

Người nọ tên Vangīsa có biệt tài biết được một người chết tái sanh đi đâu khi gõ nhẹ vào cái sọ của người chết. Ngày kia ông đến nơi Phật ngự và nói đúng tất cả mọi trường hợp, ngoại trừ trường hợp của một vị A-La-Hán đã viên tịch. Ông không thể biết được vị ấy đi về đâu, bà bạch hỏi Đức Phật ông phải làm thế nào để biết. Đức Phật nói nếu ông xuất gia Ngài sẽ chỉ dạy. Vì muốn biết, ông nọ xin thọ lễ xuất gia và sớm đắc quả A-La-Hán. Đức Phật dạy câu trên khi nhắc đến ông.

Chú thích

1. Thiện thệ - sugataṁ, người có cuộc hành trình toàn hảo. Trong thực tế, người có sự ra đi tốt đẹp, tức là đi về Niết-bàn.

2. Giác ngộ - buddhaṁ, người đã thấu triệt Tứ Diệu Đế.

3. Gandhabba - Càn-Thác-Bà, là một hạng chúng sanh ở cảnh Trời.

Bà-La-Môn là người không ao ước gì

39. Yassa pure ca pacchā ca - 39. Người không bám bíu majjye ca natthi kiñcanaṁ vào ngũ uẩn quá khứ, vị lai, hay hiện tại, người không Akiñcanaṁ anādānaṁ - tam bám bíu và nắm chắc - ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. người ấy, Như Lai gọi là Bà- La-Môn. 421.

Tích chuyện

Một bà vợ có tâm đạo rất nhiệt thành được chồng cho phép xuất gia Tỳ-khưu ni và đắc quả A-La- Hán. Ngày kia ông chồng, cũng đã thành đạt đạo quả A-Na-Hàm (Anāgāmi, Bất Lai), đến gần bà và nêu lên nhiều câu hỏi khó về Giáo Pháp để thử khả năng. Bà giải đáp thỏa đáng tất cả những câu hỏi. Khi ấy ông chồng hỏi thêm về những câu ngoài phạm vi hiểu biết của bà. Bà dẫn đến Đức Phật. Nghe những lời giải đáp của bà, Đức Phật khen ngợi với câu kệ trên.

Bà-La-Môn là người đã giác ngộ

40. Usabhaṁ pavaraṁ vīraṁ - 40. Người vô úy 1, cao mahesiṁ vijitāvinaṁ thượng, anh dũng, đại hiền thánh 2, người đã khắc phục Anejaṁ nahātakaṁ buddhaṁ 3, không còn dục vọng,

tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. người đã rửa sạch 4 mọi nhiễm ô), đã giác ngộ 5 người ấy, Như Lai gọi là Bà- La-Môn. 422.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ trên khi nhắc đến đức vô úy của Ngài Angulimāla.

Chú thích

1. Vô úy - usabhaṁ là con trâu cổ. Ý nói người vô úy, không sợ sệt, giống như con trâu cổ.

2. Đại hiền thánh - mahesiṁ, người tìm giới, định, tuệ cao thượng.

3. Người đã khắc phục - vijitāvinaṁ, người đã khắc phục mọi dục vọng.

4. Người đã rửa sạch - nahātakam, người đã thanh lọc mọi ô nhiễm.

5. Giác ngộ - buddhaṁ, người đã thông suốt Tứ Diệu Đế.

Bà-La-Môn là người tự làm cho mình trở nên toàn thiện

41. Pubbenivāsaṁ yo vedī 41. Bậc hiền thánh đã thấu hiểu - saggāpāyañ ca passati chỗ ở trước của mình, đã thấy những cảnh nhân 1, và khổ 2, đã Atho jātikkhayaṁ patto - đến mức tận cùng của mọi kiếp abhiññā vosito muni sống 3, người đã, với trí tuệ cao siêu, tự mình cải tiến 4 và hoàn Sabbavositavosānaṁ - tất 5 đời sống phạm hạnh thiêng tam ahaṁ brūmi liêng), và chấm dứt mọi dục brāhmaṇaṁ. vọng - người ấy, Như Lai gọi là Bà-La-Môn. 423.

Tích chuyện

Một lần nọ Đức Thế Tôn bị nhức mỏi vì bệnh phong thấp. Một thiện tín lo nấu nước nóng cho Ngài tắm. Khi bệnh tình của Đức Phật đã được bình phục, vị thiện tín đến bạch hỏi Ngài vật cúng dường phải dâng đến cho hạng người như thế nào để được quả phước dồi dào. Để giải đáp, Đức Phật đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Nhàn cảnh - sagga, là sáu cảnh Trời Dục, mười sáu cảnh Trời Sắc Giới và bốn cảnh Trời Vô Sắc.

2. Cảnh khổ - apāya, là bốn trạng thái bất hạnh.

3. Mức tận cùng của mọi kiếp sống - jātikkhayaṁ tức là đạo quả A-La-Hán.

4. Tự mình cải tiến - abhiññāvosito, tức là đến mức cùng tột, bằng cách thông suốt những điều phải được thông suốt, xa lìa những điều phải được xa lìa, chứng ngộ những gì phải được chứng ngộ, và trau dồi những gì phải được trau dồi. (Theo bản chú giải).

5. Hoàn tất - sabbavositavosānaṁ tức là sống đời phạm hạnh thiêng liêng dẫn đến mức tận cùng là tuệ giác có liên quan đến con đường A-La-Hán, chấm dứt mọi dục vọng.

-ooOoo-

Hạnh phúc thay, chư Phật giáng sinh!
Hạnh phúc thay, Giáo Pháp cao minh!
Hạnh phúc thay, Tăng Già hòa hiệp!
Hạnh phúc thay, Tứ Chúng đồng tu!
-ooOoo-

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Minh Tịnh, Tỳ kheo Thiện Minh, và Bác Phạm Kim Khánh đã gửi tặng bản vi tính và các tư liệu cần thiết để thực hiện ấn bản Internet này (Bình Anson, 01-2004).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.